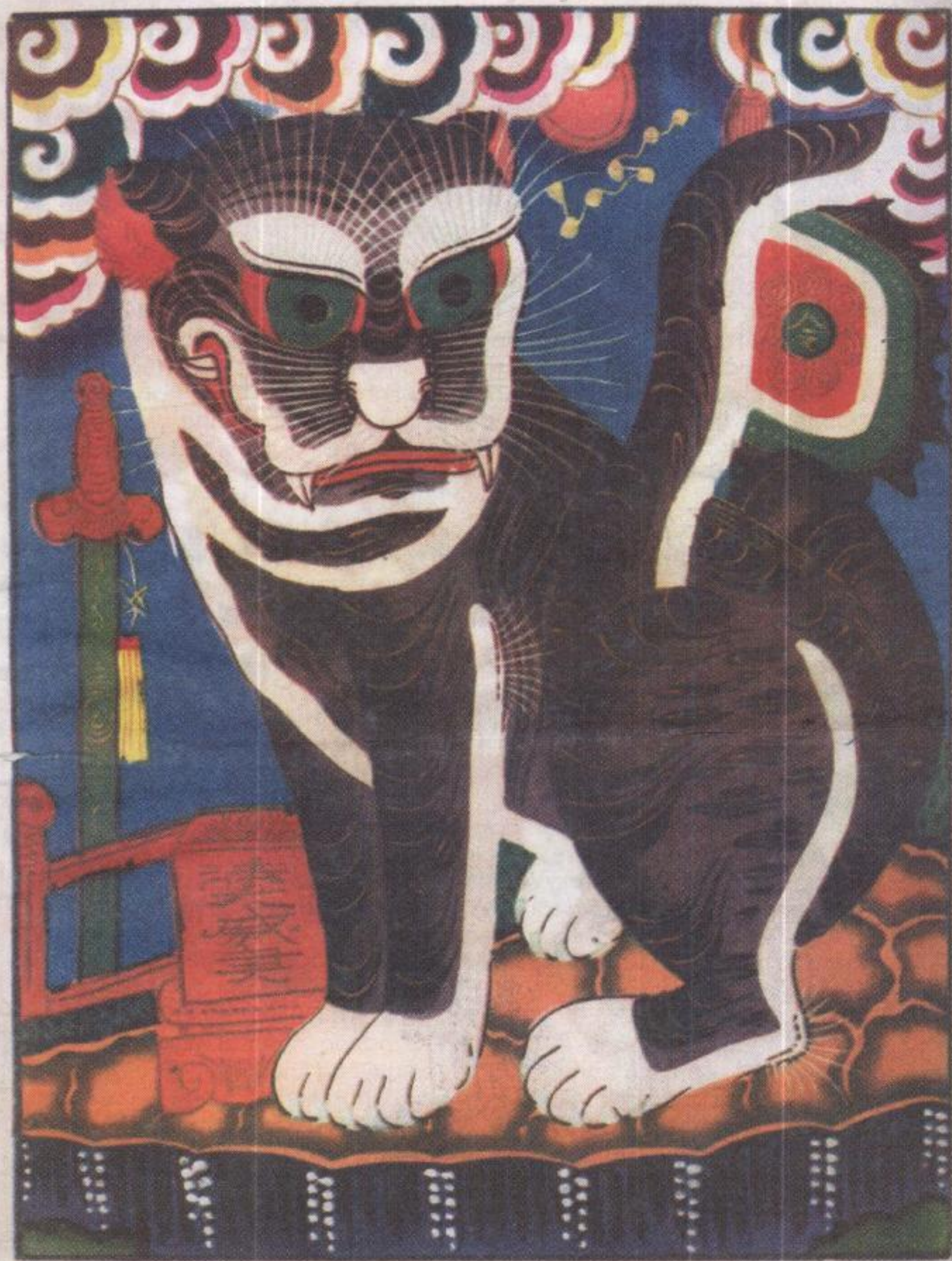


Khởi Hành



Thần Cọp Đen, Hắc Hổ Thần Tướng, tranh làng Đông Hồ

HƯ CHU Gã Nguyễn Nàng Thơ với thơ **CHU MANH TRINH** ■ **NGUYỄN TÀ CÚC** Một cuốn sách cũ tám tác giả ■ **MẶC ĐỒ** Giao thừa 2010 ■ **VŨ PHƯƠNG ĐỀ** Cọp báo số mệnh cho người ■ Chờn Pháp **NGUYỄN HỮU HIỆU** Hồ / Tuổi Dân ■ **PHẠM KHẮC HÀM** Cuộc đấu tranh quốc cộng say 75 tại Miền Nam ■ **NGUYỄN QUAN HÀ / CAO TIÊU** Câu đối Tết ■ **VIÊN LINH** Đón Tết Canh Dần ■ **NGUYỄN TÔN NHAN** Quá trình hình thành 12 con giáp ■ **VŨ NGỌC PHAN** Nghè hóa cọp ■ **ĐÀM TRUNG PHÁP** Thơ (G.A. BÉCKER, P. NERUDA) và Nhạc (bài Besamé Mucho) hai nguồn học liệu ngôn ngữ ■ **HOÀNG KHỞI PHONG** Điện Biên Phủ Chiến công huyền thoại và hệ quả ■ **LÊ VĂN SIÊU** Ba mươi Tết Tết lại ba mươi với nguyên bài ca dao vợ chú Chết ■ **DUY THANH** Hy vọng ■ **TRẦN UYÊN THI** Nghĩ về cái mờ nhạt mỏng lung với thơ NG TRÃI ■ **HUYỀN HỮU ỦY** Về những pho tượng trong những ngôi chùa cổ ■ **NGÔ THÊ VINH** Ký sự làm báo Tỉnh Thương ■ **LƯU VĂN VINH** Thơ và dịch Federico G. Lorca

Các tác giả khác: **TRỤ VŨ** ■ **NGUYỄN DUY ÂN** ■ **TRẦN VĂN NAM** ■ **TÂM HỮU** ■ **NGUYỄN CÁT** ■ **THẠ NHÂN** ■ **PHẠM CÂY TRÂM** ■ **TÚ KHÊNH** ■ **KHÁNH MINH** ■ **KHOA HỮU** ■ **NGUYỄN LƯƠNG VY** ■ **LÊ VĂN TRUNG** ■ **ĐẶNG KIM CÔN** ■ **VƯƠNG NGUYỄN** ■ **ĐỘC HÀNH** ■ **CHU NGUYỄN THẢO** ■ **TRẦN THẾ PHONG** ■ **NGUYỄN NGHIỆP HOA** ■ **HỒ TUẤN NHÃ** ■ **TRẦN VĂN SƠN** ■ **HUYỀN LIỄU NGẠN** ■ **TRẦN THIÊN HIỆP** ■ **NGỌC BỘI** ■ **VÕ THIÊM**

năm XIV ■ số 159-160 ■ tết canh dần ■ 1-2.2010



Khởi Hành

NGUYỆT SAN VĂN HÓA VĂN HỌC LỊCH SỬ
NHẬN ĐỊNH BIÊN KHẢO SÁNG TÁC SINH HOẠT

An Arts and Letters Monthly Review
Established: 1969, Saigon, Vietnam
Republished: 1996, Calif., U.S.A.

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT:
PUBLISHER, EDITOR-IN-CHIEF:

VIÊN LINH



THƯ KÝ TOÀ SOẠN
MANAGING EDITOR:

NGUYỄN TÀ CÚC

THƯ TỬ ■ MAILING ADDRESS:

P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA. 92655

9311 KRAMER AVENUE, suite J
LITTLE SAIGON
(gửi thư dùng PO BOX ở trên)
ĐT: (714) 891-2805

email: phamcongkh@yahoo.com

NGOÀI TOÀ SOẠN CALIFORNIA

Miền Đông, Washington, D.C. Area

NGUYỄN HỮU HIỆU

CHỦ BIÊN NGOÀI VI

15701 PROSPERITY DR, HAY MARKET VA
20169 Tel: (703) 754-0483

Đại diện tại Bắc California

TRẦN MINH LỢI

(408) 580 - 7586

NGUYỄN PHƯỚC CHINH

(408) 768-8738

Đại diện tại Houston, Texas

LÊ HỮU MINH TOÀN

(281) 704-7643

Pháp, France

VŨ LAN PHƯƠNG

82 RUE BAUDRICOURT 75013 PARIS

Tel: 45 85 48 92

Báo bán tại nhà sách Nam Á

LÊ TÀI ĐIỂN

21 RUE J. RACINE, 95400 VILLIERS

de BEL Tel: 01-39-85-07-63

Berlin, Germany

THÊ DỪNG

■ Bài vở gửi Khởi Hành miễn gửi cho báo khác và ngược lại. Cần ghi rõ địa chỉ và số điện thoại. Nếu bài đã phổ biến, vui lòng ghi rõ đã đăng báo nào. Ngoài bản in, gửi kèm cho diskette, ghi rõ nhu liệu sử dụng. ■ Chủ bút Khởi Hành toàn quyền cắt bỏ, nhưng sẽ không thêm. Bài đăng trên Khởi Hành không nhất thiết biểu hiện chủ trương của tờ báo. ■ Bài đăng trên Khởi Hành tuyệt đối không cho phép báo khác in lại, dù một phần. Chỉ đăng lại (sau ba tháng) với sự đồng ý của tác giả.

GIÁ BÁO : Giá 5.00 mk một số

Hoa Kỳ: Giá mua dài hạn: một năm (12 số): \$44.50 (bulk rate) hay \$61.50 (1st class), đã kể cả cước phí bưu điện. **Âu châu:** Giá mua dài hạn 90 mk một năm ■ Canada 65.50 mk/năm ■ **Á, Úc, Phi:** 90 mk/năm

Giá các số cũ: 5.50 mk một số.

Tôi toà soạn chỉ bán mười số trở lên: 4.50 mk/số.
(số 1, số 35 chỉ còn bản copy in ra từ PDF)

SUBSCRIPTION RATES

U.S. RATES: Single copy: \$5.00

\$44.50/1year, bulk rate ■ \$61.50/1 year, 1st class rate ■ Back Issue: \$415.00 for the first twelve years (146 issues), plus \$45 mailing fee (in U.S.A. only).

FOREIGN RATES: By Airmail only.

For a 1-year subscription: ■ CANADA: \$65.50 ■ EUROPE: \$85.00 ■ ASIA, AUSTRALIA, AFRICA: \$90.00. ■ Back Issue: \$415 for the first twelve years, plus \$45 mailing fee. Single copy: \$8.00, by airmail.

Chi phiếu, bài vở thư từ gửi về:

Mail, check, money order should be addressed to

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA 92655

TỪ BẠN ĐỌC TRI ÂM HẢI NGOẠI ĐẾN MỘT NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM

Trước thềm năm mới, chúng tôi xin chia sẻ cùng bạn đọc một số sự việc xảy ra liên hệ tới Nguyệt san Khởi Hành trong năm đã qua, năm Trâu 2009, như một kiểm điểm cần thiết trước khi chúng ta bước qua năm mới, động xem để vượt qua con đường trước mặt, những người cầm bút ý thức phải trang bị những gì.

Thưa nói chung là có biến chuyển tốt. Trong năm qua, là năm thứ hai Khởi Hành trở thành Tạp chí Văn chương hàng tháng xuất bản từ thế kỷ trước, duy nhất còn tồn tại ở Hải Ngoại. Khi tờ Thế Kỷ 21 đóng cửa -- sau khi các tạp chí ra hàng tháng khác đã đóng cửa, như Văn Học, như Văn, -- thì số bán của tờ báo duy nhất còn lại tăng lên chút đỉnh; chỉ chút đỉnh thôi vì các báo kia khi sống cũng không bán được bao nhiêu, không đáng kể gì. Số độc giả tăng chỉ khoảng trên dưới một trăm người, chỉ đủ số phí cho Khởi Hành in bìa 4 màu, như quý vị đã thấy hơn nửa năm qua. Còn những báo khác 4 tháng hay 6 tháng ra một kỳ, như tờ Việt ở Úc, như Tạp chí Thơ, chỉ là loại đặc san, không đáng gọi là báo. Người ta viết cho mình, luôn luôn kể tên bạn bè mình, không viết cho ai ngoài nhóm, thì đó là nhà văn, nhà thơ, hình thức hay không hình thức, không phải nhà báo. Người ta sống ở đây mà viết cho người trong nước đọc, người ở chỗ khác hải lòng (mà người ở trong nước thì làm sao mua được tờ báo in ở đây?); mà "làm báo" không cho cộng đồng mình sống, thì không phải là làm báo: họ làm công tác tô hồng, (tự nguyện có khi, may lắm mới được sai phái để làm, vì quyền lực tham nhũng chỉ thu vào, có bao giờ chi ra? -- làm cho họ có nghĩa là được bỏ thời gian và số phí ra để phục vụ họ, chứ có khi nào họ được trả lương.) Nếu nó hay nó đã không phải đóng cửa.

Trong năm qua, một bạn đọc bắt đầu gửi tặng cho chúng tôi Tủ Sách Gia Đình của ông. Ông không cho công bố tên tuổi. Ông chỉ nói: những cuốn sách ông tặng có thể sẽ giúp KH làm được việc có ích. Thưa chắc chắn là chúng tôi sẽ làm tốt hơn. Ông đã gửi cho hai đợt, 149 cuốn sách phần lớn đóng bìa da, bìa similì, mạ chữ vàng, trong có các sách ấn bản đầu tiên của Đào Duy Anh, in năm 1943, của Trần Trọng Kim, in 1952, của Bùi Kỷ, Hoàng Xuân Hãn, Thụy An, Vũ Anh Khanh, in khoảng '40, '50... Em gái tôi, hay mấy ông bạn mô phạm có tâm thức kinh doanh, thường chê tôi nghèo, riêng tôi cho là mình giàu. Xã hội có năm hạng người Sĩ Nông Công Thương Binh, thì mục đích của nhà buôn là làm giàu (tiền bạc), không lẽ mục đích của bốn hạng kia cũng là tiền bạc? Tôi không tin thế: cái giàu của kẻ sĩ khác cái giàu của thương buôn, cái giàu của ông tướng khác cái giàu của những người sống với Đất và sống với công kỹ nghệ. Bạn đọc Khởi Hành, người bạn tặng tủ sách cho tôi (ông có khoảng hơn 1.000 cuốn) là cái giàu không do tiền bạc mà có được.

Còn nữa: mấy ngày qua, một tờ báo ở Việt Nam xin đăng lại bài của Khởi Hành. Ông Tổng biên tập viết rằng đó là việc cần thiết cho độc giả của ông. Chúng tôi sẽ tường trình cùng quý bạn đọc khi các bài báo ở Khởi Hành xuất hiện trên tờ báo ở Việt Nam. Ông ấy viết: "Cảm ơn anh đã gửi cho KH đều đặn. Tôi cùng các bạn xem, nhiều chuyện thú vị. Nhất là những tranh luận về Văn Học Miền Nam, giúp cho tôi biết thêm nhiều điều. Tuy chưa quen, xin nhờ anh chuyển đến chị Nguyễn Tà Cúc tấm lòng hâm mộ của tôi, vì những tranh luận gay gắt của chị. Tôi có gửi bài phê bình của chị đến bà Lady Borton...Tôi xem một số bài vở của KH ...đây là một hiện tượng lịch sử, nên muốn cho bạn đọc (ở trong nước) biết rõ thêm..." (về một số người viết báo, làm báo ở Hải Ngoại, cụ thể là ở tờ báo mà quý bạn đang đọc, và một số vấn đề...) Quý bạn đọc đã hỗ trợ chúng tôi trong 14 năm nay, những thành quả đang tới dần. Cảm ơn quý bạn đọc.

Trước thềm năm mới, chúc quý bạn đọc an khang. ■



Thần Cọp Đen, còn gọi là Hắc Hổ Thần Tướng, tranh dân gian Đông Hồ. Ngoài chữ *Lệnh* trên cờ lệnh, bốn chữ Hán Nôm trên giá gương là *Đại Cát Oai Linh*.

KHỞI HÀNH
GIAI PHẨM
XUÂN 2010
CANH DẦN

NGUYỆT SAN KHỞI HÀNH
TRÂN TRỌNG KÍNH CHÚC QUÍ ĐỘC GIẢ
QUÍ VĂN HỮU CỘNG TÁC XA GẦN
QUÍ THÂN CHỦ HỖ TRỢ



MỘT NĂM CANH DẦN, 2010, AN KHANG HƯNG THỊNH

Khởi Hành

NGUYỆT SAN VĂN HOÁ VĂN HỌC LỊCH SỬ
NHẬN ĐỊNH BIÊN KHẢO SÁNG TÁC SINH HOẠT

TẾT XUÂN CANH DẦN

NĂM THỦ XIV ■ SỐ ĐÔI 159-160, 1-2.2010



MỤC LỤC

- 02 ■ Thư Chủ nhiệm. KHỞI HÀNH
05 ■ Hồ. NGUYỄN HỮU HIỆU
11 ■ 12 Tranh, Thơ Giao Thừa Tây, Tết Ta. .TRỤ VŨ, DUY THANH, MẶC ĐỒ, VIÊN LINH
13 ■ Thơ Đen Thơ Vịnh. NHIỀU THI SĨ
NGUYỄN DUY ẮN ■ TÚ KHÈNH ■ PHẠM CÂY TRÂM ■ THA NHÂN
NGUYỄN QUAN HÀ ■ TÂM HỮU dịch thơ ■ NGUYỄN BÌNH KIỆM ■ NGUYỄN CÁT
14 ■ Câu đối Tết Canh Dần. CAO TIÊU, NGUYỄN QUAN HÀ
15 ■ Một cuốn sách cũ và tám tác giả tên tuổi. NGUYỄN TÀ CÚC
17 ■ Nghề hóa Cọp. VŨ NGỌC PHAN
18 ■ Cọp báo số mệnh cho người. VŨ PHƯƠNG ĐỀ
19 ■ Vài nét về thi hào Federico Garcia Lorca. LƯU VĂN VINH
20 ■ Quá trình hình thành 12 con giáp. NGUYỄN TÔN NHAN
21 ■ Về những pho tượng trong những ngôi chùa cổ. HUỖNH HỮU ỦY
26 ■ Ba mươi Tết, Tết lại ba mươi. LÊ VĂN SIÊU
28 ■ Ngũ linh âm: Hóa thân/Trong bóng tối, thơ. .NGUYỄN LƯƠNG VY, KHOA HỮU
29 ■ Gã Nguyễn, Nàng Thơ / Thơ Nghiên Hoa Mộng. HƯ CHU
32 ■ Tháng giêng, thơ. NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH
33 ■ Cuộc đấu tranh Quốc Cộng tại Miền Nam sau 1975. VŨ NGÃ PHẠM KHẮC HÀM
35 ■ Thơ Thủy Mộ Quan. VIÊN LINH
38 ■ Điện Biên Phủ, chiến công huyền thoại và hệ quả. HOÀNG KHỞI PHONG
43 ■ Thơ. LÊ VĂN TRUNG, TRẦN VĂN NAM, ĐẶNG KIM CÔN
44 ■ Thơ và Nhạc, hai nguồn học liệu ngôn ngữ tuyệt vời. ĐÀM TRUNG PHÁP
47 ■ Thơ. ĐỘC HÀNH, CHU NGUYỄN THẢO, TRẦN THẾ PHONG
48 ■ Nghĩ về cái mờ nhạt mung lung. TRẦN UYÊN THI
51 ■ Nguyệt san Tình Thương, tờ báo và những
cây bút trường Y Khoa Sài Gòn. NGÔ THẾ VINH
54 ■ Thơ. VƯƠNG NGUYỄN, HỒ TUẤN NHÃ
55 ■ 56 Thời sự đầu năm 2010. NGUYỄN NGHIỆP HOA
57 ■ Tuổi Dần. CHƠN PHÁP
59 ■ Khởi Hành Điểm Sách. TÂN THƯ TRUNG
61 ■ Tòa soạn Bạn Đọc. TÂM THƯ
62 ■ Thư quán An Tiêm. AN TIÊM
63 ■ Chiều hôm gió cuốn, tiểu thuyết. VIÊN LINH
67 ■ Thơ TRẦN VĂN SƠN, HUỖNH LIỄU NGẠN, VŨ THIÊM, TR THIÊN HIỆP,

Tranh, Ảnh, Kỹ thuật trong Giai Phẩm này: DUY THANH ■ NGHIÊU ĐỀ
KHÁNH MINH ■ NGUYỄN NGHIỆP HOA ■ LƯƠNG VY ■ Bà TRẦN THÚC VŨ
VƯƠNG NGUYỄN ■ LÊ DUNG ■ HOÀNG NHUNG

Chủ nhiệm Chủ Bút
VIÊN LINH

HỒ NGUYỄN HỮU HIỆU



"Tiếng Việt là một ngôn ngữ rất phong phú: có nhiều từ để chỉ một sự vật, một con vật hay một người.

Thí dụ: những từ "Chúa sơn lâm," "Ông Ba Mươi," "con cọp" là những từ dùng để chỉ chung một con vật. Đó là con hổ. Cũng như thế, những từ riêng như "Nguyễn Tất Thành", "Chú Vương", "Đồng chí Lin", "Nguyễn Ái Quốc," "Trần Dân Tiên", "T. Lan"... đều chỉ chung một người. Đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh."

(Tập đọc Lớp Ba)

Trích dẫn theo trí nhớ của một giáo viên kiêm nhà thơ ở trong nước. Cuốn tập đọc này bị thu hồi ngay sau khi phát hành.*

Về Hồ

"Luôn luôn bí ẩn -- (nhưng)
Không bao giờ gian xảo
Luôn luôn là một sát thủ --
(nhưng) không bao giờ là một hung thủ
Cô đơn -- nhưng không bao giờ
lẻ loi."

Phải là một người hiểu hổ lắm mới có thể nói về một loài động vật uy mãnh, bí ẩn, đáng kinh sợ và ngưỡng mộ này, như John Seidensticker.

(Always secretive --
never devious
Always a killer
Never a murderer
Solitary -- never alone.)

Và như Dunbar Brander:

"Trong khi truy lùng qua rừng
thẳm,
hổ lặng lẽ lướt đi.
Nó dường như trôi qua ta y như
một bóng ma."
(While questing through the
jungle,
the tiger glides silently along.
He seems to flow past one like
a phantom.)

Hổ là sinh vật chỉ sống ở Á Châu nên nó chỉ xuất hiện thoáng qua trong các tác phẩm của văn nghệ sĩ Âu Châu mà thôi. Thi hào William Shakespeare (1564 -- 1616) chỉ nhắc tới hổ hai lần, một lần trong bi kịch "Romeo and Juliet" và lần nữa với cảm giác kinh miệt, trong vở "Henry VI" qua câu:

"O tigers heart wrappd in a
womans hide."

("Ôi trái tim hổ bọc kín trong
tấm da sống của một người đàn
bà.")

Thi hào William Blake (1757-1827)
làm bài "The Tyger" trong thi tập
"Song of Innocence and of Experience"
diễn tả nỗi kinh sợ và kinh ngạc của
ông đối với mãnh hổ:

"Tyger! Tyger! burning bright
In the forest of the night,
What immortal hand or eye
Could frame thy fearful symme
try?"

.....
When the stars threw down
their spears,
And waterd heaven with their
tears,
Did he smile his work to see?
Did he who made the Lamb
make thee?"

("Hổ! Hỡi hổ! Cặp mắt sáng
quắc,
Bừng bừng cháy trong rừng
đêm mịt mùng,
Bàn tay hay cặp mắt bắt từ
nào

Đã có thể dựng lên vẻ cân xứng
đáng sợ của mi?
Khi những vì sao phóng xuống
những chiếc lao,
Và tưới dầm bầu trời bằng
những dòng lệ tuôn trào,
Liệu ngài có mỉm cười hài lòng
nhìn tác phẩm của mình?

Có phải ngài, người đã tạo ra
Cừu Non, cũng đã tạo ra mi?)

("Tyger! Tyger! burning
bright
In the forests of the night,
What immortal hand or eye,
Dare frame thy fearful symme
try?")

Thế Lữ, nhà thơ Việt Nam, vì sống với hổ trên cùng một địa bàn, nên cảm thấy gần gũi, thân thương hơn, và do đó, thông cảm hơn với Chúa Sơn Lâm qua bài "Nhớ Rừng" nổi tiếng của ông.

HỔ TRONG SINH VẬT HỌC

Gần đây, nhờ những chính sách bảo vệ gấu loài động vật đẹp đang trên đà diệt chủng này của nhiều quốc gia Á Châu, đặc biệt là Nga và Ấn, nhờ những khu bảo tồn và nhất là nhờ những phương tiện kỹ thuật tối tân, người ta đã hiểu về hổ hơn trước kia rất nhiều. Những dữ kiện sau đây, về hổ, được đúc kết từ nhiều tài liệu, đặc biệt bộ "World Book" cuốn thứ 19, "Tigers in the Snow" của Peter Matthiessen, "The Way of the Tiger" của K. Ullas Karanth, "The Year of the Tiger" của Michael Nichols & Geoffrey C. Ward, "Through the Tigers Eyes" của Stanley Breeden & Belinda Wright.

Hổ là thành viên lớn nhất của gia đình mèo... Người ta ngưỡng mộ hổ vì sức mạnh và vẻ đẹp hùng tráng của nó nhưng đồng thời lại sợ nó vì đôi khi nó cũng giết người và ăn thịt người. Tuy nhiên hổ ưa tránh loài người hơn.

Thức ăn khoái khẩu của nó là hươu, nai, sơn dương, lợn (heo) rừng... Hai lý do khiến thỉnh thoảng hổ mò về đồng bằng tấn công, ăn thịt gia súc và đôi khi người ta, là vì nó bị thương, bệnh, hoặc già yếu không thể săn đuổi được những con mồi nhanh nhẹn, không thể cạnh tranh được với những đồng loại trẻ khỏe và nhất là vì môi sinh của nó dần dần bị con người xâm lấn, hủy hoại – chặt cây, săn bắn, mở trại, di dân, làm tiêu hao trầm trọng nguồn lương thực của nó. Hổ chỉ có thể thấy ở Á Châu. Âu Châu chỉ biết tới hổ từ khi Alexander Đại Đế xâm lăng Ấn Độ. Người Hy-Lạp đặt tên cho hổ là *Tigris*, phỏng theo chữ *thigra* ("sắc, nhọn") của Iran (Ba Tư). Con hổ đầu tiên xuất hiện ở Roma (La Mã) là tặng vật của phái đoàn Ấn Độ cho Đại Đế La Mã Augustus. Đó là vào năm 19 sau Công Nguyên.

Cho mãi tới đầu thế kỷ thứ XIX – nghĩa là 1800, thế giới của hổ là một thế giới mênh mông, trải dài từ Biển Mặn (Caspian Sea) tới bờ Thái Bình Dương, trùm phủ qua Iran, Turkmenistan, Afghanistan, Uzbekistan, Kyrgyzstan, Kazakhstan, toàn thể Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Đông Dương, Malaysia, Sumatra, Java, Indonesia, Đông Nam Trung Quốc, Triều Tiên (Hàn Quốc), Nhật Bản.

Ngày nay biên cương của hổ đã bị thu hẹp tới mức thảm hại và số hổ còn lại xuống tới mức báo động đỏ. Trên lãnh thổ mênh mông của Trung Quốc, hổ chỉ còn vài "túi hổ" và một vùng đất nhỏ ở Mãn Châu, giáp Thái Bình Dương. Hổ hầu như biến mất ở Hàn Quốc (trừ vùng phi quân sự), Nhật Bản, Iran và Pakistan. Ở Việt Nam, nơi mấy chục năm trước người ta còn truyền tụng câu: *Cọp Khánh Hòa, Ma Bình Thuận* nay gần như vắng bóng hổ, ngoại trừ vùng đồi Bạch Mã và lác đác ở hai ba nơi khác. Chẳng cần phải nằm trong cũi sắt ở vườn bách thú, bất cứ con hổ nào còn may mắn được sống trong những khu bảo tồn hiếm hoi, cũng có thể ngậm ngùi cho số phận của loài mình để than:

"Ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!"

HỔ TRONG TÂM THỨC LOÀI NGƯỜI

Ba lý do dẫn đến tình trạng gần như diệt vong của hổ: sự sợ hãi, tính hữu dụng và sự ngưỡng mộ của người.

Người Trung Quốc tôn thờ hổ đến nỗi họ không dám dùng tiếng "hổ" ("hu") mà gọi tránh đi là "Sơn Chúa" ("The King of the Mountains"), đặt tượng thờ và gọi là các tướng giỏi của họ là "hổ tướng." Hổ được thờ một phần nữa là vì nó có công xua đuổi, ăn thịt heo rừng phá hại mùa màng mà nông nhân không có cách gì trừ khử được. Sức mạnh và sinh lực của hổ được coi như tượng trưng cho DƯƠNG trong khi hổ trắng là ÂM. Người ta tin rằng ngay cả ma quỷ cũng sợ hổ nên tượng "thần hổ" thường được đặt ở các mộ mới và ở trước cửa nhà để trừ

tà. Ở các nước láng giềng cũng vậy.

Cũng như sư tử, truyền thống các nước Đông Nam Á liên kết hổ với tính vương giả, quý phái, can đảm. Ở Sumatra, dân làng kính cẩn, sợ hãi mỗi khi nhắc tới "Ông" và khi, vì lý do an ninh, phải hạ "Ông" thì họ cung kính xin lỗi và cẩn thận nêu rõ lý do phải làm việc thất kính bất đắc dĩ này. Ở Mã Lai, người ta phải dùng các mỹ từ như "Ông Vàng" ("the striped One"), "Mao Diện Công" ("the hairy Face") hay vắn tắt, "Ông", là đủ.

Thịt hổ được tin là mang lại sức mạnh, lòng can đảm và có tính cường dương, do đó mà "đàn bà không được ăn thịt hổ." Xương cốt hổ cũng vậy, vì thế mới có kỹ nghệ nấu "cao hổ cốt", "dầu con hổ"... Da hổ được tin là kỵ ẩm thấp, chống phong hàn: ngay cả các đạo sư chuyên ăn chay, dạy chống sát sinh cũng vẫn khoác da hổ, ngồi thiền trên da hổ. Móng, vuốt, ria, răng hổ – nghĩa là tuốt tuốt – được đeo như bùa, đặc biệt ở Miên, Lào và người Miên ở Nam Việt – để chống lại sơn lam, chướng khí và cả ám khí, tên, đạn, tà ma nữa.

HỔ TRONG HUYỀN THOẠI VÀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Nói chung, trong tâm thức và văn học dân gian Đông phương thì hổ đóng vai trò như sư tử trong tâm thức và văn học dân gian Tây phương.

Với huyền thoại Phật giáo Trung Quốc hổ tượng trưng cho "sân", một trong tam độc. (Còn hai độc kia, "tham" do khí nóng và "si" do nai thủ). Trong Hoàng Lão (Lão giáo trộn lẫn với pháp thuật, bùa chú, lên đồng...) thì hổ là vật để cưỡi của Trương Thiên Sư.

Võ thuật Trung Quốc coi hổ là một võ sư thượng thặng. Họ đã nghiên cứu phép công, thủ của hổ để tạo ra một bài quyền - "hổ quyền". Căn bản của hổ quyền - tương tự nhu đạo sau này - là "tá lực đả lực" (mượn sức của đối thủ để hạ đối thủ), không bao giờ tấn công trực diện mà bao giờ cũng từ đằng sau hay bên hông. Khoa học gia John Seidensticker, sau nhiều năm quan sát hổ, đã nêu ra nhận xét là "hổ, giống như một võ sư, dùng chính cử động của con mồi để vật con mồi xuống, và không bao giờ tác động "cho đến sau khi con mồi phát tác." (theo Stephen Mills, "Tiger", p.23)

Với tâm thức và văn học dân gian Ấn Độ thì hổ, "hộ lâm thần" (guardian of the forest) có vai trò cao quý hơn. Hổ thỉnh thoảng, cùng với sư tử, được dùng làm "ghế" cưỡi (the mount) của nữ thần Durga tượng trưng cho sự hiển hóa của Sakti (vũ trụ lực), được làm trợ tế, đội đèn, mang chuông cho lễ dâng quang của nữ thần Devi; da hổ được dùng thay bộ đoàn cho Siva, một trong Tam Vị Nhất Thể của Ấn giáo. (Cần phải nói thêm cho đủ về thái độ của Tây phương với hổ: Thi sĩ T.S. Eliot, trong bài "Gerontion" đã tá

Chúa Jesus như một mãnh hổ, khơi dậy sự kinh hoàng, sức mạnh và niềm kính sợ mà hổ đã gây ra nơi tâm trí con người. (Theo Anthony S. Marcatante & James R. Dow, "World Mythology and Legend", vol. II, p. 833).

NHỮNG MOTIF TRONG TRUYỆN DÂN GIAN VỀ HỔ

Rất tiếc là tôi chưa được tham khảo bộ bách khoa "The Motifs Index of Folk Literature." Căn cứ vào những truyện dân gian về hổ của các nước Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Bhutan... "Bảo Sinh Kinh" ("Jataka") (truyện Tiên Thân của Đức Phật), Sử thi Mahābhārata, "Chiến Quốc Sách", "Đông Chu Liệt Quốc", "Truyện Truyền Kỳ Đời Đường", "Thái Bình Quảng Ký"... và điển tích quanh những lời phát biểu của Đức Khổng Tử, các truyện do nhà huyền học Hồi giáo Kabir (1440-1518), các đại sư Vệ Đàn Đà Ramakrishna (1836-1886), Vivekananda (1863-1902)... Tôi tạm



Hổ luôn luôn tấn công từ phía sau.

nêu ra những chủ đề sau đây quanh hổ:

1. Sức mạnh, vẻ đẹp vô song ("Long tranh, hổ đấu"),
2. Nguy cơ tiềm ẩn ("Long tàng, hổ phục", "Dương hổ di họa", "Rước cọp vào nhà"...)
3. Ngu, dễ bị lường gạt, phỉnh phờ bởi con người, bởi chó rừng, cáo, thỏ, khỉ, kể cả ếch nhái – Và ngược lại, tinh ma, quỷ quái ["Thần Hổ", "Ai Hát Giữa Rừng Khuya" (Việt Nam)].
4. Vô ơn (truyện Ấn Độ) – Và ngược lại (truyện Ấn Độ, Việt Nam: "Con hổ có hiểu.")
5. Ai đã có số chết vì hổ thì không thể tránh được.
6. Hổ hóa người (Shapeshifting) – và người hóa hổ.
7. Người sau khi bị hổ vỗ cam tâm làm Ma Trành cho hổ ("Vị hổ tác Trành.") (T.Q., V.N.)

MỤC LỤC CÁC TRUYỆN

Những truyện thu thập và kể lại dưới đây được xếp theo thứ tự:

- 1.- Việt Nam và những nước lân bang nhỏ rồi mới tới Trung Quốc,
- 2.- Truyện của những dân tộc, sắc tộc

nhỏ rồi mới tới Ấn Độ,

3.- Truyện dân gian rồi mới đến truyện trong các kinh sách,

4.- Truyện do các nhà huyền học, các đại sư kể.

Lý do của thứ tự này là càng những truyện về sau càng cần những lời diễn giải hay chú thích dài. Motif của các truyện được ghi trong ngoặc sau tiêu đề mỗi truyện.

TRUYỆN HỔ TRONG KHO TÀNG TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT-NAM

Tài liệu: "Truyện Cổ Nước Nam" của Nguyễn Văn Ngọc, "Kho Tàng Truyện Cổ Tích Việt Nam" của Nguyễn Đồng Chi, truyện cổ tích Việt Nam của Vũ Ngọc Phan, "Truyện Cổ Các Dân tộc Miền Núi, Bắc miền Trung" của Nguyễn Hữu Chúc, Ninh Viết Giao, Phùng Sĩ Hòa, Trần Hoàng, Trần Trọng Tân, Mai Văn Tấn, "Hợp Tuyển Truyện Cổ Tích Việt Nam" do Lữ Huy Nguyên, Đặng Văn Lung tổ chức biên soạn, tuyển chọn giới thiệu, "Hư Hư Lục" của Ni Sư Như Thủy, "Di Huyền Độ Chân" do T.T. Thích-Thanh-Đạm sưu tập...

HỔ VÀ NGỰA (3, 1)

Phóng tác theo truyện cổ tích Chàm

Con ngựa vốn tính khoáng lạc, huynh hoang, sĩ diện, mỗi khi vừa được ra khỏi cái chuồng chật hẹp, hơi hám của nó là ngựa đã nện vó cồm cộp và hí vang làng xóm, ra về ta đây, oai phong lẫm liệt lắm. Một hôm trời còn tối mờ, ngựa còn đang ngủ mệt thì chủ đã thúc ra khỏi chuồng, bắt đi chợ. Không kể trên lưng bị ông chủ nặng chình chịch ngựa, hai bên hông còn bị đeo đủ mọi thứ thùng mùng hàng hóa, ngựa phải gồng mình lội qua suối, khe, leo đồi, xuống dốc. Muốn đi chậm một chút để thở thì ngựa lại bị thúc, quát. Đến chợ, chủ cột ngựa vào gốc cây, vào chợ mua bán hàng. Xong xuôi, chủ vào quán ăn uống để mặc ngựa đói khát. Chiều về, hai bên hông lại bị cột đầy hàng chủ mới mua, ngựa lại còn bị ông chủ say ngất ngưỡng, quát túi bụi, bắt về nhà cho nhanh. Nào có phải chỉ có ông chủ mới mong mau mau về nhà để còn lăn ra ngủ đầu mà chính ngựa, dù chân mỏi rã rời, miệng khát sùi bọt mép nóng hổi cũng ước có cánh để bay về nhà, vục đầu vào chậu nước đục uống cho đã khát. Thế mà vừa về đến nhà, con ông chủ đã hỏi người nhà rõ đồ ra khỏi ngựa để cậu còn cưỡi ngựa đi thăm đồng. Bụng đói, miệng khát, ngựa lại phải gồng hết sức để làm tròn bốn phận. Mãi đến xẩm tối ngựa mới được về, được đưa ở quây quấy quá cho một chậu nước cám lỏng lỏng. Vừa uống xong, tên đầy tớ lôi ngựa ra sông, đẩy xuống rồi nó bỏ đi chơi. Tắm xong, ngựa cảm thấy khoan khoái leo lên bờ vì sắp được vùi vào giấc ngủ.

Hổ Siberia lớn nhất toàn cầu, con đực có thể dài tới 111.50 bộ Anh, bộ da không đậm như hổ Bengal, sắc xanh hơn, rậm và lông dài hơn vì nó sống trong vùng Bắc Á quá lạnh giá. Hiện chỉ còn vài trăm con. Hình minh họa ở dưới cho thấy tỷ lệ con hổ Bengal (trái) bên hổ Siberia và một người cao 6 bộ Anh.



Xảy lúc đó một con hổ đi ngang qua, đầu cúi gằm, vẻ dăm chiêu. Hổ vốn vậy.

- "Anh đi đâu mà trông có vẻ suy nghĩ lao lung thế, anh hổ?" con ngựa hỏi.

- "Đi kiếm ăn chứ còn đi đâu nữa," hổ đáp. "Thế còn anh? Không phải làm gì sao mà lại được ra sông tắm mát nhàn nhã thế?"

Ngựa nhướng cổ lên, giũ lông, hí vang lên một hồi rồi mới chép miệng, ngạo mạn nói:

- "Hừ! Tôi thì lúc nào mà chẳng thế! Có công lên việc xuống gì đâu mà chẳng nhàn nhã hả anh? Đạo chơi từ sáng đến giờ, bây giờ ra sông tắm rồi về ngủ một cái cho khỏe."

- "Anh sung sướng thật đấy!" hổ nói. "Rong chơi suốt ngày, về đã có đồ ăn người ta lo cho chứ không phải tự đi kiếm mồi như tôi."

Được thế, ngựa lại càng kiêu căng và lên mặt thương hại hổ:

- "Tội nghiệp! Anh vất vả quá! Anh coi; Đường xá của tôi thênh thang thế này mà tôi chỉ nhẩn nha đi dạo một lúc đã mỏi gối chồn chân. Còn chỗ anh thì ôi thôi! Núi rừng, gò đồng, cây cối gai góc, rậm rạp thế kia, đi thì vướng trước đụng sau... Thế mà anh cũng chịu được!"

Rồi ngựa lại còn khoe mình lúc nào cũng thừa mứa đồ ăn, thức uống và mời hổ về nhà coi cho biết.

Hổ tính tình trầm mặc, cả nghĩ, lại lễ độ nên mời ngựa đến tề xá của mình trước rồi sẽ xin đến nhà ngựa đáp lễ sau. Ngựa vênh vào gật đầu:

- "Được! Thế cũng được. Vậy ngày mốt tôi ghé thăm anh nhé?"

Hổ dành trọn một ngày sửa soạn một bữa tiệc thịnh soạn đón ngựa. Hôm sau ngựa đến, ăn uống thực tình vì chưa bao giờ được no nê như thế. Sau đó, ngựa khôn ngoan hẹn hổ đến nhà vào đêm trước ngày chủ nhà có giỗ. Đêm ấy, ngựa vào bếp, lén lấy trộm đồ ăn mang ra ngõ rồi lấy cái yên ngựa đẹp mà chủ chỉ dùng vào những dịp đặc biệt mang trên lưng, đeo lục lạc vào cổ và ra đầu ngõ đón hổ.

Hổ trở mắt kinh ngạc rồi hết lời ca ngợi. Sau khi ăn uống no nê, ngựa cao hứng dẫn hổ vào gần nhà, chỉ ngôi nhà ba gian khang trang, giới thiệu:

- "Đây là tề xá! Gian giữa là phòng

ngủ của tôi còn hai gian bên thì một là phòng chơi, một là nơi tôi tiếp khách. Biết anh quen sống ngoài trời nên tôi không mời anh vào nhà. Nghĩ tình cảnh anh thật tội! Suốt đời sống trong cảnh màn trời chiếu cỏ. Lúc mưa gió phải ẩn vào hang hốc, lúc nắng nôi phải trú dưới bóng cây, bụi rậm, chẳng biết đến cái mái nhà, cái giường êm, nệm ấm là gì..."

Hổ còn đang thao thao khoe khoang thì chủ nhà nghe thấy động, giật mình thức dậy, hò hét đầy tớ bắt trộm.

Thấy ngựa dám ăn trộm đồ ăn mang ra ngõ ăn, chủ nhà thét đầy tớ đánh ngựa một trận thừa sống thiếu chết.

Hổ núp ở gần đó, nhìn, nghe thấy hết. Trên đường về, hổ băn khoăn tự hỏi:

- "Ta là chúa tể sơn lâm. Ủ, tuy ta không có nhà thực đấy, mưa, nắng phải ẩn trong hang núi, nấp dưới bóng cây nhưng không ai dám đụng đến ta chứ nói chi đến đánh mắng. Thế cũng chẳng sướng sao?"

"Đường ta đi, tuy gai góc, lởm chởm, lên đồi xuống thung nhưng ta đi đông, đi tây, đi lên, đi xuống, nằm ngời mặc ý dễ lại không bằng đường xá thênh thang, nhưng trên lưng có kẻ cưỡi, miệng đeo hàm thiếc, đi tới, đi lui, đi nhanh, đi chậm theo lệnh của người, chậm trễ vâng lệnh là roi vọt quát vào người. Không cần nghĩ cũng biết đường nào hơn đường nào rồi."

Nghĩ thế rồi hổ khoan khoái ra bờ suối uống nước. Nhìn ánh nắng mới lấp lánh trên bộ lông rực rỡ với những vằn đen láy của mình, hổ cất cao đầu, hiên ngang trở lại rừng, vó một con mồi ăn rồi vào bụi nằm chờ ngựa. Nhưng phải mấy hôm sau vì sau trận đòn chí tử, ngựa chưa lại sức, đã bị bắt làm tù sáng tối tối mờ. Thế rồi một hôm hổ cũng gặp lại ngựa khi ngựa ra sông tắm sau một ngày lao động mệt mỏi.

Hổ nói ngay:

- "Anh ngựa này! Tôi không muốn cái sướng của anh đâu! Anh tuy được ăn sẵn, được ở nhà có mái che thân nhưng thân mình thì lại không phải của mình: bị người ta cưỡi, đánh mắng nhục nhã thế thì gọi là sướng sao cho được?"

Ngựa bẽ bàng lắm, nhưng cố chống

chế một cách yếu ớt:

- "Tôi không làm nhà mà được ở nhà, không mất công cấy cấy, gieo trồng mà lúc nào cũng có thóc lúa, ngô khoai ăn. Xung quanh lúc nào cũng có người ta, rồi nào là được nghe đàn ca, hát xướng, chiêm trống quanh năm... Như thế mà anh bảo không phải là sướng thì thế nào mới gọi là sướng? Còn anh, lủi thủi lẩn lút trong rừng suốt đời suốt kiếp, vò vò một mình... Như thế mà anh cũng gọi là sướng được sao?"

Hổ đáp:

- "Núi rừng tuy hiểm trở, âm u nhưng mà là giang sơn của tôi, do tôi cai quản. Đời tôi tuy cô quạnh nhưng mà là đời của tôi. Khi tôi ngủ không ai dám đánh thức, khi tôi chơi không ai dám cản ngăn, khi tôi mơ mộng không ai dám quấy phá. Hươu nai, dê núi, lợn rừng tôi muốn bắt là bắt, không ai dám cấm, không ai dám đòi lại, không ai dám giành phần, chửi mắng, đánh đập. Nhưng mà thôi anh, chẳng cần tranh luận làm gì. Anh hãy ở lại vui thú cùng loài người. Chào anh."

Nói rồi, hổ cúi đầu, đoạn vươn vai, cặp mắt sáng quắc như hai cái đèn pha chiếu thẳng vào con đường dẫn vào rừng - giang sơn của riêng nó.

TẠI SAO HỔ CÓ VẦN (3)

Truyện cổ tích Chàm

Có một thời hổ, thỏ, rái cá và gà ở cùng với nhau một chỗ.

Thuở đó hình dạng và màu sắc của chúng hơi khác bây giờ. Da hổ màu trắng, đỏ, vàng và nâu, tai thỏ thì dài và có nhiều lông, mắt rái cá thì tròn như hạt nhãn, còn da mặt gà trống thì xám như đất sét.

Hàng ngày thỏ, rái cá, và gà đi cắt cỏ tranh mang xuống làng bán cho người, sau đó lại vào rừng trồng ngô (bắp), trồng lúa. Gà có chân khỏe nên cào, bới tung đất. Rái cá vun thành luống, thỏ gieo hạt. Tất cả đều làm việc rất xiêng năng, trừ hổ. Cây mình to khỏe lại có thanh gươm dài và sáng quắc nên hổ không chịu làm gì cả. Suốt ngày nó rong chơi. Chơi chán nó lại về tranh ăn trước. Một lần hổ đi chơi xa ba tháng sau mới mò về. Khi nó đi thì khoảnh đất sau nhà còn là rừng hoang. Khi nó về thì đã thấy một vườn ngô, bắp nào bắp nấy rất to. Nó hống hách trở vào nhà nói oang oang:

- "Bộ chúng mày không thấy tao về hay sao mà không đem bắp ra đây cho tao ăn?"

Gà và rái cá rất tức giận, định liều mạng với hổ, nhưng con thỏ khôn ngoan ngăn các bạn lại, đưa mắt ra hiệu gà và rái cá rồi ôn tồn, lễ phép nói với hổ:

- "Có. Chúng tôi biết anh đã về, đang định ra đón anh đây. Anh hổ à! Ngô của chúng ta chưa già. Nếu ăn được thì chúng tôi nào tiếc gì anh."

- "Mày nói thế nào ấy chứ tao thấy

bắp đã già rồi mà!" Hổ nói. "Vả lại già hay không già thì tao đang đói bụng lắm đây. Nếu chúng mày không lấy cho tao ăn thì tao đành phải làm lấy vậy."

Hổ nói xong, xăm xăm đi ra rẫy ngô. Nó chỉ phạt có một nhát mà đã mất một vạt ngô. Thỏ tiếc và giận lắm nhưng vẫn nén giận bảo:

- "Anh nhìn kỹ đi! Ngô hãy còn non thật mà. Thôi, anh ăn tạm từng ấy thôi. Bao giờ ngô già thì anh tha hồ mà ăn."

Hổ vừa ăn lấy ăn để, vừa nhồm nhoàm nói:

- "Ừ, mày nói nghe được. Nhưng chúng mày nhớ là khi nào bắp già, phải phân tào nhiều vào đấy nhé! Nếu không thì coi chừng thanh gươm của tao đấy!"

Khi hổ ăn xong, bỏ đi. Thỏ bảo rái cá và gà rằng:

- "Phải ăn trộm cái gươm của nó nếu không thì nó còn là hống hách, bắt nạt bọn mình. Các bạn ở nhà chặt cây làm hàng rào rào kín rẫy ngô lại. Tôi đi tìm cách đoạt cái gươm của nó mới được."

Thỏ chặt tre, vót một thanh gươm thật to bản và thật dài. Đoạn nó đem thanh gươm tre đó hơ lửa cho đen đi. Làm xong, thỏ lại lấy tro hòa với nước bôi khắp người để hổ không nhận ra. Xong xuôi nó đi tìm hổ. Khi thỏ tìm thấy hổ thì thấy nó đang ngồi bên bờ suối, thanh gươm quý của nó cắm trước mặt. Thỏ tới gần và dừng lại ở một khoảng cách phải chăng rồi cố đổi giọng khác đi, nói với hổ:

- "Ông Hổ to khỏe thế kia mà sao lại dùng cái gươm bé tí teo như thế? Thật gươm chẳng xứng với Ông chút nào! Ít nhất Ông cũng phải dùng cái gươm to bằng gươm của tôi đây mới tạm vừa với cái sức mạnh kinh người của Ông chứ."

Hổ hé mắt nhìn thỏ nhưng không nhận ra. Thấy nó ăn nói rất lọt tai, lại cầm một thanh gươm vừa to vừa dài gấp đôi của mình thì hổ cũng hơi chột dạ. Nhưng vốn tính cao ngạo, xác xược, hổ vẫn trịch thượng hỏi:

- "Thế à! Thế thì mày đưa cái gươm của mày cho tao được không?"

- "Dạ thưa được chứ!" Thỏ lễ phép đáp lại và tiếp tục phỉnh phờ: "Gươm quý phải nằm trong tay chúa tể rừng xanh thì mới hợp chứ! Xin dâng cả hai tay cho Ông."

Thấy hổ còn giùng giàng, tiếc rẻ nhìn thanh gươm của mình, thỏ bồi tiếp:

- "Tôi bé tí teo thế này mà lại mang gươm vừa to vừa dài, còn Ông lớn vừa to vừa khỏe mà lại dùng cái gươm bé tí nị thế kia thì đúng là cả Ông lẫn tôi đều làm trò cười cho những con thú khác. Có lẽ chúng nó đã cười nhạo chế điều chúng ta sau lưng rồi không chừng!"

Hổ gừ lên một tiếng, đưa thanh gươm cho thỏ và đoạt lấy thanh gươm thỏ đang đưa cả hai tay dâng lên.

- "Hừ! Đối thì đối! Mày nói nhiều

quá!"

Thỏ chớp lấy thanh gươm của hổ và ba chân bốn cẳng chạy biến. Nó mang thanh gươm của hổ về và kể lại cho rái cá và gà nghe chuyện đổi kiếm. Cả ba cười lăn lộn một hồi.

- "Thôi! Mình phải mang cái của quỷ này dấu biến đi mau kẻo nó thấy thì khôn!"

Thỏ, rái cá và gà mang thanh gươm đi thật xa nhà, đào hố chôn rồi về nhà rào rậu rẫy ngô cẩn thận thêm một lần nữa.

Trong khi đó hổ đi tếu một vòng, không kiếm được gì ăn, nó lại mò về rẫy ngô, tức giận khi thấy rẫy ngô đã được rào rậu kỹ. Nó vung gươm lên chặt hàng rào thì gươm của nó gãy ngay làm đôi. Hổ tức giận, xô cửa đi vào nhà và bảo thỏ, rái cá và gà rằng:

- "Chúng mày mang bắp ra đây cho tao ăn không tao cắn nát đầu chúng mày ra bây giờ!"

Thỏ, rái cá và gà bắt đầu đi phải mang ngô ra cho hổ ăn. Ăn xong, nằm khểnh một lúc nó lại đi chơi.

Thỏ tức lắm, nói với các bạn:

- "Chưa trừ được nó thì chưa yên được. Phải trừ khử nó ngay thôi."

Mùa cỏ tranh khô tới. Thỏ làm bộ xuống làng rồi về nói:

- "Có một nhà giàu dưới làng muốn cỏ tranh khô để lợp nhà. Họ gạ đổi một gánh thịt lấy một xe cỏ tranh khô. Các bạn nghĩ thế nào?"

Từ lâu hổ đã thèm thịt mà chưa được ăn, nghe thỏ nói thế thì nó giục cuống lên:

- "Còn chờ gì nữa? Chúng mày mau mau đi cắt cỏ tranh đi! Chậm trễ, họ đổi chỗ khác thì chúng mày chết với tao!"

Thỏ, rái cá và gà xúm lại cùng nhau hối hả cắt cỏ tranh. Hổ đã không làm gì cả lại còn đi theo hối thúc làm cả ba con kia đều tức lộn ruột, nhưng vì có âm mưu, do thỏ vạch ra, nên chúng đều nín nhịn, cố làm cho nhanh.

Chặt cỏ tranh lên xe rồi ba con, con kéo con đẩy coi bộ xằng xái lắm nhưng chúng giả đồ vụng về, làm cỗ xe lúc nghiêng bên này, lúc xẹo bên kia. Hổ trông thấy vừa chướng mắt lại vừa nôn nóng ăn thịt nên gạt ba con kia ra, hét:

- "Cả ba đưa chúng mày đứng là đồ ăn hại! Xê ra! Để đó cho tao!"

Thỏ nói:

- "Anh mà kéo thì nhất rồi! Nhưng sợ lúc xuống dốc vào làng xe một nơi anh một nẻo thì hỏng bét. Vậy anh có chịu để chúng tôi cột chặt xe vào người anh không?"

Hổ hét lớn:

- "Thì làm ẹ đi! Còn chờ gì nữa?"

Thấy hổ trúng kế, cả ba con vật đều mừng hóm. Chúng bện dây rồi măm mồm măm lợi cột thật chặt hổ vào cang xe.

Thỏ cắt đứt gà đi trước mở đường, rái cá đi sau đẩy xe còn mình thì leo lên xe ngồi để giữ cho cỏ tranh khỏi xô lệch.

- "Lẹ lẹ lên anh em!" Thỏ hô hoán,

liền thoảng để chia trí hổ. “Lè lẹ lên kéo có đứa nào nhanh chân đối trước thì... thịt ới là thịt, mi đi đằng nào?”

Vừa cười to thỏ vừa châm lửa đốt xe cỏ. Tranh khô bắt lửa rất nhanh làm thỏ nhảy xuống xe không kịp, hai tai bị cháy teo lại. Rái cá bị lửa tạt làm hai mắt sưng húp đi. Gà cũng bị lửa tạt vào mặt làm mặt mũi và mào trở thành đỏ gay. Hổ bị bỏng nặng nhất. May mà thỏ, rái cá và gà sức yếu nên dù cố gắng đến mấy cũng không cột chặt đủ để hổ bị chết thiêu theo cỗ xe cỏ, nhưng dù sao khi hổ vùng vẫy thoát ra được thì lông của nó cũng bị cháy nặng khiến cho chỗ vàng chỗ đỏ. Những chỗ bị dây cột chặt trở thành những vằn đen.



Tranh Hổ của Korea.

Hổ điên tiết, biết mình bị mắc mưu ba con kia, gầm lên chụp bắt khiến thỏ, rái cá và gà chầy tan tác mỗi con một ngã.

Từ đó lông hổ mới có những vằn đen.

SỰ TÍCH DANH-TỪ “ÔNG BA MƯƠI” (1, 6)

Truyện cổ tích Tà Ôi

Thuở ấu thơ Võ Đủ là một đứa trẻ ốm yếu nhưng tính tình hiền lành, ngoan ngoãn và lễ độ nên ai ai cũng thương mến. Khi lớn lên, Võ Đủ siêng

năng làm nương rẫy như mọi người, thỉnh thoảng chàng lại còn vào rừng săn bắn như một thợ săn lành nghề nữa. Khi săn bắn được nhiều hay hạ được con thú to, Võ Đủ thường mổ thịt chia cho dân bản nghèo hay yếu đuối không đi săn được khiến người ta lại càng thêm quý trọng chàng, một thanh niên cường tráng, tươi tắn và lòng trong veo, mát mẻ như con suối.

Một bữa, sau khi săn bắn vất vả mà chưa được con thú nào, Võ Đủ mệt mỏi nằm nghỉ dưới một tàn cây. Đang thiu thiu ngủ thì chàng bỗng giật mình, thấy một người cao lớn khoác áo da hổ tiến đến gần nói:

- “Ta là Chúa sơn lâm đây!” Người cao to, lực lưỡng đó nói: “Ta thấy người có lòng tốt nên muốn giúp người. Vậy người muốn gì, hãy nói mau!”

- “Con chỉ mong có thêm sức mạnh,” Võ Đủ đáp ngay không chút lưỡng lự vì đó là ước mơ duy nhất của chàng.

- “Được!” vị Chúa tể rừng xanh đó nói. “Ta ban cho người cái áo này. Khi mặc áo vào thì người không những chỉ có sức mạnh mà thôi mà còn có uy lực của một vị chúa tể nữa!”

Dứt lời, vị Chúa tể rừng xanh cởi ngay cái áo da hổ khăng khải trao cho Võ Đủ. Võ Đủ vừa chấp tay cung kính bái tạ và đón nhận cái áo thì chàng choàng tỉnh giấc. Té ra đó là một giấc mơ. Nhưng mà, kìa, đâu phải là giấc mơ vì cái áo đang sờ sờ nằm ngay bên cạnh! Võ Đủ đứng dậy, cung kính hướng về phía vị Chúa tể sơn lâm đã đến bái lạy ba vái và hướng về cái áo da hổ cũng vái ba vái trước khi kính cẩn cầm lên mang về nhà, giấu kín dưới mái nhà, chỗ cao ráo, sạch sẽ nhất.

Vào đêm ba mươi của tháng ấy cả bản bỗng vang dội tiếng hổ gầm. Hổ! Hổ ở đâu mà lắm thế! Dường như hổ của cả rừng kéo về vây quanh bản và nhiều nhất là quanh nhà Võ Đủ. Cả bản sợ thất người. Trâu bò và những gia súc khác nằm mọp cả xuống đất như những cục đá. Võ Đủ choàng dậy. Chàng nhìn ra thấy vô vàn đôi mắt cọp sáng quắc như sao sa đang hướng về chòi mình, lặng lẽ, nghiêm cẩn như đoàn quân giáp trụ chỉnh tề đang chờ hiệu lệnh của đại tướng. Như được phúc bẩm tâm linh, Võ Đủ bắc ghế, trèo lên kính cẩn hạ cái áo da hổ xuống. Chàng lại vái lạy ba lạy trước khi trịnh trọng khoác lên người.

Võ Đủ rung mình. Một sức mạnh phi thường bỗng rung rung chuyển vào chàng khiến chàng cảm thấy mình trở nên cao lớn, chân tay giậm giột. Chàng tung cửa, phóng như bay vào rừng đêm. Và rừng đêm, trước mắt Võ Đủ, không còn tối mò như phút trước nữa mà sáng lòa hơn cả ban ngày. Đàn cọp phóng vút theo Võ Đủ. Trong khoảnh khắc, cả bản im phăng phắc, một chiếc lá rơi cũng nghe thấy tiếng. Phải một hồi lâu sau, chim rừng mới dám rời rạc, khe khẽ kêu đêm.

Từ mờ sáng hôm sau, dân bản lũ

lượt kéo đến nhà Võ Đủ thăm hỏi vì đêm qua hổ đến quanh nhà chàng nhiều nhất và cũng từ đây chúng lặng lẽ rút đi trước nhất.

Võ Đủ tươi tỉnh chào bà con rồi chàng hướng dẫn họ vào rừng, lên núi gánh thịt về. Xác lợn rừng, hươu nai, sơn dương nằm la liệt, đủ để cho tất cả mọi nhà trong bản. Võ Đủ cẩn thận nhắc họ phải để lại nơi mỗi con thú một phần thịt ngon để tạ ơn thần rừng, cúng chúa tể sơn lâm. Mọi người răm rắp nghe theo.

Từ đó thành lệ. Cứ đến đêm ba mươi hàng tháng là lại có tiếng hổ gầm quanh bản, nhất là quanh nhà Võ Đủ và sáng sớm mùng một dân bản lại kéo đến nhà Võ Đủ để được chàng chỉ cho chỗ có con thịt.

Thế rồi chuyện bất hạnh xảy ra. Trước hết có kẻ tọc mạch đêm ba mươi lên đến nhà Võ Đủ rình mò. Thấy chàng hóa hổ hần hoảng kinh, thêu dệt những điều tiêu cực về Võ Đủ khiến một số người e ngại, để phòng chàng. Kế đó trưởng bản, thấy Mo, thấy uy tín của họ bị sút giảm nặng nề trong mắt dân bản vì đã có một số người coi Võ Đủ như thần mình. Trưởng bản và thấy mo bắt đầu rĩ tai những dư luận bất lợi cho chàng. Và bất hạnh nhất là dân bản trở nên ý lại, họ lười biếng săn bắn mà chỉ ngong ngóng chờ đến ngày mùng một đến nhà Võ Đủ là đã có thịt rồi. Nhưng điều tệ hại nhất là dân bản trở nên tham lam, bất kính. Họ giành nhau phần thịt và nhiều khi cắt xén và thậm chí lờ đi không biểu phần thịt cho thần rừng, cho Chúa tể sơn lâm. Võ Đủ rất đau buồn về chuyện này và linh cảm thấy đại họa sắp đến. Cuối cùng đại họa đến thực.

Trong cơn ác mộng một đêm kia Chúa tể rừng xanh hiện ra, khiển trách Võ Đủ và lấy lại tấm da hổ. Sáng ra Võ Đủ mệt lả không gượng dậy nổi. Thế rồi chàng ốm liệt giường. Thấy không còn tiếng hổ gầm vào đêm ba mươi nữa còn Võ Đủ thì nằm liệt một mình toàn thể dân bản bấy giờ mới thấy tiếc và quý phần thịt hàng tháng và càng quý, càng tiếc bao nhiêu, họ càng thương chàng bấy nhiêu. Họ kéo đến nhà Võ Đủ thăm hỏi và gạn hỏi sự tình. Võ Đủ không giấu giếm điều gì. Chàng kể hết từ đầu đoạn buồn bã nói:

- “Vì dân bản không biết đoàn kết, không biết chia sẻ, yêu thương nhau, không biết ơn đấng đã ban cho nguồn thịt, nguồn sức mạnh mà ngài đã ban cho tôi, cũng là cho tất cả mọi người...”

Đó là những lời cuối cùng của Võ Đủ. Chàng không phiền trách ai, không oán hờn ai nhưng đó là những lời vàng ngọc mà dân bản khắc cốt ghi tâm và truyền lại hết thế hệ này sang thế hệ khác.

Đám tang Võ Đủ được cử hành trang trọng và cảm động. Trước phần mộ chàng người ta trân trọng hứa từ nay sẽ yêu thương, chia sẻ và nhường nhịn

424
1890
34

nhau để khỏi cô phụ lòng chàng. Và cũng kể từ đó, mỗi lần săn bắn được một con thú nào người ta cũng không quên để lại một phần ngon lành nhất để cúng lăm thần như lời dặn dò của chàng. Chúng ta có lý để tin rằng nguồn gốc của danh từ "Ông Ba Mươi" bắt nguồn từ sự tích chàng Võ Đủ, một con người thanh sạch, tốt lành, đáng kính nhất của dân tộc Tà Ôi.

Sự Tích Tại Sao Hồ Có Văn và Trâu không Có Răng Trên (3)

TRÍ KHÔN CỦA TAO ĐÂY!

Truyện cổ tích dân tộc Kinh

Một hôm có một con hổ từ trong rừng đi xuống làng. Giữa buổi trưa trời nắng chang chang hổ nằm trong bóng cây nhìn ra thấy một nông phu và một con trâu đang hì hục cấy ruộng. Hơi nóng hầm hập bốc lên từ ruộng. Con trâu trong có vẻ mệt mỏi lắm rồi. Tuy nhiên nó vẫn cố cặm cui kéo cái cày lết đi từng bước. Tưởng vất vả như thế thì được chủ thương lắm, nào ngờ thỉnh thoảng người nông phu lại giơ roi quát vun vút vào mông trâu và mắng chửi. Hổ ngạc nhiên lắm. Đến lúc nước dưới ruộng như muốn sôi lên và trâu như không thể bước đi được nữa, bấy giờ người nông phu mới cỡi ách cho trâu lên bờ nằm nghỉ.

Hổ mon men lại gần trâu, hỏi:

- "Này trâu! Anh to khỏe thế, lại làm việc siêng năng vất vả như vậy mà sao lại để cho người đánh mắng, chửi rủa anh tàn nhẫn thế?"

Trâu đưa mắt nhìn chủ đang hút thuốc Lào ở phía xa, khẽ nghiêng đầu rỉ tai hổ:

- "Tuy nhỏ thế đấy nhưng người hơn ta vì có trí khôn, anh hổ ạ."

- "Trí khôn à?" Hổ ngạc nhiên, tò mò hỏi. "Mà trí khôn là cái gì? Nó như thế nào?"

- "À... Ồ..." Trâu không biết giải thích thế nào, bèn trả lời cho qua: "Thì trí khôn là trí khôn chứ còn gì nữa. Anh hỏi vợ vấn!"

Nghe trâu nói thế hổ càng tò mò hơn. Nó hơi phát cáu:

- "Anh mới vợ vấn! Trả lời thế thì bố ai mà hiểu được! Nói huych toẹt ra đi, trí khôn là gì vậy?"

Trâu bí quá, lại nhìn thấy vẻ mặt khấn khoản, cộng thêm thái độ hầm hè nữa của hổ, trâu đành đáp liêu bång một câu triết lý đồng quê:

- "Đã thế, để tôi nói toạc ra nhé: muốn biết trí khôn là gì thì phải có trí khôn trước*đã, anh hổ ạ."

Sợ hổ nổi nóng, trâu nói chặn trước:

- "Nếu tôi nói thế mà anh vẫn chưa nghe thì đừng đấy, người đấy! Người có trí khôn đấy, anh cứ tới mà hỏi thẳng, ắt sẽ biết ngay ấy mà!"

Hổ lườm trâu. Rồi, vừa dướm bước đi về phía người nông phu hổ vừa ngoái lại quở:

- "Rõ chán! Nói chuyện với kẻ không có trí khôn thật là uổng công."

Quở rồi hổ thông thả bước lại gần người nông phu, hỏi một cách xách mé:

- "Nghe nói bác có trí khôn phải không? Bác có thể cho tôi coi một tý được không?"

Từ nãy đến giờ, người nông dân vẫn kín đáo theo dõi cuộc nói chuyện giữa con hổ và con trâu của mình từ xa và đang suy nghĩ lao lung cách đối phó với hổ. Nghe hổ hỏi, bác ta mau mắn đáp:

- "Có! Có đấy anh ạ! Nhưng... nhưng tiếc quá! Trí khôn của tôi lại để ở nhà mất rồi."

Sợ hổ tức giận, người nông phu vội giải thích:

- "Anh biết đấy: Trí khôn quý lắm. Ai dời đi cấy ruộng mà lại đem theo để nó lăm lem bao giờ. Có phải thế không anh?"

- "Phải! Phải! Bác nói phải! Đúng là người có trí khôn có khác!" Hổ tán. "Nhưng bác phải về nhà mang ra đây ngay cho tôi xem mới được!"

Người nông phu vừa bước đi, nhưng bác ta làm bộ sức nhớ ra điều gì, quay lại bảo hổ:

- "Nói thật với anh, tôi muốn chạy ù ngay về lấy ra cho anh xem. Của quý ai mà chẳng muốn khoe, có phải thế không nào? Nhưng mà..."

- "Nhưng mà... gì nữa?" Hổ hơi bực, hỏi gặng.

- "Nhưng mà... ngộ nhỡ tôi về nhà, anh ở đây một mình với trâu của tôi... anh cao hứng... sức mất trâu của tôi thì sao?"

Hổ nhìn thẳng vào mắt người nông phu, đồng dặc nói:

- "Nói thật với bác: tôi vừa ăn no rồi. Tôi chỉ muốn coi trí khôn là gì thôi. Bác yên tâm."

- "Thế thì hay quá!" người nông phu nói. "Nhưng mà, nói anh bỏ lỗi cho: Mời anh ngồi vào chỗ bóng cây kia, rồi nếu có thể xin anh cho phép tôi được buộc tạm anh vào gốc cây cho chắc ăn, có thể thì tôi mới yên tâm mà về nhà lấy trí khôn cho anh xem được."

Hổ ngần ngừ một chút rồi ốc tò mò khiến nó quên tất cả, nó gật đầu ưng thuận.

Người nông phu gỡ hai sợi dây thừng đang cột vào cái ách trâu, trói hổ vào gốc cây. Mới đầu bác ta còn nhẹ nhàng, sau đó thấy hổ không có phản ứng gì, bác càng trói chặt. Vừa trói, bác ta vừa nói để làm hổ không để ý việc mình đang làm:

- "Anh xem rồi, nếu anh thực sự thích trí khôn của tôi, tôi sẽ xẻ ra biếu anh một ít lấy thảo. Cái đó gọi là... hà, hà... chút quà làm quen ấy mà..."

Sau khi thử thấy hổ không thể cựa được rồi người nông phu mới lấy roi quát hết sức bình sinh, bác ta vừa quát vừa la toáng lên:

- "Trí khôn của tao đây! Trí khôn của tao đây! Mà còn đòi xem nữa không?"

Đánh chán, người nông phu lấy rơm mà bác mang theo cho trâu ăn chất quanh hổ và ném cái bụi nhùi hút

thuốc Lào vào, châm lửa thiêu hổ.

- "Đã thấy trí khôn của tao chưa?" Bác quát. "Đã thấy trí khôn của tao chưa?"

Lửa tráp bùng, hổ càng hoảng hốt, cố cựa quậy, mãi cho đến khi những sợi dây thừng cháy hết mới vùng ra được, chạy trốn về rừng.

Con trâu thấy thế thích trí quá, cười lăn lộn, chẳng may hàm trên đập vào tảng đá gầy sạch không còn cái nào.

Từ ấy, hổ sinh ra trên mình đều có những vằn đen, ấy là vết tích của những sợi dây thừng cháy mà ông cha để lại. Cũng từ ấy, do tội tổ tông mà không con trâu nào có hàm răng trên cả.

Và cũng từ ấy mà hổ mang mối thù truyền kiếp với trâu.

CON HỔ CÓ NGHĨA (4)

Truyện cổ tích dân tộc Kinh

Trước khi Ngô Quyền phá tan quân của Thái Tử Hoàng Thao trên sông Bạch Đằng vào năm 939, mở đầu nền độc lập đầu tiên của đất nước thì Giao chỉ là một quận huyện của cường quốc Bắc phương. Quân đô hộ mặc sức ngang ngược, coi nhân dân và cả tướng sĩ Giao Chỉ như cỏ rác.

Trong thời kỳ đen tối ấy có một vị tướng tài là Lê Minh vốn người yêu nước thương nòi. Vì không tuân lời bốc lột dân chúng theo ý quân đô hộ nên vợ con bị giết sạch, quân sĩ của ông bị cầm tù. Tướng Lê Minh phải chạy trốn vào rừng sâu.

Là một võ tướng cường tráng, ông chặt cây đốn gỗ tự tay dựng cho mình một ngôi nhà nhỏ, vững chãi. Hàng ngày ông xách rìu vào rừng đốn cây, ngã gỗ sống, cuộc đời của một tiểu phu. Một thân một mình, với sức khỏe sẵn có, lẽ ra Lê Minh có thể sống tương đối thoải mái. Nhưng mỗi khi chiều xuống, nghĩ đến cái chết thảm của vợ con, đến tình trạng tù đầy của quân sĩ và sự lăm than của đồng bào thì ông lại vô cùng buồn bã. Thân cô, thế cô thế này thì chừng nào mới trả được thù nhà, nợ nước?

Một buổi sáng kia, như mọi buổi sáng khác, Lê Minh đang đốn gỗ thì ông nghe thấy những tiếng gầm rú đau đớn của một con hổ. Bỏ dở công việc đang làm, Lê Minh tìm đến chỗ phát ra tiếng kêu thì thấy một con hổ to đang bị một thân cây đổ cực lớn đè cứng. Con hổ tuy khỏe song thân cây quá to, quá nặng làm nó vô phương thoát ra. Thấy tội nghiệp, Lê Minh vội về và ra hiệu cho con hổ nằm yên, đoạn ông trở lại chỗ đang hạ cây lấy cái cưa mà ông mới đổi được của đồng bào dưới chợ. Sau khi cho con hổ uống chút nước, xoa dịu nó, ông ra sức cưa thân cây và một hồi lâu sau, tuy người và mồ hôi như tắm và mệt gần đứt hơi, Lê Minh rồi cũng cắt rời được thân cây ra làm đôi. Dùng một cành cây lớn làm đòn bẩy, ông bẩy thân cây, giải

thoát cho con hổ. Con hổ từ từ trỗi dậy, đến trước mặt Lê Minh cúi đầu, đôi mắt ngược nhìn ông thật thiết tha, triu mến. Lê Minh mỉm cười, gật đầu. Con hổ cúi đầu thật thấp chào ông một lần nữa rồi mới đi khuất vào rừng sâu.

Cả ngày hôm ấy Lê Minh làm việc rất vui và đêm ấy, lần đầu tiên, ông ngủ được một giấc thật say, không ác mộng.

Buổi sáng hôm sau, khi Lê Minh mở cửa nhà để đi rừng thì ông ngạc nhiên thấy trước cửa xác một con nai. Ông cảm động lắm, biết là con hổ đã tỏ lòng biết ơn cứu mạng theo cách của nó. Lòng vui phơi phới, Lê Minh vác con nai ra chợ ven rừng và đổi được nhiều thứ rất ích dụng. Thế rồi buổi sáng hôm sau và nhiều buổi sáng tiếp theo, rất hiếm khi không có gì, hễ Lê Minh mở cửa ra là y như ông đã thấy một con thịt nằm sẵn ở đó. Thường là hươu nai, thỏ rừng, cây cáo, có khi lại có cả một con lợn (heo) rừng kéch xù nữa. Cuộc sống của ông từ đó trở nên sung túc, nhàn hạ vì ông không còn phải vào rừng đón củi độ nhật như trước kia.

Nhưng nhàn cư người ta dễ trở thành một con mồi ngon của trí óc, nhất là của trí nhớ. Lòng Lê Minh vô cùng sâu thẳm mỗi khi nghĩ tới vợ con, thủ hạ, đồng bào. Càng thương cảm ông càng căm hờn quân đô hộ bạo tàn. Và càng căm hờn thì Lê Minh lại càng tuyệt vọng. chán chường vì sự bất lực của mình.

Như linh cảm được ý nghĩ của Lê Minh, con hổ đã gắng sức làm thay cho ân nhân của nó điều mà ông không làm được: Một buổi sáng Lê Minh kinh ngạc, xúc động và biết ơn con hổ xiết bao, vì ngoài xác con thịt như thường lệ, ông còn thấy bên cạnh xác mấy tên quân Nam Hán nữa.

Nhưng nổi hủ hê được trả thù của Lê Minh không được lâu. Khi ông đang đào hố chôn rắp xác mấy tên giặc thì đồng bọn của chúng đã theo dấu máu tìm đến nơi. Chúng đánh đập Lê Minh tàn nhẫn trước khi kéo về trại, xử tử ông và ném thây ra chợ để thị uy.

Suốt đêm hôm đó cả rừng núi vang dội tiếng hổ gầm rú thê thảm. Nó đã mang thây Lê Minh về, cào hố chôn ông và đắp một nấm mộ lớn rất cao.

Những đêm sau đó, tất cả những tên đã đến bắt Lê Minh hay tham dự vào được xử tử ông đều bị hổ quật chết. Lần lượt từng tên một, không sót một tên nào. Mặt mũi, thây chúng đều bị hổ vả, cào nát ra, trông không còn ra hình hài con người nữa. Sự trả thù của mãnh hổ khiến quân Nam Hán phải rùng mình, sờn gáy còn dân Giao Chỉ thì, trái lại, rất hả hê.

Từ đấy, chiều xuống là quân Hán không dám ra khỏi trại đi la cà cướp bóc như trước nữa và đêm đêm trong rừng vang vọng tiếng hổ rên rĩ đau thương.

Rồi một đêm người ta ngỡ ngác không nghe thấy tiếng hổ gầm. Tò mò, người ta lần vào rừng và ứa lệ khi thấy xác một con hổ lớn nằm phủ phục trên mộ tướng Lê Minh.

Những người biết chuyện, xúc động bảo nhau:

- "Nghĩa hổ đã chết theo ân nhân của nó."

Chuyện ấy đồn xa và có thể đó là một trong những nguyên nhân khiến người dân sống ở gần rừng thường tôn thờ "Ông Hổ" - như để cảm kích, để cầu xin một sự che chở và cũng để làm gương cho những con người mất trắng vong ơn bội nghĩa, sống như thú hoang trong xã-hội loài người. ■

(Phóng tác theo truyện "The faithful tiger" của Ruth Q. Sun trong "The Asian Animal Zodiac," Charles E. Tuttle Co., Boston, MA 1974, pp.67-69)
NGUYỄN-HỮU-HIỆU

CHÚ THÍCH

*Trần Dân Tiên là tác giả cuốn "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch" và T. Lan là tác giả cuốn "Vừa đi đường vừa kể chuyện," hai cuốn sách mỏng nhiệt liệt ca ngợi những thành tích huy hoàng của "Bác Hồ," đặc biệt kính phục ca ngợi tính khiêm tốn của Bác: mặc dù là người đã làm những hành động kinh thiên động địa nhưng Bác nhất định không chịu nói về mình cho cả nước, cả thế giới biết. Nhập đề chung cho cả hai cuốn sách trên là "Tôi" (Trần Dân Tiên, T. Lan) xin phỏng vấn Bác Hồ về những hoạt động của người thì Bác cười, gạt đi và bảo rằng "Chú" nên đi hỏi những người khác vì Bác nhiều việc quốc gia quan-trọng hơn để làm. Điều lý kỳ là các "tôi" Trần Dân Tiên và T. Lan, có tên mà lại là nặc danh trên, lại chính là Bác Hồ! Và chính Bác Hồ lại đích thân ra chỉ thị phải cấp tốc dịch những cuốn sách viết về mình ra tiếng nước ngoài để cho cả thế giới biết.

Điều lúng túng, nhức nhối, của đảng Công-sản Việt Nam bấy lâu nay là phải xử lý thế nào với hai 'kiệt tác' kia? Thế mà nay soạn giả cuốn tập đọc lớp ba lại dám công khai "Thông báo" cho cả nước kể từ trẻ lên 9, lên 10 biết Hồ-Chí-Minh chính là hai tác giả nặc danh kia. Ngoài việc tịch thu cuốn tập đọc, không biết hình phạt nào đã giáng xuống đầu soạn giả - hay các soạn giả. Những người can đảm đó là ai? Mong quy-vị trong nước tìm hiểu và cho biết nguyên-văn bài tập đọc kia. Xin cảm tạ.

Chúng tôi chắc có nhiều người sẽ bị sốc nặng khi biết vụ việc trên nhưng đối với những người đã nghiên cứu Tử Vi Mười Hai Con Giáp thì lại là một việc bình thường,

ACKNOWLEDGMENTS.

Articles like mine in this issue must necessarily draw on the work of many experts on tigers, scientists, conservationists, photographers, illustrators, folkstale tellers, astrologers, encyclopedists. While I thank them collectively, my indebtedness and admiration to the following individuals must be specifically expressed: Peter Matthiessen, Maurice Hornocker, Michael Nichols & Geoffrey C. Ward, K. Ullas Karanth, Stephen Mills, Stanley Breeding & Belinda Wright, and Schim Schimmel who open my eyes to the beauty and respectability of the tiger, Suzanne White, Theodora Lau, Dr. Henning Hai Lee Yang and Ruth Q. Sun who open my mind to the serious and profound meaning of the Chinese horoscope and Chinese astrology in general.

Happy New Year of the Tiger!

Chơn Pháp Nguyễn-Hữu-Hiệu



THƠ TRỤ VŨ

TRÁI TIM MẸ HIỀN

30. Mẹ là hạt bụi
Mẹ là niềm đau
Mẹ là giọt nước
Mẹ là cảnh lau
Trong lòng hạt bụi
Con tròn xua sau.

37. Vì hai chữ vĩ đại
Con bỏ lại mẹ già
Thương bấy nơi xa ngái
Liếp cải võ vàng hoa.

42. Bốn ngàn năm có chắc
Là có đó hay không
Cứ hỏi mẹ thì biết
Hạt sương chiều mệnh mông.

43. Làm sao để khôi phục
Mẹ - trong lòng đứa con
Làm sao để phó chúc
Mẹ - trong lòng nước non.
Sài Gòn

rất bình thường vì Hồ Chí Minh sinh năm 1890, tuổi Canh Dần, mạng Kim. Mà một trong những đặc tính của Dần, theo nhà tử-vi Trung Quốc lừng danh Theodora Lau là "có một cái tôi vĩ đại" ("The Tiger native has a huge ego" - *The Handbook of Chinese Horoscope* p.63), và theo Suzanne White, vì căn bệnh ngã chấp (Egomaniac) này nên "Dần là những kẻ tự đề cao mình không biết mệt" ("Tigers are indefatigable self-promoters" - *The New Chinese Astrology* p.92) ■

giữa những bước đi lạnh lùng
giữa những ngón tay mùa đông
giữa những trái tim lửa quạnh
giữa những lời yêu cô đơn
giữa những hoàng hôn im lặng
giữa những ân tình trống trơn
em thổi tới mùa xuân
thơm nụ hôn đầu ngơ ngác
DUY THANH, (Hy Vọng)

Duy Thanh 10

Nét vẽ Duy Thanh, San Francisco, tháng 1. 2010.

DUY THANH

BA BÀI THƠ

Hai cánh tay trần trụi gió lên
cặp mắt mở tròn không chớp
có nghe những tiếng kêu rừng rú trên

làn da
như thú dữ chạy dài ngàn khuya lửa cháy
hãy nhìn lên nhìn lên sẽ thấy
chiếc đầu kia gối lên những ngôi sao lạ
bóng bênh

hai cánh tay ruỗi dài thẳng mãi
và mồm kia cứ mãi nín câm

Chiếc guốc võ lênh đênh bên bờ cát
một chiếc mà thôi
chiếc guốc ai lênh đênh bờ cát
lắc lư hoài
không thôi không thôi
mà cũng không trôi
không trôi.

(Sáng Tạo, bộ mới)

■ Noel vừa qua Khởi Hành gửi thư cho họa sĩ Duy Thanh xin anh một vài nét vẽ; một trong những tấm tranh anh cho in ở trên. Nhân đó, lục lại hơn chục cuốn Tạp chí Sáng Tạo, tờ báo anh có tên trong Ban Biên tập, nơi anh vẽ, in truyện ngắn, và đăng thơ, tôi tìm được ba bài trên đây, (bài "Chiếc Guốc" ở bộ cũ,) hai bài còn lại ở bộ mới. Nhắc đến Hội Họa Miền Nam sau 1954, là nhắc đến tên tuổi Duy Thanh, bên những Thái Tuấn, Ngọc Dũng, những họa sĩ nổi tiếng suốt ba thập niên mà tôi được biết. ■ VL

Viên Linh than,

Cuối năm Tây tôi nhận được (cũng như những năm qua) thư-thiệp chúc Năm Mới từ một số nhỏ bạn già Tàu và Việt. Bạn trẻ (Tàu và Việt) hầu hết Mỹ hóa ưa nhóm bạn và say sưa ca hát hơn là dùng những thư-thiệp có lo góc Tàu cộng và Việt cộng.

Đáp lại tấm lòng của những bạn già, tôi copy trên giấy hồng kèm mấy chữ chúc lợi nhau. Đáng lẽ viết lời chúc bằng chữ Hán cơ nhưng tay run mất rồi sợ viết bạn đọc không ra, bèn dùng thứ chữ Hán phiên âm qua chữ Việt abc vậy. Copy bài thơ làm đêm Giao Thừa Tây 2010, trao nhau chút cảm khái đêm cuối năm.

Thân mến gửi tặng 'Khởi Hành' đọc cho vui dịp đầu năm. Thư Mặc Đỗ gửi kèm thơ.

MẶC ĐỖ

GIAO THỪA 2010

Đêm lạnh lẽ loi thơ thần ngổ
Nhâm nhi toan cạn nửa chai thôi
Giao thừa mỗi Tết tình thu gọn
Lạ hoặc đêm nay không Tết tôi

Mọi năm đông đủ đón năm Tây
Đất khách an thân ân nghĩa đầy
Thiên hạ vui tràn ta hưởng ứng
Nay riêng hiu hắt hoá thơ say

Rượu cũng say rồi cứ rót tràn
Nửa chai toan cất sắp tiêu tan
Nguồn thơ chưa dứt dòng men nữa
Sẽ cạn dĩ nhiên khỏi phải bàn

Quanh nhà tiếng pháo mời khai nũa
Chẳng ngại quay lơ đêm cuối năm
Thêm một chai cho vui đặc Mỹ
Lê-Mười mừng một tròn trăng rằm
Austin, Texas, 7.1.2010

Tặng anh Mặc Đỗ, không quen họa thơ cũng cố họa thơ anh; mừng Tết Tây anh 93 tuổi, Người đọc anh từ Hà Nội 1952 qua "Cái Đêm Hóm Ấy" của SM: Viên Linh.

VIÊN LINH

ĐÓN TẾT CANH DẦN

Thấp thom không yên đứng lại ngổ
E son nào nhạt phấn nào thôi
Năm tàn tháng lụn xuân tình lẻ
Chẳng biết vì ai chẳng phải tôi

Đông trùng hạ thảo chuyện riêng tây
Đi ở lòng ai bát nước đầy
Nhan sắc ối dào, người bất hứa
Mười lăm rất tỉnh, có khi say

Cố giữ ly với giọt vẫn tràn
Tiệc hoa kim cổ hợp rồi tan
Hai mươi năm cũ, bầm lăm mới
Sóng gió thời gian chuyện hết bàn

Hồ đã bao lần thêm hồ nữa
Một trà một rượu suốt bao năm
Thì thôi xé lịch âm dương muộn
Chẳng cũ nguyên tiêu chẳng cũ rằm. ■
Little Saigon, Calif., 15.1.2010

HỌA
THƠ
TẾT

THƠ ĐEN THƠ VINH



NGUYỄN DUY ÂN

ĐUÔI TRÂU ĐẤU CỌP

Năm nay, năm Cọp tiếp năm Trâu,
Đất nước e tiêu với Cộng Tầu?
Hà Nội nhục nhằn quỳ dưới gót!
Bắc Kinh được thể cỡi lên đầu.
Tên toàn Dũng, Mạnh... ngu hèn thế!
Họ thầy Nông, Hồ... gốc gác đâu?
Thứ giống phản nòi như Cộng phỉ
Làm sao giữ nước được bền lâu?

Cáo Vẹm luôn luôn dựa Cọp Tầu!
Mưu cho ngôi báu được dài lâu
Chữ vàng múa mép gian lừa nghĩa
Bốn tốt khua môi dối gạt câu
Uốn lưỡi, quan thấy khi diễn kịch
Lên gân, tôi tớ lúc cơ cầu
"Oai hùm cáo mượn" trò muôn thuở
Hù dọa nhân dân để đập đầu! (1.1.2010)

ĐẾN LƯỢT TÔN GIÁO

Triết đi La Mã để khoe khoang
Kể lễ công ơn với Giáo Hoàng:
"Tôn Giáo Việt Nam đời tốt đẹp
Tín đồ khắp nước sống hân hoan
Những người phạm tội như ông Lý
Luật pháp công bằng chẳng xử oan!
Lưỡi cáo lừa lời "phân hóa" khéo
Không chừng Giáo Hội cũng tiêu tan!

Tại đại hội Việt kiều ở Hà Nội, Nguyễn Minh
Triết khoe đã từng "phân hóa nội bộ" chính
phủ Obama, trung tuần tháng 12.09 Triết đi
La Mã trong mưu đồ lừa gạt để "phân hóa
nội bộ" tòa thánh Vatican (?)

ĐẠI HỘI NHÀ VĂN QUỐC TẾ!

Văn nhân nhập Việt học nghề nô?
Viết lách theo đơn đảng Cộng Hồ!
Thi bá: ngôi cao nhờ nịnh hót!
Văn tài: chức lớn nhờ bung bô!
Đình Thi mãi giữ ngôi thần tượng!
Tố Hữu luôn ôm mẫu vẽ đồ!
Đầu biết thời nay không dễ bịp
Cũng liều tổ chức để lòe, phò! (16.12.09)

Tin VN: Hà Nội tổ chức Hội nghị các nước
để giới thiệu văn học VN, khoe có "108 nhà
văn quốc tế huộc 32 nước tới Việt Nam tham
dự hội nghị. Hội nghị diễn ra trong 6 ngày (từ
5 - 10.1.2010) tại Hà Nội.

NGUYỄN QUAN HÀ

CANH DẪN KHAI BÚT

Quanh-quần Canh Dẫn đã tới nơi,
Quần-quanh sau trước một ta thôi!
Lái xe vài tiếng xem chừng mệt,
Cuộc bộ hơn cây thấy muốn ngồi.
Bè-bạn anh em chơi cảnh Phật,
Nước-non biển đảo lọt tay người.
Súng gươm nặng trĩu cùng năm tháng,
Thế cũ mong con cháu cuối trời!
010110

TÚ KHÊNH

TỰ THÁN

Tết sang viễn xứ chạnh niềm đau
Bao kẻ mừng vui, mấy kẻ sầu?
Nội trị chưa yên quân tặc Cộng
Ngoại xâm lại vướng lũ man Tầu.
Thù nha chẳng ổn chân chùn gối
Hận nước nào với tóc bạc đầu.
Xuân mãi vô tình đi lại đến
Ai người tâm huyết, nhẩn đôi câu?

Los Angeles

SƯ BÁC LỖ BỘ

Sư bác phen này lỗ vốn to
Bao năm chạy chọt tưởng nên trò.
Quốc sư chẳng toại thêm tai tiếng
Giáo chủ không thành rõ mặt mo.
Ngũ giới thường tri tâm chánh định
Tam qui buông thả tánh quanh co.
Luân hồi quả báo xoay vô tận
Phật quốc sư ông lỗ chuyển đồ.

VIẾT THÊM

Pắc Pó hổ ly truyền Mác thuyết
Tây nguyên giặc cướp yếm Mao ngôn.

Kỷ Sửu trâu gặm, đằm Dừng Triết
Canh Dẫn Cọp rống, tổng Khiêm Nông

PHẠM CÂY TRÂM

CANH DẪN TÂN NIÊN

Năm Cọp tân niên lại đến rồi
Tuổi đời bảy tám bóng mây trôi
Không canh mai Tết quê ngày khuất
Chẳng pháo hồng Xuân lệ giọt rơi
Cốc rượu nghinh xuân mong chuyển thế
Bài thơ khai bút ước xoay đời
Xuân về phước lộc, xuân hy vọng
Tóc bạc hùng tâm vượt bể khơi...

NĂM TÀN VIỄN XỨ

Viễn xứ tàn năm tuyết trắng bay
Gấm thân tị nạn nghĩ càng đau
Trời e đất sụp không hoa nở
Cảnh ngại thơ buồn chẳng rượu say
Xót nỗi đau ta, buồn nỗi nước
Khổ ngày mặt vận, đợi ngày sau
Giờ không nêu pháo mà Xuân Tết
Một cõi riêng mình khổ nỗi quay.

Arlington, TX

TÂM HỮU phỏng dịch thơ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

ẤT SỬU TÂN XUÂN HỖ TÁC

Thiếu quang thực ước cấp giai thần,
Tối ái, kim xuân thắng tích xuân.
Hoa đán trùng lai tân tuế sóc,
Bạch đầu kỷ kiến cựu thời nhân.
Thư ngôn đồ Ý nhân trung lạc,
Tửu sử thi cuồng phận ngoại thân.
Hà nhật tái phùng Nghiêu Thuấn thế,
Thái bình thiên tử thái bình dân.

VUI XUÂN ẤT SỬU ĐỂ THƠ

Ánh xuân ấm áp rạng ngời,
Xuân nầy còn đẹp gấp mười xuân qua.
Đầu năm hoa Tết khắp nhà,
Nhìn mình tóc bạc tưởng là người xưa.
Cảnh nhân bạn với tranh thơ,
Ngâm tràn mấy tiếng cho vừa men say.
Bao giờ thịnh trị nơi này,
Vua dân cùng được những ngày bình yên.

THA NHÂN

TRẢI CHÚT LÒNG SON

Lặng lẽ thời gian cứ lướt qua
Ngang nhiên chúng bán hết Sơn Hà
Nam Quan Bản Giốc không thương tiếc
Hải đảo Hoàng - Trường chẳng xót xa
Giữ nước Quốc Gia phò chính nghĩa
Buôn dân Việt Cộng lộ tà ma
Cơ Trời khó chuyển đành ôm hận
Trải chút lòng son với lá hoa.

Cam thành Nov 11.2009

CHỖ PHÂN VÂN

Canh Dẫn xuân đến chúc chư quân
Dồn hết đấu tranh gấp bội phần
Trí thức mau mau cùng góp sức
Bình dân chong chóng đứng quay quần
Lưu vong hun đúc lòng hưng quốc
Tỵ nạn tô bồi chí dẫn thân
Việt Cộng càng ngày càng khiếp nhược
Ra tay dứt điểm chỗ phân vân.

Cam thành trước thềm Năm mới Canh Dẫn, Jan, 2010

LỤC BÁT HAI CÂU

CÁT NGUYỄN

HAI CÂU XUÂN TẾT

Gửi Quà
Tết về gửi một chút quà
Quê nhà bớt khổ mẹ già thêm xuân
Hội Tết
Xứ người hội Tết lần la
Quê hương ở đó mà xa vô cùng
Báo Tết
Tết về không pháo không hoa
Đăm tờ báo Tết cũng tha xuân về
Chúc Tết
Ngày xuân nghe cháu chúc xuân
Bi bỏ tiếng Việt thấy gần quê hơn. ■
Sacramento

Câu Đối

NGUYỄN QUAN HÀ

TẾT CANH DẦN

Xuân đến thì Xuân, quê xa nước mất chi vui,
sắm gốc mai vàng cho có Tết.
Tết về ừ Tết, sức lụn tuổi già cũng chán,
treo phong pháo đỏ gọi là Xuân.

CANH DẦN TỰ SỰ ĐỐI LIÊN

Thương hải vị điền, quốc xỉ dân cùng thù thượng tại!
Bạch đầu ưng thậm, kiểm trầm pháo chiết hận trường tồn!
Nước nhục dân cùng vẫn đó, chưa lấp biển xanh?
Gươm chìm súng gãy còn đây, càng buồn đầu bạc!

CÂU ĐỐI TẾT HẢI NGOẠI

Nhân-sinh quá nửa, năm tới năm đi, đất khách đêm ngày
khắc-khoải. Làm được gì chưa, giúp được gì chưa,
xấu mặt khôn đền ơn Tổ-Quốc.
Thế-kỷ phân ba, tết qua tết lại, quê người sớm tối
băn-khoăn. Đáp chừng mấy nả, đền chừng mấy nả,
thẹn lòng chưa báo nợ Non-Sông.

CÂU ĐỐI KỶ-NIỆM THUYỀN NHÂN

Lênh-dênh vận nước theo người, nam chìm bắc nổi,
đông dạt tây trôi, phần số đành trao sóng biếc!
May-rủi cơ duyên tùy phận, gió cuốn mây bay,
thiên đường đất hứa, tương lai thôi mặc cao xanh!

CÂU ĐỐI KHUYÊN CON CHÁU

Này con, ở đời chọn bạn con chơi, chớ phường giá áo túi
cơm, cai phu hoạn lợn, bản cổ kia rồi nặng tham-ô,
tổ quốc giang sơn cũng bán.
Hỡi cháu, nhập thế tìm thầy cháu học, đừng lủ hám danh
trục lợi, bồi bút văn nô, mặt mũi ấy sẽ dày hèn-hạ,
bạn bè làng nước coi khinh!

SINH ĐIỀU ÔNG TỔNG

Hỡi ôi! Người không nhận bố nhìn em,
một kiếp sinh ra đã uổng!
Ô hô! Đời chẳng vị dân vì nước,
trăm năm sống nữa cũng thừa!
Thượng hưởng! Thượng hưởng!

ĐỐI HỎI THĂM TỔNG MƯỜI

Lạ nhỉ, cụ ở trong dân,* chín chục tuổi còn nuôi con họ!
Dai thật, ông lớn thiện*chí, bao nhiêu năm mới bỏ đảng dùm?

* chữ mượn của ông vô danh.

CAO TIÊU

TÂN XUÂN ĐỐI LIÊN
Tặng Viên Linh và quý
độc giả Tạp chí Khởi Hành

新春對聯

百嶺會雲
竹柳含青春滿意
千江流水
林泉幽雅道常安

高第

Tân Xuân Đối Liên

Thiên âm

Bách lảnh hội vân
Trúc liễu hàm thanh
Xuân mãn ý

Thiên giang lưu thủy
lâm tuyền u nhã
Đạo thường an.

Diễn nghĩa

Trăm ngọn núi
tụ hợp mây trời
Khóm trúc
chứa mây và xanh

Mùa Xuân sang
thật là xứng ý
Ngàn con sông nước chảy
Suối rừng u nhã
Đạo được yên lành

Chuyển thơ

Xuân về đây đó Xuân ơi
Núi cao trăm ngọn
Mây trời hợp chung

Trời cao mây
núi trùng trùng
Chứa xanh trúc liễu
Sánh cùng Xuân sang

Ngàn sông nước
chảy menh mang
Mùa Xuân hội ngộ
đã chan chứa tình

Suối rừng u nhã Xuân sinh
Lòng yên với Đạo
thanh bình nở hoa

Thơ Xuân trong trắng ngọc
ngà. ■

Cam Thành, 1.2010

MỘT CUỐN SÁCH CŨ, NHỮNG PHÁT HIỆN MỚI VỀ TÁM TÁC GIẢ TÊN TUỔI UY TÍN TỪ '1940

NGUYỄN TÀ CÚC

NHÀ PHÊ BÌNH LÊ THANH
MỘT TÀI NĂNG MỆNH YẾU
và CUỘC PHÒNG VẤN CÁC
NHÀ VĂN NGUYỄN VĂN TỔ
ĐÀO DUY ANH, HOÀNG
NGỌC PHÁCH, TRÚC KHÊ
TRẦN TRỌNG KIM, TÚ MỠ

Cuốn sách *Cuộc Phòng Vấn các Nhà Văn* của Lê Thanh do nhà Đời Mới, Hà Nội, xuất bản khoảng 1942-1943 ngay trước khi ông qua đời là một tài liệu quý về tám tên tuổi nổi tiếng trong văn giới thời bấy giờ. Theo tập *Lược Truyện Các Tác gia Việt Nam - Tập II* (Trần Văn Giáp, Tường Phượng, Nguyễn Văn Phú, Tạ Phong Châu, Nhà Xuất bản Khoa Học Xã hội Hà Nội, 1972) thì Lê Thanh sinh ngày 8 tháng giêng năm 1913 và mất ngày 24 tháng 4 năm 1944 tại Hà Nội.

Lê Thanh tên thật là Nguyễn Văn Thanh, tự Khiết Phủ, làng Cam Đà, huyện Tùng Thiện, Hà Tây. Ông là trợ bút cho các báo *Phụ Nữ*, *Tạp chí Tri Tân*. Trong cuốn sách, Ông đã phỏng vấn Lê Thần Trần Trọng Kim, Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, Tùng Văn Nguyễn Đôn Phục, Trúc Khê Ngô Văn Triện, Song An Hoàng Ngọc Phách, Vũ Đình Long, Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu và Vệ Thạch Đào Duy Anh.

Mặc dù lìa đời ở tuổi 31, ông đã để lại các tác phẩm sau đây: *Năm mỗ thanh niên* (truyện), *Ly Di* (truyện), *Phê bình Tân Đà* (1939), *Trương Vĩnh Kí* (1943). Cuốn này rất thành công, dư luận cho rằng chưa có cuốn sách viết về một nhà văn nào kỹ càng đến như thế. Lê Thanh đã giới thiệu qua gần 100 tác phẩm của Trương Vĩnh Kí!

Lê Thanh được coi là một trong những nhà phê bình đầu tiên với lối viết cần trọng và chuyên nghiệp. Cuốn phỏng vấn này chứng minh điều ấy. Ông cho in kèm thủ bút và hỏi người được phỏng vấn để ghi rõ tiểu sử. Ông lại hỏi về những công việc quan trọng nhất đối với họ nên nếu so với sự nghiệp họ sau này, đó là những bước đánh dấu dự định và kết quả cuối cùng

của họ. Chúng tôi xin được trích ra vài đoạn trả lời trong mấy cuộc phỏng vấn ấy sau đây:

LÊ THẦN TRẦN TRỌNG KIM:

"Kể từ đầu thế kỷ của nước ta cũng như các nước khác ở Á Đông, có sự xung đột lớn của hai nền văn hóa cũ mà nền tảng là Nho giáo và văn hóa mới từ ở Âu châu đưa vào. Kết cục của sự xung đột ấy, văn hóa của mình sụp đổ tan tác rã rời... Người mình tựa như ngồi trên con thuyền không lái, về đời tinh thần, không biết bầu vút vào đâu. Như vậy, một phần là do văn hóa mới, một phần là do sự lầm lẫn trong học vấn của mình. Một người An-Nam thuộc vào hạng học thức là một môn đồ của Nho giáo. *Tứ Thư Ngũ Kinh* thuộc lâu lâu, nhưng thuộc chưa chắc là hiểu, nhất là cái tinh thần của Nho giáo thì ít người chịu đi sâu vào nó để hiểu biết một cách tinh tường. Thành ra một nhà nho có khi chỉ nhò ở cái áo khoác ngoài. Đến khi thấy một cái áo khác có cái hình thể khác mới mẻ hơn, cứ việc cởi cái áo cũ của mình để khoác cái áo mới vào, không do dự, không nhớ tiếc. Tiếc gì một chiếc áo, khi chiếc áo ấy chỉ có công dụng mặc cho đủ ấm cái thân trong một thời mà thôi!

"[...] Muốn tiến hoá một cách chắc chắn, không phải chỉ cần học lấy những cái mới của người mà còn cần phải biết rõ những cái hay của mình. Biết để mà giữ lấy, thiết tha mà giữ lấy, dù là trong cảnh ngộ nào. Những cái hay ấy tức là cái gốc của ta, cái tinh thần của ta; không có cái gốc ấy, dân tộc mình đã là một dân tộc vong bản." (trang 13-15, sdd)

ỨNG HÒE NGUYỄN VĂN TỐ:

"Tôi tưởng nho học không thể tàn được, mà chữ nho không thể mất hẳn, vì người mình còn theo thuốc bắc, còn theo đạo Phật, thì Hán học hãy còn: muốn đọc kinh, muốn hiểu đạo, phải đọc nho. Song nếu không phòng ngay, thì có lẽ sau này, nước ta sẽ có một hồi như hồi triều Lý, Trần, những người giỏi nho toàn là những người tu hành của đạo Phật. Mà lúc ấy, việc làm sử sẽ khó hơn vì có thứ sử liệu mất dần đi, hay 'tam sao thất bản.' Vì vậy, ngay bây giờ phải đem dịch sử chữ nho ra chữ quốc ngữ

[...] "Trong vòng hai ba mươi năm nay, văn xuôi ta tiến nhiều lắm. Chỉ hiếm những người theo phái tân học, theo Tây quá, thành ra mất cái tinh thần của tiếng nước nhà đôi chút. Mỗi văn chương có cái đặc sắc riêng, văn chương ta cũng vậy, theo Tây để bỏ mất cái đặc sắc ấy rất là không nên... Chắc ngài cũng nhận ra rằng người mình không ham học mấy. Thí dụ như người đồ bằng tốt nghiệp rồi, có công ăn việc làm thế thôi, không chịu học thêm. Tôi cho thế là nhầm lẫn. Người ta dạy cho bấy nhiêu là để cho mình tạm đủ sức mà học lấy; khi ở trường ra mới là chỗ khởi đầu, mình lại tưởng đã đến nơi rồi." (trang 46, sdd)

TÚ MỠ HỒ TRỌNG HIẾU:

"Năm 1932, anh Nguyễn Tường Tam cho tôi biết anh có định cùng mấy anh em lập một tờ báo trào phúng. Tôi quen anh Tam từ khi anh với tôi cùng làm ở sở Tài chính..."

"Giở lại với việc xuất bản tờ *Phong Hóa*.

"Trước hết chúng tôi chỉ có mấy người, đầu có anh Tam, anh Long (em anh Tam, tức là Hoàng Đạo), anh Lân

(em anh Tam, tức là Thạch Lam), và tôi. Mấy tháng sau mới có Khái Hưng và một năm sau, anh Thế Lữ. Anh Tam vừa viết vừa vẽ. Anh có cái óc làm việc rất khoa học, anh đã giao cho ai làm việc gì thì chỉ chuyên có việc ấy. Nhiều lúc tôi tỏ ý muốn viết những bài thuộc về một loại khác, anh khuyên chỉ nên chuyên về một lối. Có lẽ là một điều rất hay cho chúng tôi. Tôi có thể nói anh Tam là người đã tạo ra Tú Mỡ vậy. Phải có cho tôi một nơi thật tĩnh, tôi nghĩ ban ngày, viết ban đêm. Chúng tôi đi làm mà còn viết văn, thường bị người ta dị nghị. Người ta bảo chúng tôi đã lấy thì giờ đáng lẽ dùng làm việc sở để viết văn. Tôi không thể nào làm thơ ở sở được dù là thì giờ nhàn rỗi. Nhà nước có thể tin chắc chắn rằng Phan Hiếu không dùng thì giờ của nhà nước để làm thơ!" (trang 143-145, sdd)

VỀ THẠCH ĐÀO DUY ANH

(trả lời về việc làm cuốn Pháp Việt Từ Điển):

"Song lắm lúc bức quá. Vì nhà hẹp, bàn làm việc của tôi phải đặt ở cùng một gian với cửa hàng sách Văn Hoà của vợ tôi. Vả chăng nhà hàng không có người làm công, tôi phải ngồi đó để phòng khi vợ bận việc mà mình trông hàng giùm. Việc tỉ mỉ mà phải làm ở giữa gian hàng có lúc nao nhiệt, không khỏi có những người khách hay thốc mách đi lại sau lưng để xem mình làm cái gì. Ở hoàn cảnh ấy, mình phải tìm cách ngưng thần. Nhờ vậy, có khi người ta la hét bên tai mà tôi không để ý..."

"Nhưng cũng vì thế mà sinh ra dằn trí. Có lúc đương tìm định nghĩa một chữ rất lời thôi mà có người vào mua một ngòi bút một xu mà cũng phải bỏ việc đó đứng dậy bán giùm cho vợ đi vắng... Tôi vốn khi nhỏ thất học, chỉ nhờ công tự học mà biết ít nhiều. Nhưng vì tự học cho nên sự học thiếu căn bản. Bởi thế cho nên những sách tôi làm bấy lâu nay không có giá trị gì. Nó chỉ là chứng cứ của một nền học vấn non nớt và hổ lốn."

"Nhiều khi soát lại những việc tôi đã làm thì tôi tự thẹn, nhất là thẹn rằng cái sự nghiệp văn học non nớt và hổ lốn ấy đã tạo cho mình một cái hư danh mà tôi cho là rất nặng nề. Như hai bộ từ điển mà người ta cho là những sách có ích, có giá trị nhất của tôi thì tôi lại cho là nó tầm thường lắm; mỗi khi tôi nghe người ta nhắc đến thì tôi ngượng [...]"

"Về sử học, ngày nay ta đã thấy có nhiều người nghiên cứu đó là điều đáng mừng. Nhưng tôi xét phần nhiều các nhà sử học ta dùng tài liệu không được thận trọng. Một là không chịu tìm tài liệu gốc, chỉ dùng những tài liệu ngọn, những tài liệu đó người khác

đã chế hóa đi mất rồi. Hai là không chịu phê bình tài liệu mình dùng, hễ sách hay người trước nói thế nào liền cho thế là đúng chắc. Ba là hay tin những lời truyền thuyết, những lời do miệng người kể lại, mà nên lên cái tiếng to tát là "sử liệu sống." Bốn là hay có thiên kiến." (trang 166, trang 175, sdd)...

Ngoài tài phỏng vấn, Lê Thanh sở trường là một nhà phê bình mà chúng tôi được đọc thêm trong *Cuốn sổ Văn học - Bình luận*, cũng do Đời Mới in ở Hà Nội năm 1944. Đoạn dưới đây là phần ông trình bày về tình trạng "Phê bình Văn học" sau các phần "Khái luận," "Sử học," "Kịch bản", v.v:

*Một hôm tôi hỏi: «Thưa thầy, học cái gì cho?»
Thầy dạy rằng: «Học cách làm người, học để giúp ích cho nhà, cho nước, cho đồng bào, học bao giờ biết được những việc gì là hay là phải...» Ngẫm ra lời dạy ấy đời nào cũng hợp*
Nguyễn Văn Tố

Bút tự cụ Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố

"Rồi đến thể văn phê bình."

"Để loạt bài này lại sau cùng, có lẽ tôi đã làm một điều hồ. Vì chắc rằng đọc những giòng sau đây, bao nhiêu những ý tưởng lạc quan bạn đã lượm lặt ở những chương trước sẽ bị xóa nhòa. Thành ra tôi đã đi ngược lại cái mục đích của tôi là gây lấy chút lòng tin tưởng với cái văn chương của mình. Tôi biết vậy nhưng cứ làm vì tôi không muốn đem một vài màu sắc đặc biệt phủ lên một sự thực chán nản đang nằm phơi dưới con mắt của mọi người."

"Vào khoảng 1934, 35, đã có một cái dịch "phê bình." Giở những tạp chí, những tờ báo xuất bản vào những năm ấy, ta thấy nhan nhản những bài phê bình. Họ đã sốt sắng phê bình, phê bình nhân vật, tiểu thuyết, thơ, kịch, phê bình hết những tác phẩm mới xuất bản, những tác phẩm xuất bản đã lâu, họ phê bình đến cả những tác phẩm 'ra đời chưa tròn kiếp' nữa."

"Theo một vài người thì một số nhà văn ta tưởng rằng phê bình dễ. Đọc một quyển sách họ cứ việc khen chỗ này, chê chỗ kia... Ngày nay cái trào lưu phê bình đã qua. Nó chỉ có một cái tai hại cho văn học: nó đã làm cho bao nhiêu nhà phê bình có chân giá trị, có

luyện tập, có kinh nghiệm như các ông Thiếu Sơn, Thái Phi, Hoài Thanh phải bỏ cái nghề mà đã bao năm mình ôm ấp. Có người bảo như vậy là các nhà phê bình trên không tận tụy với nghề của mình lấy cớ rằng trên con đường mình đi có nhiều người khác đi và cũng vì cái mục đích của mình, để mình lùi bước là một điều thất sách."

"Trách như vậy cũng có phần đúng nhưng nếu ai có chút tư tưởng và lương tâm, đặt mình vào địa vị của họ chắc cũng phải công nhận cái cử chỉ của họ [...] Ngoài cái số "bỏ nghề," còn ai thì đã vội vàng đi vào con đường văn học sử [...]: Một hạng nhà văn vì hiềm thù nhau mà mặt sát nhau... Một bọn nhà văn vì cùng cánh, phê bình để đỡ hộ cho nhau. Bọn thứ ba, đáng khinh nhất, một nhà cầm bút thiếu lương tâm, tay sai nhà xuất bản, ăn tiền của nhà xuất bản, quyển sách nào của nhà xuất bản ấy, dù hay dù dở, họ đem ra phân tích, ca ngợi, cổ động mọi người nên mua. Chính kẻ cầm bút viết bài này, trong năm vừa qua, đã cò lần được mời đến một nơi để người ta điều đình việc phê bình một quyển sách lấy hai chục đồng bạc. Tôi đáng cay mà từ chối, nhưng đã có nhiều người làm cái công việc tôi không làm.... Không biết nhà văn học sử sau này có nhận thấy rằng văn học ta ngày nay vì bọn họ mà nhớ bán một phần không? Lấy tư cách là một người đồng thời với những nhà phê bình thiếu lương tâm, đã trông thấy họ gặt găm độc giả một cách tàn nhẫn, hôm nay tôi hãy ghi lấy cái án ấy." (Trang 51-56, sdd).

Đọc đoạn trên của Lê Thanh, người ta không khỏi nhớ đến cuộc tranh luận về nghệ thuật sôi nổi giữa nhiều nhà văn và phê bình trong khoảng 1935 - 1939 mà cuối cùng Trường Chinh đã kết thúc một cách gián tiếp vào năm 1944 với bài "Mấy nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam hiện nay." Như thế, phải chăng Lê Thanh đã gián tiếp kết luận rằng Hoài Thanh và Thiếu Sơn (những người phê bình có tài) đã phải bỏ nghề vì áp lực của Đảng Cộng sản?

Xem những đoạn trích trên, người ta hẳn có thể đoán được còn nhiều tài liệu khác có thể sử dụng được khi nghiên cứu không những về sự hoạt động văn hóa của những người được phỏng vấn mà còn trưng ra những tin tức phản ánh sinh hoạt văn chương thời đó. Bởi thế, kể từ số sau chúng tôi sẽ xin được cho đăng nguyên vẹn những bài phỏng vấn này trên Khởi Hành để lưu lại những tài liệu ấy nhằm vào việc góp vào kho văn sử Việt Nam ở Biển-ngoài. Chúng tôi không được biết ai là thừa kế của nhà phê bình Lê Thanh. Chúng tôi cũng nhân đây xin những quý vị ấy, nếu có, liên lạc với chúng tôi để chúng tôi tiện xin phép cho đúng nguyên tắc tôn trọng bản quyền.. ■

Ngay xưa, ở một làng kia, có một gã thanh niên bỏ chết từ hồi hân còn nhỏ và để lại cho hân một gia sản khá lớn. Hân dư của ăn học, thường nói với mọi người trong làng: "Thầy tôi khi xưa làm một chức quan nhỏ; tôi nhất định sẽ làm to hơn." Rồi đối với những người hân không ưa, hân nói: "Ông mà đồ ông nghề thì chúng bay chết với ông."

Đến khoa thi, nhờ dút lót tiền cho quan trường, hân đỗ hương cống. Đỗ hương cống, về làng hân không còn coi ai ra gì. Đối với người hai thứ tóc hân cũng mày tao, làm cho cả tổng lo ngay ngáy, chỉ sợ hân mà đồ ông nghề thì rồi dân hàng tổng không ai cất đầu lên được. Nhưng chẳng bao lâu, cử lấy tiến mà rầy, gã thanh niên ấy đồ ông nghề thật. Đỗ tiến sĩ, hân được vua ban áo mũ, cờ biển, võng lọng về vinh quy, có lính theo hầu, có dân làng đón rước.

Đường từ Kinh về làng xa lắm, phải qua rừng, qua đèo, lội suối, lại đi trong mùa hè, nên nhân dân và binh lính phục dịch rất là vất vả. Đến một khu rừng rậm, binh lính và nhân dân dừng lại để nghỉ. Mọi người mệt nhọc, nằm dưới bóng mát ngủ thiếp đi. Nghề ta được người võng nên không mệt nhọc gì cả. Thấy rừng xanh um, lại nghe tiếng suối chảy róc rách ở gần, hân liền dạo chơi, lần đến bờ suối, tìm tảng đá ngồi nghỉ, định nghĩ mấy vần thơ vịnh cảnh vịnh quy giữa núi cao rừng thẳm, nhân cũng để tỏ "chí thanh cao" của mình. Thấy nước suối xanh trong và mát lạnh, lại vắng vẻ không người qua lại, nghề ta định tắm cho thân thể mát mẻ, tinh thần sảng khoái, để nghĩ cho ra những vần thơ hay...

Hân cởi quần áo lội xuống suối. Chao ôi! Nước mát làm sao. Nhưng tắm xong, hân thấy ngứa ngáy khác thường, ngứa và nóng bỏng như rôm sảy mọc lên khắp mình mẩy. Hân lấy tay gãi thì thấy da thịt bị xước, máu chảy ròng ròng. Nhìn các đầu ngón tay, hân thấy móng tay đã mọc dài từ bao giờ, nhọn và sắc, nhìn đến chân tay mình thấy thấy lông lá xồm xoàm. Hân thấy trong bụng cồn cào như hun, như đốt, cổ họng như bị bỏng, khát tưởng như có thể uống cạn giếng nước đây. Hân đến bờ suối, cúi đầu xuống dòng nước trong mát để uống thì thấy mặt mình đã hoá ra mặt hổ, thân hình mình cũng là thân hình hổ. Hân kinh hãi quá, lên tiếng gọi quân sĩ thật to, mong họ cứu chữa cho mình, thì tiếng của hân đã trở nên những tiếng gầm của hổ. Hân càng gào thét thì những tiếng ở miệng hân thốt ra đều là những tiếng gầm vang, chấn động cả khu rừng. Nghề ta thấy mình đã hoá cọp, tức tối chạy rong một lúc, rồi cúp đuôi chạy thẳng vào hang sâu. Quân sĩ và phu tráng đang ngủ say, bỗng nghe tiếng hổ gầm dữ dội, đều thức dậy. Họ tìm khắp mọi nơi không thấy ông nghề đâu, yên trí là ông nghề đã bị hổ tha đi mất. Mọi người đành nhặt nhanh khăn gói, cùng nhau ra khỏi khu rừng, tìm đường quang đãng để đi, phu tráng thì trở về làng, còn quân lính thì trở về kinh.

Từ đấy, cứ cách vài ngày, người ta lại thấy một con hổ xám rất lớn gầm lên những tiếng ghê rợn trên một ngọn núi trọc. Trong có ba tháng trời, con ác thú ấy đã ăn thịt hơn mười khách bộ hành. Con đường tắt qua rừng dần dần thưa người qua lại. Chỉ còn một số phường săn đến thăm dò, để giăng bẫy bắt con cọp xám. Nhưng con ác thú tinh lắm, đặt mồi to và ngon đến đâu, cũng không lừa nổi nó. Người ta nói: trong đêm thanh vắng, nó khóc thút thít như người. Săn mãi không được, những người phường săn cũng chán nản, bỏ khu rừng ấy



NGHỀ HÓA CỌP

VŨ NGỌC PHAN kể

(1907-1987)

không đến nữa. Câu chuyện ông nghề về vinh quy bị hổ tha mất cũng lu mờ dần trong trí nhớ mọi người.

Năm sáu năm sau, có một anh nông dân cùng làng với nghề hoá cọp đi lính thú được trở về làng. Anh đến địa đầu khu rừng thì trời đã xế chiều. Anh tính nếu đi qua rừng thì sáng sớm hôm sau đã về đến nhà, còn nếu đi đường vòng qua đống, qua các bản làng thì hai ngày nữa mới tới nơi. Anh vào một cái quán bên đường uống nước, giờ cơm nắm ra ăn, và đem việc tính toán đường đi nói chuyện với nhà hàng. Mấy ông bà già đều khuyên anh không nên qua rừng và nói cho anh biết con cọp xám mỗi ngày một hung dữ. Anh vốn người gan dạ, lại đi lính thú đã lâu năm, đang nóng gập gia đình, nên anh quyết băng rừng. Ăn đã chắc dạ rồi, anh vác một ngọn giáo, một bó nửa để phòng làm đuốc, đeo tay nải, búi nhùi, mạnh dạn đi thẳng vào rừng...

Lâu năm cỏ đã mọc kín đường mòn, phải tinh mắt lắm mới nhận ra lối đi. Anh rảo bước để ra khỏi khu rừng trước khi mặt trời lặn. Mới đầu nghe tiếng lá rơi, tiếng cành khô rơi, anh cũng nhìn trước nhìn sau, rồi càng đi sâu vào rừng, càng thêm hiu quạnh, âm u, nhưng lòng hăng hái của anh càng tăng lên. Không những anh không sợ nữa, mà còn nghĩ thầm:

--"Thật người ta cũng nhát quá! Hổ xám hoạ hoản mới ra, chứ có đâu lúc nào nó cũng ngồi chồm chồm bên đường để rình người!"

Anh vừa nghĩ xong thì chợt có tiếng động ở một bụi rậm bên đường. Tiếng sột soạt lúc nhẹ, lúc mạnh, như có người đang kéo cành khô. Anh cầm chặt ngọn giáo, lắng tai nghe.

Thốt nhiên có tiếng gọi, tiếng khàn khàn, ồ ồ, như kẻ rụt lưỡi, không hẳn là tiếng người, nhưng dùng lời thì thật sõi:

- Anh Lương đấy à? Hãy dừng lại, tôi hỏi một tí.

Anh nông dân thấy gọi đúng tên mình, liền đứng lại. Trong bụi có tiếng nói tiếp:

- Tôi là Bành đây, không biết anh có còn nhớ không? Tên Bành đã đốt nhà anh, làm cho anh phải bỏ làng đi mất mấy năm ấy mà!

Anh nông dân đáp:

- Tôi nhớ ra rồi. Sao người ta lại nói anh bị hổ tha đi mất? Còn chuyện cũ kia, thôi đừng nhắc đến làm gì? Nếu có phải anh nhớ độ đường thì ra đây, tôi đưa về làng. Trời sắp tối rồi!

Có tiếng thở dài trong bụi; rồi có tiếng nói ra:

- Tôi chỉ lo anh chưa quên chuyện cũ. Bây giờ thì tôi... tôi không đi ra với anh được. Anh hãy nán lại một chút, tôi xin kể nông nỗi của tôi cho anh nghe.

Rồi Bành kể hết mọi việc của hân từ ngày hân đồ ông nghề, về vinh quy và hoá cọp. Anh nông dân hồi hỏ xám:

- Thế bây giờ, muốn tôi giúp gì cho?

Hổ đáp:

- Tôi có đứa con trai, ngày tôi vào Kinh thi, nó mới lên hai; tôi lại còn mẹ già và vợ dại. Không biết có còn cả hay không? Nếu còn, nhờ anh trông nom, giúp đỡ cho.

Rồi hân hỏi:

- Anh Lương ơi! Anh có thịt chín đấy không? Bao nhiêu năm nay, tôi ăn toàn thịt sống, những lúc tỉnh như lúc này, thêm thịt chín quá.

Anh nông dân lục trong tay nải, rồi bảo con hổ:

- Còn một gói nem và một mẩu chân giò luộc đây. Ra mà ăn!

Con hổ nói một giọng sung sướng:

- Xin anh ném vào bụi cho tôi. Bây giờ khắp người tôi lông lá, hôi hám lắm, không dám đến gần anh.

Anh nông dân ném mẩu chân giò và gói nem vào bụi, rồi dặn con hổ:

- Từ nay nên vào rừng sâu, tìm kiếm hươu nai mà ăn, không nên lẩn quẩn trên đường này mà hại người.

Hổ đáp:

- Xin nghe lời anh.

Từ đó, trong đêm tối, người ta không nghe thấy tiếng con hổ xám gầm trên ngọn đồi trọc nữa. Con đường tắt qua rừng lại tấp nập người qua lại. Và khắp miền ấy, ai ai cũng thuộc câu chuyện nghề hoá cọp.

CỌP BÁO SỐ

MỆNH cho NGƯỜI

VŨ PHƯƠNG ĐỀ kể

(1697- ----) tiến sĩ,
tác giả Công Dư Tiệp ký)

Khoảng năm Canh Thân, Tân Dậu, ngoài biên giới có tin cấp báo, nhất là tỉnh Hưng Hoá thì giặc cướp nổi dậy như ong, phương dân đều bị tàn hại. Lúc ấy, triều đình phái quan lên tiểu. Trong số quan quân có một thư sinh quê ở tỉnh Sơn Tây cũng đem 20 gia nhân theo quan bốn tỉnh đi tiểu. Khi tiến lên địa phận Hưng Hoá thì giặc đã chạy trốn hết. Nhân lúc đêm khuya thanh thản, thư sinh đem sách ra coi, bỗng thấy một con chuột từ ngoài chạy vào, miệng nó công một cành lá phủ lên trên mặt một tên gia đình, giữa lúc tên ấy ngủ say mà tên ấy không biết gì cả. Sinh bèn đứng dậy xua đuổi con chuột, rồi nhặt cành lá ném đi, chẳng ngờ sau khi ném xong, vừa mới quay lại chỗ ngồi, thì nó lại công ngay cành lá ấy phủ lên như trước. Sinh lấy làm lạ, đứng phắt ngay dậy, cầm lấy cành lá bề vụn rồi đem quăng ra ngoài sân, nhưng rồi nó lại

công nắm lá vụn ấy phủ lên như mấy lần trước. Bấy giờ Sinh mới nghĩ ngợi: hay là có sự chi đây, nên con chuột kia mới làm ba lần như vậy để báo trước cho ta điểm dữ cũng chưa biết chừng.

Thế rồi sáng hôm sau, Sinh gọi gia đình ấy đến trước báo cho y biết: hiện nay thế giặc cũng đã tạm yên, vậy chú hãy trở về quê thăm nhà, rồi mấy tháng sau lên đây với tôi cũng được.

Gia đình thấy vậy hỏi lại: "Con đây được ông tin cẩn từ trước đến giờ, sai bảo điều gì cũng không hề dám bỏ giờ. Thế mà ngày nay ông lại cho con về trước là có làm sao?"

Sinh đáp: "Ta đây được chú giúp đỡ cũng ví như chân với tay, có lẽ nào chẳng muốn để chú ở lại giúp đỡ công việc, chỉ vì đêm qua thấy chuột công lá phủ mặt chú đến mấy lần, cho nên ta thấy áy náy, vậy chú hãy cứ tạm về xem sao, chứ không phải là ta đây có ý ruồng rẫy mà ngại."

Gia đình nghe xong biết rằng chủ không muốn giữ lại nữa. Chú bèn cáo biệt lên đường chỉ đem theo có một mũi dao để tự vệ. Anh ta đi suốt từ sáng đến chiều vẫn được bình an vô sự. Nhưng khi đến chỗ ngã ba thì lại quên băng không biết rõ theo lối nào, may sao gặp một lão bà đi qua, hỏi thăm thì mục chỉ ra một con đường cái phía trước rồi bảo: "Ông cứ theo đó mà đi rất mau, hết một trống canh thì mới đến được nơi có quán trọ, nếu không thì sẽ lạc vào thâm sơn cùng cốc, chẳng có lối ra đó."

Chú gia đình ghi rõ những lời mục chỉ bảo, tất tuổi đi ngay, nhưng vì đường núi nhiều ngã quanh co, nên chú lạc vào rừng sâu; lần mò đi đến một chỗ, thấy đồng xương trắng lù lù, hỏi thăm xông lên không thể chịu nổi. Muốn quay trở lại thì mặt trời đã lặn, núi rừng đang chìm đắm trong cõi âm u, tiến thoái thấy đều vô lộ. Nhìn sang bên cạnh thấy có cột cây Hám-lâm (cây trám to đến mấy quãng, cao hơn ba trượng), chú bèn trèo lên rồi bắt khom cành lại che kín chỗ ngồi, tạm tính kế an toàn một đêm rồi mai sẽ liệu.

Chẳng ngờ hôm sau trời vừa tảng sáng, bỗng thấy một con hổ lớn, sắc vàng, đầu trắng, sống sọc nhảy vào. Trên lưng nó có công một người đem quăng vào giữa đồng xương đó, rồi quay ra để dùng miếng võ da đao, bất thần quay lại vỗ lấy người kia, tung lên ném xuống cả thầy ba lần; bấy giờ nó mới bắt đầu ăn thịt. Tiếng hổ nhai sột sột như thể ta nhai miếng dưa; *ăn xong thấy nó trút xác ra rồi gối đầu lên xác nằm ngủ, trông rõ là một ông lão, đầu tóc bạc phơ.*

Lúc ấy chú gia đình ngồi ở trên cây trông xuống thấy rõ như vậy thì rất hoảng sợ. Nhưng rồi chú lại nghĩ rằng: Cái điểm bắt thường hôm trước đâu phải là sự ngẫu nhiên. Nếu ta ngồi mãi trên cây thì cũng chết đói chết khát, mà liều tụt xuống ắt cũng bị nó xé thầy, tính mạng của mình khác gì treo trên một sợi tóc, biết tính sao đây?

Ngồi đầu giữa lúc nguy nan như thế thì chú bỗng nhớ ra được một điều. Vì chú nghe nói: Giống hổ khi ăn thịt người thấy rất ngon ngọt tất nhiên là nó ngủ say, vậy ta phải nhân lúc nó ngủ say để thoát thân, họa may có thể tìm được cái sống ở trong cái chết, nếu không cũng chẳng còn cơ gì.

Tính toán xong chú bèn từ từ tụt xuống, khi tụt đến nửa thân cây, chú bẻ một cành ném xuống, thấy lão nằm yên. Chú mới đánh bạo tụt xuống gần đất, lấy một cành lớn quăng vào bên cạnh, thấy lão vẫn ngáy khò khò, bấy giờ chú mới tụt hẳn xuống đất tay cầm lưỡi dao lên đến tận nơi. Thế rồi

từ từ nâng đầu lão dậy, rút lấy bộ lột đem đầu trên tróc cành cây, kéo lá phủ kín xong rồi, chú thấy hăng hái tự nhủ rằng:

-Kia như vợ của Thôi Thao ngày trước, bị giấu mất da mà cũng không hoá đi được. Huống chi ngày nay lão kia già khom mà ta còn đương tráng kiện thế này, lại thêm trong tay có sẵn khí giới bén nhọn: thì lão làm gì nổi ta?

Nghĩ xong chú lại tự trên cây tụt xuống, tay hữu cầm vững đốc đao, tay tả chẹn lấy cổ họng rồi mới đánh thức lão dậy. Lão nhìn bộ lột gối đầu thì lột đã biến đâu mất, bấy giờ lão mới hoảng sợ, run lên cầm cập; còn chú gia đình thì lại can đảm lên thêm. Chú chỉ tay vào đồng xương trắng quát hỏi:

-Mi đã hại bao tánh mạng. Tội ấy mi nghĩ thế nào?

Lão đáp:

-*"Mồ đây vâng lệnh Thượng đế sai xuống, chẳng may một sớm sa cơ, tội đáng muôn chết. Nhưng nay kỳ hạn bị trích chưa xong, đâu có phải hoá kiếp khác chăng nữa, thì cũng chỉ hoá ra cái thân này đó thôi."*

Chú gia đình hỏi: Nếu quả thực là người bị trích xuống trần gian, sao không tìm các loài thú, mà lại đi ăn thịt người?



Lão đáp: "Phàm người bị hại đều do thiên số, hoặc giả kiếp xưa mắc phải nghiệp chướng, hoặc do kiếp này làm nhiều tội ác thấu đến thiên đình, cho nên trời mới phó thác cho ta, như vậy cũng là ác giả ác báo."

Chú lại quát mắng:

-*"Mi chỉ khéo mượn hai chữ thiên số, giết uống bao người vô tội, hiện nay cái lột của mi đã bị ta lấy mất rồi, mi còn khua môi múa mép, toan kiếm lời ngon ngọt để hồng thoát tội sao? Và lại mi bảo: những người bị hại đều do thiên số, thì câu nói ấy có chi làm bằng?"*

Lão đáp: "Nếu vậy xin ông nói tay một chút để cho dễ thở rồi tôi sẽ xin nói thực cho ông nghe. Rồi trong giây phút lão ói ra một cuốn sổ độ 7 trang giấy, chú bèn cầm lấy mở ra coi thử, thì thấy trong đó ghi rằng: Phủ huyện xã nào? Tên họ là gì? Năm, tháng, ngày, giờ nào sẽ bị hổ đảo v.v... Khi chú lần giở đến trang thứ 3 thì thấy có cả tên họ của mình, chỉ khác một điều là chỗ danh tính các người ở trên, đều thấy vết máu bôi lên mặt chữ, còn từ tên chú trở xuống thì vẫn để nguyên chữ mực, và lại hôm ấy còn thuộc tháng ba, mà trong ghi rõ đến tháng năm sẽ bị hổ đảo, bây giờ chú mới hoảng sợ, phải gọi lão bằng Tôn Ông để kêu xin tìm mưu giải cứu.

Lão đáp: "Ta đây với ông, hôm nay tình cờ hội ngộ cũng là bởi có tiền duyên, vậy ta có một phép này chưa chắc ra sao, nhưng

ông hãy cứ làm thử, cắt máu năm đầu ngón tay đem phết vào lá, để ta liếm vào trong bụng, cho vết máu ấy thấm trước vào chỗ tính danh để cho Nam Tào trông thấy, tưởng rằng bị hổ đảo rồi, tất nhiên ông sẽ tránh khỏi tai nạn."

Chú gia đình, nghe nói cả mừng, làm theo đúng như lời lão chỉ bảo. Lão bèn nuốt cuốn sổ đi rồi sau liếm những giọt máu ở lá, chỉ sau một lát lại ói cuốn sổ ra, thì thấy những chữ tên họ của chú đều có huyết tích hết như danh tính các người đã bị hổ đảo ở trên. Lão vui mừng bảo chú: "Thôi thế là ông vô sự."

Chú gia đình thấy việc của mình được thanh thản, nhân tiện chú lại cầm sổ mở xuống đến tờ thứ năm thì thấy có cả tên người em ruột, dưới có ghi rằng sẽ bị hổ đảo vào đúng giờ Tý ngày 14 tháng tám năm nay. Thấy vậy chú lại cầu cứu với lão. Lão bảo: tiếc rằng người ấy không có ở đây, thì cũng khó cứu. Và lại thiên số đã sắp đặt sẵn mà mình đã làm mất một lần, e rằng đến lần thứ hai vị tất đã được.

Thôi thì ông cứ trở về làm theo đúng phương pháp trên, phải kết một hình nhân, rồi lấy áo quần của người ấy, mặc vào cho nó, đợi khi đúng hẹn tôi đến liếm những vết

máu trên lá, tiện thể cắn cả hình nhân, hoặc giả có thể thay được tính mạng đó.

Gia đình nghe xong lấy làm mừng rỡ, cảm tạ toan đi, lão níu lại hỏi: "Tôi đã thổ lộ chân tình với ông, vậy thì ông trả bộ lột cho tôi với chứ!"

Chú gia đình đáp: "Bộ lột của ông tôi đương để ở ngoài kia, vậy ông cứ việc dẫn tôi ra khỏi chỗ này tôi xin hoàn lại lập tức."

Ông lão nghe lời tiễn chân ra đến đường cái, bấy giờ chú mới bảo cho lão biết là bộ lột ấy tôi đã giấu ở trên cành cây trám, vậy ông cứ việc trở lại mà tìm, thế rồi hai người chia tay, mỗi bên đi về một ngã.

Nói về chú gia đình, khi trở lại tới quê nhà, lập tức đem câu chuyện đó kể lại với em, rồi đến tháng tám cũng chuẩn bị các thứ đúng như lời lão chỉ bảo. Đến đêm 14 tháng tám, lúc trước giờ Tý đem ra để ở ngoài sân rồi bảo chú em lên giường nằm ngủ để xem sự thể ra sao.

Chẳng ngờ đến quãng nửa đêm thì chú em thấy đau dữ dội như bị hùm cắn. Chú chỉ thét lên được một tiếng rất to rồi tắt thở ngay. Đến sáng hôm sau người nhà ra sân xem xét, thì thấy bao nhiêu giọt máu trên lá vẫn còn, chỉ riêng hình nhân là bị cắn xé tan nát, bởi vì người nhà vô ý để lá có máu ở chỗ quá cao, cho nên hổ không liếm được, đành phải quay ra để cắn hình nhân, cho nên em chú không thoát được nạn, như vậy cũng do thiên số đẩy thôi. ■

VAI NÉT VỀ THI HÀO TÂY BAN NHA FEDERICO GARCIA LORCA

lưu văn vịnh

Thi hào hàng đầu của Tây Ban Nha thế kỷ XX, tuy mất sớm, 38 tuổi, nhưng đã để lại một kho tàng Thơ, Kịch, đồ sộ cho hậu thế.

Ông sinh năm 1898 ở gần Granada, vùng Nam Tây Ban Nha, trong khu vực văn hoá cổ Andalusia, là vùng đất Hồi giáo với nhóm dân Ả Rập và Do Thái từ Trung Đông di qua từ thời Umayyads tk VII-VIII. Vùng này, khởi sắc vào thế kỷ X tới XIII, văn chương thơ phú rất thịnh trong truyền thống văn hoá cổ Ả Rập. Cũng từ đây tầu bè xứ Spain sang châu Mỹ tấp nập suốt thời đầu với Kha Luân Bố. Năm 1919 ông lên thủ đô Madrid sống 15 năm, bỏ học theo đuổi văn nghệ, ngâm thơ, diễn kịch, ông soạn kịch dựa trên truyện dân gian, dân ca, ảnh hưởng văn hoá Flamenco và Du dân Bô Hê Miêng (còn gọi là Gypsy hay Gitan)

Năm 1920 ông tổ chức ban nhạc Deep Song (Tâm Ca) theo nhóm nghệ thuật Generation Del 27.

Năm 1928 in tập thơ nổi tiếng nhất : *Romancero Gitano (The Gypsy Ballads tức Du Dân Ca)*, tái bản 7 lần.

Ông sang Mỹ năm 1929, thích sinh hoạt ở khu Harlem Nữ Ước với dân Mỹ đen, nghiêng về khuynh hướng siêu thực (surrealism). Trở về Tây Ban Nha năm sau, 1930 ông tham gia phong trào chính trị, lập đoàn du kịch La Barraca trình diễn khắp xứ từ 1931-36.

Năm 1936 nội chiến phức tạp, phe Franco lên, ông bị bắt vì có dính dáng tới người em rể Manuel Fernandez Montesimus, thị trưởng Granada, phe Xã hội. Ông bị bắn chết và không biết xác ở đâu. Tác phẩm của Lorca bị cấm dưới thời Franco, hiện nay tượng Lorca được dựng ở Madrid, khi phe Tả quần khăn đỏ lên tượng thì phe Hữu lại tháo vút đi.

Tác phẩm: 10 tập thơ và 8 vở kịch, sáng tác từ năm 1927- Ông là một thi nhân mang ma lực thẩm kín, mê tín dị đoan, ám ảnh bởi thần chết, biết giới hạn của tri thức. Từ tâm thức huyền vi đó, sáng tác Lorca bằng bạc tâm tình quê hương xứ sở Andalusia, thơ ông mang cả kịch tính, diễn trải một màn đời, một trạng huống sống, nhiều khi nhắc đi nhắc lại một câu, như điệp khúc, nhằm đập mạnh vào cảm quan người đọc người nghe.

Theo tập Văn tuyển *Divan* của Garcia Gómez, Lorca từng làm thơ



F. G. LORCA (1898-1936)

theo thể qasidas và thể ghazals của cổ thi Ả Rập:

Nước mắt lẫn như những con bọ cạp trên má thơm hoa hồng (Biệt Ly)

Tôi sẽ ra đi dù con bọ cạp mặt trời nhai cắn gò má tôi (Del amor desesperado)

BÀI CA KỶ MÃ
Song Of The Rider
bản Edwin Hinig

*Dưới trăng đen
Trên đường vụn li
Rung rung lục lạc giấy đình*

*Ô mã
Người mang tên cười ngựa chết đi
đâu?
Ô mã lạnh lùng
Mùi dao thơm
loài hoa lạ*

*Bên rừng Sierra Morena
Trăng đen ngòm
Rớm máu.*

*Ô mã
Người mang gã cười ngựa chết về
đâu?*

*Ngựa lạnh lùng
Mùi dao thơm
loài hoa lạ*

*Dưới trăng đen
Một tiếng rên
Đốm lửa thò dài lưỡi*

*Ô mã
Người mang xác ma về đâu?■*

NGƯỜI VỢ NGOẠI TÌNH
The unfaithful wife

*Tôi dẫn nàng ra bờ sông
Ngờ nàng độc thân
Ngờ đâu nàng là gái có chồng!*

*Lấm láp cát sông nụ hôn ướt át
Tôi dẫn nàng về
Trời nổi gió
Đọt hoa huệ lửa tủa như gươm
đập soàn soạt vào nhau*

*Chỉ là một gã giang hồ gipsy
Tôi tặng nàng một túi khâu sa tanh
Mẫu rơm.*

Bản Anh ngữ Michael Hartnett. Bản Pháp ngữ của Jean Prevost (www.pierdelune.com/lorca1)
(Đón đọc Tuyển tập Thơ quốc tế Gõ Cổng Nhà Trời sẽ xb 2010 của LVV)

Một bài thơ của
LƯU VĂN VINH

**EM BÉ BỜ RÁC
MỪNG MỘT TẾT**

*S*áng mừng Một,
một mình dạo công viên
Bên kia đường,
khách sạn năm sao Tân Thế Giới
Đoàn múa lân nhộn nhịp cờ trống tới
Xông đất đầu năm, móng hùm vuốt hổ
khai Năm mới..

Ghế đá vòm cây, ngả nghiêng luồng
gió sớm
Thành phố một ngày êm ả vắng người
xe
Nắng bệch bạc vẫn vươn lên mầm
sống
Cỏ cây, hè phố, khắp khởi xuân.

Lũng thững dạo quanh,
vươn vai vườn lá
Dưới gốc cây, em bé lên bốn lên năm
Lem lốc áo quần tay quờ thùng rác
Em nhặt nhanh ve chai lon nước
Mắt ngại ngùng sợ kẻ bắt người giam!

Tôi lại gần, mở phong bao giấy đỏ
Cúi nhìn em, lộc Tết khách phương xa
Sáng đầu xuân lì xì năm mới
Em lên năm, sao Tết lại không nhà?
Em đầu xanh đứng thấp hơn thùng rác
Mái ấm đâu?
Tết không mẹ không cha?
Bao chúc Tết, ta tặng em thật đầy
Chớ ngại ngần, đừng sợ bọn đảo điên,
Dăm chục ngàn, đầu năm về mua
bánh
Mấy Tết rồi, mang kiếp đời bất hạnh
Nào ai thương, quà tặng, ước bao năm!
Chẳng dám dừng lâu, mắt em mở to
ngơ ngác
Sợ hay lo, mừng tuổi sáng đầu Xuân?
Tôi lững thững, nắng lên phe phẩy lá
Bên kia đường,
chiêng trống múa rồng lân.
Một ngày đầu năm.■

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH 12 CON GIÁP

NGUYỄN TÔN NHAN

Mười hai con giáp, Trung Quốc gọi là *Thập nhị sinh tiêu* 十二生肖 (hay còn gọi là *Thuộc tướng* 屬相) là một loại hiện tượng trong phong tục dân gian đặc thù của Trung Quốc. Dù trên thế giới có khá nhiều nước đều có hoặc đã từng có phương pháp ghi chép năm tháng bằng 12 con thú gần giống với Trung Quốc nhưng coi nó là một thuộc tướng ghép vào tuổi người ta thì chỉ có ở Trung Quốc (và các nước chịu ảnh hưởng, ví dụ Việt Nam). Như thế lại sản sinh ra 2 vấn đề thú vị: Một, đem 12 loại động vật làm thuộc tướng của con người bắt đầu từ bao giờ? Hai, 12 thuộc tướng ấy thật sự là "thổ sản" của Trung Quốc hay là do người nước ngoài du nhập vào?

Mười hai thuộc tướng có quan hệ với 12 chi (Tý, Sửu, Dần, v.v...). Trong giáp cốt văn đời Thương đã rõ ràng có tên gọi 12 chi và phối hợp với thập can (10 thiên can: Giáp, Ất, Bính, Đinh, v.v...) dùng ghi ngày tháng. Đồng thời trong văn hiến trước đời Tần cũng đã có dấu vết đối ứng giữa loại động vật với phù hiệu cá biệt. Ví dụ, trong *Kinh Thi-Tiểu Nhã-Cát Nhật* 詩經 - 小雅 - 吉日 có câu: "Ngày tốt là ngày Canh Ngọ, đã lựa chọn ngựa cho ta" (*Cát nhật Canh Ngọ, ký sai ngã mã* 吉日庚午既差我馬) dùng Ngọ đối xứng với ngựa. Còn trong *Tả truyện - Hi công ngũ niên* 左傳 - 僖公五年 có câu: "Đuổi rồng phục ở Thìn" (*Long vĩ phục Thìn* 龍尾伏辰) dùng Thìn đối với rồng. *Tả truyện - Tương công thập tứ niên* 左傳 - 襄公十四年 chép việc nước Tấn sai người đi giết quý tộc Khánh Hồ và Khánh Dần (đây là tập quán cổ cha con hoặc anh em có tên khác nhau nhưng ý nghĩa giống nhau, ở đây Hồ 虎 và Dần 寅 đều nghĩa là con cọp). Điều này thuyết minh Hồ và Dần đối ứng. Đủ biết, sự quan hệ đối ứng giữa 12 chi và 12 động vật đã sơ bộ xác lập từ thời Xuân Thu. Đáng để chú ý là, liên quan đối ứng lúc ấy và liên quan đối ứng hiện nay hoàn toàn giống nhau.

Quan hệ đối ứng giữa 12 chi và động vật bắt nguồn từ người thượng cổ sùng bái động vật. Trong sách *"San Hải kinh"* từng đưa ra khá nhiều thần động vật, chúng đều do hai loại động vật hợp thể hợp do động vật hợp thể với người mà thành. Loại động vật đặc biệt này trong tự nhiên giới không hề tồn tại. Nhưng xét từ chủng loại hợp thể động vật, chúng không ngoài những con thú như rồng, ngựa, trâu, dê, hổ, báo, rắn, heo, chó, v.v... trong đó trừ rồng là có tính thần bí ra, tất cả con khác đều là động vật thông thường có quan hệ gần bó với đời sống của con người.

Heo, ngựa, trâu, dê, chó là đối tượng săn bắn, sau này là thú vật được thuần dưỡng vừa là thực phẩm vừa là tư liệu sản xuất quan trọng ở thời cổ đại; hổ, báo, rắn là động vật đáng sợ, uy hiếp tới sự an toàn của con người. Chủng loại động vật mà con người tiếp xúc rất nhiều nhưng con người chỉ chọn ra một số để sùng bái, ắt vì những động vật ấy có quan hệ mật thiết với con người, những động vật ấy sau này phần lớn được liệt vào 12 địa chi thuộc tướng. Đó là nguồn gốc quan hệ giữa 12 thuộc tướng và tín ngưỡng sùng



Tượng 3 trong số 12 con giáp đời Đường: Tý Sửu Dần...

Đến thời kỳ Chiến quốc, học thuyết Âm Dương Ngũ Hành hưng khởi, bọn phương sĩ đem can chi ghi ngày tháng đối ứng với động vật sở thuộc và liên hệ thuộc tính Ngũ Hành với 12 chi, tức *Dần Mão* thuộc Mộc, *Tý Ngọ* thuộc Hỏa, *Thân Dậu* thuộc Kim, *Hợi Tý* thuộc Thủy, *Thìn Mùi Tuất Sửu* thuộc Thổ, dùng đó để giải thích hiện tượng tự nhiên và suy đoán họa phúc cát hung.

Phương pháp ấy kéo dài liên tục đến tận thời đại Tần Hán, lúc ấy gọi người làm nghề suy đoán này là "Nhật giả" 日者, dùng nghề này mê tín người khác. Vương Sung đời Đông Hán từng phê phán loại quái đản này nhưng nó lại được Đạo gia kết nạp vào trong học thuyết của mình, trong sách *"Bào Phác tử"* 抱樸子, Cát Hồng khi bàn đến thuật thành tiên, nói: tiến vào hang núi thường có quý mị hãm hại, những ngày có chi khác nhau sẽ xuất hiện ma quỷ khác nhau, như "trong núi ngày Dần có người tự xưng là Ngưu lại, chính là hổ đấy", "Ngày Tuất, người nói tên tự của mình, chính là chó vậy", "nhưng nếu biết tên con vật thì không thể hại được", v.v...

Đến như dùng 12 chi động vật liên hệ với năm sinh của con người muộn nhất đã có từ thời Nam Bắc triều, lúc ấy mỗi khi thuật chuyện người nào đều nói tới thuộc tướng của người ấy, như "Đông Hôn hầu thuộc heo", "Thôi Tuệ Cảnh thuộc ngựa", v.v... (sách *Nam Tề thư* 南齊書). Còn như nguồn gốc của nó thì sách sử không có minh chứng, suy đoán rất cổ thể ở vào thời Đông Hán. Nhân vì can chi bắt đầu từ Đông Hán, đem 12 loại động vật đại biểu cho năm tháng và làm thuộc tướng năm sinh của con người là điều hết sức tự nhiên.

Đến đời Đường, 12 con giáp lại càng lưu hành, xuất hiện những hoa văn 12 con giáp trên gương đồng, có cả trong mộ táng đào được những tượng con giáp. Đáng để chỉ ra rằng, 12 con giáp trong một giai đoạn thời gian dài bị bôi lên một lớp màu mê tín. Lỡ gặp việc may rủi, họa phúc, người ta thường liên hệ với chúng, thậm chí trong việc hôn nhân, người ta cũng rất chú ý không để con giáp năm sinh của chú rể xung khắc với con giáp năm sinh của cô dâu.

Trong tay bọn thầy bói, những con giáp là một căn cứ quan trọng để suy đoán cát hung; xét tới nguồn gốc chẳng qua bọn thầy bói này là diễn biến từ thuyết sinh khắc của bọn "Nhật giả" đời Hán. Theo thời gian vận chuyển, đối với nhiều người, sự mê tín 12 con giáp cũng phai nhạt dần nhưng nếu coi đây là những ký hiệu để ghi nhớ và tính toán năm tháng thì chúng chẳng còn ý nghĩa gì đặc biệt nữa.

VỀ NHỮNG PHO TƯỢNG *trong* NHỮNG NGÔI CHÙA CỔ

HUỲNH
HỮU ỦY



Phật Quan Âm (Avalokitesvara) nghìn tay nghìn mắt, chi tiết, điêu khắc gỗ, chùa Bút Tháp thế kỷ XVII. Hình ảnh trong bài này lấy từ *L'Art du Viet Nam* của Imre Patkó, Mikló's Rév, Éditions Aimery Somogy, Paris, 1967. Tài liệu của tác giả.

Phật giáo đã gắn bó với dân tộc gần 2000 năm. Từ những thế kỷ đầu Công Nguyên cho mãi đến ngày nay, qua nhiều thời kỳ lịch sử với những dấu mốc đặc biệt, Phật giáo đã ăn sâu trong những cơ tầng cấu trúc dân tộc, lan toả nơi mỗi nguồn mạch tâm linh, văn hoá, phong tục, tập quán. Có thể nói nghệ thuật Phật giáo chiếm một phần hết sức quan trọng trong toàn bộ nền nghệ thuật đất nước.

Là tiếng nói sâu đậm, cụ thể và hiện thực, nền nghệ thuật này trở nên một sức mạnh của tình cảm, tư tưởng và tâm linh. Từ những vết tích đầu tiên thực hết sức đáng kể ở Luy Lâu của đất Giao Châu xưa (nay là Thuận Thành, Hà Bắc), giữa trung tâm của đồng bằng sông Hồng, khi dân tộc tiếp nhận nguồn tôn giáo lớn này, khi các tầng lớp Tây Trúc trên đường hoằng pháp sang các xứ phương Đông dừng chân nơi đây, rồi đi ngược lên phía Bắc hoặc đi về phương Nam, cho mãi đến năm 562, khi Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinayitrucci), một tăng sĩ gốc người phương Nam Ấn Độ, đến trụ trì luôn ở trung tâm này, trú tại chùa Pháp Vân, giảng dạy Phật pháp thì Phật giáo đã được lập thành một thiền phái, đây là dòng thiền tông thứ nhất, rồi hoà hợp với tính cách văn hoá bản địa mà tạo nên một sức sống tinh thần lạ lùng. Nhà Phật học Nguyễn Lang (tức thiền sư Nhất Hạnh) còn cho rằng vào thời Hán, khi Việt Nam còn nội thuộc Trung Quốc, trung tâm Luy Lâu được hình thành rất sớm, đã làm bàn đạp cho sự thành lập các trung tâm Bành Thành và Lạc Dương

(kinh đô của nhà Hán) sau đó ở Trung Hoa⁽¹⁾. Như vậy, khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch, đạo Phật đã du nhập vào Việt Nam, rồi qua nhiều thời kỳ kế tiếp, Phật giáo có lúc đã trở thành quốc giáo, là thời kỳ "chỗ nào có người ở, tất có chùa Phật, bỏ đi rồi lại dựng nên, nát đi rồi lại sửa lại, lâu dài, chuông trống chiếm đến nửa phần so với dân cư"⁽²⁾, trang bị cho toàn bộ dân tộc một sức mạnh tinh thần hết sức đặc biệt, và vào những thời kỳ ấy, nghệ thuật Phật giáo đã để lại nhiều dấu vết thực là rạn rờ.

Rồi lan toả đến từng mỗi góc ngách của cuộc sống đất nước, nghệ thuật Phật giáo thấm đậm nơi mỗi chùa làng. Chưa nói đến các trung tâm văn hoá Phật giáo lớn, chưa nói đến các quốc tự lừng lẫy, các danh lam, tự viện danh tiếng, chỉ mới đề cập đến các chùa làng rải rác nơi mỗi làng mạc Việt Nam, đã phát triển rất rục rờ vào các thế kỷ XVI, XVII, XVIII. Một nhà nghiên cứu nghệ thuật đã đúc kết: "Thế kỷ XVIII, chỉ từ Thanh Nghệ trở ra, đã có hơn 12,000 làng xã với ít nhất bảy nhiều ngôi chùa. Mỗi ngôi chùa làng dù nhỏ nhất cũng có vài chục tới vài trăm pho tượng. Nước ta có vài triệu pho tượng. Nếu tập trung lại ta sẽ có hơn một Bôrobudur hay một Ăng-Cô sơn son thiếp vàng."⁽³⁾

Dưới cái nhìn quan chiêm pha chút tò mò hiếu cổ, yêu cái đẹp tạo hình, thì mỗi ngôi chùa làng rải rác khắp nơi, đặc biệt là những cổ tự mang nhiều dấu vết rêu phong của thời gian, đều là những nhà bảo tàng nghệ thuật của

đất nước. Nơi những nhà bảo tàng ấy, từng pho tượng sẽ lặng lẽ mà sinh động nói với chúng ta nhiều điều. Những pho tượng ấy dù có những điểm riêng, nhưng bao giờ cũng được tạo hình theo những qui thức và ký hiệu chung. Và những pho tượng thường là được bài trí theo một cách chung, dù ở trong một ngôi chùa có kết cấu theo lối chữ *Công* là lối phổ biến nhất, hoặc chữ *Đình*, hay chữ *Tam*, hay cả kết cấu theo hình chữ *Quốc*⁽⁴⁾.

Trừ những ngôi chùa của phái Tiểu Thừa (Nam Tông) chỉ thờ tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, tất cả các chùa khác theo phái Đại Thừa thì thờ nhiều vị Phật, nhiều vị Bồ Tát, không những thế đôi khi còn thờ cả những tượng Thánh của Đạo giáo và Khổng giáo, và cả những nhân vật lịch sử. Điều này phản ánh được phần nào về một thời Tam giáo đồng nguyên, tỏ rõ sự dung hợp ba nền đạo lý thâm diệu của phương Đông, đến từ hai trung tâm văn hoá lớn Trung Hoa và Ấn Độ, tạo nên một vẻ đẹp hài hoà giữa ba nguồn gốc Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo. Hơn thế nữa, nó đã hoà hợp, gắn gũi và chia sẻ cả với những tín ngưỡng cổ truyền trong đại chúng, bằng bạc khắp nơi, từ nhiều đời trước để lại.

TƯỢNG THỜ Ở NHÀ BÁI ĐƯỜNG

Bước vào một ngôi chùa, ở gian rộng ngoài cùng là *bái đường*, nơi tín đồ thập phương đến lễ bái, cũng là nơi các nhà sư ngồi tụng niệm thường nhật. Nơi gian phòng này, bài trí hai bên,

Nhà biên khảo Huỳnh Hữu Ủy là tác giả cuốn *Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại*, VAALA xb, 2008, 610 trang 8 1/2 x 10 1/2, giá 70 mk.

bên phải và bên trái, tượng *Thập Điện Diêm Vương*.

Paul Lévy, giám đốc Trường Viễn Đông Bác Cổ (L'Ecole Française d'Extrême-Orient), trong dịp *Triển Lãm Cổ Tích Việt Nam* ở Viện Bảo Tàng Bác Cổ Hà Nội năm 1948, dựa trên vũ trụ quan Phật giáo, đã giải thích về ý nghĩa và việc bày biện các tượng Diêm Vương như thế này: Đối với các tín đồ nhà Phật, nhục hình dưới âm ty có nhiều và phức tạp. Tuy nhiên, kẻ phạm tội không chịu nhục hình mãi mãi, vì theo đạo Phật linh hồn không phải là bất diệt, không phải là vô thủy, vô chung. Sau khi sinh sinh, hoá hoá, phù trầm qua bao kiếp khác nhau - là vật, là người, là thần, có khi là cây cỏ nữa - nhờ những giáo lý của Đức Phật, con người được giác ngộ, bắt đầu hiểu rõ được duyên cớ nỗi khổ của mình và căn do sự biến hoá không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác. Lúc đó, người ta sẽ bỏ hết dục vọng, bỏ hết hành động, bỏ đời sống cũ, thế phát đi tu, sống một cuộc đời đạm bạc, khắc khổ, để hồn người trở về với hồn vũ trụ, về với Đại khí, về cõi hư vô, nơi mà người ta thực sự chỉ là một hạt bụi. Bấy giờ là lúc sắp sửa lên cõi Niết Bàn. Đối với người Việt, sống ở vùng nhiệt đới, khao khát sự nghỉ ngơi, giấc ngủ trường miên chỉ có khi hình hài đã hoàn toàn tan biến vào vũ trụ.⁽⁵⁾ Như vậy, tượng *Thập Điện Diêm Vương* gợi nên cảnh âm phủ, bày ra ngay ở bên phải và bên trái nơi các thiện nam, tín nữ đến lễ bái, là một cách nhắc nhở con người tìm đường giác ngộ, vượt qua mọi nghiệp quả để đạt đến cõi niết bàn, tịnh độ, đến cực lạc thế giới.

Cũng ở nhà bái đường, có tượng *Thổ Địa* và *Giám Trai*, là những vị thần được dân Trung Quốc và Việt Nam thờ phượng. Thổ Địa là vị thần coi sóc, giữ gìn đất đai, chính là vị thần làm chủ vùng đất thuộc khu vực nhà chùa, thường giữ gìn, bảo hộ di sản văn hóa và tài sản của nhà chùa. Cảnh đây là hai tượng Hộ Pháp đồ sộ, đắp bằng đất thó và sơn quét, tô vẽ màu sắc lên bên ngoài.⁽⁶⁾ Tượng *Hộ Pháp* trong dáng vẻ uy nghi, cầm khí giới, mặc áo giáp, đội mũ trụ, hoặc đứng thẳng, hoặc cưỡi trên một con nghê (Trần Trọng Kim gọi là con sấu)⁽⁷⁾, là những vị thần hộ trì Phật pháp.

TƯỢNG THỜ SAU NHÀ BÁI ĐƯỜNG

Sau nhà bái đường, trước khi dẫn vào chánh điện, thường được bày biện tượng các vị *La Hán*, *Tứ Bồ Tát*, và *Bát Bộ Kim Cương*. Tứ Bồ Tát và Bát Bộ Kim Cương là những vị thần đã phát bồ đề tâm và đang vận dụng thần lực để bảo vệ, hộ trì Phật pháp.

La Hán (phiên âm từ Phạn ngữ Arhat, tiếng Hán-Việt là A-La-Hán, gọi tắt là La Hán) là các vị thánh đã

ngộ đạo, tuy ngộ đạo nhưng chưa thành Phật. Khái niệm La Hán (Arhat) du nhập vào Trung Quốc khoảng thế kỷ thứ VII, nhưng qua thế kỷ thứ X mới được Thiền Tông phổ biến rộng rãi. Chính Thiền Tông tìm thấy nơi La Hán yếu tính tự lực để đạt đạo (self-salvation), La Hán từ chối các lực phổ độ đến từ bên ngoài (universal salvation), nên khái niệm này rất phù hợp với tinh thần-thiền. Các vị La Hán nhờ trí huệ siêu việt nên đạt được nhiều thần thông, như biết các tiền kiếp của mình, nhìn thấy địa ngục, chư thiên, biết rõ mình đã giải thoát, đoạn diệt mọi ô nhiễm để thăng trí xuất thế, và trước mắt là nghe được tất cả mọi âm thanh cũng như rõ được ý của người khác.

Trong nhiều chùa chiền của Trung Quốc, Nhật Bản, và Việt Nam, người ta có thể tìm thấy tượng của 500 La Hán, hay hình vẽ 18 thánh nhân này trên vách tường chính điện với nét mặt và cử chỉ rất đặc biệt. Tượng 500 La Hán được tạc nên là để nhớ lại lần kết tập thứ nhất có 500 vị thánh nhân hiện diện, cũng như lần kết tập thứ tư ở Kashmir cũng có 500 vị La Hán tham dự. Về hình tượng 18 La-Hán là do lời truyền tụng: Phật đã truyền pháp lại cho 16 vị A-La-Hán; 16 vị này bắt tử để giữ gìn giáo pháp cho đến thời mạt pháp hoàn toàn thì mới nhập niết bàn. Vào thế kỷ thứ X, con số 16 A-La-Hán đã được nâng lên thành 18 vị.⁽⁸⁾

Tượng *Thập Bát La Hán* thường được bài trí thành hai dãy, hai bên hành lang dẫn vào chánh điện, hoặc ở hai bên chái của chánh điện, từ đây có thể đi tiếp vào hậu điện. Cũng có nơi, tượng La Hán được bày ở hậu điện. Có một số chùa chỉ bày mười pho tượng La Hán nên gọi là Thập Điện La Hán như ghi nhận của Phan Kế Bính trên *Đông Dương Tạp Chí* thời khoảng 1913-1914. Cụm từ "Thập Điện La Hán" của Phan Kế Bính không thấy ở những kinh sách nghiên cứu về Phật giáo khác. Có lẽ do Phan Kế Bính quan sát và ghi nhận hình ảnh này từ một vài ngôi chùa nào đó rồi viết ra mà thôi.⁽⁹⁾

Tượng *Phật Cửu Long* cũng được thiết trí ngay giữa khu vực này. Phật Cửu Long là tượng Phật Thích Ca sơ sinh.⁽¹⁰⁾ Theo truyền kỳ Phật giáo, mẫu thân Đức Phật nằm mộng thấy con voi trắng sáu ngà hoá thành hào quang rực rỡ chiếu vào thân mình, rồi mang thai mười tháng mà sinh ra ngài. Lúc Thích Ca đản sinh, có chín con rồng hiện đến, cuộn mình tung lượn giữa đám mây mù, phun nước tắm cho ngài. Và sau khi tắm xong, ngài đứng dậy đi bảy bước, tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất mà nói "*Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn*." Hình ảnh đản sinh là một tượng trưng đặc biệt của Phật giáo, vì đó là bước đầu của hành

trình đi đến giác ngộ và niết bàn mà chúng ta sẽ gặp thấy ở những pho tượng Phật khác trong tư thế ngồi và nằm. Liên hệ đến chuyện truyền kỳ này, ở nhiều chùa, cứ hàng năm đến ngày lễ Phật đản, tượng Phật Cửu Long được rước ra tắm và thay áo mới. Dưới các triều đại nhà Lý, có lẽ bắt đầu từ thời Lý Thánh Tông, lễ tắm Phật bằng nước thơm được cử hành trọng thể ở chùa Diên Hựu (chùa Một Cột) vào sáng ngày mồng tám tháng Tư, với sự có mặt hầu như đông đủ nhà vua, hoàng hậu, hoàng gia, và triều thần bá quan văn võ, dân chúng cũng tụ tập về tham dự rất đông.⁽¹¹⁾

Trong tất cả các chùa chiền Việt Nam, tượng các vị La Hán có lẽ là đặc sắc nhất vì đã vượt qua khỏi những kiểu mẫu có tính công thức. Mỗi pho tượng là một nét riêng, có nhiều tính sáng tạo, suy nghĩ và đóng góp riêng tư của người nghệ sĩ điêu khắc xưa. Trên khuôn mặt của từng mỗi vị La Hán hiện lên hơi thở và bóng dáng nhân sinh của người thợ chạm khắc, và qua đó đôi lúc là cả bầu khí sinh hoạt của xã hội đương thời. Những pho tượng ấy vì thế mà ít giống nhau, biểu lộ được tính cách của tác giả pho tượng, mà chính ở đó cũng là tính cách riêng của nền điêu khắc cổ truyền Việt Nam. Những pho tượng La Hán ở chùa Tây Phương (1794) ở Quốc Oai, Sơn Tây, thực hết sức đẹp và sinh động là một điển hình. Đây là một thành tựu xuất sắc của nghệ thuật thời Tây Sơn, để lại những kiệt tác trong di sản nghệ thuật cổ Việt Nam. Điêu khắc gỗ nơi mười tám pho tượng La Hán này đạt được cái tài tình, lão luyện từ một nền nghệ thuật truyền thống lâu dài từ nhiều thế kỷ trước để lại, rất sâu sắc, hiện thực và sống động. Cao lớn như người thật, được sơn son thiếp vàng, mỗi pho tượng như muốn biểu lộ một chân dung tâm lý riêng, toả ra một tính cách riêng, một tâm trạng riêng, một tinh thần riêng. Qua hình tượng các vị tổ trong đạo Phật, nhà điêu khắc đã phát biểu rất tài tình một thế giới nhiều chiều sâu, đôi lúc pha chút dí dỏm, hóm hỉnh, và rất rõ ràng là chứa đựng nhiều chất con người trong bối cảnh xã hội đương thời.

Tượng *Phật Đà Nan Đề (Buddha-nandi)*, vị tổ thứ tám, đúng là một bậc trí giả thượng thừa, vui vẻ, nhưng nghiêm trang và đức độ dưới ánh đạo vàng Phật pháp. Mặc áo trạc ngực, bày ra cả bụng và rốn, thoải mái trong cử chỉ đang rảy tai, miệng tươi cười dí dỏm, phong thái giản dị, khinh khoái. Kinh Phật nói rằng ngài giảng kinh rất thông tuệ, không bao giờ vướng mắc điều gì.

Bà Tu Mật (Vasumitra), vị tổ thứ bảy của phái Đại Thừa thì trông vốn vãng, tươi cười, ăn mặc chỉnh tề, hai cổ tay mang hai chiếc vòng, hai tay chấp

lại đưa ra đằng trước như đang đánh lễ hay cầu nguyện.

Hiếp Tôn Giả (Parvā), vị tổ thứ mười, đứng tựa vào gốc cây, tay cầm quạt, đôi mắt trông có vẻ lơ đãng nhưng nhìn thấy suốt mọi việc, ngài là người cực kỳ thông minh, rất cần mẫn, chăm chỉ, ít nói và chỉ nhìn. Nhà nghiên cứu nghệ thuật Nguyễn Đỗ Cung cho rằng đây là pho tượng thành công bậc nhất trong loạt các pho tượng này, ông đề nghị chúng ta thưởng thức cái thần khí của pho tượng, tinh thần cần mẫn của Hiếp Tôn Giả nơi hai con mắt đang nhìn lơ mơ của pho tượng.⁽¹²⁾

Tổ Long Thụ (Nagarjuna), vị tổ thứ mười bốn, ngồi trên một toà sen lớn, dáng người uyên bác, thâm trầm, nghiêm túc.

Tổ Ca Tỳ Ma La (Kapimala), vị tổ thứ mười ba, với hai con mắt nhìn trừng trừng rất oai nghiêm, nhưng vẫn toả ra một vẻ đức độ tràn đầy.

Chúng ta thử chiêm ngắm thêm một pho tượng khác nữa rất đẹp, tượng *La Hâu La Đa (Rahulabhadra)*, vị tổ thứ mười sáu. Là chân dung một cụ già trầm tĩnh, đỉnh đặc, y phục nghiêm chỉnh, móng tay để dài, những thớ thịt ở tay, ở cổ làm nổi bật dáng gầy gò của cơ thể, cái miệng ngậm lại với bờ môi trông thật mềm mọng, con mắt lim dim, tay cầm chiếc gậy để tựa vào người, bên cạnh là con hươu nằm quay người nhìn về phía tổ, càng tạo nên một vẻ hoà điệu thâm trầm cho pho tượng. Thêm vào đó, một chút ấn tượng tôn giáo ở chỗ hai dải tai thả dài xuống, làm dáng dấp pho tượng càng thêm phần nghiêm trang, trầm tĩnh. Đây là một chân dung của tuổi già đã chín muồi trong đời sống, đang trầm tư mặc tưởng.

Ở các pho tượng khác cũng thế, như tượng *Mã Minh (Aśvaghosha)*, tổ thứ mười hai, tượng *Ma Ha Ka Diếp (Kāśyapa)*, vị tổ thứ nhất, tượng *Át Nan (Ananda)*, vị tổ thứ hai... hết thấy mười tám pho tượng La Hán này đều mang lại một vẻ sinh động kỳ diệu, tuyệt vời. Tính sinh động nơi các pho tượng ấy đã được ghi nhận và mô tả một cách tài tình dưới ngòi bút của nhà thơ Huy Cận.

*Các vị La Hán chùa Tây Phương
Tôi đến thăm về lòng vấn vương
Há chẳng phải đây là xứ Phật
Mà sao ai nấy mặt đau thương?*

*Đây vị xương trần chân với tay
Cớ chi thiêu đốt tấm thân gầy
Trầm ngâm đau khổ sâu vòm mắt
Tự bấy ngồi yên cho tới nay.*

*Có vị mặt gương, mày nhú xệch,
Trán như nổi sóng biển luân hồi,
Môi cong chua chát tâm hồn héo,
Gân vận bàn tay mạch máu sôi.*



Tây Thiên Đông Đô Việt Nam Lịch Đại Tổ, tượng gỗ sơn thiếp, chùa Bút Tháp, tk XVI-XVII

*Có vị chân tay co xếp lại
Tròn xoe tựa thể chiếc thai non
Nhưng đôi tai rộng dài ngang gối
Cả cuộc đời nghe đủ chuyện buồn.*

*Các vị ngồi đây trong lặng yên
Mà nghe giông bão nổ trăm miền
Như từ vực thẳm đời nhân loại
Bóng tối đùn ra trận gió đen.*

*Mỗi người một vẻ mặt con người
Cuốn cuộn đau thương cháy dưới trời
Cuộc họp lạ lùng trăm vật vờ
Tượng không khóc cũng đổ mồ hôi.*

*Mặt cúi, mặt nghiêng, mặt ngoảnh sau
Quay theo tám hướng hỏi trời sâu
Một câu hỏi lớn. Không lời đáp.
Cho đến bây giờ mặt vẫn chau.*

*Có thực trên đường tu đến Phật
Trần gian tìm cõi áo trăm luân
Bấy nhiêu quần quai run lân chót
Các vị đau theo lòng chúng sinh?*

*Nào đâu, bác thợ cả xưa đâu?
Sống lại cho tôi hỏi một câu:
Bác tạc bao nhiêu hình khổ hạnh,
Thật chẳng chuyện Phật kể cho nhau?*

Hay bấy nhiêu hồn trong gió bão

*Bấy nhiêu tâm sự, bấy nhiêu đời
Là ông cha đổ bằng xương máu
Đã khổ, không yên cả dáng ngồi.*

Vẻ đẹp trên các tượng La Hán chùa Tây Phương càng trở nên bi tráng, thấm đẫm mùi vị nhân sinh mà cũng đầy hùng lực qua mắt nhìn Huy Cận, soi sáng thêm một lần nữa tính sáng tạo của nhà tạc tượng Việt Nam xưa, chúng ta có thể gọi đó là cái riêng của điêu khắc cổ Việt Nam.

TƯỢNG THỜ Ở CHÍNH ĐIỆN

Bước vào chính điện, chúng ta sẽ thấy tượng thờ các vị tu hành đã đắc đạo, đạt chính quả. Phía đằng trước là tượng *Phật nhập niết bàn*, rồi đến *Phật Di Lạc*, *Phật Thích Ca Mâu Ni*, *Phật Quan Âm*. Sau cùng là *Phật A-Di-Đà* và tượng *Tam Thế Tôn*. Tam Thế Tôn là ba pho tượng có lẽ quan trọng nhất ở gian chính điện, thường bày cao lên gần sát mái nhà và kẻ sát vách chính điện, tức là *Thường trụ tam thế diệu-pháp thân*, là biểu tượng của chư Phật thường trụ qua thời gian: *Quá khứ, Hiện tại, Vị lai*. Có người cho rằng ý nghĩa của ba tượng Phật này chẳng khác gì ý nghĩa *Tam-vị-nhất-thế*

(Trinité) của đạo Ky Tô.

Phật A-di-đà (Amita) là giáo chủ của cõi Tây phương cực lạc. Gốc Phạn ngữ Amita nghĩa là vị Phật của ánh sáng vô lượng (Amitatàbha: *The Buddha of Infinite Light*) và cũng là vị Phật của vô lượng thọ (Amitāyus: *The Buddha of Infinite Life*.) Tượng Phật A-di-đà thường được tạc đang ngồi trên toà sen, tay bắt ấn, phía bên trái là Quan Thế Âm Bồ Tát (Avalokites'vara), biểu hiện của lòng từ bi, và bên phải là Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahasthamprata), biểu hiện của ánh sáng trí tuệ.

Trong các điện thờ Phật Đại Thừa, tượng Phật A-di-đà thường được tạc lớn nhất, tùy vào kích thước của từng ngôi chùa. Tượng A-di-đà ở chùa Phật Tích (Hà Bắc) cao 1m87, không kể bệ và toà sen, là một di tích quý giá của lịch sử văn hoá và mỹ thuật Việt Nam.⁽¹³⁾

Quan Thế Âm là vị bồ tát thần thông quảng đại, thường hiện ra để cứu khổ cứu nạn chúng sinh. Thế gian là một biển khổ mênh mông, nên ở đâu có tiếng kêu cứu khổ cứu nạn thì ngài đều đưa tay cứu vớt. *Kinh Pháp Hoa* nói: "Khổ não chúng sinh nhất tâm xưng danh, Bồ tát tức thị quan kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát. Dĩ thị danh Quan-Thế-Âm." (Chúng sinh bị khổ não mà nhất tâm gọi đến tên Bồ Tát, tức thời Ngài sẽ xem đến âm thanh kêu xin mà độ cho được giải thoát. Bởi thế gọi tên Ngài là Quan-Thế-Âm.)

Một trong những sắc tướng thường được nhớ đến rất đặc biệt của Ngài là *Thiên Thủ Thiên Nhân Quan Thế Âm Bồ Tát*, nghĩa là một vị bồ tát đại từ đại bi, có thần thông vô lượng, pháp nhãn và pháp lực đến không cùng, không điều gì là ngài không thấy, không việc gì là ngài không làm được, nên ngài có sắc tướng của một bồ tát có nghìn tay nghìn mắt.

Chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh hiện rất may mắn còn bảo lưu được pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quan Thế Âm, được tạc từ năm 1656, rất tinh xảo, là một kiệt tác của nền mỹ thuật cổ Việt Nam. Nhà nghiên cứu lịch sử mỹ thuật Nguyễn Phi Hoanh cho chúng ta biết: Nam tước Trương văn Thọ thời Hậu Lê đã đặt thợ tạc pho tượng này để dâng cúng vào chùa, và cũng như tất cả các tượng cổ Việt Nam khác, chúng ta không biết điều khắc gia nào đã tạc nên pho tượng này. Tuy nhiên, có một điều hiển nhiên có thể đúc kết là, trong tất cả các tượng Quan Âm cổ của Việt Nam, chắc chắn đây là pho tượng đẹp nhất.⁽¹⁴⁾

Hình tượng và bố cục của pho tượng, mặc dù cũng chỉ là bắt nguồn từ cái chung có từ nhiều đời trước, như tượng Phật Quan Âm nghìn tay nghìn mắt của Trung Hoa và Ấn Độ, nhưng vấn đề ở đây là cái tài tình của một người

nghệ sĩ Việt Nam nào đó, hơn 350 năm trước, đã thực hiện nên công trình kỳ diệu này, và đã để lại cho chúng ta một niềm tự hào vô hạn về một tác phẩm mỹ thuật toàn bích.

Ông Nguyễn Phi Hoanh đã nhận xét về pho tượng này: "Cái đặc sắc của tượng Quan Âm chùa Bút Tháp là ở chỗ tác giả, với nghệ thuật điêu luyện đã làm cho một hình kỳ quái có nhiều đầu, nhiều tay vẫn giữ được vẻ tự nhiên không có gì chướng mắt. Ba hình mặt lớn ở dưới là mặt Phật vào loại đẹp nhất của nghệ thuật tôn giáo Việt Nam. Bốn bàn tay để phía trước rất mềm mại, tự nhiên và nghệ sĩ có cái ưu điểm là không để rơi vào chỗ mềm yếu như trong nhiều tượng khác. Bố cục chung và động tác của những bàn tay lớn rất thoải mái, chứng tỏ trình độ cao của nghệ sĩ trong việc giải quyết một hình thể khó khăn như tượng này."⁽¹⁵⁾

Nhắc đến tượng Phật nơi các cổ tự, chúng ta cũng không thể quên được pho tượng Phật tạc bằng gỗ mít, sơn son thiếp vàng, cao 1m96, bày ngay ở phòng bát giác chính của Bảo Tàng Viện Sài Gòn trước đây, với những quý tướng đặc biệt, nghĩa là theo qui cách tượng trưng cổ hữu, nhưng vẫn toả ra một hấp lực đặc biệt đối với người quan chiêm, kính ngưỡng.

Đây là tượng *Thích Ca Mâu Ni Phật* (Sakyamuni Buddha.) Phật A-di-đà là báo thân của Phật thì Thích Ca Mâu Ni là ứng thân của Phật, tức là hai mặt của một bản thể thường trụ không sanh không diệt. Tượng Phật này cũng gọi là tượng *Đức Cổ Đàm* vì Thích Ca Mâu Ni là một nhân vật lịch sử, tên thật là Tất Đạt Đa (Siddhārtha), thuộc dòng họ Cổ Đàm (Gautama), con trai của một tiểu vương ở gần Hi Mã Lạp Sơn, thuộc vùng Nepal ngày nay.

Pho tượng được tạc ngồi kiết già (Vajrāsana) trên toà sen. Hai bàn tay thanh thân xếp vào nhau, tay mặt để trên tay trái, hai ngón cái chạm đầu

vào nhau. Có chữ *vạn* nổi ở giữa ngực, tượng trưng của pháp lực chuyển động tới vô cùng vô tận, có cục gỗ usnisa nổi cao trên đỉnh đầu, tóc xoắn hình khu ốc. Khuôn mặt đầy đặn, hai cánh mũi lớn, đôi mắt lim dim như đang tập trung huyền lực, hai trái tai dài xuống đến gần ngang cằm. Cổ có ngấn, góp phần tạo nên một ấn tượng mềm mại, duyên dáng. Thân mình được phủ chiếc áo cà sa rộng, có những lần xếp đều đặn rất nghiêm trang. Người chiêm ngắm có thể nhìn thấy ở đây dáng vẻ của một bậc trí giả trầm lặng, an tĩnh, hay đúng hơn là hình ảnh của một vị Phật rực rỡ như vàng thắm,



Phật Tuyết Sơn, tượng gỗ sơn thiếp, thế kỷ XVIII, chùa Tây Phương.

trăm tư mà oai nghiêm như sư tử.

Tượng Phật Cổ Đàm này có một lịch sử khá đặc biệt. Nguyên là pho tượng được vua Minh Mạng dâng cúng vào chùa Khải Tường nhân ngày khánh thành ngôi chùa này. Chùa Khải Tường ở thôn Hoạt Lộc, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, được xây dựng năm Nhâm Thìn 1832, để kỷ niệm nơi vua Minh Mạng chào đời. Khi Gia Long Nguyễn Phúc Ánh chưa thống nhất sơn hà và còn bôn tẩu ở phương

Nam, Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu, thứ phi của chúa Nguyễn Ánh đã sinh hoàng tử Đảm (về sau là vua Minh Mạng) ở nơi này vào năm Tân Hợi 1791. Vua Minh Mạng cho dâng cúng pho tượng để tạ ơn Phật và cũng là để kỷ niệm một nơi quý tướng của hoàng gia và đất nước. Chùa được trùng tu vào năm Bính Thân 1836, đời vua Minh Mạng thứ 17.⁽¹⁶⁾

Trong cuộc chiến tranh Pháp-Việt, chùa từng đã là một cứ điểm kháng Pháp, được Nguyễn Tri Phương lập đồn năm 1859. Chùa Khải Tường, Pháp gọi là Pagode Barbé vì đêm 6.12.1860, kháng chiến quân đã phục kích giết

địa đã huỷ phá một số đền chùa cũ của ta để xây dựng một thành phố mới theo kiểu Tây Phương. Chùa Khải Tường bị phá huỷ, pho tượng Phật của vua Minh Mạng may là còn nguyên vẹn, nường nấu chỗ này chỗ khác cùng với Hội Cổ Học Ấn-Hoa (Société des Etudes Indochinoises), sau cùng được đưa về trưng bày ở Viện Bảo Tàng Sài-Gòn.

Ở bên trên, chúng ta vừa vẽ phác về cách bày biện những pho tượng thờ trong những ngôi cổ tự, cũng nhân đó mà chiêm ngắm một số danh tác của nền điêu khắc cổ Việt Nam.

Đối với kho tàng mỹ thuật Phật giáo vô cùng phong phú, đây chỉ là vài nét đan thanh, chúng ta sẽ trở lại với đề tài này vào một dịp khác, công phu, tỉ mỉ, và toàn diện hơn.■

California, cuối tháng 10.2009

CHÚ THÍCH

(1) CF. - Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Chương I, "Trung Tâm Phật Giáo Luy Lâu," Lá Bối, Sài-Gòn, 1974, trang 13-22.

- Nhất Hạnh, *Thiền Sư Tăng Hội, Sơ Tổ của Thiền Tông Việt Nam*, Nxb An Tiêm, Paris, 1998.

(2) Lời trích từ bài minh của Lê Quát trên bia chùa Thiệu Phúc ở Bái Thôn, Lộ Bắc Giang. Dẫn lại trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập II, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1967, trang 161.

(3) Nguyễn Quân, *Chùa làng hay các bảo tàng điêu khắc*, Đất Mới, Montréal, số 2, tháng 2.1990.

(4) Những ngôi chùa lớn thường dựng theo kiểu nội công ngoại quốc (trong hình chữ công, ngoài hình chữ quốc), được gọi như thế vì khu nhà chính giữa có hình chữ công và ở chung quanh có những dãy nhà bao quanh lại theo hình vuông.

(5) *Triển lãm cổ tích Việt Nam*, phần tượng Phật do Paul Lévy ghi chú. *Dân Việt Nam (Le Peuple Vietnamien)*, Viện Đông Phương Bắc Cổ xb, số 2 tháng 12.1948.

(6) Hầu hết các tượng Hộ Pháp ở hai gian bên cạnh nhà bái đường được đắp bằng đất sét, hoặc vôi vữa, nhưng các pho tượng Phật thì lại được tạc bằng gỗ, đôi lúc được đúc bằng đồng hoặc chạm khắc bằng đá. G.Dumoutier trong *Lược Khảo về người Bắc Bộ (Essais sur les Tonkinois)* cũng đã từng cho chúng ta biết về kỹ thuật thực

hiện các pho tượng gỗ này. Gỗ làm tượng thường là gỗ mít, màu vàng, thớ nhỏ và se, dễ đục đẽo và không bị cong. Tượng đã tạc xong, các phần của tượng được ghép lại với nhau đầu vào đáy, người thợ lấy đất sét trắng trộn với sơn sống để bịt những chỗ nứt, chỗ nối, rồi trát lên toàn pho tượng một lượt và mài nhẵn chỗ lồi lõm. Thực hiện nhiều lượt như thế cho đến lúc vừa ý thì sẽ để cho khô, rồi quét sơn và thếp vàng. (Dẫn lại trong *Dân Việt Nam, Le Peuple Vietnamien*, bài đã dẫn.)

(7) CF. Trần Trọng Kim, *Phật Lục*, Nxb Tôn Giáo tái bản, Hà Nội, 2002, trang 117.

(8) Theo Chân Nguyên và Nguyễn Tường Bách, *Từ Điển Phật Học*, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1999, trang 222-223.

(9) Xem Phan Kế Bính, *Việt Nam Phong Tục*, Phong Trào Văn Hoá xb, Sài-Gòn, 1974, trang 122.

(10) Theo ông Trần Nho Thìn, sau nhiều cuộc thăm viếng, khảo sát các chùa chiền cho biết: ở một vài ngôi chùa, có đến năm hay bảy tượng Phật Thích Ca sơ sinh, sơ dĩ như vậy vì các Phật tử vào dịp này dịp khác đã thành tâm cúng vào chùa các pho tượng ấy, cứ mỗi lần như thế, nhà chùa lại bày biện thêm chứ không quan tâm đến chuyện các pho tượng chỉ mang một nội dung, hình thức cũng là mẫu hình tượng tự. Các pho tượng được cúng vào chùa thường là vào các dịp trùng tu, tôn tạo chùa. Và cứ như thế, số lượng tượng Phật cứ tăng mãi, ví dụ như ở chùa Mía (Sùng Nghiêm Tự) ở Sơn Tây có đến 287 pho tượng các loại, ở chùa Trăm Gian (Quảng Nghiêm Tự) có 153 pho tượng các loại. (CF. Trần Nho Thìn, *Vào Chùa Thăm Phật, sự tích - ý nghĩa - cách bài trí*, Hà Nội, 1991.)

(11) Xem Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận II*, trang 37-38, Nxb Lá Bối, Paris, 1978.

(12) Nguyễn Đỗ Cung, "Mỹ Thuật Thời Tây Sơn," *Mỹ Thuật* số 5, 1969, Viện Mỹ Thuật - Mỹ Nghệ Hà Nội, trang 84-93.

(13) Xem thêm: Huỳnh Hữu Uy, "Chùa Phật Tích và mấy di tích mỹ thuật thời Lý," *Thế kỷ 21*, California, số 76, tháng 8.1995.

(14) Nguyễn Phi Hoanh, *Lược Sử Mỹ Thuật Việt Nam*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1970, trang 95.

(15) Nguyễn Phi Hoanh, sdd, trang 96.

(16) CF. - Thái Văn Kiểm, "Từ Trán-Tộc-Từ đến Khải-Tường-Tự," *Đất Việt Trời Nam*, Nxb Nguồn sống, Sài-Gòn, 1960, trang 466-473.

- Trương Bá Phát, "Lịch sử những vị Phật gỗ trong Viện Bảo Tàng Quốc-Gia Việt-Nam," *Văn Hoá Tập San*, Sài-Gòn, bộ XX (1971), số 1, trang 118-147.

Ở đây, có một điểm cần lưu ý: Hai ông Thái Văn Kiểm và Trương Bá Phát chỉ nói rằng chùa Khải Tường được xây dựng năm 1832 để kỷ niệm nơi vua Minh Mạng chào đời. Ông Vương Hồng Sển lại nói rõ ràng hơn, là hoàng tử Đảm, tức vua Minh Mạng đã được sinh ra tại hậu liêu của ngôi chùa này. Như vậy, trước năm 1791 (năm sinh của vua Minh Mạng), đã có chùa Khải Tường, và có lẽ chỉ là một ngôi chùa nhỏ ở địa phương, ít người biết đến, về sau vua Minh Mạng đã cho xây cất khang trang, lại cho gửi pho tượng Phật từ Huế vào để thờ phượng, nên Khải-Tường-Tự đã trở thành một quốc tự và là một vết tích khá đặc biệt. (Xem Vương Hồng Sển, *Sài Gòn Năm Xưa*, Nxb T.ph. Hồ Chí Minh tái bản, Sài Gòn, 1997, trang 216.)■



Tổ La-Hầu-La-Đa, tượng gỗ sơn thiếp, thế kỷ XVIII, chùa Tây Phương.

chết đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại đây. Chùa Khải Tường (Pagode Barbé), cùng với các ngôi chùa khác là Hiến Trung (Pagode aux Mares), Kiểng Phước (Pagode des Clochetons) ở Chợ Lớn, chùa Cây Mai ở Phú Lâm đã tạo thành một chiến tuyến mà Pháp gọi là *ligne des Pagodes*, để chống lại sự tiến quân của Pháp về phía Chợ Lớn. Chinh chiến tiếp diễn từ năm 1860, rồi sau đó khi Pháp đã chiếm đóng được toàn bộ Sài-Gòn, chính quyền thuộc

BA MƯƠI TẾT, TẾT LẠI BA MƯƠI

LÊ VĂN SIÊU

LÊ VĂN SIÊU LÀ MỘT NHÀ BIÊN KHẢO NỔI TIẾNG TỪ TRƯỚC 1954 Ở HÀ NỘI; KHI BÁO TỰ DO Ở SÀI GÒN SỬA SOẠN LÀM SỐ XUÂN, ÔNG NÓI ÔNG SẼ CÓ MỘT ... BÀI THƠ ... LÀM CHO MỌI NGƯỜI, NHẤT LÀ VŨ HOÀNG CHƯƠNG, ĐINH HÙNG, PHẢI NÓNG LÒNG CHỜ ĐỢI. ÔNG KỂ:

Kể ra, mỗi kỳ Tết đến, mà không còn cái thú chơi văn chơi chữ nữa thì có khi ăn uống chán rồi nghe đàn hát mãi cũng chán, người ta dễ đến phát điên lên mất.

Cho nên hôm toà soạn Nhật báo Tự Do mời các văn hữu tới nói chuyện về việc viết bài cho số báo Tết, anh chủ bút hỏi từng người, coi ai đã có sẵn tứ để viết bài gì, khi đến lượt tôi, tôi trả lời là tôi sẽ có một bài thơ, thì quái lạ! Tất cả mọi người đều cười rộ lên, lấy làm hoan nghênh lắm. Mà bắt đầu từ chính tôi lại cười nhiều hơn ai hết.

Rồi từ hôm ấy, người nào thấy tôi cũng cười và giục đưa bài, cố ý để xem trước đọc giả, bản thảo bài thơ của tôi. Một bài thơ mà khi mới báo tin ra, hai thi sĩ Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương ngồi hai bên, đã phải mất một phút sững sốt, để anh em cười và đề nghị Vũ Quân hãy viết khảo cứu vậy, thì bài thơ ấy kể cũng không đến nỗi tui, khi được in lên mặt báo.

Nguyên là trong cuộc đời viết văn viết báo của tôi, chưa có bao giờ tôi làm thơ. Cũng chưa bao giờ tôi thí nghiệm cái việc làm thơ ấy. Hoạ chăng tôi chỉ biết đọc

và khen phục người làm thơ hay. Thì chính trong buổi đầu xuân, để ghi một kỷ niệm vui, tôi đã cố ý đoạ đánh trống qua cửa nhà Sấm, rồi sui người khác đánh trống thay cho mình lần đi. Nên khi tôi nói sẽ có thơ, thì thơ vẫn có thực, nhưng lại là thơ của người khác mà tôi giới thiệu vì nhiều người không biết.

Bài thơ ấy đã do một tác giả vô danh làm ra và có lẽ nhiều tác giả vô danh khác đã sửa chữa, gọt dũa, trong khi người ta vừa làm công việc đồng áng vừa nhìn ra bờ sông mà khúc khích cười.

Nó là một bài đồng dao, có lẽ đã làm ra từ lâu lắm. Từ trước đời Trần cũng nên. Bởi vần và điệu không bó thốt vào một thể thi nào nhất định. Câu thì bốn chữ, câu thì năm, có câu sáu câu tám, mà cũng có câu tới mười ba, mười lăm chữ.

Thôi thì tha hồ phóng khoáng, mỗi câu gieo thực hết một mạch mới ngừng. Đoạn thì tả tình, đoạn thì tả cảnh; tuy từng đoạn mà câu dài câu ngắn, tuy từng ý mà điệu chậm điệu nhanh.

Bài thơ như chiếu lại một phim hoạt cảnh trước một người đọc về việc một thím xẩm người Việt đốt mã cho chồng ngày ba mươi Tết. Cảnh thiết đáng nên ai oán! Cô ta chỉ còn có một cái dù rách với một cái chân bông (chắc cũng rách), hai tay cô xách cả hai thứ đi một mình lững thững ra bờ sông, rồi cô ngẩn ngơ đứng mà trông sang nước người. Đến cái chỗ tận cùng của sự ai oán ấy thì cô òa lên khóc.

Thơ đã tả luôn được tiếng khóc ấy.

Khóc rằng:

**Ôi chú chiếc ôi
là chú chiếc ôi!**

Thật không có gì hiển bằng văn chương mà cũng không có gì ác bằng văn chương vậy.

Bởi từ ngày cô lấy người ta, cô đã chẳng chịu học một tiếng gì của người ta, cô chỉ biết có mỗi một cái củ phán xì, thì cố nhiên khi người ta chết, cô chẳng khóc người ta bằng chú chiếc thì cô biết khóc bằng gì? Cô không khóc: ôi củ phán xì ôi! Thì kể cũng đã may cho chú nhiều lắm rồi vậy.

Đến đây, thời nhân Tết, phải cau mày tỏ ý bất bình đối



Nó là
một bài
đồng dao,
có lẽ đã
làm ra từ
lâu lắm.

Từ trước
đời Trần
cũng nên

với cách chơi ác của người làm thơ. Thì hãy khoan, để xem cảnh kia còn tiếp diễn và giải thích luôn thái độ nọ. Cô ta đã ném xuống sông một quan tiền và một thằng người bỏ đin. Tất nhiên quan tiền nặng thì chìm mà bỏ đin nhẹ thì nổi. Như vậy thì: ôi ai ôi! có phải là của nặng hơn người không?

Thật chưa có một lối lý luận bằng hình tượng nào khéo léo được đến như thế. Nó làm cho người ta hiểu sâu xa được câu kết và làm người ta cảm thấm thía được câu phá ở trên:

*Tham giầu lấy phải thằng Ngô
Đêm nằm như thể cành khô chực vào*

Văn chương bình dân truyền khẩu như bài này, thật đã biểu lộ được hết cái tình thân ái Việt-Ngô vậy.

Nhân dịp nhân rồi, tôi tự nhủ thử đi dò tìm trong lịch sử những dấu hiệu của tình thân ái Việt-Ngô ấy. Thì tôi đã gặp bài thi này và đã đồ chừng là ít ra nó đã phải phát sinh vào thời Triệu Âu hay sau Triệu Âu ít lâu. Bởi thời Triệu ở nước ta nhằm vào thời Tam Quốc bên Tàu. Trong thế chân vạc Ngô, Ngụy, Thục, nước ta đã thuộc phạm vi cai trị của Ngô. Bà Triệu đã nổi lên chống nhà Ngô, thì cái tiếng thằng Ngô, cái lúa ngô, "tham giầu lấy phải thằng Ngô..." v.v... cũng đã phải phát sinh vào hồi ấy mới là hợp lý.

Nếu quả đúng như vậy, thì ra người nước ta (nhất là bình dân) đã yêu người Ngô nồng nàn lắm từ hai ngàn năm nay, nên tình yêu ấy đã được biểu lộ ra ở văn chương thi phú vậy. ■

LÊ VĂN SIÊU (1912-1995). Lê Văn Siêu là một tên tuổi lớn trong Nhóm Hàn Thuyên, một tập hợp những người chủ trương hình thành một hệ thống "tân văn hoá," một tinh thần giáo dục thực dụng, xuất hiện đều đặn bằng ấn phẩm và bằng báo chí từ năm 1939 tại Hà Nội. Lê Văn Siêu là tên thật, sinh tại Hà Nội năm 1912, tốt nghiệp trường Kỹ nghệ Thực Hành Hải Phòng năm 1932. Năm sau ông là đốc công nhà máy gạch Đáp Cầu và cũng là năm cùng Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh viết cho báo Tuổi Trẻ. Từ 1936 tới 1944 ông làm chánh văn phòng sở nghiên cứu Hoả Xa Hồ Nam, Quảng Tây (Trung Hoa), sở thầu vét sông và trị thủy của Pháp, công chức Sở Công chánh Pháp, tham gia Hội Truyền bá Quốc ngữ Hải Phòng với Nguyễn Hữu Đang. Năm 1946 ông tổ chức cơ quan Tổng phát hành sách báo Phương Đông ở Hà Nội. Chiến tranh bùng nổ, ông tản cư lên Tuyên Quang mở quán cơm, nhưng khi Pháp nhảy dù xuống đây, ông bị bắt, lại bị đưa trở về Hà Nội. Năm 1949 Lê Văn Siêu di cư vào Sài Gòn, làm thầu khoán xây dựng nhà cửa. Người ta hỏi, ông nói "làm thợ mộc." Nhóm Hàn Thuyên thực ra có tên là nhóm Tân Văn Hoá, như họ gọi, song bên ngoài họ được biết đến bằng tên Nhóm Hàn Thuyên, vì nhóm thành lập một "xuất bản cục" có tên là Hàn Thuyên. Nhóm cũng phát hành một tạp chí lấy tên Văn Mới, hoạt động tích cực trong mấy năm đầu thập niên '40.

Nhà văn, học giả Lê Văn Siêu trước tác được nhiều, nhất là xuất bản được một tác phẩm quan trọng một năm trước thắng tư 1975: Văn Học Sử Thời Kháng Pháp (1858-1945) (Trí Đăng). Các tác phẩm khác của ông có: Nguồn Gốc Văn Học Việt Nam, Thê Giới xb, Sài Gòn, 1956, Tân Xuân Tùy Bút, NDV xb, Sài Gòn, 1960, Truyền Thống Dân Tộc, HDP, Sài Gòn, 1968, Việt Nam Văn Minh Sử Cương, XT tái bản ở Mỹ, 1983. Tác phẩm của ông toát ra tâm tư của một trí thức yêu nước, dù trong biên khảo hay qua sáng tác. (Trích lược trong Hồi Ký Văn Học Viên Linh, đang soạn.) ■



Minh họa của Phạm Tăng

Tham giầu lấy phải thằng Ngô
Đêm nằm như thể cành khô chực vào
Kể từ ngày em lấy anh, anh bảo em:
Chả chịu học một tiếng gì.
Em chỉ biết có một tiếng:
"Cái phán xì là củ khoai lang" ⁽¹⁾

Ba mươi Tết, Tết lại ba mươi
Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú khách
Một tay cô cầm cái dù rách
Một tay cô xách cái chân bông
Cô ra đứng bờ sông
Cô trông sang nước người
Ôi chú chiệc ơi là chú chiệc ơi!

Một tay cô cầm quan tiền
Một tay cô cầm người bỏ đin
Cô ném xuống sông.
Quan tiền nặng thì quan tiền chìm
Bỏ đin nhẹ thì bỏ đin nổi
Ôi ai ơi, của nặng hơn người.

Tội gì mà ở chính chuyên
Một đêm là sấm côn sin ai cho. ⁽²⁾

(1) Củ khoai lang có hai nghĩa.

(2) Sấm côn sin tiếng Tàu nghĩa là ba quan tiền.



THƠ LÀM TRONG BÓNG TỐI KHOA HỮU

ĐÊM TRƯỚC NGÀY TRIỆU TẬP

đêm, nghe hơi thở cầm canh
sớm mai còn ngấn lệ quanh mắt
người
ơn em hàm chút ơn đời
buồn chia chưa đủ môi cười tiễn
nhau
cầm bằng bước lỡ mai sau
tóc xưa đã cắt ngang đầu làm tin
chẳng chân cứng cũng đá mềm
chẳng quên đời thăng thốt quên
từng ngày
- cầm bằng ta hạt bụi bay.

SỐ 3C ĐƯỜNG...

bước đi, tội nặng hai vai
đá xanh vết lở đường dài cơn đau
đến đây, bề bạn trước sau
gốc xưa xác lá ngọn sầu quê hương
đến đây, nghiêm cấm linh hồn
cỏ lên hoang phế bụi chôn thán
ngày
cửa ơ đóng nhẹ bàn tay
gió ơ tiếng khê đêm hay giật mình
kẽm gai nhọn huyết bình minh
hoàng hôn như bịt mắt nhìn thấy
đâu
thương ta sợi tóc trên đầu
mọc thân trên ghế để râu quanh
hàm
- thương ta thơ cũng lắm than.

TÌNH KHÚC CHO VỢ

ví người thất cố ta, đây
dây oan xin hãy nhẹ tay-tơ hồng
treo lên ngày tháng hư không
đêm canh ác quỷ ngày trông gian tà
ví người chết thể dùm ta
tiền người ta nguyện đưa qua chín
tầng
cực hình chia ở thế gian
vai gông chân xích ta mang dùm
người
đường đi ta vẫn ngậm cười

môi hôn đã chạm nỗi đời biệt ly.
Sài gòn, 2009

NGŨ LINH ÂM: HÓA THÂN NGUYỄN LƯƠNG VY

Tặng thi sĩ Viên Linh, nhân đọc lại
thi tập Hóa Thân*

I. Mỗi sâu cong như vồng
Nỗi nhớ đọng như chiều
Thổ mộ oằn lưng ngựa
Núi thất sắc cô liêu

Thơ động kinh quá nhiều
Chữ la thâm: quá hớp
Một điều chi quá ngợp
Ốc khô hồn Cúc Hoa

Vách khô tợ huyết ma
Ngũ linh âm ngấm tuyết
Đỏ tươi sương hạ huyết
Câu thơ chít khăn tang

Câu thơ vượt mắt nàng
Chiều căng buồm hư ảnh
Ta căng mắt ráo hoảnh
Nhìn thời gian trắng xương

Vách khô huyết buốt hương
Lượng trời đông nửa chén
Nửa kia đành lỗi hẹn
Như tiếng vó xa mù...

II. Như hồn ta xa hút
Như tiếng vỗ tay cầm
Như rừng huyền não mực
Nhúng ướt đêm huyền cầm

Tự hủy để hóa thân
Nguyên âm vừa cất tiếng
Ngũ linh âm mở miệng
Câu thơ nằm ngún tro

Câu thơ hời đốt lò
Ngó văn minh bức tử
Ngó ta ôm hồn Chữ
Nghe mùa rền Cúc Hoa

Nghe mùa rộn bước ma
Xác thân rêm mộ chí
Hóa thân bờm ngựa hí
Trời xót ruột xanh um

Thổ mộ gồ chân dung
Trên phím đàn cây cỏ
Hóa thân chiều lút gió
Đất phơi thây xanh rì

III. Đất phơi thây đôi khi
Là mộng đùn xứ sở
Người đi nhấn kẻ ở
Nát môi không chôn về!!!

Ôm hồn Chữ lóng nghe
Bóng lẩn theo đời trụi
Trí tro ngơ ngác bụi
Hồn còn nuôi nguyên sơ

Trời rất đổi bơ vơ
Đất rất chi cô quạnh
Trần gian quang với gánh
Kịu kịt giữa vô cùng

Ta đắm cửa mịt mù
Nghe dội trên đỉnh sọ
Hóa thân ai lấp ló
Có phải là ta xưa?!

(Thật tình ta mới vừa
Thấy núi khóc trong mộng
Âm trắng hết thạch động
Ngàn hồng gọi xưa sau..)

California 8.2009

* Tập thơ Hóa Thân của Viên Linh do
Văn Nghệ, Sài gòn, in lần đầu năm 1964,
tái bản ở Đức năm 1992, trong có nhiều
bài nhan đề Cúc Hoa.

GÃ NGUYỄN, NÀNG THƠ

thi ca phiếm luận

HƯ CHU

"THI CA PHIỂM LUẬN" LÀ MỘT TRONG BỐN THỂ TÀI MÀ NHÀ VĂN HƯ CHU MANG VÀO VĂN ĐÀN MIỀN NAM VÀO NĂM 1955, TRONG ĐÓ THƠ TRỞ THÀNH MỘT CHỦ ĐỀ CHO HAI NHÂN VẬT: "GÃ NGUYỄN VÀ NÀNG THƠ." MỜI BẠN ĐỌC BƯỚC VÀO TÁC PHẨM "THƠ NGHIÊN HOA MỘNG" CỦA ÔNG

Gã, gã Nguyễn, Gã Nguyễn không phải là thi sĩ. Nhưng gã rất sành thơ. Thơ, gã đã bỏ mười lăm năm nghiên cứu cho nên nói về thi luật, gã hiểu cực tinh tường. Nếu là tân thể, gã có thể giảng cho người ta biết cách làm từ một bài bát ngôn, một bài tự do, cho đến một bài thơ không cần vần mà thi pháp Ba-íp gọi là thơ trắng. Còn nếu là cổ thể thì gã cũng thừa sức chỉ vẽ cho những ai muốn học từ cái lối phú dắc, cái lối triết hạ cho đến cái lối vĩ tam thanh hé-hê-hê.

Tuy nhiên, đó là nói về thi luật. Đến như cái thi ức của gã thì lại càng ghê lăm lăm. Gã biết chữ Pháp, gã đọc thơ Tây. Gã thường rên rỉ những giai vận của Huy, Ve. Gã lại biết chữ Hán, gã đọc thơ Tàu. Gã thường ư ử những kỳ cú của Lý, Đỗ. Ôi chao. Thơ Tàu, thơ Tây mà còn thế, hà huống thơ Ta. Thơ Ta thì khỏi nói. Gã thuộc đủ. Nói về thơ Ta đời xưa thì gã thuộc hơn cả hai ông Trần Trung Viên, Nguyễn văn Ngọc là soạn giả hai cuốn Văn-Đàn-Bảo-Giám, Nam-Thi-Hợp-Tuyển. Mà nói về thơ Ta đời nay thì gã, có thể nói là gã thuộc thơ Tân-Đà hơn cả ông Khắc Hiếu họ Nguyễn, thuộc thơ Tú Mỡ hơn cả ông Trọng Hiếu họ Hồ.

Điều này có cần phải chứng minh chăng?

Thì đây, chẳng là cái nhà thi-sĩ-ẩn-to-quán-ở-Hà-tiên-phát-tích-theo-ngọn-Nam-phong-quanh-năm-mặc-áo-lông-cừ đã từng có phen phải nhờ đến gã mới nhớ nổi được bài thơ Đêm-liêu-traí của ông ta mà ông ta trót nhăng quên đi? Thì lại đây, chẳng là cái nhà thi-sĩ-Hoàng-lang-đầu-thai-lắm-thế-



Tác phẩm **THƠ NGHIÊN HOA MỘNG** của nhà văn Hư Chu -trong đó phần **THƠ** là bài "Gã Nguyễn, Nàng Thơ" in bên cạnh. Sách này là cuốn thứ hai của Hư Chu, in xong ngày 20.1.1956, phát hành tại Sài Gòn ngay sau đó. Nhiều người nghĩ ông là một tác giả tiền chiến, thực ra ông là một tác giả Miền Nam.

kỷ-ở-đất-Vỵ-thành đã từng có bữa buột miệng ngâm một câu thơ cũ của ông ta mà nếu không may có gã ngồi đấy nhắc cho thì ông ta lại cứ ngỡ đó là một câu Lửa-túy-hương của một thằng cha đầu-thai-ba-lăng-nhăng nào khác?

Ấy đó, thi ức và thi luật của gã là như vậy. Cho nên chí lý thay, đã có một bọn thi sĩ tay mơ phải chịu nhận gã quả là một đại-gia-thi-học. Họ nghe gã đàm thi. Họ phục gã đến suýt lặn ra mặt đất. Họ phục gã đến nỗi rằng, ở cái thời bá đạo bây giờ, nếu có ai hỏi

họ xem người nào đáng nên đánh xe đến mời về làm chủ khảo trong một cuộc thi-thơ-không-gian-lận thì tất nhiên họ sẽ chẳng ngại ngần gì mà không lập tức đồng thanh: gã Nguyễn!

Gã Nguyễn, gã. Và gã, nhớ có một buổi chiều kia...

Cái buổi ấy là một buổi trời đẹp như người đẹp. Mây như nước tóc. Liễu như làn mi. Mà gió, gió thì cũng phảng phất thơm thơm như có pha mùi hãn dịch của cái nàng sùng phi được Bạch Lạc Thiên ngâm ngùi trong bài ca Trường-hận.

Vậy, cái buổi ấy, gã đã gặp nàng. Nàng là ai? Gã nào có biết. Chỉ biết cái buổi ấy, sau khi cảm khái ngâm nga ít câu hoài cổ và đang lim dim trên chiếc ghế xích đu thì hốt nhiên gã chợt mơ thấy một thiếu nữ e dè bước vào trong cổng rồi ngấp ngừng tiến về phía gã... Trời ơi! Theo con mắt gã, thiếu nữ này sao mà đẹp. Đẹp như trời đẹp. Làn mi như liễu. Nước tóc như mây. Còn cái mùi hãn dịch của nàng thì gã tuy chưa nức mũi, song thật đã như cảm thấy nó đang toả ra, hoà lẫn với hương trời.

Nhớ lúc đó, gã dướn thẳng người lên trong khi nàng dừng lại cách gã chừng năm bộ. Thế rồi, gã thấy nàng khẽ nghiêng mình chào gã:

- Xin lỗi ông, tôi muốn hỏi ông... ông Nguyễn!

Ông Nguyễn? Gã? Ô, cái con người thú vị này muốn tìm gặp gã chứ tuyệt không phải là một khách quen của

1. *Hương-Sơn* là một bài ca của cụ
Nghè Chu Mạnh Trinh, người làng
Phú-Thị:

HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH

Bầu trời cảnh bụi
Thú Hương-Sơn ao ước bấy lâu nay
Kìa non non nước nước mây mây
Đệ-nhất-động hỏi rằng đây có phải

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lừng lơ khe Yến cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày
kình
Khách tang hải giặt mình trong
giấc mộng

Này suối Giải-Oan này chùa Cửa-
Vông
Này am Phật-Tích này động Tuyết
Quỳnh
Nhác trông lên ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt

Thăm thẳm một hang lồng bóng
nguyệt
Gập gềnh đôi lối uốn thang mây
Chừng giang sơn còn đợi ai đây
Hay tạo hoá khéo ra tay xếp đặt
Lần tràng hạt niệm nam-vô-phật
Của từ bi công đức xiết bao
Càng trông phong cảnh càng yêu
CHU MẠNH TRINH

mấy nhà hàng xóm chung sân?

Thế thì tuyệt. Tuyệt lắm thực. Gã
bèn luống cuống đứng lên rồi lấp bắp:
- Dạ vâng. Chính tôi. Tôi là
Nguyễn.

Tức thì thiếu nữ cười tùm tùm:

- Thật hân hạnh. Bấy lâu nghe
danh lớn, từng lấy làm kính mộ, dám
mong cho được thụ giáo một hôm nay.

Nghe câu đó, lòng gã như đại-hội-
liên-hoan. Toàn thân gã run run.
Không run sao được. Từ khi nổi tiếng
đại-gia-thi-học trong cái giới tiểu-gia-
thi-sĩ, đã có bao giờ mà gã được một
giai-nhân-tái-tiểu đến câu vấn tự như
thế này đâu?

Gã bèn mời nàng vào nhà và cùng
ngồi đối diện. Trà sẵn. Nước nóng
cũng sẵn. Liên pha. Đoạn mời nàng
nâng chén rồi rằng:

- Nếu không ngại, xin cô cho được
biết phương danh?

- Tôi tên Thi, nhưng chị em thường
đùa gọi Nàng Thơ.

- Thưa vậy, nhà cô ở đâu ta?

Nàng cười:

- Ở xa, xa lắm. Cách đây những
hơn trăm bạc tiền xe. Nhưng thôi, ta
hãy vào chuyện. Nghe nói chiều hôm
nọ xuống Hậu-giang, ông có đăng đàn
luận cứu về văn nghiệp cụ Nghè Phú

thị?

Gã đáp, giọng hơi kiêu:

- Quả có.

Nàng lại cười bảo:

- Tiếc bữa ấy tôi không có cái duyên
may dự thính... Mà ví như bây giờ ông
lại cho tôi được cái đặc đãi nghe riêng?

Gã liền xin vâng một cách vô cùng
kháng khái. Rồi gã nói thao thao.
Nhưng mới vừa một đoạn, cô gái đã
chợt đưa tay ra hiệu cho ngừng:

- Hay lắm. Những lời phê bình của
ông về bài *Hương-Sơn*⁽¹⁾ của cụ Nghè
thật là xác đáng. Ông khen bài này
kiệt tác thì phải quá đi rồi. Tuy nhiên,
theo tôn ý thì ấy là một bài làm theo
thể vịnh hay là tức cảnh non Hương?

- Thưa cô, tức cảnh. Cứ những câu...
*kìa non non nước nước mây mây, đệ
nhất động hỏi rằng đây có phải, cứ
những câu... này suối Giải-Oan, này
chùa Cửa-Vông, này am Phật-Tích này
động Tuyết-Quỳnh, cứ những câu đó*
thì lẽ nào ta lại coi là vịnh được?

- Chí lý. Nhưng không vịnh mà tức
cảnh thì cảnh ấy, ngày hay đêm?

- Thưa cô, ngày. Ngày thì mới có
*chim thỏ thẻ, ngày thì mới trông thấy
cá lừng lơ, ngày thì mới... mới nhìn rõ
được mầu đá long lanh như gấm dệt,*
và... và...

- Và ngày thì mới có bóng nguyệt
lồng trong hang thăm thẳm, phải vậy
chăng ông?

Mặt gã bỗng đỏ ra, thờ thẩn. Gã
lắm bầm:

- *Bóng nguyệt... lồng bóng nguyệt...*

- Ông xét thơ quả rất tinh tường.
Hay đấy. Nhờ có ông, tôi mới biết rằng
một bài tức cảnh, nếu tức cảnh ngày
mà lại tức cả cảnh đêm thì mới thật là
cảnh tức. Ấy chết, tôi nói nhịu. Thì
mới thật là kiệt tác... Kiệt tác, vâng,
nó kiệt tác ở cái chỗ tác giả đã có thể
vẽ chung được cả hai vầng nhật nguyệt
trong một bức tranh thơ!

**Đôi mày gã nhú lại. Thái
dương gã lăm tằm mồ hôi. Gã
thẹn. Gã thẹn quá. Trời đất
hối, thế ra bài ca Hương-Sơn
đã có một cái hồng tày đình
như thế mà bấy lâu gã chớ hề
nhận thấy, vẫn cứ học theo
sách báo mà khen bái khen
bữa.**

- Mà thôi này, ông Nguyễn! Ta hãy
tạm ngưng cái chuyện Hương-Sơn ấy
lại... Vừa đây tới cổng, tôi có nghe
tiếng thơ ngâm sang-sảng, phải là ông
vừa đã ngâm bài *Thăng-Long-Hoài-Cổ*
của bà Huyện Thanh-Quan?

- Thưa phải.

- *Tạo hoá gây chi cuộc hí trường, cái*
câu phá này nói riêng về từ, xin ông
cho nghe tôn ý?

- Tuy có hai tiếng Hán "tạo hoá hí
trường" nhưng giọng thơ nghe không

nặng, không nặng mà xem còn thoát
nữa. Về mặt âm điệu thì các thanh rất
khéo điều hoà khiến cho câu thơ rất
giàu thi nhạc. Ngoài ra, hai tiếng Hán,
một đặt ở đầu câu, một đặt ở cuối câu,
cũng tạo được cái thể quân bình, nếu
xét từ theo ý nghĩa. Sau chót, tiếng
"gây" nghe cũng thú, nhất là khi ta
nhận thấy nó đã hô ứng được với tiếng
"cuộc" theo sau.

- Có thể thôi ư?

- Vâng, có thể.

Thiếu nữ bỗng lại cười tùm tùm:

- Vậy mong ông hãy giảng cho tôi
hiểu nghĩa cái tiếng kép "hí trường."

- Thưa cô, hí là chơi đùa, còn trường
thì là cái nơi, cái chỗ. Do đó, hí trường
có nghĩa: cái nơi cái chỗ bày ra cuộc
chơi đùa, cuộc du-hí.

- Ông vừa nói cuộc du hí. Tôi cũng
vẫn nói như ông. Nhưng ở đây, bà
huyện Thanh-Quan nói cuộc hí trường
thì chẳng hay thế nào là "cuộc hí
trường?"

- Tôi chưa hiểu ý cô?

- Thế này. Hí trường cũng tức là du
hí trường, hí trường cũng tức là trường
chơi, nơi chơi. Vậy đã bao giờ ông thấy
người ta nói cuộc-nơi-chơi, cuộc-trường-
chơi hay là cuộc du-hí-trường, cuộc-nơi
du-hí?

- Nói một cách khác, đã bao giờ ông
thấy người ta nói cuộc hí-viên, cuộc hí-
đài, hoặc khác hơn nữa cuộc phi-
trường, cuộc chiến-địa?...

**Này ông Nguyễn ạ, tôi vốn
cho rằng bà Huyện đã dùng
thừa, dùng rất thừa một chữ.
Hoặc là chữ trường, hoặc là
chữ cuộc.**

Nhưng mà vừa đây phê bình câu thơ
mà ông không nhắc đến điểm đó thì có
lẽ tôi đã kém khiêu thẩm mỹ, không
hiểu được rằng phải có cả trường cả
cuộc thì nó mới "kiệt tác" hay chăng?

Lúc này mặt gã không còn đỏ ra
nữa. Mà nó chín rừ. Đôi mày gã không
còn nhú lại nữa. Mà nó doãi ra. Thái
dương gã không còn lăm tằm mồ hôi
nữa. Mà mồ hôi nó đã đọng thành từng
giọt. Chao ôi, chao ôi. Gã những đau
lòng cho cái thi-học-mười-lăm-năm của
gã!

- Thi phẩm nói qua bấy nhiêu cũng
đủ, bây giờ tôi xin được cùng ông, ta
chuyển sang câu chuyện thi nhân. Thi
nhân Việt Nam kim cổ, ông nghĩ ai
đáng bậc nguyên-suý-tao-đàn?

- Thưa cô, ai mà dám ví với cụ Tiên
Điền, tác giả cuốn *Đoạn-Trường-Tân-
Thanh* bất hủ?

- Xin chờ nghe.

- Cụ Tiên Điền thật đã có cái tài thi
bá. Tả người, tả tình, tả cảnh, tự sự,
đối thoại, chuyển ý, bố cục, mặt nào cụ
cũng sở trường, lối nào cụ cũng tỏ ra

một nhà đại bút.

- Xin dẫn chứng.

- Hãy nói về cái chỗ tả nhan sắc Thúy Kiều. Hẳn cô nhớ, trước khi tả Thúy Kiều cụ hãy tả Thúy Vân:

*Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da*

*Kiều càng sắc-sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy nét xuân sơn
Mây ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*

... Đó, cô coi, muốn cho người ta hội thức được cái nhan sắc tuyệt vời của cô chị, cụ Tố Như đã đem so sánh cô chị với cô em; và trong cái việc so sánh ấy, cụ đã áp dụng cái phương pháp tiệm tiến, cái phương pháp graduation

xông-át-xăng-dăng?

Gã nhìn thẳng vào con mắt tinh ranh của người thiếu nữ. Cái con nhãi này thật là nguy hiểm! Xước thật! Việc văn chương sao nó lại dám đem ra ví với việc thương mãi, việc tả Thúy Kiều sao nó lại dám đem ra ví với việc bán đồ tơ?

Bèn mà cười nhạt:

- Nói như thế, chắc hẳn là cô có ý coi cái văn tài của cụ Tiên Điền là một thứ văn tài... bán lãnh!

- Ấy chết, ông đừng xuyên tạc! Nếu trong hai ta mà một người đã có cái ý đó thì tôi tưởng người ấy tất phải là ông. Ông phục tài cụ, ông muốn cho người ta cũng phục tài cụ mà ông lại dẫn chứng ra một cái thủ đoạn tầm thường như vậy thì tôi tưởng chính là ông, ông đã có ý muốn hạ thấp cụ xuống cái mực tầm thường.

- Cô nguy hiểm!...Ấy, tôi xin lỗi, tôi

ngghi ông đã nói mĩa cụ Tiên Điền trong khi ông nêu cái thủ đoạn đó ra để chứng minh cái tài của cụ?

Gã nín lặng trầm ngâm, rồi chậm rãi:

- Thưa cô, chắc là cô không phục tài cụ Tiên Điền?

- Có chứ. Tài của cụ là cái tài cổ kim hi hữu, tôi dám đâu không phục, không bái phục! Ông nghĩ thế thật ông đã lắm to.

- Vậy sao...

- Khoan! Điều ấy ta hãy khoan để cập. Mà xin ông hãy cho biết hai câu nào được ông tin, tin chắc là khả dĩ biểu dương được cái tài siêu việt ấy?

- Cái đó thì nhiều!

- Nhưng xin cứ thử lựa lấy hai câu.

Gã không vội trả lời ngay, ngồi im suy nghĩ. Lần này thì gã hết sức thận trọng. Gã cố nhớ lại tất cả những giai cú trong truyện *Kiều* mà các bình giả đã từng khen. Hai câu nào? Hai câu nào được thiên hạ trầm trồ nhiều nhất?... Cái con ranh này gồm lắm, lơ mơ với nó không xong. Bài *Hương-Sơn* ai cũng khen kiệt tác mà nó dám chê bai. Câu *Cuộc-hi-trường* ai cũng giả cách ngơ đi mà nó dám bới lông tìm vết. Rồi đến cái đoạn tả nhan sắc nàng Kiều, xưa nay sách báo tán tụng bao phen, mình chẳng qua thì cũng nói theo thiên hạ mà thôi, ấy vậy mà nó lại lắt léo cái lưỡi không xương, bảo là mình nói mĩa!

- Sao, ông Nguyễn?

-À

- Theo tôn ý thì hai câu nào có thể...

- Thưa cô, hai câu này chẳng hạn:

*Canh khuya thân gái dặm trường,
Phân e đường xá phân thương dãi dẫu.*

- Xin ông hãy giảng.

- Hai câu này mình tả được cái nỗi gian-truân, cái nỗi kinh hoàng của nàng Kiều khi đó. Riêng một câu trên, xem lại càng tài tình lắm lắm. Canh khuya là một điều đáng sợ, thân gái là hai điều đáng sợ, dặm trường là ba điều đáng sợ, thế mà cả ba điều đáng sợ ấy cụ Nguyễn Du chỉ diễn trong có sáu chữ. Vâng, vồn vồn có vừa sáu chữ. Văn như vậy, văn nào mà còn "đúc" được hơn không?

- Hơ hơ! Ơ hơ hơ...

Gã cau mày:

- Cô cười?

Thiếu nữ càng ngật nghêo:

- Chết nỗi. Ông đừng giận. Nhưng tôi thật không nín cười được khi thấy ông lại khen mĩa cụ Tiên Điền.

Gã quắc mắt. Thiếu nữ liền nhỏ nhẹ:

- Nay ông, ông đã từng đọc những truyện *Tiểu-Lâm* chưa?

- ???

- Trong một tập truyện nhảm mà tôi từng xem qua ngày nọ, có bốn câu lục bát tả cái sự vội vàng cấp bách của



Suối Yến Chùa Hương nửa thế kỷ trước.

ascendante đi từ thấp lên cao.

Thiếu nữ nghe đến đây, tự nhiên mà cười lớn:

- Chí lý, chí lý. Ông phục tài cụ Nguyễn Du ở chỗ ấy thì thật là chí lý. Tôi cũng như ông. Mà có lẽ hết thấy những cô bán tơ lụa ở các chợ lại cũng như ông nữa.

- Cô dạy sao cơ?

- Nghĩ là tôi muốn nói rằng hết thấy những cô bán tơ lụa ở các chợ, như ông và tôi, họ cũng phục cụ Nguyễn Du ở chỗ ấy cho nên họ đã bắt chước cụ mà áp dụng cái phương-pháp-so-sánh-tiệm-tiến, trong việc mua bán hàng ngày.

- Tôi vẫn chưa được hiểu.

- Có gì đâu. Những cô hàng ấy, thí dụ như có khách đòi xem lãnh tốt thì bao giờ mà họ chẳng đưa ra thứ lãnh hạng ba, hạng nhì rồi sau cùng mới chịu cho khách xem hạng nhất. Như vậy, có phải là họ cũng đã có cái thủ đoạn so sánh, cái thủ đoạn...ga-da-

nói lờ. Nhưng...nhưng...

- Không sao. Nếu ông thấy tôi nguy hiểm thì ông rất nên bảo thẳng tôi như thế. Nhưng ông Nguyễn ạ, xin ông hãy cho tôi được hỏi câu này... Ví như ông là một nhà thiện xạ thì ông sẽ nghĩ thế nào về tôi khi tôi giới thiệu ông cùng người khác: "Đây là ông Nguyễn, một nhà thiện xạ có tài bách phát bách trúng, hôm nọ đứng cách xa mười thước, đã bắn trúng giữa bụng một "con voi?"

Gã hỏi lại:

- Đó là cô nói mĩa chứ không phải cô khen?

- Thì đấy, thưa ông. Cách mười thước bắn trúng bụng voi, chắc ông nghĩ cái tài đó chỉ là tài của một kẻ mới cầm súng lần đầu cho nên ông mới bảo tôi không khen mà nói mĩa. Vậy nếu tôi cũng lại nghĩ rằng cái thủ đoạn-so-sánh-tiệm-tiến chỉ là một thủ đoạn lật vạt của những cô hàng lãnh thì có lẽ nào ông chẳng làm cho tôi



Nét vẽ Nguyễn Đồng

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

THÁNG GIÊNG

So đây bốn mùa, khải
Nảy một nhịp xuân tràn
Ô tháng Giêng nào vậy!

Dọn lòng đi mới mẻ
Theo vòng quay đất trời
Ô tháng Giêng tráng lệ!

Trời nghiêng và đất mở
Chậm thôi, dừng bốn chốn
Kèo võ phút giây non

Phấp phồng xanh, Xuân thờ
Đong đưa con mắt gió
Ô tháng Giêng huê tình

Dọn lòng đi, chan hoà
Đem nụ cười xuống phố
Chào nhau- tháng Giêng hoa

NHIP XANH

Xanh núi anh
Xanh lúa em
Gọi đồng Xuân thức dậy
Màu xanh non mẩy chân trời
Hò anh ơi
Bồng em nhịp với
Nhạc mùa nghe
Xuân tới
Điều hoa.

Santa Ana 2009

một phụ nữ thôn quê. Xin đọc lại ông nghe hai câu đầu:

*Đang khi lửa tắt cơm sôi
Lợn kêu con khóc chồng đòi "chè khoai"*

...Hai câu đó, ông nghe cũng "đúc" lắm lắm đấy chứ? Cũng tài tình lắm lắm đấy chứ? Cũng minh tả được cái nỗi cấp bách vội vàng của một người đàn

bà đấy chứ?

Gã lại nín lặng. Con bé này thật là bất trị. Xước quá. Đã hay rằng hai câu nọ cũng tài tình và cũng đúc y như hai câu kia, nhưng... nhưng có lẽ nào nó lại dám nói toét ra rằng hai câu kia chẳng hay gì hơn hai câu nọ!

- Thưa cô, nếu vậy chắc hẳn cô cho rằng cụ Nguyễn Du không có cái tài chỉ là đặc biệt.

- Ấy, câu đó dường như ông vừa mới hỏi tôi xong. Và tôi đã đáp: tài thơ của cụ là cái tài cổ kim hi hữu, tôi chẳng những bái phục mà lại còn nghĩ rằng cái ngời-nguyên-suối-trong-văn-chương-sử của cụ, một ngàn năm nữa cũng chưa dễ đã có người tranh.

- Nếu vậy, xin cô hãy chứng minh điều cô vừa nói.

- Nghĩa là ông muốn tôi xuất trình hai câu thơ đặc biệt của nhà thi bá đấy. Vâng, tôi xin tuân lệnh... Tuy nhiên, xin ông hãy cho phép tôi được biết tài ông chút nhé: Ví như ông có một vị hôn-thê ở cách đây đôi ba ngày đường đất, bỗng một hôm ông nghe tin người ấy đã vu quy với một chàng không phải là ông, rồi tiếp đó ông lại thấy nhiều thân hữu cũng mách tin ấy trong khi ông chẳng hề tiếp được lấy nửa chữ của cô nàng. Đó, ví như ông ở vào cái tình trạng bi thảm ấy thì ngoài cái ý xa-cách-vị-hôn-thê-muôn-dặm, mấy cái ý kể ra sau, ông sẽ lược diễn thế nào bằng hai câu lục bát?

Gã ngẫm nghĩ giây lâu rồi mới nói:

- Tôi không phải là nhà thơ. Và chẳng những ngần ấy ý mà chỉ diễn-dấu là lược diễn- bằng có hai câu thì ai mà diễn nổi? Tôi xin chịu!

- Chẳng riêng ông chịu mà tôi cũng chịu mà họ cũng chịu nữa. Ấy thế mà cụ Nguyễn Du đã diễn được đấy. Không phải cụ diễn một việc đúng hệt như thế, nhưng một việc tương tự. Tôi xin nhắc lại ông nghe cái chỗ Hoạn Thư được tin chồng vừa có "nhà hai":

*Từ nghe vườn mới thêm hoa
Miệng người đã lấm tin nhà thì không*

...Đó, ông xem. Có phải là cụ Nguyễn Du đã diễn được mà lại còn diễn rất trôi chảy, rất uyển chuyển? Một chữ "từ" cũng đủ nói lên được cái thời gian dài đặc mà cụ Hoạn bần bật thư chồng. Một chữ "mới" cũng đủ nói lên được cái thời gian ngắn ngủi mà chàng Thúc không thể bưng bít được bao lâu. Đến ba chữ "vườn thêm hoa" thì mới thật là kỳ diệu. Tuy chỉ nói vu vơ mà ở chỗ này, rõ ra là Thúc-Sinh lấy vợ lẽ. Tuyệt vời bóng bẩy. Bắt xuống câu dưới, cũng chẳng kém tài tình. Nhiều-người-mách-rằng-vườn-mới-thêm-hoa-trong-khi-mình-chẳng-được-tin-chi-của-chồng, cái câu này xem ra không có đối, vậy mà "miệng người thì lấm, tin nhà thì không," cụ Tiên Điền cũng

gò được thành tiểu đối trong hai vế.

Nhưng câu dưới đó, còn có một chữ thiên kim trị. Chữ "nhà." Tuyệt thú. Có lẽ tôi chưa bao giờ được thấy một chữ nhà nào nó đáng giá như chữ nhà này. Nghĩa là nó là một chữ nghe rất.. hóm!

Thiếu nữ dút tiếng, gã liền ngâm:

*Vốn dòng họ Hoạn danh gia
Con quan lại bộ tên là Hoạn Thư
Duyên Đàng thuận nẻo gió đưa
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày*

*Ở ăn thì nét cũng hay
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già
Từ nghe vườn mới thêm hoa
Miệng người đã lấm tin nhà thì không*

- Đấy thưa ông, ông cũng nhận như tôi chứ? Hai câu ấy mới là hai câu nên kể. Khen tài cụ Nguyễn Du, tôi tưởng ta phải nêu ra những câu như vậy. Cái gì mà ông không làm nổi, tôi không làm nổi, thiên hạ cũng không ai làm nổi, cái ấy mới là cái đáng nên khen. Thí dụ như hai bức ảnh chụp, một bức đáng mười, một bức đáng chín. Bức đáng chín đối với đại-đa-quần-chúng cổ nhiên là thua bức đáng mười. Nhưng ông ạ, nếu là một tay sành về môn nhiếp ảnh, ông nhìn bức đáng chín mà thấy được nó đã bắt buộc phải chụp trong một khung cảnh xấu, trong một thời tiết xấu thì tôi chắc ông cũng sẽ nghĩ rằng không phải bức đáng mười mà chính cái bức đáng chín ấy mới biểu dương được cái kỹ thuật xảo diệu của người nghệ sĩ.

*'Thơ cũng thế. Cái sự cô-
Kiểu-dang-dêm-bỏ-trốn-ra-
khỏi-Quan-Âm-Các thật chẳng
có gì là khó tả. Chỉ có việc kể
ra từng khoản canh khuya,
thân gái, dặm trường, như kẻ
kia đã kể lửa tắt, cơm sôi, lợn
kêu, con khóc, chồng đòi...
Ông, tôi, và trăm ngàn người
khác, nếu đã học nghề thơ, tất
chúng ta cũng có thể làm xuôi,
không khó khăn gì lắm. Đến
như cái sự từ-nghe-vườn-mới-
thêm-hoa-miệng-người-dã-lấm-
tin-nhà-thì-không, cái sự ấy
mới là cái sự mà bọn thi sĩ tầm
thường không mong gì làm
khéo được.*

- Cô nói vậy thì chắc cô quan niệm rằng nếu không là thi sĩ, nếu chưa từng khổ công thôi sao đèo gọt thì không thể nào mà người ta nhận rõ được cái chân giá-trị của một câu thơ?

Thiếu nữ liền đứng dậy, cặp mắt đong đưa và miệng cười chum chim:

- Cũng chưa chắc gì đâu. Nhưng mà... có lẽ!■

CUỘC ĐẤU TRANH QUỐC CỘNG TẠI MIỀN NAM SAU NĂM 1975

Vô Ngã PHẠM KHẮC HÀM

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ: Qua tiểu luận này, tác giả vinh danh người dân Miền Nam, đã phải tay không đối mặt với một kẻ thù vô cùng hung hãn và đầy thủ đoạn. Tác giả cũng muốn tâm sự với các chiến sĩ Quốc Gia là sự thua trận năm 1975 chỉ là thua một ván cờ và cuộc đấu tranh còn tiếp diễn.

Trong ván thứ hai, người Miền Nam đã đánh bại chủ nghĩa CS, bảo vệ được cách sống tự do phóng khoáng của Miền Nam. Cuộc chiến thắng xảy ra trong thầm lặng nên ít ai nhận ra. Nhưng cuộc đấu tranh không dừng tại đó mà còn tiếp tục dưới một hình thức mới. Đó là cuộc đấu tranh cho cho nền dân chủ tự do toàn diện.

PHẦN I ■ CHƯA TÀN CUỘC CHIẾN

Khi Tổng Thống Dương Văn Minh nói với mấy sĩ quan Cộng Sản đến chiếm dinh Độc lập bằng một giọng ôn tồn: "Chúng tôi chờ các Ông đến để trao quyền," thì một người tuổi tác chỉ bằng con Ông, đã trả lời một cách hỗn sược: "Các Anh là tù binh, còn gì nữa mà trao!" Ý tưởng rằng cuộc chiến thắng của bọn y đã kết thúc một cách vinh viễn cuộc đấu tranh Quốc Cộng kéo dài đã ba mươi năm. Y không biết rằng quân đội chỉ là một bộ phận đặc dụng của quốc dân -- chuyên dùng để tấn công hay bảo vệ -- mà đầu não mới là cơ quan chỉ huy, sinh tử. Nếu bộ phận đặc dụng bị tê liệt nhưng não bộ vẫn quyết tâm chống đỡ thì cuộc đấu tranh sẽ còn tiếp diễn dài dài, dưới một hình thức nào đó, chưa ai biết..

Cho nên đầu óc nông cạn của y không thể tưởng tượng được rằng tiếng súng lặng im chỉ là để mở màn cho một cuộc đấu tranh quyết liệt khác, -- cuộc đấu tranh trực tiếp giữa hai đầu não là Đảng với Nhân dân Miền Nam. Đấu tranh giữa hai hai ý chí và giữa hai nếp sống. Một đảng là ý chí muốn "mình vẫn là mình" của người Miền Nam, một đảng là quyết tâm diệt ý chí ấy của đảng CS Miền Bắc. Một đảng là nếp sống văn minh, tự do của dân Nam Bộ -- tự do ăn nói, tự do suy tư, tự do đi lại, tự do làm việc, tự do làm chủ đời mình, -- một đảng là nếp sống nô lệ trong lòng bàn tay đảng -- đảng cho ăn thì được ăn, cho mặc thì được mặc, cho đi lại thì được đi lại, cho làm việc thì được làm việc, đảng làm chủ đời mình; nô lệ từ lúc nằm nôi cho đến lúc đầy nắp quan tài.



Y không biết, nhưng các ông chủ của y -- nhóm cộng sản giáo điều ở Bắc Bộ Phủ -- biết rõ rằng cuộc đấu tranh này sẽ xác định tính chất ưu việt hay bại liệt của chủ nghĩa Mác-Lê. Bọn này tin rằng đảng đã thành công trong việc bắt dân Bắc phải "đầu hàng giai cấp" thì không lý gì đảng lại không làm cho dân Nam Bộ phải cúi đầu. Nhưng người Miền Nam lại quyết tâm ngược lại.

Trong trường hợp bình thường, chắc chắn là dân Miền Nam sẽ thắng, vì con chim trong lồng còn muốn bay nhảy tự do, huống chi là con người. Nhưng dưới chế độ độc tài đảng trị của cộng sản, câu chuyện vô cùng cam go vì đây là cuộc đấu tranh một mất một còn, một bên là quả đấm sắt của Đảng một bên là sức chịu đựng của Miền Nam. Miền Nam chỉ có thể thắng nếu có sức chịu đựng vô cùng tận của túi bông gòn. Không, nói thế cũng không đúng! Phải

nói là phải có sức chịu đựng của bức tường đá, vì chỉ có tường đá mới có sức phản chấn: Càng đấm mạnh bao nhiêu, tay càng bị tổn thương bấy nhiêu!

Tạ ơn Trời Phật! Thực tế cho thấy là Miền Nam có sức chịu đựng của bức tường đá! Trong cuộc chiến âm thầm này, Bộ Chính Trị Hà Nội không ngờ rằng Miền Nam đã nhận được một luồng sinh lực vô cùng tận, tính ra hàng tỷ đô-la mỗi năm, từ người Việt Hải Ngoại. Cũng phải nói thêm là họ càng không ngờ rằng giây phút mà tên sĩ quan cầm cờ Mặt Trận lên dinh Độc Lập cũng là giây phút mà họ sa vào Mê Hồn Trận của "Người Anh Vĩ Đại" Trung Hoa. Bị quay cuồng trong trận mê hồn, Cộng Sản phải lùi từng bước trước Miền Nam để, cuối cùng phải đầu hàng Miền Nam về phương diện tư duy!

Đúng vậy, chẳng phải bỗng dưng mà mười, mười lăm năm sau, CS Hà Nội đã phải từ bỏ âm mưu ĐÁNH cho Miền Nam tàn mạt. Chẳng phải bỗng dưng mà CS đã từng bước, XOÁ BỎ việc ngăn sông cấm chợ, xoá bỏ các nông trường, trả tự do cho tù cải tạo, xoá bỏ nền kinh tế XHCN để vồ vập nền kinh tế tư bản mà họ gọi tránh đi là kinh tế thị trường. Chẳng phải ngẫu nhiên mà họ phải mở các cửa khẩu để người Việt chống Cộng ở Hải Ngoại được đi về thông thả. Chẳng phải ngẫu nhiên mà nhóm trí thức trong Nhân Văn-Giai Phẩm bị đảng vùi dập đến chết đi sống lại năm nào, hôm nay lại được vinh danh như những đoá hoa đẹp nhất của chế độ!

CS mà đi ngược chủ trương cố hữu của CS -- xoá bỏ nền kinh tế XHCN ở Miền Bắc, từ bỏ mưu đồ cộng sản hoá

Miền Nam, vô vậ nền kinh tế Tư Bản -- thì CS có còn là cộng sản nữa không? Đương nhiên là không: Cái mà ta còn thấy ngày hôm nay chỉ là cái xác CS, nhưng cái hồn cộng sản tức là lý tưởng XHCN, là giấc mơ xây dựng thế giới Đại Đồng thì đã tiêu tan từ hai mươi năm. Đây là hiện tượng mà Karl Marx sợ lắm và gọi nó là ALIENATION -- THA HOA, VONG THÂN, MẤT BẢN NGÃ, MẤT LINH HỒN.

Sự việc bắt đầu khi các đội Thiếu Nhi Quảng Khẩn Đồ thi đua hát trước Bắc Bộ Phủ: "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng." Lúc đó, Bộ Chính Trị tin rằng XHCN là cỗ đại pháo trên mặt trận tư duy, có khả năng huỷ diệt tất cả các học thuyết khác, nên trong hàng năm liền, họ ra sức bắt Miền Nam học tập thuyết Mác-Ăngghen: dân thì học tập ở các tổ dân phố, sinh viên, giáo sư thì học ở đại học, kỹ sư, công nhân thì học ở các xưởng máy... Nhồi nhét lý tưởng cộng sản chán chê, họ tưởng là dân Miền Nam đã trở thành tín đồ của Mác nên ra lệnh nhuộm đỏ Miền Nam.

Nhưng bao nhiêu đòn phép của CS -- từ cải cách xã hội, cải cách chính trị, cải cách văn hoá, đến cải cách kinh tế -- tất cả đã bị dân Miền Nam hoá giải.

Nhưng điều tai hại hơn cả là Hà Nội đưa cán bộ nào vào để khống chế Miền Nam là mất đi cán bộ đó: từ thành uỷ, tỉnh uỷ quận uỷ, đến công an phường, công an quận, công an thành, công an biên phòng -- tất cả đã bị Miền Nam "biến chất," huỷ hoại, nuốt chửng. Điều làm cho Đảng tức giận và vô cùng sợ hãi là họ -- các cán bộ gốc Bắc -- sung sướng khi ĐƯỢC nuốt chửng! Vì cán bộ nào ở miền Bắc cũng mong ước -- một mong ước nhỏ nhoi đến tội nghiệp -- là được vào công tác ở Miền Nam.

Nhóm lãnh tụ cốt cán gốc Thanh-Nghệ-Tĩnh nổi tiếng là ù lì, cuối cùng cũng phải nhìn nhận rằng đánh Miền Nam thì chỉ có từ thua tới thua, nên quyết định không đánh nữa. Hơn thế nữa, họ còn đảo ngược mọi chính sách. Không còn kêu gào giai cấp đấu tranh hoặc đấu hàng giai cấp vô sản mà hô hào ngược lại là phải làm cho nước mạnh dân giàu. Họ trở nên chống Mác-Ăngghen đến độ chính thức kêu gọi tư nhân mở xí nghiệp, bóc lột công nhân để họ được đầy máu ăn phần. Chúng có? Thì chỉ việc mở mấy tờ báo đảng như tờ Nhân Dân, Sài Gòn Giải Phóng, Lao Động, Thanh Niên, sẽ thấy báo nào cũng tố cáo nơi này tình uỷ cướp đất của dân, chỗ kia quận uỷ bắt nông dân công mười thứ thuế. Nổi tiếng nhất là vụ Năm Cam mấy năm về trước, còn năm ngoái là vụ PMU-18, năm nay là vụ tiền polymer và sang năm là vụ Bộ trưởng...?

Như vậy là bọn cuồng tín Mác Lê -- những tên đã sang bên Tàu để học cách giết người bằng chiến dịch cải cách ruộng đất và trên thực tế, đã giết

hàng trăm ngàn dân vô tội - thì nay chính chúng lại ngồi xổm lên bản Tuyên Ngôn Cộng Sản và bộ Tư Bản Luận của Các-Mác.

Nhưng -- có một chữ nhưng to lớn -- là người CS bỏ cái gì thì bỏ, nhưng có một cái mà họ không thể bỏ được đó là Tổ chức Đảng. Vì chỉ có duy trì tổ chức đảng thì họ mới có cơ hội bám vào quyền lực để hút máu mủ nhân dân và cướp cạn tài nguyên đất nước. Và tổ chức Đảng mà còn thì di độc của chủ nghĩa CS là cách cai trị bằng cùm số 8 vẫn còn.

Cho nên "chủ nghĩa CS" thì MẤT, mà cái tổ chức ma quái có cái tên là Đảng Cộng sản thì Còn. Và cuộc đấu tranh không đổ máu cho tự do dân sinh đã bước sang giai đoạn thứ hai là tranh đấu cho tự do dân quyền.

Tại sao tổ chức ma quái đó còn? Vì người Miền Nam chỉ có hai bàn tay trắng. Nhưng lấy công tâm mà xét, ta phải nhìn nhận rằng người Miền Nam -- với sự tiếp sức của Người Việt Hải Ngoại, trong bối cảnh của chính sách cấm vận của Hoa Kỳ và mê hồn trận của Trung Cộng -- đã làm được một chuyện kỳ diệu là làm cho chủ nghĩa cộng sản phải tiêu tan mà không làm đổ một giọt máu. Cuộc đấu tranh cho tự do dân quyền đang tiếp diễn, nhưng chỉ riêng câu chuyện diệu kỳ nói trên cũng đáng để chúng ta kể lại.

Muốn nhìn cho ra chiều sâu của chuyện lạ lùng này, ta cần phải nhìn thấy rõ nguyên động lực đằng sau các sự kiện lịch sử. Muốn thế, ta cần tìm hiểu mấy vấn đề:

- 1) một là biết CS rốt cuộc muốn làm gì?
- 2) hai là cần biết sơ qua về triết học chiến tranh, cụ thể là về cách làm chiến tranh và cái gì có thể dùng làm vũ khí;
- 3) ba là biết CS Hà Nội đánh Miền Nam ra sao.
- 4) bốn là cách mà Miền Nam chống đỡ.

Trước khi bàn về cách mà CS Bắc Việt đánh Miền Nam và cách mà Miền Nam chống đỡ, ta sẽ giới thiệu sơ qua về "chủ trương rốt ráo của CS" và về "triết học về chiến tranh."

CON ĐƯỜNG CỦA CỘNG SẢN

Tháng 11.1939, tức là cách đây 70 năm, ban chấp hành trung ương đảng CS họp tại Bà Điểm, Gia Định, đã xác định nhiệm vụ của đảng một cách hết sức rõ ràng: "Cách Mạng chống đế quốc và cách mạng cải cách điền địa là HAI TRỤC CHÍNH của cách mạng dân chủ. Không hoàn thành được nhiệm vụ thứ hai là thất bại trong nhiệm vụ thứ nhất và ngược lại. Nguyên tắc căn bản này không thể thay đổi được."

Nói cho dễ hiểu là người CS phải làm hai cuộc cách mạng liên tiếp. Cách mạng thứ nhất là cướp chính quyền, cách mạng thứ hai là cải cách điền địa (nói rộng ra là làm cách mạng kinh tế).

Thất bại trong việc làm cách mạng kinh tế thì việc cướp chính quyền trở nên vô nghĩa.

Như vậy là rõ ràng lắm rồi: Xây dựng được Nhà Nước Cách Mạng nhưng không xây dựng được nền kinh tế XHCN thì Nhà Nước Cách Mạng kể như vứt đi.

CÁCH LÀM CHIẾN TRANH

Khi nói đến đánh nhau, người ta nghĩ ngay đến quả đấm. Nhưng thực ra, muốn hạ kẻ thù có biết bao nhiêu cách, việc dùng quả đấm chỉ là hạ sách của kẻ ngu phu. Đời xưa ta có câu:

Quan văn mất một đồng tiền,

Làm cho quan võ mất liên Quận Công.

kể lại chuyện một ông quan văn và một ông quan võ đấu với nhau. Ông quan văn chỉ bỏ một đồng tiền cũng đủ làm cho ông quan võ bay mất mũ Quận Công.

Việc chiến tranh cũng như vậy. Vì thế ta mới có chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh, chiến tranh vừa nóng vừa lạnh, chiến tranh chính trị, chiến tranh ngoại giao, chiến tranh kinh tế, chiến tranh bằng đô-la, v.v... Trói tay kẻ thù bằng ngoại giao, làm cho y không thể dùng hoặc không dám dùng vũ lực cũng là một cách làm chiến tranh. Nghĩa là bất cứ cái gì cũng có thể là vũ khí, nếu được dùng vào mục đích đánh nhau. Vấn đề là dùng vũ khí nào thích hợp nhất chính là để tài của "triết học về chiến tranh." (Xem *Triết Lý Tổng Thể Lý Đông A*, trg 33 - 41).

Người CS chỉ biết có một loại chiến tranh hạ sách là chiến tranh bằng súng đạn. Chỉ sau khi cướp được Miền Nam, họ mới nhận thức ra rằng vũ khí siêu đẳng của Hoa Kỳ -- mà Liên Xô cũng không có cách chống đỡ -- không phải là "máy bay cánh cụp cánh xòè" hoặc bom CBU mà là đô-la.

Cũng nên biết là trước đó, từ năm 1974, Hoa Kỳ đã đánh CS Bắc Việt một đòn ÂM NHƯ tối độc là mớm mồi cho Trung Cộng đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa để đẩy Trung Cộng vào thế đối lập với Bắc Việt. (Xem Báo cáo của Bộ Ngoại Giao CS Hà Nội năm 1979: Sự Thật về Quan Hệ Việt Nam-Trung Quốc; phần ba, chương IV)

Trở lại chuyện Miền Nam VN. Từ 1960 đến 1975, cuộc đấu tranh Quốc Cộng được thể hiện qua cuộc chiến tranh bằng súng đạn giữa hai quân đội. Nhiều chiến lược gia nông cạn hoặc có óc kỳ thị của Tây phương cũng như của CS, đã chê bai quân đội Miền Nam, nhưng sự thực là lính MN đánh nhau rất giỏi, nhưng cuối cùng đã thua vì ở trong cái thế phải thua.

Quân đội Miền Nam phải giữ đất bảo vệ dân nên phải trải mỏng trên toàn lãnh thổ, trong khi Cộng quân từ Bắc vào có thể tập trung một số quân đông gấp 10 lần để đánh bất cứ một cứ điểm nào. Khi thua, Cộng quân có thể rút về những căn cứ bất khả xâm phạm đối với quân đội Miền Nam là Bắc Việt, Lào và Cao Mên, trong khi lính MN

không có một nơi nào an toàn. Đánh trận kiểu đó thì lính Miền Nam chỉ đi từ thua tới thua. Không những thế, sau hiệp định Paris, Miền Nam bị thế giới tự do bỏ rơi trong khi Bắc Việt vẫn được cả thế giới CS hỗ trợ.

Cho nên lính Cộng Hoà đánh giỏi hơn cán binh CS gấp bội, nhưng cuối cùng phải thua.

Sau khi Miền Nam thất thủ, cuộc đấu tranh Quốc Cộng chuyển sang một giai đoạn mới: tranh đấu trực tiếp giữa toàn thể nhân dân MN với đảng Cộng Sản, về mặt nhân sinh quan.

PHẦN II ■ CÁCH CỘNG SẢN ĐÁNH MIỀN NAM

Mục tiêu của đảng CS khi đánh chiếm Miền Nam là thực thi cuộc cách mạng kinh tế, như hội nghị Bà Điểm đã minh định từ năm 1939.

Để nhuộm đỏ Miền Nam --y hết như họ đã làm ở Miền Bắc-- CS sẽ phải làm cho dân MN không còn sức và ý chí phản kháng, sau đó nhồi sọ dân bằng chủ nghĩa CS. Đó là cách mà họ đã làm để ép Miền Bắc vào khuôn phép.

Một cách cụ thể, họ sẽ: 1) loại trừ giới lãnh đạo của MN. 2) huỷ diệt khả năng và ý chí quật cường của dân bằng cách lấy hết của cải, tịch thu hết các phương tiện làm ăn của dân. 3) nhồi sọ dân bằng chủ nghĩa CS để dân tự nguyện phục vụ Đảng và Chủ Nghĩa; 4) đưa nền kinh tế vào nề nếp XHCN.

Trên thực tế, CS đã thi hành bốn chính sách sau đây:

1) cắt bỏ khối óc của Miền Nam bằng cách bỏ tù tập thể giới lãnh đạo quân sự, chính trị, hành chánh và đưa gia đình họ đến những vùng kinh tế mới --nơi không có dấu chân người để họ tự sinh tự diệt ở đó;

2) bắt toàn thể MN học tập chính trị

3) bắt nông dân vào hợp tác xã

4) bản cùng hoá MN vừa để dân hết cách xoay sở theo kiểu tư sản, vừa để san bằng mức sống của hai miền Nam Bắc.

5) Một khi toàn dân đã bị sạt nghiệp thì việc cộng sản hoá bằng luật lệ sẽ hoàn thành một cách tự nhiên.

Mỗi chính sách nói trên sẽ thoả mãn nhiều yêu cầu một lúc, điển hình là chính sách tù cải tạo. Chính sách này vừa để trả thù, tẩy não và nhồi sọ các cán bộ của chế độ cũ, vừa huỷ diệt giới lãnh đạo MN làm cho MN như như rắn không đầu, mất hết Ý chí và khả năng chống đối. Ngoài ra, chúng còn có một mưu đồ nữa, là dùng tù cải tạo còn sống sót như là món hàng trao đổi với Hoa Kỳ trong việc bang giao.

Ta sẽ lần lượt nghiên cứu các chính sách trên.

1. CHÍNH SÁCH TÙ CẢI TẠO

Sau khi chiếm được Sài Gòn, tướng Trần Văn Trà tuyên bố với báo chí: "Đối với người Việt Nam, không có kẻ



THƠ THỦY MỘ QUAN

NHỮNG BÀI TỬ TUYỆT LÀM KHI ĐỌC TIN THỜI SỰ VIỆT NAM MỖI NGÀY, TỪ SAU 75

Nằm mộng đêm nay vào Hoả Ngục
Kiếm người oan thác đã trầm xanh
Dưới hiên mưa vắng hồn khua nước
Thả chiếc thuyền con ngược bến không

Có phải Quê Hương lò rửa tội
Bao người đang sống tựa hồn ma
Bên ngoài Đất Nước bờ dương thế
Em ở trong lòng anh thật xa.

Trình nữ trăm oan nổi giữa giòng
Thân băng ngàn hải lý về sông
Xung quanh không một người than khóc
Chỉ cá trùng dương theo hộ tang.

Lại gặp nhau đây cách chục năm
Nhìn nhau ngỡ ngỡ tưởng nhau quên
Hỏi thăm bạn mới phương nào lại
Bạn nói tôi vừa mới vượt biên.

Bạn ở tù ra vượt biển xanh
Gặp nhau mừng rỡ nhận nhau quen
Chia tay đầu phố chứng hơi vội
Bạn hẹn mai tìm lúc điểm danh.

Mùa lạnh chim thiên về nhiệt đới
Ta buồn thiên xuống đáy ly con
Sang xuân chim trở về phương bắc
Ta trở về trong đáy nệm không.

Anh theo chủ nghĩa bốn mươi năm
Gặp vợ con xa thấy ngại ngừng
Sau lúc tiễn anh về lại Bắc
Mẹ con ngơ ngẩn trước rương không.

Vượt bao sông núi vào thăm mẹ
Trân trọng con dâng một túi quà
Hai gói mì tôm cân gạo trắng
Nhờ con công trận mấy năm qua.

Khi uống trà tươi nghĩ đến anh
Nước sôi nổi đất tưởng trà xanh
Tù nhân hiện đại miền Tây Bắc
Đá lửa xài sang suốt cả năm.

Anh từ binh trại chuyển lên đây
Kháng chiến mười năm núi bó tay
Nghe tin thống nhất anh ngồi khóc
Chỉ tới thu sang núi lại đây.

Ghi chú: Những đoạn thơ tử tuyệt trên đây đều lấy từ thi phẩm **Thủy Mộ Quan** của **Viên Linh**, tác giả làm từ sau 1975 cho tới 1982, xuất bản thành sách lần đầu giữa năm 1982, nhà Thế Giới in lần thứ hai năm 1992. Tập **Thủy Mộ Quan** gồm có ba phần, dài hơn 200 trang, phần I là TMQ, dài 74 trang; phần II là Ngoại Vực, dài 40 trang và Dư Tập là phần thứ III, dài hơn 70 trang. Phần TMQ gồm 171 bài thơ tử tuyệt, chuyên đề Thuyền nhân, Biển Đông, và một bài dài Gọi Hồn, đã do Phạm Duy phổ nhạc thành một khúc "tiểu trường ca," hát lên khoảng 8 phút, nhưng chưa thực hiện vì không có phương tiện. Phần Dư Tập là thơ làm trước 75, còn sót lại sau họa phần thư.

Ngồi trông vợ nhục hể ôm hận
Mẹ dúi con hư hể thở ra
Nước mất nhà tan hể nuốt hận
Thế kỷ hai mươi hể có ta.

Đất nước mù xanh ở cuối trời
Thân còn thăm thẳm giữa trùng khơi
Mai kia dù sống trong hang núi
Trong đáy lòng ta sóng vẫn đời.

Thuyền trôi hơn thặng giữa trùng khơi
Gạo hết từ lâu nước cạn rồi
Em nhỏ trắng thơm mùi thịt ngọt
Ngày thuyền tới bến mất em tôi.

Sách cũ em chôn cạnh mộ thấy
Hình anh em gửi gió heo may
Nhà anh giấc ở con anh lạc
Còn xác thân em dưới cát lay.

Ngơ ngác trông ra tưởng kẻ nào
Mới hay cùng gốc Ngụy như nhau
Trông anh mắt sáng người cao ráo
Ai nỡ nghi anh ở Bắc vào.

Mặt trận khi không tự vỡ tan
Giặc ngoài trầm đậm cũng hoang mang
Bạn ta lửa giặc như lửa ngổe
Trút áo buông rơi lệ giữa vườn.

Quê ta trăm thống nỗi đau dài
Xum họp chiếu hôm biệt sớm mai
Đáy nước chia lìa sơn cốc tận
Miếu đường chuông đổ mộ hồn ai

Hỏi một trăm người mộng một trăm
Mộng rời đất nước mộng lưu vong
Mộng đem chinh chiến về mau nhé
Mộng nhuộm tay hờn với máu tanh.

Sinh ở đâu mà giạt bốn phương
Trăm con cười nói tiếng trăm lòng
Ngày mai nếu trở về quê cũ
Hy vọng ta còn tiếng khóc chung.

Lưu vực điêu tàn ở Biển Đông
Xương bầy như thú cháy rừng hoang
Nhưng rừng không cháy nào đâu thú
Người chết thân chim Thủy Mộ Quan.

chiến thắng hay chiến bại. Chỉ có đế quốc Mỹ bị đánh bại mà thôi." Để cho thấy "thái độ khoan hồng của Cách Mạng," y ra thông cáo, ra lệnh cho các hạ sĩ quan nguy quyền phải đến trình diện tại một số địa điểm được qui định sẵn. Sau một khoá học chính trị ngắn ngày, những người này được cấp giấy chứng nhận và cho ra về.

Sau đó đến lượt các cấp chỉ huy, các đoàn thể, các đảng phái, được lệnh ra trình diện học tập vào các ngày 13, 14, 15 tháng 6, 1975, đồng thời mang theo 21 ký gao trong thời gian 1 tháng đối với các viên chức chính quyền, các đảng phái, và 15 ngày đối với sĩ quan. Ai cũng tưởng là sau thời gian học tập nói trên, các học viên sẽ được cho ra về như Cách Mệnh đã làm đối với các hạ sĩ quan. Không ngờ khoá học trước đó của các hạ sĩ quan chỉ là cái mồi để nhử các cán bộ của chế độ cũ tự nạp mình cho Cộng Sản.

Những người làm công tác văn học có tư tưởng chống Cộng -- nhà văn, nhà thơ, các nghệ sĩ -- cũng không thoát khỏi bàn tay trả thù của CS, tất cả đều bị đi tù.

Kết quả là tất cả các cấp chỉ huy quân sự lẫn dân sự của Miền Nam -- từ tỉnh trưởng, quận trưởng đến các trưởng phòng, trưởng sở, trưởng ty -- tất cả các đảng phái, nói tóm lại tất cả các thành phần ưu tú của Miền Nam đều bị đi tù cải tạo trong hơn 80 trại tập trung ở rừng sâu, sát biên giới các nước xung quanh: Trung Cộng, Lào và Cao Mên. Mục đích là loại họ ra khỏi xã hội loài người và giết họ dần mòn mà không phải ra tay.

Cũng nên nói sơ qua là CS đã hành hạ các tù cải tạo như thế nào.

Trong một tháng đầu, tù nhân chỉ phải nghe giảng 10 bài về (a) tội ác của Mỹ-Ngụy, (b) lý thuyết về XHCN, (c) chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước, cốt là để tạo ra trong lòng tù nhân mặc cảm 1) đã phản bội dân tộc, 2) kém hèn trước người CS 3) biết ơn Đảng đã khoan hồng, cải tạo mình thành người tốt !!!

Miệng nói nhân nghĩa, nhưng thực tâm của CS là giết dần mòn tù nhân bằng cách làm cho chết đói và kiệt sức.

Ta hãy nghe đại tá Nguyễn Cao Quyền -- tù cải tạo tại trại Thanh Cẩm, Thanh Hoá -- kể lại chuyện kinh khủng sau đây. Có lần ông thấy "một anh bạn" tù ngồi bên một dòng nước tiểu chảy ra từ những thùng phân. Nhìn kỹ thấy anh đang bắt mấy con kiến tha những mảnh ngô chưa tiêu kịp từ cầu tiêu về tổ. Anh lượm những mảnh ngô đó bỏ vào mồm. Ngày hôm sau anh ta trút hơi thở cuối cùng vì quá đói.

Cán bộ của chế độ cũ bị hành hạ đến chết đã đành, mà vợ con họ, những kẻ vô can cũng bị đẩy đoạ vô hạn định.

Vũ Bằng Sơn, một cựu tù cải tạo ở Thanh Hoá, kể lại cách mà CS đã chôn vùi cuộc đời họ ra sao: "Những ai trong các trại Thanh Phong, Thanh Lâm đều

chứng kiến 18 gia đình được tập trung cải tạo đã trải qua 3 thế hệ, đời cha, con và cháu, bởi người bố đã từng làm việc thời Pháp thuộc. Cứ 5 năm một lần, các gia đình này được chỉ định khai phá một ngọn núi không người, sát biên giới Lào-Việt, tự mưu sinh mà không được sự giúp đỡ nào cả. Sau 5 năm lại bị tiếp tục chỉ định khẩn hoang một hòn núi khác."

Loại bỏ con người ra khỏi cuộc sống, vắt kiệt sức kẻ chống đối, giết người mà không làm đổ máu, các chính sách trả thù đối bại này, CS Hà Nội học được từ Trung Cộng, còn Trung Cộng thì học từ Liên Xô, Liên Xô thì học được từ các Sa hoàng.

Nhưng các Sa hoàng chỉ đẩy kẻ chống đối đến Siberia rồi để họ được tự do, tự sinh tự diệt, còn gia đình họ thì không đụng tới. Thành ra từ Sa hoàng đến Việt Cộng, chính sách trả thù trở nên càng ngày càng tồi bại, dồn dập đến tận cùng. Phải chăng đó là cái mà Hồ Chí Minh ca tụng là Đạo Đức Cách Mạng?

2. CHÍNH SÁCH NHỒI SỢ CHÍNH TRỊ

Trong các trại cải tạo, tù nhân bị tẩy não bằng báng súng và thùng conex, trong khi ở ngoài đời, toàn dân Miền Nam cũng bị tẩy não và nhồi sợ, tuy nhiên có nhẹ nhàng hơn.

Cứ vài tối một lần, ông già bà cả và nam nữ thanh niên ở cả Miền Nam lại phải tập trung ở một địa điểm nào đó để nghe công an phường lên án chế độ cũ và giảng về chính sách khoan hồng của đảng và Nhà Nước. Họ kể cho người Miền Nam nghe là chế độ Mỹ Ngụy đã đàn áp nhân dân, bảo kê điếm như thế nào, trong khi có ai biết rõ chuyện Miền Nam hơn người Miền Nam? Ai nấy biết rõ là CS dựng đứng mọi câu chuyện nhưng họ cứ vỗ tay cho xong. Rồi chẳng ai bảo ai, tất cả đều đồng lòng nói dóc để loè CS. Chẳng hạn có một bà trước kia lấy Mỹ nay gia nhập hội Phụ Nữ Cứu Quốc. Bà dám quả quyết với cán bộ là "người Mỹ không dính tới lai quần của tôi!" thiên hạ biết chuyện chỉ cười với nhau nhưng không một ai cải chính.

Ở Sài Gòn, có hàng ngàn hàng vạn chuyện tương tự, cho thấy, trong hoàn nạn, người Miền Nam che chở cho nhau biết bao nhiêu. Giới trí thức MN bị CS tẩy não và nhồi sợ kỹ hơn người dân thường nhiều, vì người những người này đều có sạn trong đầu, mà có cải tạo được họ thì mới xây dựng được XHCN. Cho nên các kỹ sư, các chuyên viên, các kỹ thuật gia được học những khoá chính trị đặc biệt ở nhà máy, trong khi các giáo sư trung học được học ngay trong trường, còn các sinh viên được học những khoá riêng dành cho họ.

Riêng ban giảng huấn của các trường đại học thì được "chiếu cố" nhiều hơn cả. Trong mấy tháng trời, tất cả các đại học được lệnh đóng cửa. Trong thời gian này, các lý thuyết gia cộng sản gấp rút soạn giáo án cho một

loạt các khoá học chính trị sắp tới. Ở Sài Gòn, khoá đầu tiên kéo dài một tháng tại trường Đại Học Luật, vào mùa hè năm 1975. Cán bộ giảng dạy khoá này toàn là những gạo cội của trường Đảng ở Hà Nội hoặc của các cơ quan nghiên cứu chuyên môn như Viện Khảo Cổ, Ban Văn Hoá Trung Ương... Họ sửa soạn bài thuyết trình rất cẩn thận vì biết rằng áp đảo được nhóm trí thức Miền Nam không dễ như ăn ớt!

Nhưng rút cuộc khoá học cũng suông sẻ, giảng viên nào cũng được vỗ tay. Nhưng chỉ có trời mới biết là các học viên ngồi ở hàng ghế dưới nghĩ gì. Cuối khoá học các học viên lại phải tham dự những buổi "thu hoạch" mà mục đích là kiểm tra xem các học viên đã thuộc bài chưa. Dĩ nhiên là ai cũng "thuộc bài," vì ai dại gì mà đấu võ miệng với kẻ có súng?

Khoá thứ hai mở sau Tết 1976 và kéo dài hai tháng và gồm khá nhiều đề tài, từ triết học duy vật, lịch sử Việt cổ đại, đến mỹ thuật, văn chương. Rõ ràng là Đảng đã rốc hết sự hiểu biết để chứng minh là người CS là đỉnh cao trí tuệ của loài người. Nhưng chính các lý thuyết gia CS có tin không?

Giới làm văn học ở Miền Nam cũng được CS chiếu cố kỹ. Việc làm đầu tiên của CS là đưa các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Miền Nam đi cải tạo trong tù vì họ đều có tác phẩm chống Cộng, những nhân vật còn lại được cải tạo tại chỗ tại hội Trí Thức Yêu Nước, để họ biết cách vừa viết vừa lách. Hoặc mỗi khi phát biểu, biết cách nói năng "cho phải đạo," y như giới trí thức Miền Bắc.

Nhưng thực ra giới văn học chân chính của Miền Bắc có thấm nhuần chủ nghĩa CS không? Có lẽ chỉ có con sâu trong bụng họ mới biết họ nghĩ sao. Câu chuyện sau đây do một người cháu nhà thơ Lưu Trọng Lư kể lại.

Khi Ông này vào Sài Gòn chơi, có đến tá túc nhà cháu. Biết ông chú kín miệng, thay vì hỏi nhà thơ là ông ta nghĩ gì khi vào MN, người cháu mở cassette cho chú nghe bài thơ phổ nhạc *Tiếng Thu*. Nghe xong nhà thơ họ Lưu chỉ thờ dài, nét mặt buồn bã trầm tư. Không cần hỏi, người cháu cũng biết rằng chú mình ăn hận là đã đi lầm đường, nhưng khi biết ra thì đã quá muộn. Té ra hai mươi năm nhồi sợ XHCN cũng chỉ là nước đổ lá khoai.

3. CHÍNH SÁCH CẢI CÁCH ĐIỂN ĐỊA

Cải cách điển địa vốn là cốt lõi của cách mạng Cộng Sản nên hai chục năm trước, họ Hồ đã trống giong cờ mở ra quân đánh địa chủ và giết hơn năm vạn dân lành. Lần này, sau khi chiếm được Miền Nam con cháu ông ta cũng định dờ Ễmễng Ễ cũ ra nên đã phát động chính sách này sớm nhất, vào cuối năm 1975. Nhưng lần đánh này họ bị Ễhố Ễ to, vì ở Miền Nam, chẳng ai bốn đời bản cố nông để họ xúi bẩy!

Nguyên là chính phủ Thiệu-Kỳ trước đây đã mua ruộng đất của các đại điền



Trong trận đánh Xuân Lộc tháng 4.75, chiến sĩ quân lực VNCH tìm thấy những lá cờ MTGPMN và cờ Búa Liềm CS trên xác quân Bắc Việt. Ảnh mượn trong *Một Thời Nhiều Nhưng*, tập II, của Bạch Hạc Trần Đức Minh.

chủ để cấp phát cho nông dân nghèo, theo chương trình "Người Cây có Ruộng", thành ra ai cũng điên chủ hết! Cộng Sản bị 'phổng' tay trên nửa đầu của cuộc cánh mạng điên địa nên đành đi bước kế tiếp là ép nông dân vào hợp tác xã.

Người dân không thấy vào hợp tác xã có lợi gì, mà chỉ thấy mình bị mất hết ruộng nương nên đâm ra thù ghét cách mạng, một điều mà các đỉnh cao trí tuệ ở Bắc Bộ Phủ không lường trước được. Khổ thay!

4. CHÍNH SÁCH BẮN CÙNG HOA MIỀN NAM

Vì nhu cầu thực tế, chính sách này đã trở thành cột trụ của việc nhuộm đỏ Miền Nam

Nguyên là trong suốt 20 năm đánh Miền Nam, CS vẫn tuyên truyền là Mỹ Ngụy đã bóc lột nhân dân MN đến tận xương tủy nên dân MN đói khát, cơm không có mà ăn. Nhưng khi cán binh CS vào được Sài Gòn, nhìn thấy nhà cao cửa rộng; ai nấy ăn ngon mặc đẹp họ mới biết là Đảng chuyên môn nói láo.

Thành ra, cảnh phồn vinh của Sài Gòn là cái vạ vào miệng Bộ Chính Trị Hà Nội. Bộ Chính Trị đau lắm nên hạ quyết tâm đánh sập Sài Gòn, làm cho nó rách rưới xác xơ y như Hà Nội.

Bộ Chính Trị Bộ tưởng rằng chuyện này dễ như ăn ớt: "Mình có súng trong tay, muốn lấy cái gì thì lấy, muốn bỏ tù ai thì bỏ. Việc lột Miền Nam trần như phụng chỉ một cái vẩy tay là xong."

Và trong 10 năm trời, từ 1975 đến 1985, họ đã phát động 7 chiến dịch liên tiếp đánh Miền Nam - đánh điên chủ, đánh tư sản mại bản, đánh tư sản dân tộc, đánh thương gia, đánh kẻ buôn thúng bán mẹt, Đảng đánh tất tẩn tạt, đánh túi bụi, đánh không sót một ai, đánh cả những người trước kia có công với Cách Mạng!

Hà hà! "Đảng vọng khô! khô! sơ nhi bất lậu," lưới của Đảng như lưới

trời, thưa mà không lọt!!!

Ta hãy xem Đảng đánh Miền Nam như thế nào.

A. Chiến dịch trấn lột nhà giàu. Một ngày cuối thu năm 1975, đài phát thanh bỗng loan báo lệnh kiểm kê tài sản của những tên "tư sản mại bản" tức là bọn con buôn chuyên đầu cơ tích trữ. Bọn cán bộ không đủ người nên đã điều động các hội phụ nữ, các đoàn thể thanh niên đến các nhà buôn lớn, đa số là Hoa kiều, để niêm phong các kho hàng, tịch thu vàng bạc, đá quý, tiền mặt của họ. Hình như CS chỉ nhắm vào bọn gian thương Hoa Kiều, mà ai nấy đã biết quá rõ. Chính là những tên chuyên mua trịnh của những cô gái Việt nghèo để xả xui. Chết cũng đáng lắm. Đánh bọn gian thương trong mấy tháng trời mới xong, dân chúng thở phào nhẹ nhõm.

Thế rồi dùng một cái, Việt Cộng lại mở chiến dịch đánh "tư sản dân tộc" là những nhà giàu trước kia có đóng góp cho Mặt Trận Giải Phóng. Lần này thì toàn thể MN rung động vì thấy rằng có ơn với "Cách Mạng" mà còn bị đánh như thế thì người thường như mình làm sao mà thoát khỏi lên bâng phong thần? Lần này các thanh niên Xung Phong được lệnh cấm chốt trong các nhà giàu để tìm chỗ cất dấu vàng bạc. Người trong nhà không được phép mang gì ra khỏi nhà. Bọn thanh niên moi móc hết mọi nơi, khi họ rút đi, nhà nào nhà nấy sạch bách.

Khi chiến dịch kết thúc, Miền Nam không còn ai là nhà giàu.

B. Cấm lưu trữ vàng bạc, ngoại tệ

Miền Nam không còn nhà giàu, nhưng Miền Nam vẫn còn giàu, vì ở Miền Nam người bình thường cũng có thể có dăm ba lạng vàng lặn lụng. Tài sản quý báu này làm sao Đảng bỏ qua cho được? Phải bắt họ nhả ra!

Đảng quý quí tình ma, đã có cách tình ma quí quái. Ngày 11-7-1981, Đảng ra lệnh cấm dân chúng không ai được cất giữ quí kim và ngoại tệ trong nhà.

Cú đánh này độc thiết! Của cải tích góp cả đời bỗng dưng trở thành đồ quốc cấm! Thế là đêm hôm sau, người thì đào lỗ dưới sàn nhà chôn vàng, người thì khoan lỗ trong cánh cửa để dấu đô-la. Thôi thì đủ kiểu che mắt bọn Công An. Ai nấy làm việc trong bóng đêm, con cái cũng không dám cho biết vì sợ chúng vô tình tiết lộ với cán bộ. Trời! Của cải mình làm ra mà phải dấu như dấu đồ ăn cắp! Thiên đường mù của họ Hồ là như thế đấy.

C. Trấn lột toàn thể dân Miền Nam: Đối tiền

Những cú đấm liên miên không ngừng nghỉ làm cho dân Miền Nam tối tăm mặt mũi, nhưng đầu óc quí quái của các "đỉnh cao trí tuệ" cho là như vậy cũng chưa đủ làm cho MN sập tiệm. Mà đúng như vậy thiết! Vì có một loại tài sản mà Đảng chưa đụng tới được, vì nó nằm trong tay tất cả mọi người, từ đảng viên cho tới bọn khổ rách áo ôm, đó là tiền. Đúng! Tài sản vĩ đại đó đang nằm ở trong túi của mấy chục triệu dân Miền Nam, làm sao mà moi ra được mới tài.

Việc đó tưởng không ai làm được, thế mà Đảng đã làm được, mà lại làm một cách rất nhẹ nhàng.

Chiều chủ nhật, 21 tháng 9.1975, ở Sài Gòn, xe phóng thanh đi vòng vòng trong thành phố báo cho dân chúng biết là chính phủ sắp ra một thông cáo quan trọng. Toàn thành phố được lệnh giới nghiêm. Sáng hôm sau, đài phát thanh thông báo là có lệnh đối tiền: 500 đồng tiền "ngụy" đổi lấy 1 đồng "giải phóng", mỗi người được đổi tối đa 200 đồng giải phóng, tương đương khoảng 100 đô-la lúc bấy giờ.

Nghe tin này, ai nấy tá hỏa tam tinh, riêng người Hoa ở Chợ Lớn thì kinh hoàng đến phát sốt phát rét. Họ đang cầm bạc tỷ trong tay đột nhiên chỉ còn 200 đồng tiền mới. Số tiền không được đổi trở thành giấy lộn. Họ liền bỏ số tiền này vào bao bố rồi lén ném xuống cống cho phi tang.

Thế là chỉ một sớm một chiều, giàu nghèo đều trở thành "vô sản" như nhau với 200 đồng trong túi! Khốn nạn thiệt!

Rồi thời gian qua đi, dân Sài Gòn tỉnh lại dần dần. Ai có đồ gì không dùng tới đều đem ra bán chợ trời, nhờ thế có thêm ít tiền. Rồi tiền cứ tích tụ lại dần dần và sau một hai năm, đời sống trở lại bình thường.

Bỗng dùng một cái, ngày 11.5.1978, lại có lệnh: "Đối tiền trên cả nước!"

Một lần nữa dân Sài Gòn lại trắng tay. Sau lần trấn lột thứ tư, dân Sài Gòn đã bắt đầu kiệt sức, vì đồ đạc thì đã bán đi gần hết rồi. Đúng vào lúc đó thì đợt quà đầu tiên từ bên Mỹ gửi về cứu viện.

Sài Gòn lại hồi sinh...

Kỳ sau: Chính sách nhuộm đỏ Miền Nam. Sự chống đỡ của Miền Nam.

ĐIỆN BIÊN PHỦ, CHIẾN CÔNG, HUYỀN THOẠI và HỆ QUẢ

HOÀNG KHỞI PHONG

LTS: Trong lịch sử cận đại Việt Nam, Điện Biên Phủ được coi là một chiến thắng vĩ đại. Với các thế sau, những người viết sử có thể so sánh chiến thắng này với những chiến công vĩ đại ở Bạch Đằng, Vạn Kiếp, Chi Lăng... Hiện nay hào quang chiến thắng vẫn còn le lói, những nhân chứng tham gia trận đánh còn nhiều, các tác phẩm nghiên cứu cũng như văn học về trận đánh này viết bởi những tác giả có thẩm quyền, được bày bán tại khắp các nhà sách lớn ở Việt Nam cũng như ở ngoại quốc.

Nếu như Bạch Đằng, Vạn Kiếp, Chi Lăng... là những trận đánh để đòi lại nền tự chủ cho nước nhà, để đuổi quân thù ra khỏi biên cương, rồi sau đó mở ra những trang sử mới tươi tốt hơn cho đất nước, thì sau khi trận đánh ở ĐBP kết thúc, người Pháp phải xuống tàu về nước sau gần một thế kỷ cai trị nước Việt. Nhưng đồng thời chiến thắng Điện Biên Phủ đã mở ra một cánh cổng lớn, để chủ nghĩa CS thên thành thang đi vào nước Việt, mà hệ quả của nó thì không một tác giả nào có thể kiểm kê hết.

Nhà văn Hoàng Khởi Phong cho biết ông bị ám ảnh bởi địa danh Điện Biên Phủ ngay từ thời còn thơ ấu. Bởi vì sau trận đánh này, quốc gia bị chia đôi thành hai miền thù hận. Để rồi chưa đầy mười năm sau, một trận chiến tranh khác đã nổ ra trên hai miền đất nước. Khác với trận chiến tranh trước là chống ngoại xâm, lần này chiến tranh là nội da xáo thịt. Tuy sinh ra ở miền Bắc, nhưng lớn lên ở miền Nam, ông đã chiến đấu như một người lính, để bảo vệ phần đất mà ở đó ông đã được nuôi nấng, dậy dỗ thành người. Hơn một nửa thế kỷ sau khi trận ĐBP kết thúc, chiến tranh Nam Bắc cũng tàn được ba chục năm. Trong hoàn cảnh chính trị hiện tại và điều kiện cho phép, ông đã trở về quan sát một địa danh đã từng ám ảnh ông suốt từ thời thơ ấu cho tới tận cuối đời.



Trong tháng 2. 1954, trực thăng tiếp tế cho quân Pháp tại mặt trận Điện Biên Phủ. Không quân trở thành vô dụng mấy tháng sau đó. Hình tài liệu của Khởi Hành.

1. CHIẾN CÔNG

Để không bị bỏ ngỡ khi tới Điện Biên Phủ, trước khi đi tôi đã đọc vài cuốn sách liên quan tới trận đánh này. Có ba cuốn sách được tôi chú ý bởi vì các tác giả của nó: Bernard B. Fall, Erwan Bergot và Võ Nguyên Giáp.

Với Bernard Fall, người đặt chân đến Điện Biên Phủ khi tập đoàn cứ điểm này vừa mới thành lập vào cuối năm 1953, để rồi từ đó về sau Bernard Fall như bị một ma lực thu hút ông tới Việt Nam. Mười bốn năm sau ông theo gót đoàn quân Mỹ tới vùng địa đầu Quảng Trị, để chết tại một nơi mà chính ông đã đặt cho danh hiệu "Dãy Phố Buồn Hiu" trong chiến tranh Việt Pháp; hơn chục năm sau "Dãy Phố Buồn Hiu" này đã trở thành "Đại Lộ Kinh Hoàng" trong chiến tranh Nam Bắc vào năm 1972. Để viết về ĐBP, ông đã bỏ nhiều thời gian nghiên cứu mệnh lệnh từ Bộ Chỉ Huy Tối Cao của quân Pháp, tại chính quốc cũng như tại Sài Gòn và Hà Nội, cho tới các lệnh hành quân của các đơn vị đồn trú tới cấp Tiểu Đoàn, thậm chí còn ghi nhận các báo hành quân của các sĩ quan Đại

Đội Trưởng, nên tác phẩm của ông giống như là một nhật ký hành quân, và do đó người đọc có thể tin tưởng hoàn toàn vào những tài liệu ông đưa ra.

Erwan Bergot là người trong cuộc, ông là một sĩ quan cấp bậc Trung Ủy của một đơn vị phòng ngự trong vòng đai ĐBP. Chính bản thân ông đã chiến đấu mãnh liệt và sống sót sau 55 ngày của trận tử chiến, rồi bị bắt làm tù binh. Khi trở về Pháp ông bỏ công đi tìm các đồng đội, ghi lại những gì mà ông không mực kích tại các đơn vị bạn, trong toàn trận đánh. Bên cạnh tư cách một sĩ quan nhà nghề, ông cho người đọc thấy ông còn là một nhà văn trung thực, mặc dù là một sĩ quan trong đoàn quân thất trận, song không vì thế mà ngòi bút ông bị chi phối vì cảm tính, và đã ghi nhận được những hình ảnh bi tráng nhất của trận đánh.

Và sau cùng là cuốn Điện Biên Phủ của Võ Nguyên Giáp, người tổng chỉ huy các lực lượng Việt Minh trong trận đánh này. Vì tác giả là người chiến thắng, nên mặc nhiên có quyền nói sao cũng được, muốn vẽ rộng vẽ rần thì vẽ. Tuy nhiên người đọc nhận thấy ngay sự khoa trương thái quá, trong một

giọng văn đầy cảm tính và nặng tính tuyên truyền.

Ngoài ra khi đã tới Điện Biên Phủ, tôi mua thêm một vài cuốn sách, dường như được xuất bản vì nhu cầu du lịch, đọc lướt qua trong một đêm tại khách sạn để chờ sáng. Trong những cuốn sách được xuất bản theo lối "mì ăn liền" này, tôi không ghi nhận được một điều nào đáng kể, ngoại trừ những mẩu chuyện hoang đường, về những gì đã xảy ra ở nơi đây nửa thế kỷ trước.

Về trận đánh Điện Biên Phủ, tài liệu của Wikipedia, và tài liệu mà Bernard Fall đã dày công lục lọi trong văn khố của Pháp cho biết: quân số tham chiến của Pháp tính cho đến giữa tháng 3 là 10.800 người. Trong khi đó quân số tham chiến của Việt Minh là 48.000 quân chính quy, 30.000 bộ đội yểm trợ và chưa kể tới hàng trăm ngàn dân công tiếp tế. Trận đánh càng vào sâu quân số đôi bên cùng được tăng cường. Quân Pháp vào lúc cao nhất đã lên đến khoảng 13.000, trong khi lực lượng tấn công chính của Việt Minh, cho dù bị tổn thất hết đợt này tới đợt khác, song quân số vẫn hăm, tấn công lúc nào cũng ở con số xấp xỉ 50.000. So sánh lực lượng một cách tương đối thì quân Pháp lấy một chọi năm. Cũng trong các tài liệu này khi tổng kết trận đánh cho biết: Quân Pháp tử trận 2293, bị thương 5195 và tất nhiên toàn bộ quân trú phòng bị bắt sau khi đầu hàng. Trong khi đó về phía Việt Minh tổng số thương vong là 23.000 (cả chết lẫn bị thương). Tính đồ đồng về thiệt hại nhân mạng cả chết lẫn bị thương phía Việt Minh gấp ba lần quân Pháp.

Những con số vừa nêu chỉ cho thấy hình ảnh rõ ràng nhất của ý niệm "Nhất tướng công thành vạn cốt khô." Đúng vậy trong khu tam giác lòng chảo ĐBP, với trục chính khoảng mười lăm cây số, bề ngang khoảng hơn năm cây số đã có tới gấp ba lần con số vạn cốt khô. Ở đây tôi nêu một câu hỏi: Những người đã chết đó chiến đấu cho mục đích gì? Và trước khi nằm xuống họ đã chiến đấu trong những điều kiện và hoàn cảnh như thế nào?

Để trả lời cho câu hỏi này, tôi trở lại danh từ Việt Minh được sử dụng trong hầu hết các sách vở, tài liệu được ghi lại trong giai đoạn chiến tranh Việt Pháp. Vào thời gian của trận đánh ĐBP, chiến tranh Việt Nam là chiến tranh của người Việt chống người Pháp, để giành lại chủ quyền cho đất nước. Việt Minh là một lực lượng bao gồm rất nhiều thành phần, mà trong đó thành phần người Việt có khuynh hướng CS nhiều hơn tất cả các thành phần khác gộp lại, và đồng thời cũng nắm giữ những vị trí chỉ huy then chốt trong trận đánh này. Cho dù như thế thì chiến thắng ĐBP không phải là chiến thắng của riêng người CS, mà là chiến thắng của dân tộc Việt trước đạo quân xâm lăng Pháp. Và như thế thì động cơ chính thúc đẩy cho những

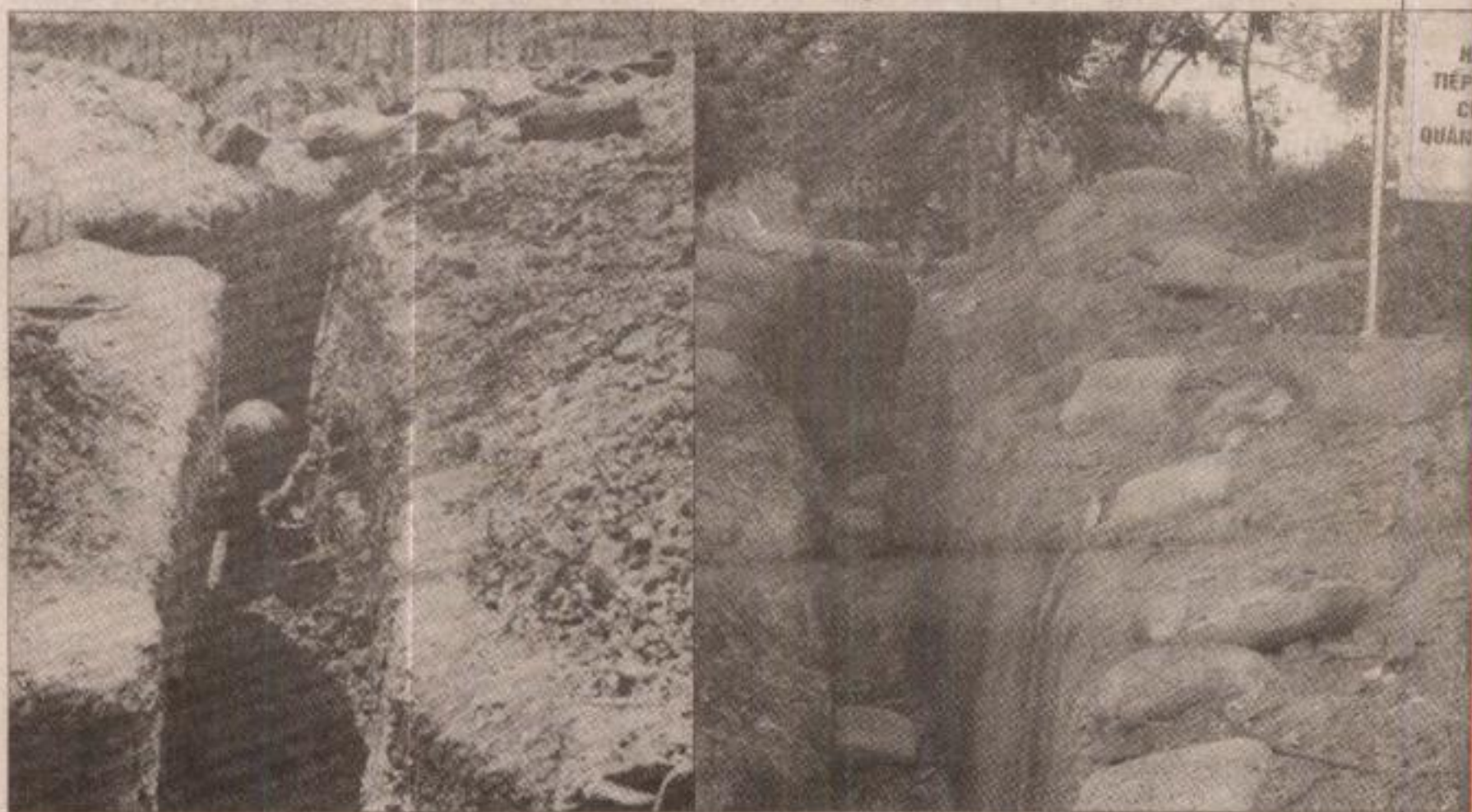
người lính Việt lao vào chiến trận, là lòng ái quốc vô bờ bến, bằng mọi giá phải đòi được nền độc lập cho nước nhà.

Về phía các binh đoàn Pháp, gồm hai lực lượng chính là Nhảy Dù và Lê Dương, mà chúng ta có thể gián dị liệt những người lính Lê Dương vào hàng ngũ của những người lính đánh thuê cho nước Pháp. Các đơn vị Lê Dương chiếm tới 70% lực lượng quân Pháp được gửi đến thành lập cứ điểm Điện Biên Phủ. Dưới cùng một mẫu áo, một binh chủng tác chiến xung kích, họ gồm đủ sắc dân Đức, Ba Lan, Hung, Tiệp, Ý, Áo, Tây Ban Nha, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Ma Rốc, Algérie, Tunisie, Senegal... Tuy họ không được trang bị một chính nghĩa ngời sáng như người lính Việt Nam, song danh dự đơn vị,

diện với các cụm phòng thủ của quân trú phòng. Rồi từ những cao điểm sát ngay vòng đai phòng thủ, được nguy trang kỹ càng, pháo của Việt Minh bắn cực kỳ chính xác vào các vị trí pháo binh của Pháp.

Đại tá Piroth, đã từng chiến đấu, bị thương và cụt một tay trong Đệ Nhị Thế Chiến. Ông không mang tay giả, tay áo nơi cánh tay bị cụt được ông bỏ vào trong thắt lưng, và để chuộc lỗi lầm không thể tha thứ, ông đã dùng hàm răng và bàn tay còn lại mở chốt lựu đạn tự sát, chỉ sau vài ngày đầu tiên của trận đánh.

Pháo của Việt Minh chiếm được ưu thế tuyệt đối ngay từ những giờ phút giao tranh đầu tiên. Trận chiến kéo dài 55 ngày đêm, nhưng thật ra chiến trường đã được quyết định ngay từ



Quân Pháp trong chiến hào Điện Biên Phủ, hình báo ngoại quốc. Bên mặt là hình do Hoàng Khởi Phong chụp, khi ĐBP trở thành địa điểm du lịch.

mẫu cờ, sắc áo và tình đồng đội đã là những sức mạnh ngàn cân thúc đẩy họ tiến lên, ngăn chặn những đợt sóng người xung phong vào các hàng rào phòng thủ.

Trong tác phẩm của Bernard Fall và Erwan Bergot, người đọc nhận được một điều: Chỉ mới sau ba ngày đầu kịch chiến, quân Pháp cảm chắc cái thế đại bại, do sự ước tính không chính xác về khả năng tiếp vận và pháo của Việt Minh. Chỉ huy trưởng lực lượng pháo binh của Pháp là đại tá Piroth, phạm một sai lầm không thể tha thứ, khi tin rằng Việt Minh không thể nào kéo pháo vượt qua những cao điểm chung quanh khu vực vòng đai phòng thủ của Điện Biên Phủ. Nếu trí sùng ở phía bên kia các ngọn đồi, pháo binh của Việt Minh nhiều lắm chỉ có thể bắn tới vành ngoài của vòng đai phòng thủ. Điều mà Piroth tin tưởng là không thể thực hiện, đã được bộ đội và dân công Việt Minh với lòng yêu nước vô bờ hoàn thành: Kéo những khẩu pháo vượt qua những đỉnh đèo cao, những khe núi sâu để bố trí hàng trăm khẩu pháo, súng cối trong các sườn đồi đối

ngày đầu tiên của trận đánh. Suốt 54 ngày còn lại là sức chống trả mãnh liệt của quân Pháp, mà tướng Võ Nguyên Giáp cũng như bộ đội Việt Minh không thể tưởng tượng được. Suốt trong tác phẩm của Bernard Fall và đặc biệt những trang sách của Erwan Bergot, người ta bắt gặp những tấm gương anh hùng của người lính ở cả hai phía.

Người ta có thể đếm được hàng chục, hàng trăm người lính Nhảy Dù, Lê Dương bị thương, thậm chí cụt tay, gãy chân khước từ lui lại phía sau. Họ băng bó tại chỗ rồi lại tiến ra hào chiến đấu. Mà chiến hào thì ngập trong bùn, cộng với máu của người chết, mủ của người bị thương tạo thành một mùi hôi thối nồng nặc. Suốt 55 ngày giao chiến có những khúc chiến hào bị quân lính của đôi bên chiếm qua, đoạt lại năm bảy lần. Và mỗi lần thay đổi như thế là hàng chục, có khi hàng trăm người nằm xuống không bao giờ đứng dậy.

Pháo của Việt Minh làm chủ chiến trường ngay từ những giây phút đầu tiên. Trong khoảng hai tuần đầu phi trường còn sử dụng được, nhưng sau

vài lần các phi công quả cảm đáp xuống, bị trúng pháo trong khi phi cơ đang chạy trên phi đạo, đã khiến cho việc tiếp tế đạn dược, thuốc men, thực phẩm của quân trú phòng chỉ còn trông cậy bằng cách thả dù. Nhiều tấn đạn dược thay vì tiếp tế cho quân trú phòng, đã bay lạc sang phòng tuyến địch, bởi vì phần đất của quân trú phòng càng ngày càng thu hẹp lại, bãi thả dù đã nhỏ, thời tiết không mấy thuận lợi, đã khiến cho các phi công dù gan dạ tới đâu, bay thấp tới đâu chẳng nữa thì vẫn có 30% số dù tiếp tế lọt vào tay quân địch. Bernard Fall đã xác nhận, lực lượng thả dù của Pháp, đã cung cấp cho Việt Minh hàng ngàn quả đạn súng cối, những quả đạn này sau đó đã được dùng để pháo vào quân trú phòng.

Cũng trong tác phẩm của Erwan Bergot, người ta còn thấy các binh sĩ Lê Dương thực hành tập quán của binh chủng: Cho dù trận đánh dữ dội tới đâu chẳng nữa, cũng không bao giờ bỏ xác cấp chỉ huy tại chiến trường. Nhiều người đã chết khi đang mang xác cấp chỉ huy, sau một đợt tiến công thất bại. Hàng trăm cựu binh Nhảy Dù, Lê Dương đang an lành ở Paris, Bordeaux, Nice đã vội vã tình nguyện tới ĐBP, giữa lúc tình trạng tuyệt vọng nhất cho quân trú phòng. Thậm chí một hạ sĩ quan ở ĐBP được giải ngũ khi trận đánh chưa thực sự mở màn, anh đã uống với đồng đội một chầu cuối cùng tại cứ điểm. Anh nghĩ là đã nâng ly lần cuối với các bạn, đã lèm bèm thể rằng không bao giờ trở lại cái địa ngục này. Anh sẽ về Paris, mỗi buổi chiều dạo chơi nơi các quán rượu, tất nhiên là anh sẽ gặp tay các cô gái trẻ đẹp đầy nhựa sống nơi kinh thành ánh sáng, dạo chơi nơi bờ sông Seine. Không ngờ anh là một trong những người quay lại vào lúc thập tử nhất sinh của căn cứ.

Những người lính tuyệt hảo của cả hai phía đã gặp nhau trong một góc địa ngục, hơn mười ngàn người không bao giờ được thấy kết quả của trận đánh, của những nỗ lực mà chính họ đã góp phần bằng xương thịt của mình. Người ta đọc được lòng kính trọng của hai tác giả Bernard Fall và Erwan Bergot giành cho bộ đội Việt Minh. Rải rác trong những trang sách của nhà văn Erwan Bergot, không phải của Trung Úy Erwan Bergot là những hình ảnh hùng tráng lắm liệt ông viết về kẻ địch của mình. Trong khi đó các tác phẩm về phía Việt Nam, thì hầu như thiếu một giọng miệt thị đối phương, và hầu như không một tác giả nào có được sự vô tư tối thiểu khi viết về trận đánh này.

Trận đấu pháo đầu tiên giữa lực lượng phòng ngự, và lực lượng tấn công đã nghiêng hẳn phần thắng lợi vào trong tay Việt Minh, khi pháo của Việt Minh từ những cao điểm bên này các dãy đồi, có thể bắn trực xạ vào các ụ đại bác của quân Pháp, khóa họng

ngay lập tức một số khẩu đội, và đồng thời phá hủy một phần kho đạn dự trữ của toàn căn cứ.

Thêm vào đó Không Quân Pháp, lực lượng tối cần thiết cho tập đoàn phòng ngự chẳng những đã thiếu cả hai loại máy bay khu trục và vận tải, lại còn thiếu cả phi công, đến độ đã có lúc quân Pháp phải thuê các phi công dân sự trong các nhiệm vụ thả dù. Quân Pháp có một số phi cơ đậu ngay tại phi trường, để sẵn sàng can thiệp khi hữu sự, nhưng bước sang ngày thứ hai pháo của địch đã phá hủy một số phi cơ, khiến cho quân Pháp phải di chuyển các phi cơ tiềm kích về Hà Nội, để mỗi ngày các phi công phải bay lên yểm trợ cho lực lượng phòng thủ. Từ đây sức kháng cự của phe phòng ngự hoàn toàn nằm trong tay những người lính Nhảy Dù, Lê Dương. Không Quân Pháp càng ngày càng bị giới hạn, thậm chí ngay cả việc thả dù cấp lon thiếu tướng cho De Castrie, cũng đã thả ra ngoài vòng đại phòng thủ.

Sau cùng cái gì phải đến đã đến, sau 55 ngày đêm kịch chiến, ĐBP thất thủ trong nỗi bàng hoàng, đau đớn, uất ức, ghen ngào của những người lính tuy đã kiệt sức, nhưng còn khả năng, nhưng không còn một chút phương tiện để chiến đấu. Các khẩu pháo đã bắn tới những viên đạn cuối cùng. Các khẩu súng cá nhân xem chừng cũng không còn đủ một cấp số đạn dược. Hơn thế nữa một giải pháp chính trị đang được hình thành ở Geneva...

Cho dù tôi là một người dân Việt, đất nước đã bị người Pháp xâm lăng, đầy xéo gẫm một thế kỷ, tôi vẫn không thể không nói lên lòng khâm phục những ai đã chiến đấu bên trong hàng rào cứ điểm Điện Biên Phủ. Họ là những người LÍNH, đã thi hành mệnh lệnh thượng cấp một cách toàn hảo. Không một ai có thể dị nghị tư cách người LÍNH của những người đã chiến đấu bên trong hàng rào cứ điểm ĐBP.

Tất nhiên tôi mãi mãi ngưỡng mộ những người lính Việt Nam đã đóng góp cho chiến thắng này. Không một ai có thể chối cãi đây là một chiến thắng lịch sử, vì sau đó lịch sử bước sang một trang mới. Duy có điều trang sử mới đó vinh quanh hay tăm tối không bao giờ nằm trong tay những người LÍNH.

2. HUYỀN THOẠI

Sau chiến thắng ĐBP, tên tuổi vị tư lệnh mặt trận Võ Nguyên Giáp nổi như cồn trên khắp thế giới. Các quốc gia còn bị trị trong Liên Hiệp Pháp ngẩn cổ ngóng tới Việt Nam, như là một thánh địa cần chiêm bái. Hậu quả tất yếu của chiến thắng ĐBP đã làm cho các cường quốc liên hệ ngồi vào bàn hội nghị ở Geneva, và kết quả là nước Việt bị chia đôi dưới ảnh hưởng của các đại cường. Lấy ví tuyến 17, tượng trưng bởi con sông Bến Hải làm ranh giới. Nửa phía Bắc nằm trong quỹ đạo của khối CS, nửa phía Nam nằm trong quỹ đạo của khối Tự Do.

Nhìn một cách tổng quát thì sau 80 năm bị cai trị bởi ngoại xâm, giờ đây nước Việt đã được độc lập. Nhưng độc lập phải đi được đi đôi với nền tự chủ, thì nửa phía Bắc hoàn toàn bị lệ thuộc bởi đường lối cũng như chính sách của hai nước đàn anh trong khối Cộng là Nga Sô và Trung Quốc, trong khi đó nửa phần phía Nam thì hoàn toàn lệ thuộc vào việc chi viện của Hoa Kỳ.

Bộ máy tuyên truyền của CS đã góp phần không nhỏ trong việc dựng lên các huyền thoại về Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, nhân vật số 1 và số 2 của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Chẳng thế mà sử gia Trần Huy Liệu, trước khi qua đời đã tự nguyện và trối lại cho sử gia Phan Huy Lê biết: Nhận vật huyền thoại Lê Văn Tám, mới hơn mười tuổi đầu đã tự tắm xăng vào người, tự đốt mình trước khi lao vào phá hủy kho đạn của Pháp, chỉ là sản phẩm tưởng tượng do nhu cầu tuyên truyền mà thôi. Tôi tự hỏi có bao nhiêu phần trăm sự thật về chú bé Kim Đồng? về anh Sáu Đậu? về những vị anh hùng hiện đang có tên đường trong nhiều thành phố ở Việt Nam?

Trở về với huyền thoại thiên tài quân sự của tướng Võ Nguyên Giáp, có vài điểm cần lưu ý:

Trên hết tướng Võ Nguyên Giáp không bao giờ là tướng tối, bởi vì nếu ông không giỏi thì không thể chiến thắng ở ĐBP. Ít nhất ông phải giỏi hơn các đối thủ của ông là Navarre và Cogny. Ý định thiết lập tập đoàn cứ điểm ĐBP là của tướng Navarre, Tổng Tư Lệnh Quân Pháp tại Đông Dương ở Sài Gòn, người nhận lệnh thực hiện kế hoạch là tướng Cogny Tư Lệnh Quân Pháp tại Bắc Việt, người trực tiếp chỉ huy cứ điểm là Đại Tá De Castrie (ông này vào những ngày chót của trận đánh được thăng cấp tướng). Như vậy là quân Pháp tự động chui vào một cái rọ, trong một lòng chảo nằm lọt thỏm giữa các ngọn đồi bao bọc chung quanh. Tướng VNG không hề có một tác công lao, một chút mưu mẹo nào trong việc dồn quân Pháp, tập trung một đạo quân lớn vào một nơi xa xôi hẻo lánh, không thể tiếp tế, viện binh bằng đường bộ. Quân Pháp chẳng những đã tự chui vào rọ, lại còn không ước tính được khả năng pháo của đối phương, và cũng không bao giờ hiểu khi lòng dân đã muôn người như một, thì việc tiếp tế bằng những đoàn xe đạp thồ với hàng chục ngàn dân công, có thể thay thế những đoàn xe vận tải lớn trong việc tiếp tế lương thực, vũ khí vượt hàng trăm cây số từ hậu cứ ra ngoài mặt trận.

Chỉ sau hai ngày thử lửa quân Pháp đã bị dồn vào thế không thể thắng, phía Việt Minh biết rõ là họ sẽ chiến thắng. Vấn đề đặt ra ở đây là họ sẽ thắng trong bao nhiêu lâu, và sẽ thiệt hại nhân mạng lên tới bao nhiêu người?

Tôi vẫn nghi ngờ huyền thoại thiên tài quân sự của tướng VNG. Khi mà

toàn dân, kể cả dân chúng trong vùng kiểm soát của Pháp bùng lên đòi hỏi độc lập, tự do thì đã đến lúc hàng hàng lớp lớp thanh niên sẵn sàng lao mình vào lửa đạn, chẳng những đã không cần những tiểu xảo tuyên truyền, mà cần phải có một vị chỉ huy biết tiết kiệm máu xương của binh sĩ trong trận đánh quyết định này. Thế nhưng dường như tướng VNG có vẻ như không màng tới điều này. Trong lúc quân Pháp bị dồn tới đường cùng, thay vì vây chặt đối phương, sử dụng ưu thế pháo tối đa, cũng có thể làm cho quân Pháp phải khốn đốn cho tới một lúc nào đó không thể chịu đựng, phải xin hàng. Một con thú khi bị dồn tới đường cùng còn quay lại cắn bẫy, huống hồ một đạo quân hơn mười ngàn binh sĩ thiện chiến, có đủ vũ khí trong tay, bị ép đánh đến độ nổi điên lên, không màng tới sống chết của chính mình, mà chỉ nghĩ tới truyền thống anh hùng của đơn vị, nghĩ tới người bạn đã từng chung một chiến hào, một gà men súp bị bắn chết nằm tênh hênh ngay bên cạnh.

Dưới quyền chỉ huy của tướng VNG, các đơn vị Việt Minh cứ tuần tự xung phong, hết trung đoàn này sang trung đoàn khác. Có nhiều lô cốt, nhiều đoạn chiến hào đã chiếm được của quân Pháp, rồi lại bị đánh bật ra năm bảy lần. Trong các chiến hào máu và bùn quện lại với nhau thành một thứ lầy nhầy, hơi thối xông lên nồng nặc. Dường như đây là chiến thuật "biển người", một chiến thuật quen thuộc của Hồng Quân Trung Hoa trong chiến tranh Nam Bắc Triều Tiên vừa mới kết thúc chưa đầy một năm. Trung Hoa với dân số mấy trăm triệu người vào thời đó, mất đi vài ba chục ngàn người nào có xá kể gì? Thế nhưng nước Việt vào thời đó vốn vẹn chưa đầy ba chục triệu người, mỗi xác thân nằm xuống, là một thiệt thòi cho cả giống nòi.

Vấn biết rằng ý của "Bác" và "Chính Trị Bộ" là phải chiến thắng gấp để làm hậu thuẫn cho chính trị, khi mà hội nghị Geneva đang sửa soạn hình thành. Thế nhưng với địa vị Tổng Tư Lệnh tại chiến trường, tướng VNG có thể quyết định cách nào ít thiệt hại về nhân mạng, mà vẫn đạt được kết quả mong muốn. Trong điều kiện hoàn toàn chủ động, quân địch chỉ co cụm trong các công sự phòng thủ, thậm chí đi lấy nước uống cũng phải tổ chức thành một cuộc hành quân nhỏ, thì hà tất phải tấn công biển người làm chi.

ĐBP đứng vững được 55 ngày, nếu như các đợt xung phong ít đi, có thể cứ điểm sẽ đứng vững được thêm một, hai tháng, nhưng con số tổn thất chắc chắn nhẹ hơn rất nhiều, không thể lên đến 23.000 cả chết lẫn bị thương. Theo cách tính tương đối ở mặt trận thì cứ một binh sĩ chết, sẽ có hai binh sĩ bị thương. Trong số 23.000 người này ít ra cũng có đến 8.000 người chết. Nếu cộng thêm hơn 2.000 tử sĩ của Pháp, thì trong trận chiến Điện Biên Phủ cả

hai bên đã mất đi một vạn con người. Như vậy mới đúng "Nhất tướng công thành vạn cốt khô." Nếu sắp những tử sĩ này nằm song song với nhau trên đường, cứ mỗi người chiếm mất nửa thước, 10.000 con người vị chỉ là 5.000 mét. Đã bao giờ tướng VNG nghĩ đến hình ảnh ông duyệt qua năm cây số, mà xác người chen vai thích cánh với nhau trên mặt đường.

Nhân nói về chiến thuật biển người của Hồng Quân Trung Hoa, tôi đã đến tận Sở Chỉ Huy của tướng VNG, được đặt ở phía sau của mặt trận. Nếu tính theo đường chim bay thì Sở Chỉ Huy Chiến Dịch của tướng Giáp chỉ cách nơi trận địa khoảng vài cây số, nhưng phải đi đường vòng hơn mười cây số mới tới. Nơi đây bây giờ người ta đã dựng lại thành một địa điểm du lịch, để moi tiền du khách. Ở đó tôi nhìn thấy những mái nhà làm bằng tre nứa, bên trong là những chiếc giường sán. Đó là nơi ngủ của các binh sĩ trong Sở

Bạch Đằng, Vạn Kiếp, Chi Lăng là những chiến thắng đuổi quân thù ra khỏi biên cương, dựng nền tự chủ. Điện Biên Phủ là một chiến thắng [nửa trên] đuổi được thực dân, nhưng [nửa dưới,] đã mở cửa cho chủ nghĩa CS thâm nhập đi vào đất nước, hệ quả khó lường...

Chỉ Huy. Ngay cạnh đó là những hầm lớn, được gắn bằng tên bằng đá cẩm thạch của các cấp chỉ huy. Tất cả các cấp chỉ huy đại đơn vị, mỗi người có một cái hầm đủ rộng để kê giường ngủ, bàn viết. Bên cạnh các hầm của tướng Võ Nguyên Giáp, Lê Liêm, Hoàng Văn Thái, Hoàng Đạo Thúy (chỉ huy lực lượng truyền tin), tôi còn thấy ít nhất là ba cái hầm đặc biệt dành cho phái bộ cố vấn Trung Quốc, một dành cho tướng Vi Quốc Thanh trưởng đoàn, một dành cho Mai Gia Sinh phó trưởng đoàn, và một hầm khá lớn dành cho các nhân viên còn lại của phái bộ cố vấn.

Đặc biệt hầm riêng của tướng VNG được nối liền với một con đường hầm dài 90 mét, đục xuyên qua núi. Đó là con đường an toàn để vị tư lệnh chiến trường từ giường ngủ của mình, đi thẳng ra mé sau núi quan sát trận đánh.

Tôi ngờ rằng những căn hầm với bằng tên bằng đá cẩm thạch, cũng như con đường hầm ăn thông với hầm riêng của tướng VNG mới được làm sau này, khi người ta thiết lập thành phố Điện Biên Phủ, và đồng thời tổ chức nơi đây thành khu du lịch, đánh dấu năm chục năm trận đánh kết thúc.

Tôi tin rằng những hầm hố tại đây không phải là hầm hố có từ thời trận đánh ĐBP, mà mới được thiết lập gần đây vì nhu cầu của một tụ điểm du lịch. Các đường hầm nhả thín, còn mới mẻ với những dấu vết được thực hiện bởi

những phương tiện cơ giới, chứ không phải là những đường hầm nguyên thủy đào bằng tay, nên hầm đôi khi còn được tráng xi măng cẩn thận. Những công trình mới cất này phải chăng là muốn củng cố thêm huyền thoại cho VNG, nhưng vì thực hiện quá đà khiến cho bị phản ứng ngược. Trong trường hợp trái lại, đó là hầm hố nguyên thủy thì vấn đề lại khác, ở chỗ trong khi binh sĩ phải lăn vào nơi chém giết, thì chủ tướng ở phía sau hoàn toàn an ninh, thế mà còn bắt binh sĩ đào một đường hầm hàng trăm thước xuyên qua. Không một thiên tài quân sự nào lại có những quyết định lạ lùng như vậy.

Ngoài ra những căn hầm đẹp đẽ của Vi Quốc Thanh, Mai Gia Sinh và phái bộ cố vấn Trung Quốc, cho thấy trong chiến dịch ĐBP không ít thì nhiều tướng VNG bị ảnh hưởng bởi các chuyên gia về chiến thuật "biển người." Hèn nào bộ đội Việt Minh cứ phải luân phiên tấn công, vào những cứ điểm được phòng thủ bởi những người lính thiện chiến, có công sự phòng ngự chắc chắn.

Có một chi tiết rất thú vị mà người hướng dẫn tiết lộ: Khu du lịch Điện Biên được khánh thành vào đúng dịp kỷ niệm năm chục năm kết thúc trận đánh. Tướng Võ Nguyên Giáp không được phép có mặt trong dịp này, ông chỉ được phép lên đây hai tháng trước ngày khai mạc, sinh hoạt với một số sĩ quan cán bộ dưới quyền chỉ huy đã từng tham gia trận đánh lừng danh này.

Không được đào tạo từ bất cứ một quân trường danh tiếng nào, tôi nghĩ tướng VNG là một tướng giỏi, nhưng tôi không tin ông là một thiên tài quân sự. Nhất là trong địa vị một ông tướng của toàn quân, một vị anh hùng chống ngoại xâm, ông đã có những ứng xử không xứng đáng là một vị tướng.

Nếu như ông khẳng khái hơn, quyết liệt hơn thì chắc chắn hai cộng sự thân tín của ông là tướng Lê Liêm, Đặng Kim Giang, đã không bị chết tức tưởi dưới bàn tay của cặp Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, trong vụ thanh trừng các phần tử thân Nga của phe Lê Duẩn - Lê Đức Thọ. Nếu ông thực sự là một vị tướng có tài, ông phải là người có tầm nhìn xa, với uy tín ảnh hưởng của ông đối với toàn quân và toàn dân, chắc hẳn ông đã ngăn chặn được Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, không để cho hai người này thao túng Bộ Chính Trị, cô lập Hồ Chí Minh, dẫn tới những trang sử đen tối nhất cho đất nước trong những năm từ đầu thập niên '60 cho tới cuối thập niên '80. Không thể biện minh là tướng lãnh thì chỉ biết cầm quân, còn phó mặc mọi chuyện khác cho chính trị. Chính tự tướng VNG đã đánh mất lòng tin của dân chúng, khi tập đoàn Lê Duẩn và Lê Đức Thọ muốn leo lải con thuyền quốc gia như thế nào ông cũng không một lần lên tiếng. Không những thế Duẩn và Thọ còn ép ông

nhận một chức vụ xúc phạm tới danh dự của một vị tướng, thế mà ông nhận kế hoạch hóa gia đình, giản dị thì là ngựa thai, nên vì vậy ca dao của dân chúng đã truyền tụng: *Ngày xưa đại tướng cầm quân, Ngày nay đại tướng cầm quân chị em*

Sau cùng nghĩ về thiên tài quân sự của tướng VNG, tôi vẫn tin ông là một vị tướng giỏi, nhưng chỉ giỏi ở những trận đánh khác, không phải ở Điện Biên Phủ. Với những lợi thế "thiên thời, địa lợi, nhân hòa" ngay từ lúc quân Pháp sửa soạn chiến trường, cho tới khi bắt đầu trận đánh, tôi nghĩ chỉ cần một vị tướng cầm quân không tồi, cũng nắm chắc phần thắng. Không có ông VNG, thì một ông tướng Võ Nguyên Giáp nào đó cũng có thể ca khúc khải hoàn. Cũng giống như gần đây thế giới tự do ca tụng quyết định sáng suốt của ông Gorbachov, dẫn đến việc khai tử chủ nghĩa CS ở Đông Âu và ở Nga. Những tài liệu dần dần cho thấy khối CS đã đến lúc không thể gượng được, không có ông "Góoc Ba Chốp" thì sẽ có một ông "Góoc Ba Chép" nào đó phải quyết định. Khi bánh xe lịch sử đã quay tới đó, thì sự việc sẽ phải diễn tiến như thế mà thôi.

Tóm lại: Từ một vị tướng giỏi tới một thiên tài quân sự có một khoảng cách khá xa, và dường như tướng Võ Nguyên Giáp không vượt qua được khoảng cách này.

3. HẸ QUÁ

Nơi chiến trường ngày xưa giờ đây mọc lên một thành phố mới tinh hảo, với dân số 80.000 người. Tuy không là một thành phố lớn, nhưng đối với vùng rừng núi Tây Bắc thì đây là một thị xã khá trù phú. Tôi không hiểu thành phố này được phát triển theo chiều hướng nào, nguồn lợi kinh tế chính chẳng lẽ chỉ trông cậy vào một dúm du khách hàng năm. Chỉ biết rằng Tòa Tỉnh Ủy là một tòa nhà cao tầng, như một dinh thự nguy nga, phía đằng trước là một hồ nước nhân tạo vuông vức rộng để chùng cả mẫu tây. Con đường chính chạy qua thị xã là một đại lộ có thảm hoa cỏ ở giữa, mỗi bên có ba làn xe chạy.

Tôi đến thăm Sở Chỉ huy của tướng De Castrie, Tư Lệnh Quân Pháp trong một căn hầm ở cuối sân bay. Tôi đến thăm các cứ điểm Gabriella, Beatrice, Elianne, Hugette... Tôi đến thăm Bảo Tàng Chiến Thắng ĐBP, thăm Nghĩa Trang Liệt Sĩ ĐBP. Trong mùi vôi vữa của những cao ốc đang xây dở, dường như tôi ngửi thấy mùi máu, mùi thuốc súng, thậm chí cả mùi hôi thối của những chiến hào.

Người hướng dẫn cho tôi biết, tất cả các căn cứ của Pháp trước đây bị bỏ hoang phế suốt mấy chục năm trời, gần đây được sửa sang, sơn phết lại cho du khách vào coi. Anh cho biết các chiến hào ngập đầy rác rưởi, người ta đã phải dùng những chiếc xe cơ giới để vét lại. Nên tôi không lấy làm lạ khi các vách chiến hào nhẵn nhụi, và bề

sâu thì dường như bị vét quá tay nên cao ngập đầu người. Nếu thực sự chiến hào nguyên thủy của quân Pháp như thế, thì trong trận đánh ĐBP binh sĩ Pháp phần lớn sẽ chỉ bắn lên trời.

Tôi nhảy xuống một chiến hào, ngồi hẳn xuống một bao cát đã được đổ một lớp nhựa đường chống mưa nắng. Mùi máu dường như vẫn còn luẩn quẩn đâu đây. Tôi tự đặt mình vào tâm trạng của người bộ đội xung phong chiếm mục tiêu, rồi lại tự đặt mình vào vị trí của một người lính Nhảy Dù, Lê Dương Pháp. Thần trí tôi như mơ hồ lùi lại nửa thế kỷ.

Chính nơi đoạn chiến hào tôi đang ngồi, nửa thế kỷ trước máu trộn lẫn với bùn ngập tới mắt cá chân. Chính chỗ tôi ngồi có thể đã có một người lính Pháp, một người bộ đội Việt Nam, nằm chết không nhắm mắt. Trong ánh sáng buổi chiều làm như tôi nhìn thấy những trái hỏa châu lung linh trong gió. Tôi như nghe được tiếng súng vang lên từ khắp nơi, tiếng đạn rít lên trong gió, rồi cảm phập vào cơ thể, tiếng máu phun ra khỏi thân mình. Có lúc tôi tưởng chừng nhìn thấy quân sĩ của đôi bên đánh cận chiến, những khẩu súng gắn lưới lê cảm phập vào lồng ngực, những khúc ruột lòi ra trắng phếu, những mảnh cơ thể nằm ngổn ngang khắp nơi.

Khi tôi leo lên khỏi chiến hào, nắng đã nhạt một màu ma quái. Những em học sinh lũ lượt tan trường. Trước tiên phải nói là 90% dân chúng trong thị xã là người Việt, từ miền xuôi lên sinh sống, chứ không phải là người thiểu số Thái, Mường là những người bản địa ở đây. Đối với dân chúng địa phương thì sau khi trận đánh kết thúc, vùng đất này như bị bỏ hoang trong mấy chục năm trời. Tất nhiên hàng năm đến ngày kỷ niệm chiến thắng, người ta tổ chức thật long trọng ở Hà Nội. Báo chí trong những ngày đó cũng ầm vang tiếng súng, cùng với những câu chuyện hoang đường thần thánh. Thế nhưng ở ngay Điện Biên Phủ thì mọi thứ đều trở nên hoang phế, như lời xác nhận của người hướng dẫn cho tôi.

Đối với toàn thể nước Việt thì hệ quả của trận đánh ĐBP có tầm ảnh hưởng cả thế kỷ. Trước tiên khi người Việt chiến đấu dưới là cờ Việt Minh, trong trận đánh ĐBP là vì lòng yêu nước không phải vì chủ nghĩa CS. Sau trận đánh này, chủ nghĩa CS thên thành đi vào nước Việt, và ông Hà Sĩ Phu đã có lý khi cho rằng chủ nghĩa CS đã len vào nước Việt qua ngã chống ngoại xâm, trong thời điểm mà giới trí thức Việt Nam không có đủ năng lực rà soát chủ nghĩa này. Để có thể rà soát lại tiền thân và hậu quả của chủ nghĩa CS tại nước Việt, không phải việc của một bài báo, của một người mà của nhiều người, với hàng trăm, hàng ngàn cuốn sách. Bài viết này vì vậy chỉ nhằm chú trọng tới những gì xảy ra tại ĐBP trước kia và bây giờ mà thôi.

Từ những chiến hào trên đồi A1, dưới chân đồi bên kia đường là nghĩa trang liệt sĩ ĐBP, thấp thoáng trong nắng chiều tôi nhìn thấy cả ngàn ngôi mộ, với một pho tượng đồng sáng chói cuối nghĩa trang. Có một pho tượng khác vĩ đại hơn, được đặt trong Đài Kỷ Niệm Chiến Thắng trên đỉnh một ngọn đồi, sát bên thành phố. Nghe đâu tượng đài và pho tượng này mới hoàn tất chưa đầy một năm, nhưng do xây cất cầu thả, thực hiện rút ruột nên có một số người đang chờ ra tòa.

Nghĩa trang có một cổng ra vào được xây như một cổng thành. Bên trong là những dãy phòng trống, với những tấm đá mài trên ghi tên họ những liệt sĩ đã tử trận trong trận đánh này. Nói một cách giản dị thì đây là những tấm bia đá, ghi tên các tử sĩ. Để giản dị cho người thăm viếng, các tấm bia tử sĩ này được thực hiện theo từng tỉnh. Chỉ nhìn qua tôi thấy các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thái Bình, Nam Định... là những tỉnh đã đóng nhiều xương máu nhất. Cũng trong danh sách này, tôi thấy quân đội Trung Hoa đã đóng góp xương máu ở đây với một nhân vật tên là Phùng Đại Bảo. Trung bình mỗi tấm bia đá ghi tên độ hai trăm người. Tôi sơ ý không đếm có bao nhiêu tấm bia đá trên tường, chỉ biết rằng từ cổng chính nghĩa trang, hai bên là những dãy phòng dài. Những tấm bia đá dài lê thê khiến cho người xem muốn ngộp thở.

Bước ra khỏi phòng trưng bày các tấm bia, tôi bước hẳn vào nghĩa trang. Hàng ngàn ngôi mộ ngay hàng thẳng lối như những đoàn quân chờ tập hợp điểm danh. Mỗi ngôi mộ có một tấm bia, nhưng không một tấm bia nào có ghi tên tuổi của người tử sĩ. Lý do chính để các ngôi mộ này không có tên, có thể vì thời đó quân đội Việt Minh không trang bị thẻ bài cho binh sĩ. Thêm vào đó nhiều chiến binh khi xung trận, ngoài vũ khí đạn dược không có một chút giấy tờ tùy thân ở trong người. Thêm vào đó thân thể con người không phải là mình đồng da sắt, không thể đỡ cùng bom đạn, nên có nhiều chiến binh chết tan xương, nát thịt và chỉ còn lại những mảnh cơ thể rời rạc. Lý do sau cùng: Người ta chỉ thu lượm được hài cốt khi chiến trận đã kết thúc, sau nhiều ngày giao tranh, nhiều xác thân đã trở thành bùn, không thể nhận dạng. Tất cả những lý do này cộng lại đã khiến cho nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên Phủ có hàng ngàn ngôi mộ của những người lính vô danh chết cho tổ quốc.

Tôi ngồi xuống chân một ngôi mộ, cố hình dung ra người nằm trong lòng đất, và tự hỏi khi xung phong vào chiến tuyến của quân Pháp, ông ta nghĩ gì. Nếu ông còn sống, ông đang nghĩ gì về sự đóng góp xương máu của ông cho tiền đồ tổ quốc, trước một đời sống như đời sống hiện nay đang phơi bày trên toàn thể đất nước. ■

LÊ VĂN TRUNG

KHÚC BI CA TÌNH YÊU TỰ DO

Anh mê hoặc đời anh
Bằng những ảo ảnh một tình yêu vĩnh cửu
Anh lừa mị đời anh
Bằng những nguy trang một niềm tin tuyệt đối

Các em đã ngang qua cánh đồng đời anh vô tận
Bằng những khát vọng cuồng điên những đam mê
cháy bỏng
Như nắng như mưa như bão giông bốn mùa biển động
Anh khao khát chiều xanh một phút tịnh lòng

Anh sợ một ngày ngọn lửa thanh xuân
Sớm tàn phai cuối trời ảo tưởng

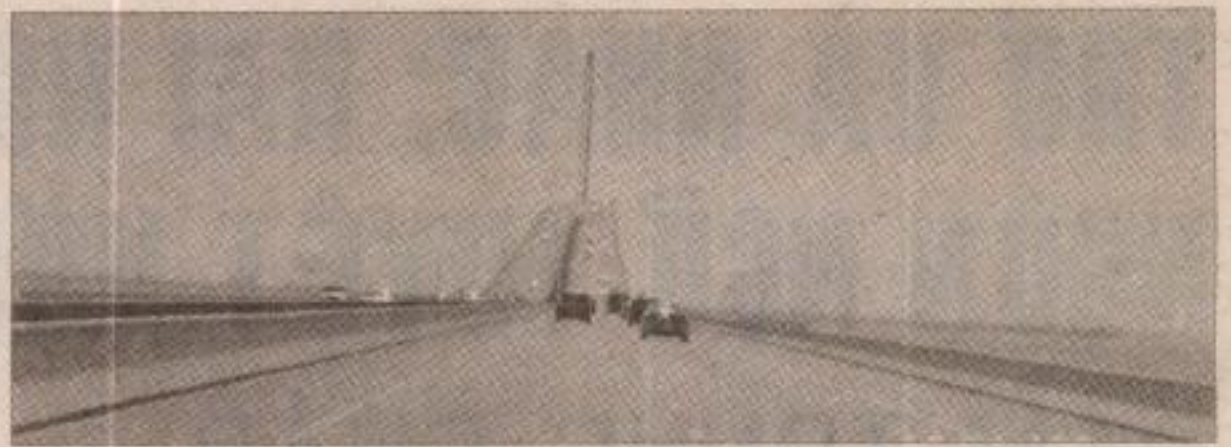
Anh buộc chặt đời anh
Những giấc mơ ngày mai không bao giờ tới
Anh vẫn hành hương theo lời réo gọi
Phía chân trời với với những hoàng hôn
Đóm lửa tình yêu như mẩu thiên thạch hàng triệu
năm
Vừa rơi vừa cháy rụi
Anh rơi theo chút bụi giữa vô cùng

Các em đã băng qua cánh đồng đời anh
Với tâm hồn những cô gái Digan thảo nguyên hoang
dã
Các em đã ngang qua không hề ngoái lại
Anh ngàn năm rêu phong ghenh đá
Nhìn mây bay cuối những phương mù

Anh đối tự do trong cũi ngục tù
Anh khát tình yêu giữa vùng hoang mạc

Ngày ta sinh ra Chúa đã đặt một bàn tay lên trán
Dấu ấn bí tích cứu rỗi
Một đời ta là chuỗi dài sám hối
Anh chạy miệt mài theo bóng thời gian
Cay đắng ngậm ngùi trăm cuộc chia tan
Vẫn nô lệ một tình yêu vĩnh cửu
Vẫn nô lệ một niềm tin tuyệt đối
Anh đuối sức chìm trong vùng biển tối
Vẫn nghe lời réo gọi cõi vô biên
Các em ngang qua cánh đồng đời những hoan lạc
những muộn phiền
Vẫn chưa một lần ngoái lại

Hỡi những bóng ma trần gian man dại
Lời gọi mời của tội lỗi bi thương
Là nỗi khổ đau ảo ảnh thiên đường
Là hạnh phúc đắm chìm trong hố thẳm
Anh lừa mị và mê hoặc đời mình
Để nuôi trồng khát vọng
Lời trăm năm kêu đòi sự sống
Rồi một chiều trên mặt đất tang thương
Cánh đồng đời anh nở chùm hoa dại
Đợi các em về
Dù đã vạn lần không hề ngoái lại
Những cô gái Digan tự do.
Việt Nam, Mùa Đông 2009



TRẦN VĂN NAM

TẠI CAPE CANAVERAL NGHỈ ĐẾN BỀ CAO VÀ CHIỀU XA

Không du lịch mà lần này đi nữa
Đại Tây Dương, tôi đến sát bên bờ
Mũi đất an ninh, bãi để hoang sơ
Chiều vàng, Canaveral hùng vĩ.

Trập trùng xa, những giàn phóng thế kỷ
Những Trung Ương Đài chinh phục chiều cao
Đến đây mà nghe sóng biển dạt dào
Biết nước đại dương hai vùng Trái Đất.

Cali thứ năm, bây giờ chủ nhật
Hơn hai ngàn dặm, tôi đã bay qua
Ngược về Cali, rồi đến quê nhà
Ta cần bay hơn mười ngàn dặm nữa.

Săn díp, tôi ghé Tampa một bữa
Lại bàng hoàng cầu Sunshine Skyway
Vịnh biển rộng, ngàn xe vượt đêm ngày
Lên cao dần, sáng ngời cầu giây cáp.

Đàn hải âu sao không tìm bãi đáp
Vì chúng sinh ra là để viễn du
Còn ta, chiều xa là chiều mịt mù
Cứ thấy mây, nghĩ mây về cố quốc.
Walnut, California, tháng 11.2009

ĐẶNG KIM CÔN

TẤT NIÊN

Khuya nay đốt pháo mừng năm mới
Là cũ ta thêm một tuổi đời
Chùm mai mới nụ chiều đông trước
Sẽ vội xuân và sẽ vội rơi.

NÂNG CHÉN MUÔN TRÙNG

Thay rượu đầu năm, một chén trà
Mừng trời đất mới rộn ràng hoa
Tuế nguyệt trên đầu thêm tuyết điểm
Nâng chén muôn trùng ta chúc ta.

VÔ ÂM

Cung Sơn hay đã cùng sơn
Nắng hồng sao vội bỏ Hòn Ngang xưa
Chung nào tiền, cốc nào đưa
Cho ta cạn nốt nửa mùa xuân xa
Rất trong cũng đã phong ba
Rất ngoan cũng nguội tách trà trăm năm
Núi rừng đầu thuở tình thâm
Sao trong sông suối vô âm có mình.
(Xuân, quê nhà)

THƠ VÀ NHẠC: HAI NGUỒN HỌC LIỆU NGÔN NGỮ TUYỆT VỜI ĐÀM TRUNG PHÁP

Hồi còn là sinh viên ban cử nhân chuyên về Anh ngữ tại Miami University thuộc tiểu bang Ohio trong đầu thập niên 1960, tôi có cơ hội học thêm một số ngoại ngữ trong phần học trình nhiệm ý. Tiến sĩ Glen Barr là vị giáo sư tiếng Tây ban nha tôi ngưỡng mộ nhất. Ông uyên bác, hiền lành, tận tụy, và rất quý mến học trò. Sau một thời gian học với ông, tôi được ông mượn làm người chấm (grader) bài tập của sinh viên theo học các lớp Tây ban nha ngữ nhập môn của ông. Mỗi cuối tuần, với nụ cười hiền hậu, ông trao tôi một món tiền căn cứ vào số bài tôi đã chấm dùm ông. Món tiền thường chỉ đủ để đưa cô bạn gái người Mỹ đi xi-nê một hai châu là cạn, nhưng tôi rất cảm động và hãnh diện được ông thầy học tin cậy khả năng.

Một hôm tôi hỏi ông: "Thầy ơi, có cách nào hấp dẫn hơn để trau dồi tiếng Tây ban nha, ngoài việc học thuộc lòng các quy luật văn phạm và từ vựng buồn tẻ không?" Ông gật gù, có vẻ thích thú câu hỏi của tôi, rồi ông hỏi lại tôi: "Anh có thích thơ và nhạc không?" Thấy tôi gật đầu lia lịa, ông nói tiếp: "Vậy thì hãy thử tìm đọc thơ của Gustavo Adolfo Bécquer, và nghe những bài hát do Trio los Panchos trình diễn đi!"

Ông thầy chí tình của tôi còn quả quyết là qua thơ và nhạc, tôi sẽ thích tiếng Tây ban nha hơn, biết thêm từ vựng văn học, hiểu thêm nếp sống tình cảm của người dân Tây ban nha và Mỹ châu la-tinh, và nhất là sẽ thăng hoa khả năng phát âm và khả năng nghe hiểu (listening comprehension) thứ tiếng này. Ông vỗ vai tôi, nói tiếp trước khi tôi rời văn phòng ông: "Tin tôi đi, vì đó là kinh nghiệm bản thân của tôi mà!"

Tôi không thể ngờ là giáo sư Barr đã

cho tôi một lời khuyên vô giá. Ông quả là một nhà giáo ngoại ngữ tinh đời mà tôi có diễm phúc được làm học trò.

Rời văn phòng ông, tôi vội ghé thư viện của trường để mượn một cuốn hợp tuyển đầy cộm về văn học Tây ban nha trong đó có thơ của đại danh Gustavo Adolfo Bécquer và các thi nhân



lấy lòng khác. Tôi cũng vào một tiệm âm nhạc ở ngoài phố để mua một đĩa hát của ban tam ca Trio los Panchos rất được ưa chuộng thời ấy, bìa in hình ba chàng ca sĩ để râu mép như Clark Gable, đội mũ rộng vành, tay ôm đàn điệu nghệ. Chỉ tiếc là cái album đĩa hát thuộc loại "long-playing" ấy của nhà sản xuất Columbia không có đĩa kèm bản văn (lyrics) của các bài hát, nhưng đây lại là một điều tốt cho tôi, như sẽ giải thích dưới đây.

GUSTAVO ADOLFO BÉCKER (1836-1870), một nhà thơ tài hoa nhưng mệnh yếu thuộc trào lưu hậu lãng

mạn, đã chinh phục ngay được lòng mến mộ của tôi qua một số bài thơ trữ tình trong tuyển tập RIMAS của ông. Thi tuyển này gồm 98 bài --có bài rất ngắn nhưng cũng có bài khá dài, tổng cộng thành vài ngàn câu thơ trắc tuyệt-- đóng vai trò quan trọng trong văn học Tây ban nha và nằm trong học trình trung học của các quốc gia nói thứ tiếng này. Sau tuyệt tác này, Bécquer được coi như người đã sáng lập ra trường phái "trữ tình mới" của văn học Tây ban nha, ảnh hưởng trực tiếp đến các đại danh thi ca như Octavio Paz và Rubén Darío. Nét trữ tình ngọt ngào và chân thành của nhà thơ nổi bật trước sự bộc phát của tình yêu và nổi cô quạnh của thiên nhiên, khiến người đọc mê lòng và thấm thía đến nỗi phải đọc đi đọc lại đoạn thơ hay cả bài thơ liên hệ ấy cho đến khi nhập tâm mới thôi.

Nhưng Nàng Thơ của thi tập RIMAS là ai? Thưa, đó là nàng Elisa Guillén, một kiểu nữ mà nhà thơ mê say nhưng duyên không thành, trước khi ông đành kết hôn với cô Casta Esteban Navarro trong một cuộc tình duyên thiếu hạnh phúc.

Trau dồi tiếng Tây ban nha qua thi tập RIMAS trữ tình của Bécquer và qua những bài hát mùi mẫn của ban tam ca Trio los Panchos bỗng chốc trở thành niềm đam mê mới của tôi!

Xin nói về thơ trước. Mỗi chiều sau khi xong bài vở các môn học khác, tôi ngồi hàng giờ để đọc và... học thuộc lòng thơ Bécquer! Ngay bữa đầu tôi đã bị quyến rũ bởi RIMA XXI, RIMA XXII, và RIMA XXIII là ba bài thơ tình rực rỡ mà ý nghĩa đã khiến tôi ngồi mơ mộng, ước chi mình là người thi sĩ diễm phúc ấy! Này nhé, chàng có một cô bạn gái sắc nước hương trời đang mê chàng như điên đảo. Một hôm



CONSUELO VELASQUEZ (1916-1.22.05) nữ nhạc sĩ dương cầm người Mexico, sáng tác bài ca bất hủ thế giới, *Besamé Mucho* (*Hôn em nữa đi*) vào năm 1940. Ảnh trên lấy từ phim video đen trắng cảnh nàng đang trình diễn bài ca của mình. Hình và chú thích của An Tiêm.

nàng âu yếm nhìn chàng thật lâu rồi không nhẽo hỏi: "Thơ là cái chi mà anh mê nó thế hả anh?" Sự bộc phát của tình yêu đã khiến nhà thơ thốt ra câu trả lời nổi tiếng nhất trong thi ca trữ tình thế giới: "Thơ ... là em đấy!" Thi nhân cũng chẳng để lỡ cơ hội cho tiếng lòng đang thổn thức rót thêm những lời đường mật vào tai cô bạn gái mà chàng vừa tấn phong làm Nàng Thơ. Xin mời quý bạn đọc thưởng lãm tiếng thơ nguyên tác của Becker trong ba bài vừa kể và miễn chấp phần vụng về cố gắng dịch sát ý nghĩa sang tiếng Việt của tôi theo sau:

¿QUÉ ES POESÍA? DICES, MIEN-
TRAS CLAVAS
EN MI PUPILA AZUL.
¿QUÉ ES POESÍA? Y TÚ ME LO
PREGUNTAS?
POESÍA... ERES TÚ.

*Thơ là cái chi? Em hỏi, lúc
mắt em soi thăm mắt xanh anh.
Thơ là cái chi? Em hỏi anh như vậy?
Thơ ... là em đấy.*

¿CÓMO VIVE ESA ROSA QUE HAS
PRENDIDO
JUNTO A TU CORAZÓN ?
NUNCA HASTA AHORA CONTEM-
PLE EN
LA TIERRA SOBRE EL VOLCÁN LA
FLOR.



*Bông hồng cài sát
bên tim em sao sống nổi?
Xưa nay trên đời chưa ai thấy
bông hoa nào trên hỏa diệm sơn.*

POR UNA MIRADA, UN MUNDO,
POR UNA SONRISA, UN CIELO,
POR UN BESO...; YO NO SÉ
QUE TE DIERA POR UN BESO!

*Một thế giới cho từng ánh mắt,
Một bầu trời cho mỗi mỉm cười,
Riêng mỗi nụ hôn... anh chẳng biết
Tặng em gì cho mỗi nụ hôn!*

Ý tứ rất rào dam mê, ngôn ngữ bình dị như lời nói chuyện, cú pháp đơn sơ ở mức tối đa trong những câu thơ trên khiến chúng trở nên vô cùng hấp dẫn và dễ thuộc lòng. Và thuộc lòng những câu thơ mà mình thống khoái có nhiều lợi điểm lắm. Nào là từ vựng, nào là cách chấm câu, nào là các mẫu cú pháp, tất cả đã được ghi nhớ vào trí óc để sẵn sàng mang ra sử dụng khi cần thiết. Tôi mê các câu POESÍA... ERES TÚ / POR UNA MIRADA, UN MUNDO/ POR UNA SONRISA, UN CIELO cho nên đã dùng chúng làm các câu mẫu để viết ra các câu tương tự như MI MUSA ... ERES TÚ (Nàng Thơ của anh ... là em đấy), POR UNA CARICIA, UN YATE (Một du thuyền cho mỗi vuốt ve), và POR UN ABRA-

ZO, UN CASTILLO (Một lâu đài cho từng ôm ấp). Thú thực, lúc đó đam mê tình ái của nhà thơ đã lây sang tôi, và tôi thấy thi ngữ của Becker ngon như những viên kẹo dragées!

Nhưng không phải bài thơ nào của Becker cũng hạnh phúc đâu. Khi đọc xong RIMA LIII lòng tôi chùng xuống như thể bị thất tình, vì hành vi những con chim én trong bài thơ nào nùng ấy được dùng làm biểu tượng cho lòng sầu muộn và nỗi lo âu của một cuộc tình vừa tan vỡ:

VOLVERÁN LAS OSCURAS GOLON-
DRINAS
EN TU BALCÓN SUS NIDOS A COL-
GAR.
Y OTRA VEZ CON EL ALA A SUS
CRISTALES,
JUGANDO LLAMARÁN.

*Những con én đen dúa sẽ trở lại
xây tổ trên mái hiên nhà em.
Và lần nữa, vỗ cánh trên cửa sổ
chúng vui chơi và sẽ gọi tên.*

PERO AQUELLAS QUE EL VUELO
REFRENABÁN
TU HERMOSURA Y MI DICHA A
CONTEMPLAR,
AQUELLAS QUE APRENDIERON
NUESTROS NOMBRES,
¡ESAS ... NO VOLVERÁN!

*Nhưng những con từng bay chậm lại
để ngắm nhìn nhan sắc em và hạnh
phúc anh,
Nhưng con đã biết gọi tên chúng
mình,
Nhưng con ấy ... sẽ không trở lại!*

RIMA LIII chứa đựng nhiều từ vựng quan trọng trong thi ngữ Tây ban nha, nhưng đáng kể hơn nữa là những câu thơ trác tuyệt trong bài là điều nhắc nhở người đang học rằng thứ tự các từ ngữ (word order) trong cú pháp Tây ban nha rất linh động, chẳng hạn ngay trong câu đầu tiên, động từ VOLVERÁN được đặt trước chủ từ LAS OSCURAS GOLONDRINAS, và trong câu thứ năm túc từ trực tiếp EL VUELO được đặt trước động từ REFRENABAN.

* Nếu so với thơ về mức hấp dẫn để thăng tiến khả năng ngoại ngữ thì nhạc "ăn đứt" thơ vì nhạc có thêm chiều (dimension) âm thanh. Mỗi bài hát, ngoài từ vựng và cú pháp gửi gắm trong những lời ca, còn là một mẫu mực cho phát âm (pronunciation) và các mô hình ngữ điệu (intonation patterns), cũng như một thực tập để nghe hiểu (listening comprehension). Ba bài

hát SOLAMENTE UNA VEZ, PERFIDIA, và BÉSAME MUCHO do Trio los Panchos trình diễn mùi mẫn trong điệu bolero chậm chậm đã làm tôi mê ngay lúc nghe lần đầu, mặc dù chưa hiểu trọn vẹn ý nghĩa những câu hát vì tôi không có văn bản (lyrics) trước mắt. Tôi quyết định phải nghe đi nghe lại ba bài hát ấy cho đến khi thuộc lòng, rồi ngồi xuống, với cuốn tự điển Tây ban nha nhỏ nhỏ trong tay để giúp phần tra cứu chính tả (spelling), viết ra giấy những gì tôi đã ghi trong trí nhớ. Nỗ lực ấy là một lỗi thực tập tự viết chính tả thú vị, và sau một hai tiếng đồng hồ, tôi đã có văn bản của ba bài ca bất hủ! Khả năng nghe hiểu (listening comprehension) cũng rõ rệt được thăng hoa khi tôi chăm chú mê say nghe những lời ca của Trio los Panchos. Âm điệu (melody) ngọt ngào êm tai hòa với nhịp điệu (rhythm) lên xuống rộn ràng của các bài hát như có ma lực giúp tôi mau chóng thuộc lòng những lời ca chứa chan cảm xúc mạnh của chúng.

Nói về cảm xúc mạnh thì ba bài hát nêu trên thuộc loại thượng thừa! Nghe xong bài SOLAMENTE UNA VEZ tôi thắc mắc hoài về người trong cuộc. Tại sao chỉ một lần yêu thôi? Lý do nào tan vỡ? Ly dị, chết chóc, hay chỉ vì người ta thay lòng đổi dạ? Mời quý bạn đọc nghe niềm tiếc nuối ngút ngàn của tác giả bài ca này:

SOLAMENTE UNA VEZ
AMÉ EN LA VIDA;
SOLAMENTE UNA VEZ,
Y NADA MÁS.

*Chỉ một lần thôi
tôi đã yêu trong đời;
chỉ một lần thôi,
rồi không còn chi nữa.*

UNA VEZ NADA MÁS EN MI HUERTO
BRILLÓ LA ESPERANZA,
LA ESPERANZA QUE ALUMBRA EL CAMINO
DE MI SOLEDAD.

*Chỉ một lần thôi tia hy vọng
rực sáng trong mảnh vườn tôi,
tia hy vọng soi con đường
cô quạnh cuộc đời tôi.*

UNA VEZ NADA MÁS
SE ENTREGA EL ALMA
CON LA DULCE Y TOTAL
RENUNCIACIÓN.

*Chỉ một lần thôi
tâm hồn tôi hàng phục
sự buông lơi trọn vẹn
ngọt ngào.*

Y CUANDO ESE MILAGRO REALIZA
EL PRODIGIO DE AMARSE,
HAY CAMPANAS DE FIESTA QUE
CANTAN
EN EL CORAZÓN.

*Và khi phép lạ ấy
mang lại ái ân kỳ diệu,
bao tiếng chuông đình đám rộn ràng
cùng ca hát trong tim.*

Tôi thấy tội nghiệp vô cùng cho tác giả bài hát PERFIDIA. Đau sót biết mấy khi có người yêu điên đảo! Nhạc sĩ thất tình với trái tim rớm máu này thở than về một phụ nữ đã làm cho đời ông tan nát. Ông mang cả Thượng Đế, cả biển sâu ra làm nhân chứng cho mối tình thành khẩn, cho những lần than khóc, cho những chuyến đi tìm kiếm vô vọng của ông - tất cả chỉ vì sự điên điên, đi hoang của nàng thôi:



PABLO NERUDA (1904-1973), nhà thơ, giải Nobel Văn chương 1971.

MUJER, SI PUEDES CON DIOS
HABLAR,
PREGÚNTALE SI YO ALGUNA VEZ
TE HE DEJADO DE ADORAR.
Y AL MAR, ESPEJO DE MI
CORAZÓN,
LAS VECES QUE ME HA VISTO
LLORAR
LA PERFIDIA DE TU AMOR.

*Em, nếu có thể thưa chuyện cùng
Thượng Đế,
hãy hỏi Ngài xem anh đã dẫm lên nào
chênh mảng tôn thờ em.
Và hỏi biển, gương soi trái tim anh,
những lần biển đã thấy anh nhòa lệ
khóc cho đảo điên tình ái của em.*

TE HE BUSCADO DONDEQUIERA,
YO NO TE PUEDO HALLAR.

Y TÚ, QUIÉN SABE POR DÓNDE
ANDARÁS,
QUIÉN SABE QUÉ AVENTURAS
TENDRÁS,
QUÉ LEJOS ESTÁS DE MÍ.

*Anh đã đi tìm em khắp chốn,
mà nào thấy bóng dáng em đâu.
Còn em, ai biết em đi phương nào,
ai biết em mạo hiểm tình ái ra sao,
khi em xa cách anh biết mấy.*

May thay, những nỗi tiếc trong bài SOLAMENTE UNA VEZ và những nát lòng trong bài PERFIDIA được đền bù rộng rãi bằng những đam mê trong bài BÉSAME MUCHO do nữ nhạc sĩ Mễ tây cơ Consuelo Velázquez sáng tác năm 1940. Điều đáng ngạc nhiên về tác giả bài hát thúc dục hôn nhau thắm thiết nổi tiếng thế giới này là sự kiện cô ta, cho tới lúc ấy, chưa bao giờ được ai hôn cả. Cô phải bạo gan lắm, vì ở thời điểm đó bên Mễ tây cơ, hôn nhau say đắm theo kiểu cô ta đề nghị thì chắc chắn bị coi như ... tội lỗi rồi! Cả thế giới biết đến bài hát này mà dưới đây là hai đoạn chính của nội dung nguyên tác; đoạn thứ nhất được nhắc lại ở cuối bài hát như một điệp khúc khi trình diễn. Vì tác giả thuộc phái đẹp, trong phần chuyển ngữ tôi để nàng làm người thúc dục động tác hôn nhau:

BÉSAME, BÉSAME MUCHO,
COMO SI FUERA ESTA NOCHE LA
ÚLTIMA VEZ.
BÉSAME, BÉSAME MUCHO.
QUE TENGO MIEDO PERDERTE,
PERDERTE DESPUÉS.

*Hôn em đi, hôn em đi thật say đắm,
như thể là lần chót trong đêm nay.
Hôn em đi, hôn em đi thật say đắm.
Em sợ biết bao sẽ mất anh, mất anh
sau này.*

QUIERO TENERTE MUY CERCA,
MIRARME EN TUS OJOS, VERTE
JUNTO A MÍ.
PIENSA QUE TAL VEZ MAÑANA
YO YA ESTARÉ LEJOS, MUY LEJOS
DE TÍ.

*Em muốn có anh thật gần,
soi bóng em trong mắt anh, thấy anh
sát bên em.
Anh hãy nghĩ mai đây có thể
Em sẽ đi xa, hàng vạn dặm xa anh.*

Mấy chục năm đã qua đi, nhưng kỷ điệu thay những bài thơ tình trình nguyên của Becker, những bài hát do Trio los Panchos trình bày mùi mẫn mà tôi học thuộc lòng trong tuổi thanh xuân, ngày nay tôi vẫn chưa quên! Tôi

vẫn còn giữ thói quen đọc thơ và nghe nhạc Tây ban nha trong lúc nhàn rỗi để thăng hoa khả năng thứ tiếng ấy. Mới đây thôi, tôi đọc một bài thơ tuyệt đẹp của Pablo Neruda (1904-1973) từng đoạt giải Nobel văn chương. Đó là bài LA REINA (Nữ Hoàng) mà thi bá gốc người xứ Chí Lợi viết để tặng Nàng Thơ bằng da bằng thịt của mình mang tên Matilde Urrutia. Nàng thua ông tám tuổi, yêu kiều, tràn đầy nhựa sống, tính tình nồng ấm, hát như chim sơn ca, và chơi dương cầm điệu nghệ. Hai đoạn thơ long trời lở đất trong bài LA REINA sau đây cho người đọc biết tại sao nàng được ông tôn là Nữ Hoàng:

Y CUANDO ASOMAS
SUNAN TODOS LOS RÍOS
EN MI CUERPO, SACUDEN
EL CIELO LAS CAMPANAS,
Y UN HIMNO LLENA EL MUNDO.

*Mỗi khi em xuất hiện
tất cả những dòng sông nào động
trong thân anh, những hồi chuông
rung chuyển cả bầu trời,
và một bài thánh ca ngập tràn thế giới.*

SÓLO TÚ Y YO,
SÓLO TÚ Y YO, AMOR MÍO,
LO ESCUCHAMOS.

*Chỉ có em và anh,
em yêu ơi, chỉ có em và anh
lắng nghe bài thánh ca ấy.*

Và trong dịp nghỉ lễ Giáng sinh vừa qua, tôi lên Internet tìm lại được bài SOLAMENTE UNA VEZ là bài hát tôi yêu mến nhất! Kỹ thuật ngày nay cho âm nhạc thêm một chiều (dimension) nữa, đó là hình ảnh sống động đi kèm. Tôi nghe và xem hình hai giọng ca vàng Julio Iglesias gốc Tây ban nha và cô Thalía sắc nước hương trời, đệ nhất đào thương telenovela xứ Mễ tây cơ, song ca trong một you tube. Trông đời tôi chưa thấy ai hát SOLAMENTE UNA VEZ ngọt ngào đến mê hồn như họ! Bao kỷ niệm thời thanh xuân vụt trở lại, và tôi, nước mắt tiếc nuối lưng tròng, thắm đọc mấy câu thắm thía của Rubén Darío (1867-1916):

JUVENTUD, DIVINO TESORO,
YA TE VAS PARA NO VOLVER!
CUANDO QUIERO LLORAR, NO
LLORO ...
Y A VECES LLORO SIN QUERER ...

*Tuổi thanh xuân, kho tàng thần thánh,
đã ra đi để chẳng trở về!
Lúc muốn khóc nào đâu khóc nổi ...
nhưng nhiều khi bất chợt lệ rơi ...■
Texas, 2010.*



ĐỘC HÀNH CHO TÔI HỎI

Xuân đến nữa dù ta không mong đợi
-“Hãy tàn đi đừng thấy bất chơi vơi.”
Xác pháo hồng lả tả đó đây rơi
Mai tắm nắng đón chào chỉ năm mới..

Lữ khách ơi dừng chân cho ta hỏi:
-“Đến bao giờ đò cập bến sông xưa?
Để nghe hồn chiu nặng
những chiều mưa
Kiếp phiêu bạt cố hương còn nhớ
mãi?”

Này em nhỏ chạy đâu, cho ta hỏi:
-“Tuổi hoa niên em có biết bán khoán
Biết nghĩ gì mà cho đời chất đắng
Bao năm rồi cha mẹ vẫn gian nan?”

Dậy đi chú bé mù, nghe ta hỏi:
-“Thấy gì khi xuân đến thật rộn ràng
Hay chỉ nghe tiếng pháo nổ bùng
đoàng
Và ngửi được chút hương mai gió
thoảng?”

Hỡi những kẻ không nhà cho ta hỏi:
-“Có ấm lòng khi xuân đến hay không
Chút cơm thừa canh cặn có còn trong
Hay luôn thấy cảnh giàu sang trong
mộng?”

Hãy khoan vội người yêu ơi ta hỏi:
-“Buổi chiều nào hong tóc đứng bên
hiên
Ta bắt gặp nhoe nụ cười trên miệng
Cho đem về ta thức trắng triền
miên?”

Ta muốn hỏi cả loài người đang sống
-“Có cách gì làm Xuân diệt đi không?
Bởi lòng ta tro troi một mùa đông
Đừng đến nữa mùa xuân, ta chẳng
đợi.

Eden, Virginia 2010

CHU NGUYỄN THẢO KHÚC TÂN XUÂN

1. Mùa xuân về
Thấp nển lên nắng mới
Mưa giăng tơ
Gió nhẹ
Vạt sương rơi

Mặc thế sự thăng trầm
Xuân vẫn tới
Tôi đang yêu
Em cũng tuyệt vời

2. Mùa se hót tiếng oanh thơm lá nõn
Rừng cao nguyên cây cỏ bước vô hồn
Đời úp mặt hoang mang lên nguồn
ngọn
Giọt xuân tình ứa nhựa
Khóc trên non

3. Đừng mang theo sóng
Mùa đông gió bão hơi nhiều
Rời biển
Khi mùa xuân tới
Hay là
Sóng cũng biết yêu

4. Quê nhà mấy bận tri âm
Mấy phen tri kỷ mấy lần ly bởi
Quê nhà không nhớ thì thôi
Nhớ là đứt ruột máu sôi lên liền.
Việt Nam 12.2009

TRẦN THẾ PHONG ĐỂ NHỚ KHI XA NHAU

Sáng thức dậy nghe gió mùa chạm
cửa
Có xuân hồng đi lạc xuống vai em
Bàn tay khẽ lùa mây vào mái tóc
Nắng như tơ vàng rụng xuống bên
thềm

Anh gởi lại ngoài hiên nhà nỗi nhớ
Mảng sương chiều lã lã đang dưới
hàng cây
Gởi lại em tiếng chim kêu đầu ngõ
Cụm mai vàng khép nép dưới mưa
bay

Anh gởi lại con đường đầy hoa lá
Hương ngọc lan thoang thoảng ở sau
hè
Em có nhặt ép vào trong mái tóc
Để ngượng ngừng e ấp ngón tay che

Mai xa em lòng buồn như sương khói
Gió đẩy thuyền cỏ úa giạt ven sông
Xin gởi lại buồn anh bên lá cỏ
Có bao giờ em nhặt được hay không?
Seattle, WA

NGHĨ VỀ CÁI MỜ NHẠT, MÔNG LUNG

TRẦN UYÊN THI

乾坤今古無窮意
卻在滄浪遠樹煙

Cần khôn kim cổ vô cùng ý,
Khước tại Thương Lang viễn thụ yên.

Cái ý nghĩa vô cùng trong trời đất từ
xưa đến nay,
Lại ở nơi đám khói trên ngọn cây lơ
mờ nẻo xa...

NGUYỄN TRÃI (1380-1442)

1. Tôi vẫn thích những bức tranh có mây chiều lãng đãng vắt ngang đầu những ngọn núi thấp thoáng xa xa, lúc ẩn lúc hiện; hay những tia nắng sớm len vào những tán lá thông xuyên qua làn sương mù làm rực lên một dải nắng vàng óng ả, sáng lấp lánh; hay một đám khói mù khơi trên mặt hồ lúc bình minh, khi đất trời dần dần chuyển từ mờ sang tỏ. Có thể, tôi sẽ thốt lên một tiếng "wow" thán phục, khi đứng trước một bức tranh có cảnh núi non dưới một bầu trời xanh như ngọc, không gợn mây, nếu như người họa sĩ đã sử dụng màu sắc một cách tài tình, và vẽ núi vẽ non với những đường nét tiêu biểu, có góc cạnh, với kỹ thuật điều luyện. Song, những bức tranh có tính ước lệ và bất động như thế khiến người xem nhìn vào đó chỉ thấy núi, bầu trời, và nắng, mà không thấy được cái hồn của cảnh vật. Trong khi đó, những bức họa mà trong đó cảnh vật bị một đám sương mù, một dải mây, hay vài giọt sương mai - chẳng hạn - làm cho mờ nhạt đi, khiến cho thực tại rơi vào cõi mơ hồ, giữa hư và thực, giữa cái dường-như-có, dường-như-không, mới đích thực là những tác phẩm có sức lôi cuốn và quyến rũ đối với tôi. Này nhé,

phía sau những đám mây mù kia, ta tưởng như có gì xao động - liên tục, không ngừng - cái này hoà tan vào cái kia, khiến cho bức họa mang hơi thở vào ra của sự sống. Chính những chỗ bị che lấp bởi mây mù cho phép trí tưởng tượng của người thưởng ngoạn mặc sức bay bổng, tùy theo kinh nghiệm sống và ý thích riêng của bản thân: từ trên đỉnh núi cao tuyết mù, nghe như có một ngọn thác trắng xoá đang âm ầm đổ xuống... cá lội tung tăng... những hang động bí ẩn... những bông hoa rừng hoang dại... những rừng thông rì rào... những thảm lá thông êm ái... mùi nhựa thông hăng hắc mà ngọt ngào quyện trong không gian... Đó là những thứ mà họa sĩ không cần phải ham hố và nhọc công vẽ vào trong tranh. Bằng cách làm cho cảnh vật lơ mờ ở phía xa xa, bằng vài nét phác thảo có tính cách tượng trưng, họa sĩ tạo cho bức tranh một cấu trúc mờ, từ đó phơi bày tự tánh của sự vật và vẻ đẹp nguyên sơ của nó.

Đối với thơ, tôi cũng có cùng một lối thưởng ngoạn như thế.

Đà Lạt, thành phố sương mù mộng mơ, nguồn thi hứng của bao đời... Làm

sao vẽ lại Đà Lạt, với tất cả các đường nét của nó: mây trắng giăng giăng đầu núi, muôn ngàn thung lũng xanh non, những con suối ngoằn ngoèo, những rừng thông vi vu, những căn nhà xinh xinh nằm rải rác trên sườn đồi, những vườn rau xanh mơn mớn, những cuộc tình thơ mộng, những bước chân chia ly... Đà Lạt, với những con dốc thoải, cái này chồng lên cái kia, buổi chiều mặt trời đỏ ối phía sau dốc, người đi lên dốc tưởng như từng bước chân đưa mình gần hơn đến thượng giới. Đà Lạt, với những con thác sủi bọt trắng xoá, với chiếc cầu bắc ngang làm bằng thân của một cây thông già để nguyên vỏ, nước liếm vào thân cây phủ đầy rêu xanh, bước lên không khéo trượt chân, thấy mình chơi vơi giữa bờ sinh-tử: nhìn về phía đầu ghềnh, dòng nước chảy xiết dữ dội đập vào những tảng đá bạc đầu, nhìn về phía cuối ghềnh, nước êm ả nhẹ nhẹ trôi, những thân củi mục từ thượng nguồn xa xôi trôi về, lênh đênh như thân phận con người. Làm sao có thể mang tất cả những thứ đó vào trong một bức tranh, hay một bài thơ?

2. Năm 1933, thi sĩ Hàn Mặc Tử đến Đà Lạt và đã cùng với người bạn tri kỷ của mình là nhà thơ Quách Tấn tham quan khắp các thắng cảnh, từ thác Cam Ly đến rừng Ái An, đến hồ Than Thở... Một đêm sáng trăng, đôi bạn thơ nắm tay nhau, thong thả dạo chơi, vừa đi vừa nói chuyện thơ chuyện thần, thì đột nhiên được "chú mục" một cảnh tượng rất ư huyền ảo. Nhà thơ Quách Tấn kể lại trong quyển *Đôi Nét Về Hàn Mặc Tử* như sau:

"[...] Chúng tôi đang nói chuyện thì dường như có một luồng ánh sáng từ



Trần Uyên Thi là đồng tác giả bộ *Tự Điển Chữ Nôm Trích Dẫn* do Viện Việt Học xuất bản năm 2009, bộ sách 1680 trang khổ giấy viết thư, vừa xuất hiện đã được học giới trong và nhất là ngoài nước, ca ngợi như tác phẩm giá trị trong loại. Cô cũng là dịch giả bản dịch Việt ngữ xuất sắc *Vũ Trụ Trong Một Nguyên Tử* của Đạt Lai Lạt Ma XIV, mà bài tựa của học giả Trần Ngọc Ninh đã trước hết đăng trên *Khởi Hành* số 154, 8.09. Đang làm việc trong một Viện Nghiên Cứu ở Virginia, viết bài tùy bút văn học này, "Nghĩ về cái mờ nhạt, mông lung," Trần Uyên Thi cho thấy cô còn là một cây bút có bản sắc, đã thể hiện qua bản văn dù rất ngắn một ý thức văn chương trong sáng và súc tích, hai điều hiếm thấy trong giới cầm bút xuất hiện ở Hải ngoại. ■ Viên Linh.



Phóng lại một tấm tranh cổ trường phái Ma và Hsia thế kỷ XII. An Tiêm minh họa.

trong hồ bay ra và thoáng nhẹ ở trước mắt. Chúng tôi chú mục: Một đám sương lớn bằng một chiếc chiếu chõng nổi lênh bênh trên mặt hồ. Sương mỗi lúc mỗi vun cao và lan rộng, phản chiếu ánh trăng sáng hực cả bốn bên. Trong phút chốc mặt hồ bị khuất hẳn và trước mặt chúng tôi nổi lên một ngọn "núi bông gòn" trắng phau và sáng ánh. Rồi một ngọn gió thổi nhẹ, sương ùn ùn toả ra khắp nơi và cuốn cả trời đất muôn vật. Chúng tôi không còn thấy gì ngoài ánh trăng. Đến nỗi chúng tôi đứng sát bên nhau mà chúng tôi nhìn cũng không thấy rõ được nhau!

Chúng tôi có cảm giác là trời đất đã tan ra thành thủy tinh và chúng tôi đương đứng lơ lửng giữa hư vô... Sương bay thấm má và một luồng hơi mát chạy khắp châu thân, gây một cảm khoái dịu dịu...

Tôi nói khẽ cùng Tử:

"Mình đương chìm vào mộng hay mộng đương lắng vào mình?"

[Tử nói]:

"Hư thực phân biệt làm sao được! Nhưng chớ nói nhiều... Hãy lắng

nghe... Dường như có tiếng thì thầm từ đáy hồ vọng đến. Tôi không mơ đâu nhé! Hãy lắng nghe..."

Nhờ kinh nghiệm hiếm hoi đó, sau này hai thi sĩ đã để lại hai bài thơ có thể nói là hay nhất về Đà Lạt:

ĐÀ LẠT ĐÊM SƯƠNG QUÁCH TẤN

Bóng trăng lóng lánh mặt hồ im,
Thời khắc theo nhau lái rải chìm.
Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,
Hồn say dịu dịu, mộng êm êm.

Một luồng sương bạc bỗng từ mô,
Lên cuốn vầng trăng cuốn mặt hồ,
Cuốn cả non sao bờ suối ngọc:
Người lơ lửng đứng giữa hư vô.

Trời đất tan ra thành thủy tinh,
Một bàn tay ngọc dầm hương trinh,
Âm thầm mơn trớn bên đôi má,
Hơi mát dề mê chạy khắp mình.

Bốn câu đầu đã có thể sánh vai với một bài Đường thi, có phần tân kỳ. Hay nhất là câu "Thời khắc theo nhau lái rải chìm." Ta đã từng nghe âm

thanh rơi: "Tiếng vàng rơi xuống giếng / Trăng vàng rơi bờ ao" (Hàn Mặc Tử), nhưng thời gian - một cái phi hình thể - cũng theo bóng trăng rơi chậm chậm xuống mặt hồ, thì thực là độc đáo. Trong giây phút ấy chứa đựng cái thiên thu.

Nhưng bài thơ sẽ không có gì đặc biệt hơn nữa, nếu không có sương mù. Khi luồng sương bạc xuất hiện, ở đoạn thứ hai, như cánh tay áo của một tiên nga, cuốn cả vầng trăng, mặt hồ, non sao, bờ suối ngọc, và cả thi nhân, cuốn lên giữa hư không, thì đó cũng là lúc bài thơ chấp cánh bay cao, là lúc cảnh vật và con người hoà thành một, là lúc trời và đất hoà vào nhau và tan ra thành thủy tinh. Hiện hữu hay là không hiện hữu? Thực hay là mộng? Nếu nói là thực, thì sao không thấy tầm dạng đâu? Còn nếu nói là mộng, thì sao có bàn tay của tiên nga mơn trớn lên má, khiến cho khắp mình một nổi dề mê chạy rần rật?

Còn đây là bài

ĐÀ LẠT TRĂNG MƠ của HÀN MẶC TỬ:

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu,
Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ,
Trăng sao đắm đuối trong sương
nhật,
Như đón từ xa một ý thơ.

Ai hãy làm thinh, chớ nói nhiều!
Để nghe dưới đáy nước hồ reo,
Để nghe tơ liễu run trong gió,
Và để xem trời giải nghĩa yêu.

Hàng thông lấp loáng đứng trong
im,
Cành lá in như đã lặng chìm,
Hư, thực làm sao phân biệt được?
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm.

Cả trời say nhuộm một màu trắng,
Và cả lòng tôi cũng nói rằng:
Không một tiếng gì nghe động
chạm,
Dẫu là tiếng vỗ của sao băng!

Cũng như bài thơ của Quách Tấn, chất liệu làm cho cảnh vật mờ nhạt đi trong bài thơ này là sương. Sương làm cho muôn ngàn tinh tú trở nên lung linh huyền ảo, làm cho những rặng thông xanh chìm đắm trong mơ màng, trầm lắng và mông mênh. Và, chính ngay lúc đó, là giây phút mối giao cảm thiêng liêng giữa con người và tạo vật bắt đầu nảy nở.

Tôi thích nhất là tiếng "suyt!" thầm thì dễ thương của thi sĩ họ Hàn: "Ai hãy làm thinh, chớ nói nhiều! Để nghe dưới đáy nước hồ reo / Để nghe

tơ liễu run trong gió..." Nói chi cho nhiều! Cái đẹp và chân lý luôn vượt thoát mọi ngôn từ (dù là ngôn từ của thi nhân). Hãy lắng lòng lại, hãy buông bỏ hết những định kiến, những ý niệm, những đám mây mù trong tâm hồn để còn trơ lại một bầu trời xanh trong vắt, lúc đó mới có thể ôm trọn và phản chiếu được thực tại một cách trọn vẹn và chính xác nhất, như nó là.

"Cả trời say nhuộm một màu trắng." Chữ "say" ở đây là một "nhân tự," nó làm cho con rồng được điểm xong mắt và muốn rùng mình bay ra khỏi bức tranh. Đây là tiếng tơ liễu run run trong gió? Đây là tiếng nước thấm thì dưới khe? Tất cả bây giờ bỗng im bật. Cả trời đất ngất ngư, mơ màng. Vì say. Say trắng. Không một tiếng gì nghe động chạm nữa hết. Ánh trắng nuốt hết mọi âm thanh, thấu tóm hết mọi sự xao động. Ở vào khoảnh khắc thiêng liêng kỳ diệu này, dù cho cả tầng sao băng có vỡ tung thành từng mảnh đi nữa, thì tiếng vỡ của nó cũng sẽ tan ngay vào trong luồng ánh sáng đang bàng bạc mệnh mông trải khắp nhân gian mà thôi.

Tôi ngờ rằng nếu hai bài thơ trên đây không có nét mờ nhạt do sương mù mang lại, thì sẽ không có cái thần hồn đó.

Thôi Hiệu, trong một buổi chiều chạng vạng, tranh tối tranh sáng, bắt gặp một đám khói nổi bông bên trên mặt sông, không phải đã chạnh nỗi sầu nhớ quê với vợ đó sao! Những đám cây ven bên Hán Dương lồng bóng dưới dòng sông lững lờ trôi, những thảm cỏ mơn mơn xanh tươi trên bãi Anh Vũ... đó là là phong cảnh ở đây - nơi đất khách - hay ở quê nhà? Dường như ta đã từng bắt gặp một cảnh tượng như vậy, ở đâu đó, trong một khoảnh khắc nào đó, trong thời thơ ấu... lúc vừa biết yêu... hay trong một tiền kiếp xa xôi?... Qua làn khói sóng mịt mờ, hình ảnh cổ hương càng hiện ra rõ mồn một trước mắt, khiến trong lòng người lữ khách dâng lên một nỗi u hoài mông mênh.¹

3. Tôi tự hỏi tại sao sự lơ mơ, mông lung lại có nét đẹp quyến rũ và có chiều sâu như vậy? Có phải chăng vì từ xưa đến nay, đã có biết bao nhiêu nghệ sĩ hăng say đi tìm kiếm một phương thức để biểu hiện thực tại của khách thể một cách khách quan, nhưng sự tìm kiếm đó, cuối cùng, chỉ

rơi vào vô vọng, vì có cố gắng cách mấy cũng chỉ có thể thể hiện được cái ảo ảnh của cái thực mà thôi? Sản phẩm của tư tưởng duy lý này là những tác phẩm nghệ thuật khô khan, bất động, là một sự sao chép nguyên xi những gì tầm mắt có thể thấy được. Trong khi đó, một người nghệ sĩ biết sử dụng cả trí năng lẫn tàng thức, cả bộ óc lẫn tâm hồn của mình, mới thực sự sống với tác phẩm - chứ không phải chỉ "biểu hiện" nó - nhờ đó mang theo những rung động của sự sống và sự biến chuyển không ngừng của tạo vật vào trong tác phẩm của mình. Nói cách khác, phải chăng sự mơ hồ và mông lung là biểu hiện chính xác nhất của cái "dường như là:" dường như là cuộc sống, dường như là giấc mơ, dường như là anh, dường như là tôi, dường như là gió, dường như là mây... Bản chất nguyên sơ của sự vật là đây: không hiện diện, mà cũng không khiếm diện, không "có" cũng không "không," mà luôn luôn vận hành, biến đổi, không bao giờ đứng yên, bất động.

Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Trãi, nhân nhìn lại cuộc kháng chiến vĩ đại chống quân Minh, sau một hồi ngẫm nghĩ về sức mạnh của lòng dân (dân mạnh như nước, có thể chở thuyền, cũng có thể lật thuyền), về duyên nghiệp của họa và phúc (họa phúc đều có manh mối sâu xa, không chỉ một ngày mà có được), đã thốt lên:

乾坤今古無窮意
卻在滄浪遠樹煙

Càn khôn kim cổ vô cùng ý,
Khước tại Thương Lang² viễn thụ yên.
(Bài "Quan Hải")

Hai câu thơ chữ Hán vô cùng cô đọng trên đây của Nguyễn Trãi phải phóng dịch dài dòng lời thoi như sau mới mong diễn trọn ý:

Cái ý nghĩa vô cùng trong trời đất từ xưa đến nay,

Lại ở nơi đám khói trên ngọn cây lơ mơ nẻo xa, bên dòng sông lặng lẽ

Bất định, trống rỗng, và mơ hồ, như sương, như khói, như mộng, như tia chớp: đó chính là cái lẽ huyền vi, uyên thâm của vạn vật mà Nguyễn Trãi, hơn 500 năm về trước, đã bắt gặp nơi

một đám khói lớn vờn trên ngọn cây lơ mơ xa tít đằng kia. Giản dị và tự nhiên thế thôi. Cái thấy đó có được không phải do ở kiến thức thông kim bác cổ của Nguyễn Trãi, mà chính là nhờ những gì ông đã thực chứng được qua bao nhiêu thăng trầm, được mất, vinh nhục của cuộc đời ông và của cả dân tộc trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động.

Đây lại là một bài thơ nổi tiếng trong làng Thiền, tương truyền là của Tô Đông Pha:

廬山煙鎖浙江潮
未到生平恨不消
到得還來無別事
廬山煙鎖浙江潮

Lô Sơn yên tỏa Chiết Giang triều,
Vị đáo sinh bình hận bất tiêu,
Đáo đắc hoàn lai vô biệt sự,
Lô Sơn yên tỏa Chiết Giang triều.

Mù toả Lô Sơn sóng Chiết Giang,
Khi chưa đến đó hận muôn vàn,
Đến rồi về lại không gì lạ,
Mù toả Lô Sơn sóng Chiết Giang.

Lô Sơn thấp thoáng ẩn hiện sau đám sương mù dày đặc, biến hoá thiên hình vạn trạng, cho nên thấy được cái "chân diện mục" của nó là chuyện khó khăn cực kỳ. Sự quyến rũ của Lô Sơn là ở nơi những bí ẩn ở đằng sau những đám khói mù mịt kia; sự thách thức của Lô Sơn là ở nơi những vách đứng, vực sâu, và những con đường ngoằn ngoèo khó đi kia. Nhưng ta vẫn liều mạng, một hai phải đến đó cho bằng được. Và đến nơi rồi, thì sao? Ta mới vỡ lẽ: Có gì lạ đâu? Ở trong đó cũng có nước, có đất, có gió, có lửa... như tất cả những nơi khác. Và ta quay về. Quay về với bản tâm của ta. Có điều, cảnh vật thì vẫn vậy - Lô Sơn vẫn toả sóng mịt mù khi ta đến và khi ta đi - nhưng cái người bước ra khỏi Lô Sơn đó đã là một người khác rồi.

Từ xưa đến nay, những chốn có sương mù, sóng toả, khói bay... , như Lô Sơn, như Đà Lạt, luôn luôn là một nàng tiên nga quyến rũ, không những đối với khách du lịch, mà còn là nguồn cảm hứng bất tận của thi ca và nghệ thuật, phải chăng vì nó là sự biểu hiện chính xác nhất tự tánh muôn đời của vạn vật: vô thường và rỗng không?■

TUT

<http://www.trangnhahoaaihuong.com>
E-mail: hoaihuong_2003@yahoo.com

1. "Hoàng Hạc Lâu", Thôi Hiệu

2. Thương Lang là tên một con sông ở Trung Quốc. Trong thơ văn cổ, nó thường được dùng để chỉ một con sông, hay một khúc hát của ngư dân, cũng như hai chữ "Nam Kha" (vốn là một quận thuộc nước Đại Hoè, một nước tưởng tượng trong truyện Nam Kha Ký của Lý Công Tá) đã được dùng trong "giấc mộng Nam Kha" để chỉ một giấc mộng mong manh.

NGUYỆT SAN TÌNH THƯƠNG, TỜ BÁO, và NHỮNG CÂY BÚT TRƯỜNG Y KHOA SÀI GÒN

NGÔ THẾ VINH

Gửi Nghiêm Sỹ Tuấn
và các bạn Nhóm Tình Thương

DẪN NHẬP: [...] hai anh Trần Mộng Lâm và Thân Trọng An từ Montréal Canada cho biết "Tập San Y Sĩ sẽ thực hiện một số chủ đề về báo Tình Thương: viết về sự ra đời, vai trò và những thành quả của tờ báo này, cùng với những kỷ niệm một thời xa xưa của chúng ta." Hy vọng đây sẽ là một số báo đặc biệt với nhiều người viết, liên hệ tới một nguyệt san ra đời cách đây đã 46 năm của những người sinh viên áo trắng, đã tốt nghiệp, rời xa mái trường xưa, trong đó có một số Bạn đã ra đi rất sớm trong chiến tranh hoặc những nguyên nhân khác về tuổi tác sau này. Được tham dự vào ban Biên tập Tình Thương từ số báo đầu tiên cho tới ngày báo bị đình bản, với tôi đó là những năm tháng không thể nào quên. Với một bút ký ngắn như một sơ thảo, có thể còn thiếu sót nhưng vẫn mong đây là một đóng góp với các bạn trong nhóm Tình Thương cho số báo chủ đề TSYS ấy để cùng "Tìm Lại Khoảng thời Gian Đã Mất."

VẬY MÀ ĐÃ 46 NĂM RỒI

Thời gian ở trường Y khoa, đó thực sự là những năm xanh của một đời người. Không phải chỉ có học, chúng tôi còn có những bận rộn ngoài chuyên môn y khoa như hoạt động sinh viên và cùng với các bạn trông nom tờ báo *Tình Thương*. Tờ báo ấy ra đời trong một hoàn cảnh và thời điểm đặc biệt ngay sau biến động tháng 11 năm 1963. Ý kiến ra báo có lẽ là từ nhiều người, như các anh Trần Xuân Ninh, Phạm Đình Vy, Phạm Văn Lương... Với *manchette* báo mang tên *Tình Thương*, ban đầu do Phạm Đình Vy đứng tên Chủ nhiệm, Nguyễn Vinh



Một trang báo *Tình Thương*

Đức Chủ Bút, Trần Xuân Dũng Tổng Thư ký, Nghiêm Sỹ Tuấn Thư ký và Vũ Thiện Đạm là Thủ quỹ. Với đường lối được ghi dưới tên báo: cơ quan tranh đấu văn hóa xã hội của sinh viên Y khoa.

Khởi đầu với danh sách một ban biên tập khá hùng hậu; phải nói là có nhiều khuynh hướng trong tòa soạn ngay từ những ngày đầu cho tới khi báo bị đình bản [tháng 08 năm 1967]. Có thể điểm qua những khuynh hướng ấy:

--Khuynh hướng đại học / *academic* phải kể tới Nghiêm Sỹ Tuấn (y sĩ Nhảy Dù sau ngày ra trường đã tử trận ở Khe Sanh 1968), Đặng Vũ Vương [Mỹ], Bùi Thế Hoàn [Mỹ, đã mất], Hà Ngọc Thuận [Úc], Nguyễn Vinh Đức còn có thêm bút hiệu Tô Tam Kiệt dùng cho các bài viết văn nghệ [Canada, đã mất]. Đặng Vũ Vương được biết tới rất sớm qua những bài viết sắc sảo về Y khoa Nhân Bản và

LTS: Bài này xuất hiện cùng thời gian trên Tập san Y Sĩ ở Canada nhưng với nhan đề khác: *Nguyệt San Tình Thương 1963-1967 Tiếng Nói Sinh Viên Y Khoa*. ■ Bạn đọc Khởi Hành nếu muốn hiểu thêm về Các tạp chí Thời Chiến Miền Nam, với các cây bút trẻ thời đó, có thể đọc loạt bài:

-- KHỞI HÀNH 145, Nguyễn Lệ Uyên: *Tuy Hòa và TẠP CHÍ SÔNG* -- KHỞI HÀNH 146, Phạm Văn Nhân: *TẠP CHÍ Ý THỨC* - - KHỞI HÀNH 151, Ngô Nguyên Nghiễm: *KHAI PHÁ và các tạp chí khác*.

Tinh Thần Đại Học ngay từ những số đầu của *Tình Thương*. Riêng Bùi Thế [bút hiệu của Bùi Thế Hoàn] với những bài khảo luận "ngược dòng" như *Thử tìm hiểu đám đông*, *Tính dục trong sinh hoạt tôn giáo* thì luôn luôn "gây sốc" và cả dư luận chống đối.

--Sinh hoạt văn nghệ: với Lê Văn Châu [Trang Châu, Canada] phụ trách trang thơ, sau này ra trường với tập bút ký *Y Sĩ Tiền Tuyến* mà các chương đầu tiên đã được đăng trên *Tình Thương*; Đỗ Nghê [Đỗ Hồng Ngọc, Việt Nam] với các bài thơ nổi tiếng từ *Tình Thương* như *Thư cho bé sơ sinh*, *Cổ tích về ngôn ngữ*, *Lời Ru...* Hằng Hà Sa [Tôn Thất Chiểu, Mỹ] với thơ và tùy bút *Khói Bay Mây Bay*. Đặng Đức [Đặng Đức Nghiêm, Mỹ] với *Thế Giới Trường Thuốc*. Trần Đoàn [Mỹ] với *"Thằng Cu hay Cái Bướm, trai hay gái theo ý muốn* bài đăng nhiều kỳ. Phạm Đình Vy với bút hiệu Phạm Hồng cũng rất văn nghệ qua *Những Lá Thư Viết Từ Bệnh Viện*.

--Riêng trang phiếm luận "Ngang Da" với logo là một biếm họa qua nét vẽ tài hoa của Hoàng Thiện Căn trên mỗi số báo là một tiết mục vui tươi được nhiều người đọc, do các cây viết như Trần Xuân Dũng [Úc], Trần Đông A [Việt Nam], Nguyễn Thanh Bình [Canada], Trần Mộng Lâm [Canada, còn là trưởng ban truyện ngắn]. Trang "Thế Giới Chúng Tôi" do Đỗ Hữu Tước [Đỗ Trần, Mỹ] phụ trách, là tạp ghi những mẩu chuyện liên quan tới thế giới những người Áo Trắng. Ra hải ngoại, Trần Xuân Dũng thì vẫn sắc sảo như độ nào với các bài phiếm luận trên *Tập San Y Sĩ*.

--Thiên về chính trị Phạm Văn Lương [Việt Nam, đã mất trong tù cải tạo sau 1975], Trần Xuân Ninh [Mỹ], Phạm Đình Vy [Pháp], Hà Xuân Quỳnh [Cát Quỳnh, Canada], Đường Thiện Đồng [Mỹ, đồng thời làm cho báo *US & News Report*], Trương Thìn [Lê Trương, Việt Nam].

--Những cây viết khác mà tôi còn nhớ được như Lê Sỹ Quang [Mỹ, đã mất], Nguyễn Tường Giang [Mỹ], Vũ Văn Dзі [Mỹ], Dương Hồng Huy [Canada], Ngô Thế Quý, Phạm Bá Lương, Phan Giang Sang, và giai đoạn sau có thêm Vương Ngọc Lâm [Pháp], Vương Ngọc Phát [Pháp, đã mất]... Về trang sinh hoạt sinh viên, thời sự, phóng sự do Ngô Thế Vinh và Phạm Đình Vy. Phụ trách Hộp Thư và trả lời thư tín do Trang Châu.

--Các Bạn đồng môn như Nghiêm Đạo Đại [Mỹ], Trần Công Phát [Pháp], Trần Nguyên Tường [Việt Nam, đã mất], Phạm Văn Hanh [Mỹ], Đỗ Thị Văn [Việt Nam, Ủy viên hoạt động xã hội] Đặng Ngọc Cương [Mỹ, Đoàn Cấp Cứu Thương Trục Y khoa 1964] và những anh chị khác nữa đã cùng góp sức với sinh hoạt Tình Thương mà nay không thể nhớ hết... và cũng không thể không kể tới số bài viết từ những phân khoa khác như Bùi Khiết bên Dược khoa, và cả các cây viết bên ngoài như thơ Lữ Quỳnh, Ninh Chữ, Từ Kế Tường, Nguyễn Đắc Xuân...

Về trình bày và biếm họa cho tờ báo chủ yếu là hai họa sĩ cây nhà lá vườn rất tài hoa là Liza Lê Thành Ý [Canada], Kathy Bùi Thế Khải [Pháp], có thêm cả Hoàng Thiện Căn [Mỹ, đã mất] và không thể không nhắc tới một tài năng của hội Họa Sĩ Trẻ là Nghiêu Đề [Mỹ, đã mất] cũng đóng góp những mẫu bìa rất đẹp cho các số báo Xuân lúc đó như Bách Khoa và Tình Thương.

Tuy là báo sinh viên nhưng cũng có các bài viết khá thường xuyên của các Giáo sư Y khoa. Như GS Trần Ngọc Ninh [Mỹ] viết về các vấn đề Giáo Dục và Tinh Thần Đại Học, hai Giáo Sư Nguyễn Đình Cát [Canada, đã mất] và Bằng Văn Trần Văn Bằng [Pháp, đã mất] viết về các đề tài Văn chương và Y khoa, GS Ngô Gia Hy [Việt Nam, đã mất] viết về phân tích chính trị thời sự, Bác sĩ Vũ Thị Thoa [Pháp] từ BV Nhi Đồng cũng viết bài đăng tải trên Tình Thương.

Giáo sư Khoa Trường Phạm Biểu Tâm [Mỹ, đã mất] đã tỏ ra tâm đắc với manchette mang tên Tình Thương mà thấy cho rằng ý nghĩa rất phù hợp với chức năng của những người Áo Trắng và thấy Tâm có viết một bài Editorial để giới thiệu tờ báo. Không nhiều biểu lộ nhưng báo Tình Thương luôn luôn được sự hỗ trợ tinh thần của Giáo sư Khoa Trường. GS Trần Ngọc Ninh thì nhận định về báo Tình Thương như sau: "Các sinh viên Y khoa chủ trương một tờ nguyệt san lấy tên Tình Thương từ 1963, tư tưởng hướng về nhân bản theo cái nghĩa đương thời thuở ấy và

một xã hội lý tưởng không chủ nghĩa bắt đầu hình thành từ đó" [trích Tựa cho ấn bản tiếng Anh *Vòng Đại Xanh / The Green Belt* 2003].

MỘT TÒA SOẠN TÌNH THƯƠNG

Rất sớm, ngay từ đầu báo Tình Thương có được sự độc lập về tài chánh, tờ báo sống nhờ quảng cáo từ các viện bào chế như Roussel, Tenamyd, OPV, Phạm Doãn Diễm, Trang Hai... và với số tiền báo bán được trong giới sinh viên Y khoa. Cách phát hành "self service" báo Tình Thương mỗi đầu tháng trong khuôn viên trường Y Khoa [28 Trần Quý Cáp, Sài Gòn] là một nét sinh hoạt đáng ghi lại: chồng báo mới khoảng 50 số còn thơm mùi giấy mực đem về từ nhà in Trường Sơn, được bày trên một chiếc bàn gỗ dài nơi hành lang trước giảng đường. Không có ai đứng bán báo mà chỉ có một hộp giấy nhỏ bên chồng báo; thường số lượng báo tiêu thụ hết trong ngày và số tiền bán báo cuối ngày được thu về đầy đủ.

Cũng không lâu sau đó, số độc giả Tình Thương ngày một tăng thêm, không phải chỉ trong giới sinh viên mà cả ngoài dân chúng nữa qua hệ thống phát hành báo chí tới các sạp báo và nhà sách về tới các tỉnh, ra xa tới tận miền Trung.

Khoảng tháng Sáu năm 1964, Tình Thương đã có đủ phương tiện để thuê một tòa soạn khang trang có cả thư ký, ở địa chỉ: 103 Nguyễn Bình Khiêm Sài Gòn, chỉ cách nhà Vũ Thiện Đạm một căn và không xa đài Phát Thanh Sài Gòn, đầu đường Phan Đình Phùng, cũng là mục tiêu rất sớm phải chiếm lĩnh của các phe đảo chánh lúc đó. Tòa soạn cũng là nơi phải chứng kiến những cuộc biểu tình dạt dây đi qua các đường phố với giáo mác gậy gộc và mục tiêu nào sẽ bị tấn công cũng rất là bất trắc. [Hình 1]

Đến Tình Thương Số 9, thành phần Tòa Soạn được bầu lại với sắp xếp như sau: Chủ nhiệm Phạm Đình Vy, Chủ bút Nguyễn Vinh Đức, Tổng thư ký Ngô Thế Vinh, Thư ký Nghiêm Sỹ Tuấn, Thủ quỹ Vũ Thiện Đạm, Quản lý Trương Thìn. Cùng với các trưởng ban: *Quan Điểm* Đặng Vũ Vương, *Khảo Luận* Hồ Tấn Phước, *Truyện Ngắn* Trần Mộng Lâm, *Thơ* Trang Châu, *Sinh Hoạt Y Khoa* Đặng Ngọc Cương, *Bàn Tay Nắm Lấy Bàn tay* Ngô Thế Quý / Lê Sỹ Quang, *Thế Giới Chúng Tôi* Đỗ Trần, *Sinh Viên và Đại Học* Nghiêm Đạo Đại. [trang 1, TT 09. 1964]

Tòa báo Tình Thương trước hết là nơi sinh hoạt hội họp của ban Biên tập, cũng là địa điểm thăm viếng của các bạn y khoa và các phân khoa khác, có cả các phái đoàn sinh viên quốc tế như WUS / World University Service và các nhà báo ngoại quốc tại Việt nam thời bấy giờ như một người Nhật mà tôi còn nhớ tên là Takashi Oka phóng viên của báo *Christian Science*

Monitor & New York Times, Jean-Claude Pomonti ký giả báo *Le Monde* và cả Phạm Xuân An làm cho hãng thông tấn Reuters, báo *Times* trong chiến tranh Việt Nam... [mãi tới sau 1975, mới được biết Phạm Xuân An là tình báo chiến lược của Hà Nội, nhưng rồi bị thất sủng vì bị xem là "hủ hóa" trong thời gian hoạt động ở Miền Nam, và đã mất năm 2006].

Báo Tình Thương còn có khả năng - dĩ nhiên bằng phương thức nghèo, gửi phóng viên như tôi lên Cao nguyên, ra miền Trung, để làm những phóng sự đặc biệt tại chỗ. Vài kỷ niệm mà tôi còn nhớ từ những chuyến đi đó: những lần lên Pleiku, Kontum, Ban Mê Thuột để theo dõi các vụ bạo loạn của người Thượng thuộc phong trào Fulro [Front Unifié de Libération des Races Opprimées] khởi xuất từ các trại Lực Lượng Đặc Biệt do người Mỹ thiết lập. Tới một Quảng Ngãi trắng khăn tang sau vụ lũ lụt lớn nhất Miền Trung [1964] với các đoàn sinh viên từ Sài Gòn ra cứu lụt. Chứng kiến đơn vị Thủy quân Lục chiến Mỹ đầu tiên đổ bộ vào Lệ Mỹ/ nước mắt người Mỹ [03.1965] ở Đà Nẵng - khởi đầu cho giai đoạn Mỹ hóa cuộc Chiến tranh VN. Ghi nhận sinh hoạt cổ đô Huế khi nhóm Sinh viên Tranh đấu chiếm đài phát thanh... Những chương sách đầu tiên của tiểu thuyết *Vòng Đại Xanh* được hình thành trong giai đoạn này.

Cùng với Nguyệt San Tình Thương Y khoa, hình như trong giai đoạn đó không có phân khoa đại học nào mà không có ra báo như *Đất Sống* của Dược khoa, các báo của Văn Khoa, Luật khoa, rồi báo của Tổng hội Sinh viên...

Theo tôi sự bền bỉ sống còn của tờ báo Tình Thương là điểm thành công đầu tiên, cho dù không thiếu sóng gió trong sinh hoạt nội bộ của tòa soạn và có cả áp lực từ bên ngoài muốn ảnh hưởng chi phối tờ báo. Tờ báo có một cơ chế hoàn toàn độc lập đối với các Ban Đại Diện Sinh viên Y khoa luôn luôn biến động của thời bấy giờ.

Mới ra được 9 số báo, vấn đề nhuận bút tinh thần Tình Thương cũng được đem ra thảo luận: ngoài báo biểu tác giả bài viết, nhuận bút có thể là một "phiếu mua sách" tương đương chứ không phải là hiện kim.

Và cho dù đã có một tòa soạn trên đường Nguyễn Bình Khiêm, "Nhưng việc tòa soạn nằm ngoài phạm vi trường Y khoa chỉ là tạm thời tuy cần thiết cho sinh hoạt. Một dự án xây cất trụ sở báo Tình Thương bằng vật liệu nhẹ trong sân trường Y khoa 28 Trần Quý Cáp đã được hoạch định - để gây không khí sinh hoạt đông đảo và cũng là vấn đề 'tự vệ' của tòa báo. Một ủy ban xây cất và ban bảo trợ được thành lập với phân họa đồ do kiến trúc sư Lê Quý Phong đảm trách." [trang Sinh hoạt Y khoa, Tình Thương 09.1964]

Đây phải kể là một "tầm nhìn xa" của sinh viên Y khoa trong nhóm Tình Thương nhưng do những xáo trộn thời

cuộc liên tiếp và rồi tới giai đoạn Đại học Y khoa di chuyển sang trường sở mới trên đường Hồng Bàng Chợ Lớn, nên kế hoạch xây cất trụ sở Tỉnh Thương phải bỏ dở dang và cho đến nay cũng rất ít ai còn nhớ.

NỘI DUNG BÁO TỈNH THƯƠNG

Về nội dung tờ báo, nay có dịp nhìn lại, ngoài những mục thường xuyên có tính thời sự đáp ứng nhu cầu chính trị xã hội và văn hóa của giai đoạn ấy, cũng có một số công trình có giá trị dài hạn được đăng tải liên tục trong suốt những số báo, nhưng rồi cũng dở dang do báo bị đình bản, vào khoảng tháng 8 năm 67. Tôi còn nhớ tên một vài công trình ấy như: *Lịch sử Y khoa* của Hà Hợp Nghiêm [do Hà Ngọc Thuần và Nghiêm Sỹ Tuấn cùng biên soạn], *Dưới Mắt Thương Đế* tập truyện của Hans Killian dịch rất hay từ nguyên bản tiếng Đức của Nghiêm Sỹ Tuấn, Nguyễn Vĩnh Đức [mất ở Canada], *Nuôi Sẻ* tiểu thuyết xã hội của nhà văn Triều Sơn mà bản di cảo duy nhất do GS Trần Ngọc Ninh [Mỹ] còn giữ được từ những năm '50, thì nay cũng thất lạc. Một số công trình báo chí, có các cuộc phỏng vấn như với Bộ Trưởng Thanh Niên BS Nguyễn Tấn Hồng Sài Gòn, PV Trung Tướng Nguyễn Chánh Thi Đà Nẵng, PV 96 phút với Thượng Tọa Thích Trí Quang ngoài Huế... Về phân tích thời sự như với biến cố Tổng Nổi Dậy của người Thượng tại khắp các tỉnh ở Cao Nguyên [12.1965] với bài viết của Phạm Đình Vy "*Miền Thượng: Một Cổ Xe với Ba Tên Xà Ích*," cổ xe ấy là vùng địa bàn chiến lược Tây Nguyên và ba tên xà ích là người Mỹ, Cộng sản Hà Nội và Chính phủ Sài Gòn; bài viết về sinh hoạt thanh niên hướng về nông thôn như Chương Trình Hè / Summer Program.

Ngoài những số báo Tỉnh Thương định kỳ ra mỗi đầu tháng, còn phải kể tới những số Tỉnh Thương Phụ Bản ra mỗi tuần [khi cần] để kịp đáp ứng những biến cố thời sự diễn ra dồn dập trong giai đoạn đó. Điển hình như tờ Tỉnh Thương Phụ Bản Số 2, ra ngày 25 tháng 11 năm 1964, nhằm yểm trợ Phong Trào Cứu Lựt Miền Trung, được coi là một thiên tai với mức độ tàn phá lớn nhất lịch sử. Lúc đó, các phân khoa Đại học, các trường Cao đẳng đều tự động hăng say tổ chức lạc quyên, lập các đoàn cứu trợ, nổi bật nhất là Đoàn Cấp Cứu Thương Trục của trường Y Khoa. *Tranh Không Lời* của Liza Lê Thành Ý trên trang nhất số Tỉnh Thương Phụ Bản này đã ghi lại hoạt cảnh các sinh viên Y khoa ăn trực nằm chờ ngoài phi trường với đầy phẩm vật cứu trợ và thuốc men vì không có phương tiện di chuyển, trong khi số máy bay hiểm hoi có được thì dành cho các phái đoàn quan chức chính phủ chỉ để đi quan sát hay thăm viếng... [số Tỉnh Thương Phụ Bản này là một tài liệu hiếm còn lưu trữ được trong cuộn microfilm của Thư viện Đại học Cornell, Ithaca New York] [Hình đầu

trang bài này.]

TRIỀU SƠN VÀ DỖ DANG NUÔI SẺ

Ngay từ mấy số báo đầu tiên, Tỉnh Thương đã cho khởi đăng cuốn tiểu thuyết xã hội của nhà văn Triều Sơn. Triều Sơn là bút hiệu của Bùi Văn Sinh, bạn đồng môn của GS Ninh từ trung học lên tới đại học Khoa học. Khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ 1946, mọi người phân tán. Trần Ngọc Ninh đổi hướng theo học Y khoa, Triều Sơn thì dấn thân đi làm thợ mỏ than Hòn Gai một thời gian trước khi vào Sài Gòn làm báo và viết sách. "*Con Đường Văn Nghệ Mới*" là một cuốn sách biên khảo do Minh Tân Paris xuất bản. Nhà xuất bản Minh Tân do một nhóm trí thức Việt Nam dân Pháp như Nguyễn Ngọc Bích Kỹ sư Cầu Cống [Polytechnique], Vũ Văn Thái [École Centrale] sáng lập tại Paris trong một hoàn cảnh vô cùng đặc biệt lúc đó. Tuy hoạt động không lâu, nhưng sách do Minh Tân Paris xuất bản đều là những tác phẩm giá trị như hai bộ Tự Điển Pháp Việt và Tự Điển Hán Việt của Đào Duy Anh, *Danh Từ Khoa Học*, *La Sơn Phu Tử* và *Lý Thường Kiệt* của Hoàng Xuân Hãn... Có lẽ ít ai biết tới công lao của một người lính thợ Việt Nam sống ở Pháp đã yêu và học tiếng Việt cũng như học kỹ thuật Linotype để hoàn tất những tác phẩm của nhà xuất bản Minh Tân với trình độ ấn loát cao như vậy ở thập niên '50, từ một nơi cách quê nhà đến hơn nửa vòng trái đất. Riêng tiểu thuyết *Nuôi Sẻ* thì còn ở dạng bản thảo, báo Tỉnh Thương đăng chưa hết thì bị đình bản và bản thảo duy nhất viết tay ấy thì nay đã bị thất lạc. Triều Sơn chết rất trẻ ở cái tuổi 33 [1921-1954]. Hy vọng qua số báo chủ đề của Tập San Y Sĩ, với những số báo Tỉnh Thương còn tìm thấy, từng trang sách tiểu thuyết *Nuôi Sẻ* sẽ được nối kết lại - cho dù chỉ còn là một tác phẩm dở dang nhưng đó vẫn là một mảng văn học độc nhất vô nhị của một thời kỳ biến động nhất của đất nước.

MỘT NHÀ IN CÓ TÊN TRƯỜNG SƠN

Nhà in Trường Sơn, trên đường Nguyễn An Ninh Sài Gòn là của nhà văn Nguyễn Thị Vinh, lúc đó ở tuổi 40 nhưng bà đã nổi tiếng từ những thập niên 50-60 với các tác phẩm *Hai Chị Em*, *Thương Yêu*, *Xóm Nghèo*, bà cũng là chủ bút tạp chí *Tân Phong*; nhưng người trực tiếp điều hành nhà in Trường Sơn là anh Trương Cam Vinh. Nguyệt San Tỉnh Thương và Đất Sống của Dược Khoa được đem đến in tại đây. Tuy là một nhà in lớn nhưng kỹ thuật ấn loát còn ở giai đoạn typô, trang báo được sắp với những mẫu tự bằng chì, thợ sắp chữ đa số gốc người Hoa từ Chợ Lớn không rành chữ Việt nhưng quen thuộc với các bát chữ nên sắp rất nhanh để có những bản vở / morasse tương đối ít lỗi. Mùi giấy, mùi mực từ giai đoạn sửa bản vở, rồi ký "bon à tirer" cho in tới khi số báo

hoàn tất, phải nói là những cảm xúc của một thời kỳ khó quên. Vì bìa báo Tỉnh Thương in 4 màu nên phải qua 4 giai đoạn in từng màu chồng lên nhau, sao cho không bị so lệch cũng lại cần tới một "chef typô" nhiều kinh nghiệm và cả đức kiên nhẫn.

LÀM BÁO SINH VIÊN GIỮA THỜI CHIẾN

Bốn mươi lăm năm sau [1964-2009], khi hồi tưởng lại một giai đoạn làm báo Tỉnh Thương, anh Vũ Thiện Đàm vẫn còn nhớ và kể lại với cảm xúc như mới hôm qua. Đó là một buổi chiều yên tĩnh năm 1964, không phải là ngày họp định kỳ của ban Biên tập, chỉ có hai người có mặt trong tòa soạn Tỉnh Thương lúc đó là Nguyễn Vĩnh Đức chủ bút rất ít viết về chính trị mà thiên về hoạt động văn nghệ và Vũ Thiện Đàm thủ quỹ. Bất chợt một chiếc xe Jeep mang số ần tể leo lên, đậu ngay trước cửa tòa soạn. Hai người lạ, mặc thường phục ngang nhiên bước vào, kêu đích danh Vũ Thiện Đàm và Nguyễn Vĩnh Đức ra xe và cả hai được đưa về Cục An Ninh Quân Đội. Và không phải không có tiền lệ, trước đó, tổng thư ký của Tỉnh Thương cũng đã nhận trát gọi lên An Ninh Quân Đội với lý do cho biết sau. Từng bước, từ phòng chờ với khoảng thời gian dài đợi chờ tới khi được đưa vào gặp ông Tướng An Ninh, tất cả mang đủ tính chất của một trận đòn cân não với súng ngắn, đồ la xanh và cả những lời hăm dọa. Rồi những ngày sau đó, chủ nhiệm, chủ bút thay phiên nhau lên Bộ Thông Tin để trả lời, giải thích một số bài viết bị coi là vi phạm kiểm duyệt và cả lưu ý về chức năng báo chí cần phản ánh cái "chính diện" chứ không phải "phản diện" của xã hội đương thời, quan điểm của Tỉnh Thương là cố gắng tạo sự cân bằng cả hai Chủ bút Phạm Đình Vy, bao nhiêu năm sau vẫn còn nhớ phản ứng giận dữ của Tướng Loạn, khi ông cho biết là Tỉnh Thương rất được Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lưu tâm và tất cả các số báo TT đều được lưu trữ ở Cục R." Thực sự thì không phải chỉ có báo Tỉnh Thương mà tất cả sinh hoạt báo chí Miền Nam lúc ấy đều là đối tượng theo dõi và điều nghiên của Mặt Trận.

Đó là phía chính quyền, bên này chiến tuyến và cho dù có khó khăn gì đi nữa thì chúng tôi vẫn còn một không gian để sinh hoạt.

Nhưng phía bên kia là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, với Đoàn công tác Thanh niên Sinh viên Sài Gòn Gia Định rất tích cực hoạt động nhưng dấu mặt hoặc lộ diện thì dấu đi căn cước của họ, được trực tiếp chỉ đạo từ cấp Bí Thư Đảng Uy, lại có thêm hỗ trợ của "bạo lực" nên sự đối đầu rất bất định và nguy hiểm hơn nhiều. Từ thư nặc danh đe dọa gửi tới tòa soạn, tới giai đoạn rải truyền đơn lên án tử hình một số sinh viên trong đó có sinh viên Y khoa, tiến thêm bước nữa là giai đoạn "khủng bố trắng" với súng đạn, có án mạng và đổ máu.



VƯƠNG NGUYỄN

ĐÊM THÁNG CHẠP Ở BIỂN

Đêm ở biển hỗn say như tiếng sóng
Ngựa nào kia chân bước một lên đồi
Đêm ở biển hoa vàng nở đầy cát
Cát mênh mông không che kín mặt người

Đêm ở biển ngồi dừng chân mé nước
Tay che dù. Đầu đội mũ. Xanh xao
Ta muốn khóc một lần cho đỡ nhớ
Ôi anh em thôi đã lạc phương nào
Tim gõ nhịp theo bước chân ngựa vỗ
Ngựa lang thang cho hết cuộc hành trình
Ngựa đứng lặng bờm khô như lửa cháy
Mặt trời nào đang võ giữa đêm đen

Đêm ở biển hỗn bay theo tiếng hát
Đêm một mình đêm đứng một chân
Xe qua dốc. Xe ngừng. Xe muốn chạy
Người muốn bò. Muốn đứng. Muốn bay lên
Tim gõ nhịp và hỗn say theo sóng

Đêm đã mờ sao ngày chưa ló mặt
Ta ngêu ngao cho hết cuộc tình buồn

Đêm ở biển ngồi dang tay muốn khóc
Anh em ta thôi đã lạc phương nào
Biển réo gọi khi đêm đang dần võ
Ta trông ta dần võ với hoa sao.

San Diego

HỒ TUẤN NHÃ

KHÚC CA CỦA NGƯỜI TẮM ĐẠO

Hề, ta hái cọng sen cọng súng,
Áo gai chân đất hỗn lộ thiên
Ôn tri ngộ chân nhân hằng kiếp,
Đường quê hoa dại bướm ngủ ngày.

Dầm ngọn rau rừng, ngậm nước suối
Mát ruột gan năm tháng tiêu dao.
Mây hành thiền suốt kiếp chưa ngộ,
Lang thang theo gió bến bờ nao?

Ai hát du ca như người lạc đạo
Mà nghe thao thức núi sông nào...
Lãng du, phiêu bóng cái vô lượng
Lại đường trái núi dề trăng sao.

Đói khát trong đời một chữ ngộ;
Mãi là hành giả giữa quê hương
Gieo một hạt Kinh trên đất lạ:
Ngàn sau, ai hái đóa u minh?

Đâu cũng là nhà,
Đâu cũng là đất trịch,
Du du thiên hạ, hề!
Trái đất chìm dần xuống biển:
Hồn ngoi lên khéo đắm nghiệp duyên.

Thanh trượng nhẹ tênh quào bóng xế
Ta về có tới chỗ-ta-về?
Ngày mai nghe hát trên đồng quạnh,
Ai hỏi chi khúc hát tìm chi? ■ Seattle

Cũng nên ghi lại một số sự kiện nay đã thuộc về lịch sử: chỉ riêng với trường Y Khoa, đã có hai giáo sư bị sát hại [Gs Trần Anh, Cơ Thể học và Gs Lê Minh Trí chuyên khoa Tai Mũi Họng], rồi đến sinh viên Y khoa II Trần Quốc Chương [con của Thẩm phán Trần Thúc Linh] có một giai đoạn vào bưng, sau trở về học lại thì bị trói tay bịt miệng ném từ lầu ba xuống đất ngay trong vòng thành trường Y Khoa trên đường Hồng Bàng, một cái chết rất thảm khốc. Sinh viên Luật khoa Lê Khắc Sinh Nhật cũng bị bắn chết. Hai sinh viên khác bên Văn Khoa cũng bị nhóm Biệt Động Thành bắn trọng thương nhưng may mắn sống sót là Ngô Vương Toại, Bùi Hồng Sĩ, hai anh ấy hiện đang sống ở Mỹ.

Rõ ràng có một cái giá phải trả của giới làm báo kể cả làm báo sinh viên trong suốt giai đoạn đó [nói tới sinh hoạt báo chí của Miền Nam 1954-1975, không thể không nhắc tới sự hy sinh của các nhà báo như Từ Chung kỷ giả nhật báo Chính Luận [1965], một nạn nhân nổi tiếng khác bị ám sát nhưng thoát chết là nhà văn Chu Tử, chủ nhiệm nhật báo Sống [1966].

TÌNH THƯƠNG VỚI CÁC PHONG TRÀO SINH VIÊN

Do những động lực trong sáng, dù ở đâu và bao giờ thì các phong trào thanh niên sinh viên cũng rất dễ có quần chúng và vai trò của họ lúc nào cũng như một chất men làm thăng hoa xã hội. Họ chưa là một lực lượng chính trị đúng nghĩa nhưng là sức mạnh áp lực thúc đẩy tiến trình dân chủ. Có thể kể một vài trong rất nhiều những phong trào sinh viên thanh niên lúc đó: Tổng hội Sinh viên, Hội đồng Đại diện Liên khoa, Summer Program hay Chương trình Hè, Đoàn Thanh niên Thiện chí, Phong trào Thanh niên Sinh viên Hướng về Nông thôn, Phong trào Thanh niên Trừ gian, Đoàn Văn nghệ Gió khơi, Đoàn Văn nghệ Nguồn sống, Phong trào Du ca... Không kể những tổ chức thanh niên sinh viên hoạt động nội thành của MTGPMN.

Mọi phương thức hoạt động đều được đưa ra thử nghiệm, tuy hiệu quả tác động trên xã hội lúc đó cũng hạn chế nhưng lại có khía cạnh tích cực là những người trẻ tuổi ấy đã được thử thách, và không ngạc nhiên khi thấy những năm rất xa sau này, kể cả ra hải ngoại họ vẫn dễ dàng xấp lại để cùng làm việc với nhau như thuở nào.

Tuy nhiên ở bất cứ thời điểm nào, trong hoàn cảnh nào, cũng không phải là không có lần vào một số "tuổi trẻ cơ hội", tuy rất ít - hoặc bị lợi dụng hoặc có ý thức chủ động, nhưng chính thiếu số này lại là nguyên nhân gây phân hóa mạnh mẽ và làm mất niềm tin của quần chúng trong giai đoạn ấy. Có lẽ cũng cần sớm rút ra những bài học từ các phong trào thanh niên sinh viên sau 1963, là những năm xáo trộn với rất nhiều giận dữ ồn ào nhưng đã

kết thúc như một cơn mộng lữ.

NHỮNG THÀNH TỰU VÀ DỖ DANG

Thế mà đã hơn 40 năm kể từ ngày báo Tình Thương bị đình bản. Là một tờ báo sinh viên định kỳ ra rất đều đặn mỗi tháng, với những số chủ đề đáp ứng kịp những biến động trong sinh hoạt đại học và ngoài xã hội.

Nếu tờ báo Tình Thương đã tạo được tiếng vang và một số thành quả nào thì đó là cái thành công chung của cả một tập thể sinh viên Y khoa chứ không do từ một vài cá nhân nào. Kinh nghiệm quý giá nhất mà chúng tôi học được trong thời gian ấy là sinh hoạt dân chủ và đoàn kết trong tinh thần tự trị đại học của tập thể sinh viên Y khoa.

Ngay trong nội bộ tòa soạn, mặc dầu có nhiều khuynh hướng rất khác nhau đôi khi cả đối nghịch nữa, đưa tới những cuộc tranh luận gay gắt kể cả bút chiến công khai tương tự như có thể gây đổ vỡ nhưng do nơi ý thức trách nhiệm đối với sự sống còn của tờ báo, biểu tượng cho sinh hoạt dân chủ nên cuối cùng thì chúng tôi vẫn đi tới được sự dung hợp với một mẫu số chung rộng rãi: tờ báo luôn luôn như một "open forum/ diễn đàn tự do" của những quan điểm khác nhau về mọi vấn đề chính trị giáo dục và xã hội.

Tôi còn nhớ sau 1963 giữa những năm cực kỳ xáo trộn, với những cuộc biểu tình dấy dậy ngoài đường phố. Ngay trong vòng thành trường Y khoa cũng là cái nôi của thứ sinh hoạt quá độ ấy. Diễn hình là cuộc bút chiến, mà tôi còn nhớ rõ giữa hai anh, đều trong ban biên tập báo Tình Thương: Bùi Thế Hoành chủ trương sự ổn định và Tôn Thất Chiêu nghiêng về các phong trào tranh đấu, cả hai đều có những luận cứ sắc bén. Cuộc bút chiến ấy lan cả ra báo chí bên ngoài, như trên tờ báo Sống của nhà văn Chu Tử, và cũng không ai thắng ai, mỗi người kéo theo được một đám đông. Và theo tôi đó mới thực sự là sinh hoạt dân chủ. Sau 1975, thì cả hai anh ấy sang sống ở Mỹ, và hình như họ xích gần lại với nhau hơn ở quan điểm nhận định về tình hình đất nước. Anh Bùi Thế Hoành thì nay không còn nữa.

Có thể khái quát mà nói rằng, cho dù giữa những năm chiến tranh, báo Tình Thương đã thể hiện được một tinh thần tự trị đại học, trong sinh hoạt tương đối có tự do, có tinh thần dân chủ, tôn trọng khác biệt, trong một mẫu số chung rộng rãi và đoàn kết cùng hướng tới một xã hội nhân bản. Viết về lịch sử trường Đại học Y Khoa Sài Gòn, có lẽ không nên lãng quên tờ báo Tình Thương. Điều đáng tiếc là Tình Thương đã không tồn tại lâu dài để trở thành một truyền thống và như một nhịp cầu giữa vòng thành Y khoa ra bên ngoài Xã hội. ■

Sài Gòn 1963 - California 2009

thời sự đầu năm 2010

NĂM THỨ XIV ■ PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

XUÂN 2010 ■ 159+160

GARDEN GROVE ĐỒNG Ý XÉT Ý KIẾN XÂY VIỆN BẢO TÀNG CHIẾN TRANH VN

Đề nghị của ông thị trưởng Bruce Broadwater kết quả được cả 5 nghị viên đều bỏ phiếu thuận là đồng ý xem xét vấn đề.

Ông Broadwater cho biết ông có ý tưởng trên sau khi thăm bảo tàng viện Thế Chiến II tại thành phố New Orleans, thủ phủ tiểu bang Louisiana. Nhưng người trình bày dự án này, và có quyết tâm cao, lại là ông Phạm Xuân Quang, cựu Thiếu tá TQLC Hoa Kỳ, và sẽ ra tranh cử DB liên bang địa hạt 47 ở Orange County vào cuối năm nay. Sau khi ông Quang trình bày, ông Broadwater phát biểu rằng, sau khi xem tận mắt bảo tàng ở New Orleans rất có ý nghĩa với cộng đồng ở đó, ông liền đặt vấn đề tại sao TP. Garden Grove lại không phải có bảo tàng viện chiến tranh Việt Nam?

Theo bản tin trên tờ Orange County Register, một thương gia Mỹ trên đường Main đã ca ngợi đề nghị này. Phát biểu trước hội đồng, thương gia người Mỹ bày tỏ ao ước có một bảo tàng như thế tại Garden Grove vì các cựu chiến binh cuộc chiến VN nay đang trong tuổi hưu sẽ có thời gian và còn công sức cho dự án này. Ngoài ra, bảo tàng sẽ thu hút khách du lịch tới thành phố đem lại mối lợi cả về tinh thần lẫn vật chất.

Ông Broadwater cũng đề nghị một địa điểm, theo ông rất thích hợp cho một bảo tàng như thế chiến tranh Việt Nam, là chỗ góc đường Gilbert và Chapman, trước đây là chợ Costco.

DỊCH GIẢ TỪ CHỐI DỊCH HỒI KÝ CỦA MAO TRẠCH ĐỒNG QUA ĐỜI

La dịch giả Hoa Anh nổi tiếng Trung Quốc, ông Dương Hàm Ý (Yang Xianyi), người đã dịch bộ Dream of the Red Chamber, (Hồng Lâu Mộng) một tác phẩm đồ sộ hiện nay vẫn còn tìm thấy trong các thư viện và tiệm sách toàn thế giới, vừa qua đời. Điều làm cho ông đáng nể phục là công trình dịch tác phẩm này sang Anh ngữ đã hoàn tất trong cuộc Cách Mạng Văn Hoá 1966-1976 khi các học giả bị đàn áp. Ông được ca tụng bảo vệ truyền thống văn hóa Trung Hoa và học hỏi ngoại quốc. Ông Dương qua đời ngày 23-11-2009, thọ 94 tuổi.

Vào lúc cao điểm Cách Mạng Văn Hoá, ông Dương bị tù 4 năm. Vợ ông, bà Gladys cũng bị tù. Hai ông bà gặp nhau trong khi theo học đại học Oxford vào cuối thập niên 1930. Hai vợ chồng trí thức này chuyên về học thuật nghiên cứu, không màng gì đến chính trị. Vào đầu thập niên 1950s, ông Dương từ chối một công tác rất vinh dự (theo nghĩa chính trị tiến thân trong xã hội CS) là dịch các tác phẩm của Mao Trạch Đông sang Anh ngữ. Trong cuốn tự thuật "White Tiger" (Bạch Hổ) xuất bản năm 2002, ông Dương viết "chỉ muốn dịch văn chương cổ điển Trung Quốc thôi."

Trong số những tác phẩm của Tây phương ông Dương dịch sang tiếng Hán có bộ The Odyssey và Pigmalion. Ông và vợ cùng dịch bộ Sử Ký của Tư Mã Thiên và những truyện của nhà văn Lỗ Tấn sang Anh ngữ.

NGUYỄN NGHIỆP HOA

Tuy nhiên, dù không dính dấp gì đến những cuộc tranh chấp quyền lực Trung quốc, ông cũng không thể thoát được bối cảnh hỗn loạn và tàn khốc trong cuộc đời ông. Năm 1979, người con trai ông tự vẫn sau khi bị chuyển đến một cơ xưởng làm việc trong lúc cha mẹ bị cầm tù. Sau đó, ông Dương lên tiếng tố cáo cuộc thảm sát Thiên An Môn hồi đầu tháng 6

một giáo sư học giả uy tín trong nước, người đầu tiên công bố lá thư ngỏ chống lại việc khai thác bô-xít ở cao nguyên từ tháng Tư 2009, đã bị công an vào nhà tịch thu máy móc vi tính và tài liệu, và bắt ông tới trụ sở lực lượng an ninh võ trang để căn vặn truy vấn các vấn đề do ngòi bút của ông đưa ra. Mấy ngày sau nhà báo Phạm Toàn, người thứ hai trong nhóm, cũng bị chung số phận.

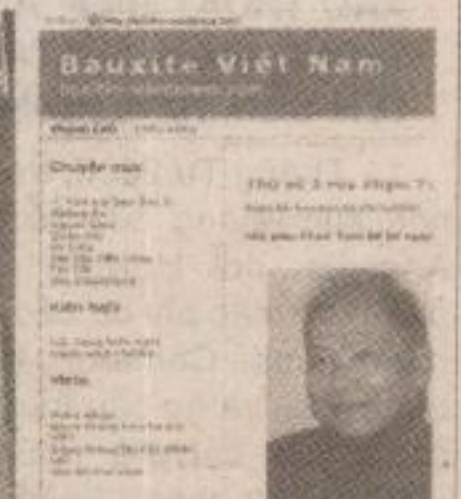
Gần một năm nay, việc Hà Nội cổ võ cho Trung Cộng khai thác bô-xít ở một số địa điểm chiến lược ở Việt Nam đã khiến

THỨ SÁU - SỐ 8805 - 15 tháng 1, 2010 (1 tháng Chạp năm Kỷ Sửu)

Tiếng chuông Bắc Hà

Vì sao Giáo Sư Nguyễn Huệ Chi bị côn!

LỮ TỐNG (Viết riêng cho Người Việt)



năm 1989. Đảng CS Trung Cộng có lẽ sợ giới trẻ sinh viên tranh đấu hơn là bắt những học giả tuổi ngoài bảy mươi nên đã không bắt ông Dương bỏ vào trại tù cải tạo.

CHÔNG ĐÀO MỎ BÔ XÍT Ô.Ô. NGUYỄN ĐỒNG CHI, PHẠM TOÀN BỊ ĐÀN ÁP

Ngày 12.1.2010 và các ngày tiếp theo, ông Nguyễn Huệ Chi,

người Việt toàn thế giới lo ngại, lên tiếng phản đối, cách này hay cách khác. Danh từ khai thác bô-xít không biểu tỏ hết các vấn đề hệ trọng bên trong: chất mỏ quặng này tuy độc hại, nhiều làng mạc dân chúng bị di dời, song hiểm họa là xâm lược Bắc phương ngang nhiên tự trị ngay tại các địa điểm khai thác, đem người (và quân lính, tình báo, dụng cụ) vào đất nước mà không bị kiểm soát. Tầu còn

thần nhiên thay đổi tên đường tại các khu mỏ quặng từ tên Việt Nam sang tên Trung quốc. Âm mưu xâm lược ấy ai cũng thấy, ngay cả những người lên tiếng bênh vực Tàu...

Bốn đài Việt ngữ BBC, VOA, VOF và RFI đều đã loan tin này. Lá thư của các trí thức Việt Nam, khởi xướng bởi ông Ng. Huệ Chi, hiện đã thu được 3.000 chữ ký. Một luật sư ở Hà Nội nói trên Đài VOA hôm 13.1: Việc lục soát gia cư và lấy máy móc tài liệu của giáo sư Ng. Huệ Chi là bất hợp pháp.

Hà Nội vốn thường xuyên hành xử bất hợp pháp từ cả chục năm nay, nhưng ít ai dám phản đối; nay giai đoạn người dân lên tiếng phản đối, nói được ra điều mình biết một cách tương đối mạnh bạo, đã bắt đầu.

tên là Sirgourney Weaver đang chiến đấu với con quái vật mà cái đầu che lấp tầm nhìn của nhà đạo diễn.

Trên sàn nhà kho, làm gì có rừng nhiệt đới, làm gì có quái vật, cũng chẳng có Weaver, mà chỉ là một đám chuyên viên và máy điện toán. Nhưng máy thu hình của Cameron cho phép ông thu cảnh bên trong vũ trụ sáng tạo thực thụ của ông. Ông nhào qua vai của quái vật và đi vào thế giới của Avatar.

Vừa có máu nghệ sĩ lẫn kỹ thuật, Cameron, 55 tuổi, đã tạo nên những kỳ tích khoa học giả tưởng lẫn lịch sử, từ du hành thời gian *The Terminator*, xuống đáy biển *The Abyss* và chuyện tàu *Titanic* bị đắm thành phim. Nhưng hơn hẳn những phim trước đây của ông, Avatar là thế giới hoàn toàn của Cameron.

mèo mắt to. Mất nhiều năm thực hiện với một ngân sách từ \$200 đến \$300 triệu cộng với chi phí theo thị trường, phim Avatar khởi chiếu tại các rạp ở Hoa Kỳ ngày 18.12.2009 vừa qua.

2.- Phim hình ảnh 3 chiều (3D) khoa học giả tưởng "Avatar" đã đoạt số thu khổng lồ chỉ sau phim Titanic. James Cameron, đạo diễn của cả hai phim này, được ca ngợi về xảo thuật biến hóa đặc biệt đến độ khán giả bị thôi miên trong gần 3 tiếng đồng hồ từ phút đầu đến khi kết thúc. 3. Lúc chưa chiếu, Avatar bị coi là một trong những phim bi quan nhất thì nay lại trở thành một trong những phim có số doanh thu trong những tuần lễ đầu cao nhất. Các nhà đầu tư của hãng 20th Century Fox, đã bỏ ra \$430 triệu thực hiện

bày một thành phố sụp đổ xuống đáy biển, vì một trận động đất cuối thế kỷ thứ IV. Thợ lặn và các nhà khảo cổ dùng một cần cẩu khổng lồ và giây chằng kéo cái tháp nặng 9 tấn, cao 7.4 foot, bám đầy rong rêu và bùn, lên bờ hải cảng, trước sự chứng kiến của nhà khảo cổ học hàng đầu Ai Cập là ông Zahi Hawass và nhiều nhà khảo cổ khác. Ông cho hay, tháp này là một phần quan trọng lịch sử thành phố Alexandria. Nhờ tháp này, nhân loại hiểu biết nhiều hơn về thành phố cổ. Một xe vận tải chở tháp này bỏ vào một hồ nước ngầm trong vòng 6 tháng cho tan hết muối. Cái tháp này là một trong số những kiến trúc của cung điện triều đại Ptolemaic cai trị Ai Cập. Triều đại này liên hệ đến hoàng gia Hy Lạp cai trị Ai Cập, sau khi Alexandre Đại Đế chinh phục Ai Cập vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên. Gia đình này cai trị Ai Cập cho đến khi bị Đế Quốc Rome chiếm vào năm 30 trước công nguyên.

Một trong những vị vua của gia đình này, nổi tiếng lịch sử Trung Đông cổ đại, là nữ hoàng Cleopatra, trị vì Ai Cập vào thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên. Cleopatra còn theo bám vị tướng Rome nổi danh là Marc Antony tại đền thờ trước khi cả hai tự tử vì bị hoàng đế Augustus Ceasar đánh bại.

Đền thờ này thờ nữ thần Isis, người Ai Cập đến cầu sanh đẻ và ma thuật, đã có từ ít nhất 2,050 năm. Cái tháp là một tảng đá granite đỏ, cất tại vùng Aswan, cách xa Alexandra khoảng 700 dặm về hướng nam. Việc thờ cùng thần Isis mạnh đến nỗi Cleopatra chọn xây một dinh thự cạnh đền thờ để ở. Nhà chức trách Ai Cập hy vọng tháp canh này sẽ trở thành một phần của bảo tàng viện dưới nước. Đây là một tham vọng nhằm lôi cuốn khách du lịch đến thăm duyên hải phía bắc. Du lịch tại Ai Cập thường bị cung điện Luxor của triều đại Pharaoh phía Nam và các kim tự tháp Giza, ngoại ô Cairo, lấn át. Bảo tàng viện vẫn còn trong giai đoạn soạn thảo kế hoạch. Mục đích của nó cho phép khách du lịch đi bộ qua các đường hầm dưới nước và nhìn cận cảnh các phế tích và phế vật bị chìm dưới nước.

Cung điện của Cleopatra và các dinh thự đền đài khác đều nằm ngổn ngang dưới lòng biển, trong số này có 20,000 vật thủ công nằm rải rác dọc theo duyên hải Alexandria. ■



XẢO THUẬT ĐIỆN ẢNH TRONG PHIM AVATAR LÊN ĐẾN TUYỆT ĐỈNH

1.- Tháng Tư 2008, trong một nhà kho không cửa sổ tại Los Angeles, nơi Howard Hughes chế tạo chiếc phi cơ cách đó 70 năm, James Cameron, trong bộ quần jean và áo cầu thủ hockey đang làm cái mà những đạo diễn thượng thặng không muốn làm. Ông ôm chiếc camera máy thu hình. Giữa sàn nhà kho trống trơn, ông nói to với một toán nhân viên đang cúi mũi vào màn hình điện toán tại một góc tại sao ông không nhìn thấy gì cả. Hoá ra ông đang ở trong cái đầu quái vật. Cameron thối lui nhìn vào ống kính máy thu hình, thấy một màu đen thẫm của cánh rừng già, trong đó có ẩn bản của người hành tinh khác cao to màu xanh dương

Avatar sẽ là bộ phim làm thay đổi kỹ thuật làm phim từ đây về sau. Có thể rồi bạn sẽ muốn xem phim *Real 3 D* hơn trước kia nhiều. Các vai chính là anh Sam Worthington và cô Zoe Saldana.

Bộ phim thiên anh hùng ca thuật chuyện theo chân một cựu Thủy Quân Lục Chiến tên là Jake Sully đang chiến đấu sinh tử với một người của một hành tinh khác tên là Pandora thuộc giống người Na'vi cao to, da xanh. Câu chuyện này đã ám ảnh dày vò tâm trí Cameron từ thập niên 1970s khi ông lái một xe vận tải cho Học khu Brea Olinda Unified School District tại miền Nam California. Ông hình dung ra một số cảnh sẽ có trong phim không bao giờ phai nhòa trong trí nhớ ông như cảnh những loài nhuyễn thể bơi lội, những yêu nữ bằng gỗ mà ông gọi là "những vật bổ công," những khu rừng sáng lân tân đầy màu sắc, những con tắc kè có cánh bay hay những con

Avatar lo ngay ngáy. Nay thì họ thờ phào. Vào ngày Chủ Nhật 03.1.2010, Avatar đã trở thành phim thứ năm trong lịch sử thu về hơn 1 tỷ Mỹ kim trên toàn thế giới với một thời gian ngắn nhất.

TÀI DỰNG CUNG ĐIỆN TRIỀU ĐẠI CLEOPATRA

Cuối năm 2009, các nhà khảo cổ đã kéo từ dưới biển Địa Trung Hải lên một cái tháp đền thờ thuộc cung điện triều đại Cleopatra lừng danh lịch sử, sau trở thành hoang phế chìm dưới biển trong nhiều thế kỷ, tại hải cảng thành phố Alexandria.

Tháp canh này nằm ngay lối vào đền thờ Isis. Nó sẽ là cổ vật trung tâm điểm cuộc triển lãm dưới nước theo kế hoạch của chính phủ Ai Cập, muốn trưng

TUỔI DẦN CHƠN PHÁP



Hồ Đền Ngọc Sơn, Hà Nội, ảnh trên một tấm bưu thiếp do Hữu Cấy chụp. Chỉ những ai vào lễ bái trong Đền mới biết rõ "Ông" được thờ ra sao ở đây.

Từ đầu thế kỷ XX tới đầu thế kỷ XXI có 10 tuổi Dần. Như sau :

Từ 8 tháng Hai 1902	tới 28 tháng Giêng 1903:	Nhâm Dần
26 tháng Giêng 1914	13 tháng Hai 1915:	Giáp Dần
13 tháng Hai 1926	1 tháng Hai 1927:	Bính Dần
31 tháng Giêng 1938	18 tháng Hai 1939:	Mậu Dần
17 tháng Hai 1950	5 tháng Hai 1951:	Canh Dần
5 tháng Hai 1962	24 tháng Giêng 1963:	Nhâm Dần
23 tháng Giêng 1974	10 tháng Hai 1975:	Giáp Dần
9 tháng Hai 1986	28 tháng Giêng 1987:	Bính Dần
28 tháng Hai 1998	15 tháng Hai 1999:	Mậu Dần
14 tháng Hai 2010	2 tháng Hai 2011:	Canh Dần

CĂN CƯỚC TUỔI DẦN (The Tiger ID card)

Tuổi Dần thuộc Dương (Yang)

Phương châm của tuổi Dần: Ta Thắng. (The Tiger's Motto: I win)

Tính tình, hành vi tích cực của tuổi Dần:

- Dễ thương, quyến rũ, lời cuốn, nồng nhiệt, vị tha, trọng danh dự, đàng hoàng, siêng năng, vui tính, độc lập, năng động.

Tính tình, hành vi tiêu cực của tuổi Dần:

- Dễ quạu, nóng nảy, hay gây gổ, ưa châm chọc, thích cướp đoạt, bất cần, bất kính, ưa nổi loạn, nông nổi, dễ bị gạt, độc tài.

Sự ưa thích của tuổi Dần:

- Thực phẩm: thịt đỏ
- Tráng miệng: bánh nướng trái cây (pie)
- Thức uống: rượu, nước chanh
- Gia vị: quế
- Kim loại: vàng
- Thú vật: cọp
- Dược thảo: húng tây (thyme)
- Nhạc cụ: kèn trumpet.

Hợp nhất với tuổi Dần:

- Số hên (may mắn): 7
- Màu sắc: đỏ tươi
- Hoa: cẩm chướng (carnation)
- Hương: hoa nhài
- Cây: sycamore (sung dâu)

- Vị: ngọt
- Quý thạch: hồng ngọc
- Tuổi hợp: Tuất.

NĂM 2010 CANH DẦN (The Metal Tiger Year)

Sau đôi ba năm trì trệ, Canh Dần là năm tuổi Dần cất cánh cao bay, thành công ngoài sức tưởng tượng nhưng phải biết tự kiềm chế vì tuổi Dần có khuynh hướng độc tài, tưởng tượng mình là cứu tinh, của một công ty, một tập thể, một đất nước hay một chính nghĩa. Hồ Chí Minh, Ayatollah, Fidel Castro là những tuổi Dần tác hại này.

TUỔI DẦN TRONG TỬ VI 12 CON GIÁP

Tôi đề nghị dùng chữ Tử Vi 12 Con Giáp để phân biệt với Tử Vi Chiêm Tinh.

Tử Vi 12 Con Giáp là Zodiac
Tử Vi Chiêm Tinh là Astrology

Chiết tự:

Zodiac = Zoo (sở thú) + circle (vòng)
= vòng các con thú

Astrology = Astral (thuộc về tinh tú)
+ study (nghiên cứu) = nghiên cứu tinh tú

Tại sao lại chỉ có 12 con?

Theo truyền thuyết Đức Phật có lần triệu tập một đại hội các con thú để sắp đặt trật tự trong thế giới loài vật.

Chỉ có 12 con thú hưởng ứng. Con đến trước nhất là chuột, con thứ hai là trâu, con đến thứ ba là hổ... con đến cuối cùng là lợn (heo). Do đó thứ tự 12 con vật được sắp xếp như sau: Tý (chuột), Sửu (trâu), Dần (hổ) ... cuối cùng là Hợi (lợn).

12 con giáp làm sao đủ bao gồm tính tình và số mệnh của bao con người?

Tử vi Trung Hoa bổ túc số 12 con Giáp yếu tố Ngũ Hành

- Mộc (Wood) : Giáp
- Hoả (Fire) : Bính
- Thổ (Earth) : Mậu
- Kim (Metal) : Canh
- Thủy (Water) : Nhâm

Như thế ta có $12 \times 5 = 60$ số mạng (personality chart) khác nhau.

Đó là bảng Lục Giáp đủ cho 60 mạng tuổi. Những người sinh vào năm Giáp Tý chẳng hạn, phải 60 năm sau mới gặp được những người cùng sinh vào năm Giáp Tý. Nhưng 60 mạng hay mẫu cá tính, định mệnh đâu có đủ bao gồm toàn thể loài người? Người ta có thể hỏi như vậy. Đúng thế. Để đi vào chi tiết, các nhà tử vi Trung Hoanhan số 60 với 12 tháng vì tuy cùng sinh một tuổi nhưng sinh đầu năm khác cuối năm. Do đó con số 60 phải nhân với 12. Một tháng có 30 ngày, một ngày có 12 giờ (giờ Trung Quốc: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi). Do đó $60 \times 12 \times 30 \times 12$...

Tổng cộng có 512,640 mẫu số mạng khác nhau, theo các nhà tử vi Trung Hoa.

Như thế có nghĩa là trong hơn một triệu người mới có thể có hai người số mạng khác nhau. Ngoài ra còn những yếu tố khác khiến cho hai người không thể có số mạng giống hệt nhau được. Đó là âm đức, công đức hay Karma (nghiệp) theo Phật giáo, Pravabdha (hậu quả của quá khứ mang qua hiện tại) của Ấn giáo.

Tử Vi 12 Con Giáp có chính xác không?

Đĩ nhiên là không có gì hoàn toàn chính xác được vì còn rất nhiều yếu tố chi phối, quá phức tạp để mang vào bàn tính. Nhưng theo kinh nghiệm và sự hiểu biết của tôi thì Tử Vi 12 Con Giáp khá đúng về phương diện tính tình, hành vi cử chỉ.

Tiếp theo, tôi tóm lược tính tình, hành vi cử chỉ của tuổi Dần theo nhà tử vi Suzanne White.

Tôi sẽ đánh số và mong quý vị tuổi Dần hay biết người tuổi Dần đánh giá đúng theo ba tiêu chuẩn Đúng, Sai, Không Đúng Không Sai.

TÍNH TÌNH, HÀNH VI SỰ NGHIỆP CỦA DẦN

Mục này chỉ cốt "mô tả hiện tượng luận" (Phenomenological description - chữ của J.H. Lambert, 1764) về tính nết, hành động và sự tự thành của Dần (có thể còn tiếp theo sau này):

I Nói chung

II Nữ Dần, chi tiết

III Nam Dần, chi tiết

IV Ảnh hưởng của Ngũ Hành đối với Dần - căn cứ trên cuộc đời của những danh nhân tuổi Dần. (Thí dụ:

Giáp Dần 1854: Oscar Wilde, Arthur Rimbaud

1914: Alec Guinness, Marguerite Duras

Bính Dần 1926: Nữ Hoàng Elizabeth II, Marilyn Monroe, Allen Ginsberg

Mậu Dần 1878: Isadora Duncan, André Citroen

1938: Romy Schneider, Natalie Wood, Tina Turner

Canh Dần 1890: Charles De Gaulle, Rose Kennedy, Eisenhower

1950: Princess Anne, Christina Onassis, Jay Lenno

Nhâm Dần 1902: John Steinback, Sir Ralph Richardson

1962: Jody Foster, Tom Cruise, Tracy Austin)

V Sức khỏe của Dần

VI Tương lai của Dần từ 2010 tới 2019

LƯU Ý - DISCLAIMER:

Vì không có kiến thức và kinh nghiệm bản thân gì về Tử Vi Trung Hoa, tôi phải hoàn toàn dựa vào một số chiêm tinh gia Trung Hoa, đặc biệt vào cuốn *The New Chinese Astrology* của Suzanne White. Tuy nhiên để kiểm chứng và bổ sung, tôi đã đối chiếu sự mô tả của Suzanne White với tiểu sử, hồi ký của những nhân vật được đề cập đến. Song tôi vẫn không dám bảo đảm độ chính xác của sự mô tả này.

Sự tin phục của tôi được đặt vào những bộ tử vi Ấn Độ- Nadigrantha- do các đại hiền triết Bhṛigu, Agastya, Vasistha để lại, được chạm trên lá dừa hay lá gồi từ trước khi phát minh ra giấy và mực. Tôi đã tìm hiểu và có

kinh nghiệm bản thân về một bộ Nadi này ở Bangalore, Ấn Độ, năm 2006. Những điều này sẽ được trình bày trong khảo luận *"Định Mệnh và Ý Chí Tự Do"* theo Nadigrantha, Baruch Spinoza, Ramana Maharshi, Gandhi, Ramesh S. Balsekar, Albert Einstein, Stephen Hawking, những nhà vật lý lượng tử và các học giả đột sổng mới.

TORA! TORA! TORA!

COP! COP! COP! Đó là một lệnh tấn công Trân Châu Cảng của phi đoàn quyết tử thuộc Lực lượng Hải Quân Hoàng Gia Nhật nhắm vào Hải quân Hoa Kỳ vào hồi 7 giờ 55 phút sáng Chủ Nhật 7 tháng 12 năm 1941.

Sự lựa chọn mật lệnh này thật là ý nghĩa.

Và sự lựa chọn chữ nghĩa để mở đầu chương nói về tuổi Dần của bà Suzanne White sau đây cũng không kém phần ấn tượng:

"Hãy coi con Cọp khùng khiếp kia- một nhà hành động, một kẻ xách động, một tên khuấy động và một người thực hiện thành công những kế hoạch có tầm mức thế giới."

(Consider the terrible Tiger- a doer, a mover, a saker and an accomplisher of world-class projects.- The New Chinese Astrology, p.92)

TÍNH TÌNH, HÀNH VI, CỬ CHỈ & SỰ THÀNH TỰU CỦA DẦN - NÓI CHUNG

1. Quyến rũ

(Đúng?

Sai?

Không đúng?

Không sai?)

2. Vui tính

3. Lôi cuốn

4. Thuyết phục

5. Khùng khiếp

6. Nồng nhiệt

7. Can đảm

8. Nhượng bộ bất ngờ khi cần thiết

9. Tự đề cao không biết mệt và ngưỡng

10. Khó đoán tâm Ý

11. Tỉnh thoảng từ bi bất ngờ

12. Cô độc

13. Đôi khi quảng giao quá trớn

14. Âm mưu thâm lạng

15. Vô úy

16. Không ai ngăn cản được

17. Gây rối

18. Thường lẳng lạng bỏ nhà đi biệt tâm tích

19. Cường tráng nhưng không vạm vỡ

20. Hay quyết đoán sai lầm

21. Không thích bị quở trách

22. Dễ nổi nóng

23. Ưa trả thù

24. Lúc nào cũng sẵn sàng hành động

25. Rất dễ thương

26. Quý phái

27. Là chỗ dựa vững chắc nhưng không bền

28. Thích cần được chú ý

29. Ít nói

30. Dứt khoát và buộc người khác phải có thái độ như vậy

31. Óc chiếm đoạt cao

32. Được nể, sợ, nhưng không ai muốn gần lâu

33. Ngoan cố

34. Ưa mạo hiểm

35. Bất cần

36. Liều lĩnh

37. Bất cần ý kiến, thái độ của người khác

38. Thích kế hoạch lớn, kể cả những kế hoạch bất khả thi

39. Đòi hỏi nhiều ở người khác

40. Có thể hy sinh cao độ

41. Chịu khổ, chịu khổ, ngay cả quy lụy nữa để được yêu

42. Rất cần và lúc nào cũng có đàn em, thủ hạ thân tín- nhưng không đáng tin.

43. Không cần và không có cố vấn giỏi mà chỉ có mưu sĩ, thầy dùi bao quanh

44. Bất tuân thượng lệnh

45. Hay nổi loạn

46. Số may mắn, thoát hiểm trong gang tấc

47. Dễ chết bất đắc kỳ tử trong lúc xuân xanh (như Marilyn Monroe, Natalie Wood, Oscar Wilde, Isadora Duncan, Buddy Holl)

48. Lúc nào cũng hối hả

49. Hay mâu thuẫn bất khả chữa trị

50. Tự đổi mới mỗi ngày

51. Chóng chán

52. Hay đổi nhà, đổi công việc

53. Khó tập trung tư tưởng

54. Dễ bị chia trí

55. Không thích những công việc, kế hoạch đòi hỏi trì chí, thời gian

56. Dễ bị qua mặt, lừa phỉnh

57. Làm quyết định rất khó khăn. Có khuynh hướng chần chờ, chờ đến "đúng lúc" mới làm đến ào một cái xuất quỷ nhập thần

58. Thích và chỉ có thể hành động một mình

59. Vị tha

60. Hào hiệp

61. Dễ lâm vào cảnh "Giữa đường thấy việc bất bình chẳng tha"

62. Không tôn trọng biên giới, giai cấp, nghi lễ

63. Xa lánh giới quyền quý và thích gần cùng đinh

64. Ưa tùy hỷ (vui chung niềm vui của người khác)

65. Tự tin mù quáng

66. Lúc nào cũng cần đồng minh

67. Có tay làm ra tiền

68. Đầu tư khôn ngoan

69. Nhiều sáng kiến táo bạo, hay ho

70. Trọng nghĩa khinh tài

71. Chỉ chịu thay đổi tính tình, hành vi cử chỉ ở tuổi trung niên

72. Hôn nhân qua được tuổi trung niên mới hy vọng bền lâu.■

Khởi Hành

DIỄN SÁCH

■ **TRUYỀN THÔNG (COMMUNICATIONS)** số 34 & 35. Chủ đề: Văn học hậu ngoại thuộc - **HỒ BIỂU CHÁNH (1885-1958)**, người dẫn đường vào văn học chữ quốc ngữ. Sách dày 302 trang. Số đặc biệt giá 20 Mỹ kim. Chủ trương: PHAM T. Liên lạc: (514) 326-0022 / Fax: (514) 255-8550. Email: pht@videotron.ca

Với chủ đề nêu trên, Văn học Việt Nam sau thời ngoại thuộc, (cả Bắc thuộc và Pháp thuộc, và thêm một bài về hậu Cộng sản thuộc), Tạp chí và Cơ sở Truyền Thông ở Canada (với Bác sĩ Phạm Hữu Trác), trong số này giới thiệu và thảo luận về *Truyện Thầy Lazaro Phiền* của P.J.B. Nguyễn Trọng Quản, ấn hành năm 1887 tại Sài Gòn, 20 năm trước khi nhà cầm quyền Pháp tại Đông Dương bãi bỏ Nho học; về Hồ Biểu Chánh, về Ảnh hưởng của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trên chính trị và Văn học Việt Nam.

Đây cũng là cuốn tiểu thuyết đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ và cũng là cuốn tiểu thuyết đầu tiên có cấu trúc như một cuốn tiểu thuyết Tây phương, khơi dòng cho văn xuôi Việt Nam. Dùng *Truyện Thầy Lazaro Phiền* làm mốc văn học, chủ đề của cuộc thảo luận Truyền Thông thực hiện nhằm tìm hiểu chín điểm tiêu biểu (hằng tính hay căn tính, tính chủ quan, tính khác biệt, tính thú yếu, tính tạp chủng, tính sắc tộc, tính đa nguyên, tính ly tán, tính toàn cầu) cho một nền văn học hậu ngoại thuộc, bắc thuộc, tây thuộc hay cộng thuộc.

Bài viết: Nguyễn Trọng Quản, Hồ Biểu Chánh và ảnh hưởng tiểu thuyết Âu Tây của Nguyễn Vỹ Khanh là chuyên đề nghiên cứu văn học công phu, đặc biệt là với nhà văn Hồ Biểu Chánh, người dẫn đường vào văn học chữ quốc ngữ.

Cùng góp một trong chủ đề Văn Học Hậu Ngoại Thuộc: Lê Phụng (Tỉnh Biên Cải và Tạp Chủng trong Văn Học Hậu Bắc Thuộc.) Từ Uyên (Ảnh Hưởng của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh trên Chính Trị và Văn Học Việt Nam.) Bùi Tiến Rừng (Điểm sách cùng bạn đọc.) Lâm Văn Bé (Nhân Bản Về Văn Hóa Hậu Tây Thuộc.) Trần Gia Phụng (Văn Chương Đối Kháng, trường hợp Nhân Văn - Giai Phẩm.) Phùng Thái Ninh (Văn Học Tạp Chủng Đại Đông Á.)...

Truyền Thông là một trong vài tạp chí quý hiếm tại Hải ngoại.

■ **NGUYỄN NGU Í, CUỘC ĐỜI và VĂN NGHIỆP - CHÂU HẢI KỲ.** NXB Văn Hóa Thông Tin - 1999. Sách dày 250 trang. Bản đặc biệt.

Tác phẩm biên khảo công phu của nhà văn Châu Hải Kỳ về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà văn Nguyễn Ngu Í (tên thật là Nguyễn Hữu Ngu, 1921-1979.) Học giả Nguyễn Hiến Lê đã có nhận xét: "Anh (Nguyễn Ngu Í) căm phẫn xã hội, căm phẫn thời đại, căm phẫn mọi người. Anh có nhiều lý tưởng, nuôi nhiều mộng cao đẹp mà gặp toàn những điều bất như ý, cứ phải cố nén xuống và sức nén càng mạnh thì sức bùng ra cũng càng mạnh... Ông là một cuộc đời đau khổ nhất và cũng đặc biệt nhất trong giới văn nghệ sĩ hiện đại." (trích Wikipedia tiếng Việt.)

Điểm đặc biệt của cuốn sách này là nó được thực hiện và giới thiệu bởi hai người thân Nguyễn Ngu Í nhất và thân *Tạp chí Bách Khoa* nhất: Châu Hải Kỳ và Nguyễn Hiến Lê. Do đó, hai tác giả có đủ thẩm quyền, trong cuốn sách cũng như trong Bài Tựa, để viết rằng Nguyễn Ngu Í trong 10 năm phụ trách phần phỏng vấn, tiếp xúc với các nhà văn Miền Nam, đã có công lớn nhất là đưa tờ *Bách Khoa* tới gần văn học giới Miền Nam. Trên *Bách Khoa* Nguyễn Ngu Í đã phỏng vấn khoảng một trăm văn nghệ sĩ trí thức Miền Nam về rất nhiều lãnh vực Văn hóa, văn học, văn chương, nghệ thuật. Châu Hải Kỳ viết: "Khả năng Nguyễn Ngu Í là khả năng của nhà

Sách gửi tặng Khởi Hành, bất cứ loại gì, chúng tôi sẽ giới thiệu trên báo, với đầy đủ địa chỉ tác giả, hay nhà xuất bản, nhằm giúp người viết, người in phổ biến tác phẩm tới người đọc, và hỗ trợ ngành xuất bản sách Việt ngữ. (Đôi khi một ấn phẩm cũng được nói tới vì tính cách đáng lưu ý nào đó liên hệ tới nó dù tác giả hay nhà xuất bản không gửi tới.)



Nhất Linh, Lê Văn Siêu, Đông Hồ, Lê Ngọc Trụ, Bình Nguyên Lộc, Hồ Hữu Tường...) rất giá trị về mặt văn học sử, có thể dùng để chứng minh rằng: Nhà văn Nguyễn Ngu Í đã góp phần rất lớn có công rất lớn trong sự ghi nhận và đánh giá văn học Việt Nam, trước và sau 1954.

Cuốn sách của Châu Hải Kỳ cũng là một tài liệu quý trong loại này, nhất là riêng với Nguyễn Ngu Í.

■ **TRẦN HUY LIỆU, CÔI NGƯỜI** - Tiểu thuyết của TRẦN CHIẾN. (con TRẦN HUY LIỆU) NXB Kim Đồng, 2009. Sách dày 310 trang. Bản đặc biệt.

Tiểu thuyết hóa cuộc đời và sự nghiệp của ông Trần Huy Liệu (1901-1969) là một nhà văn, nhà hoạt động cách mạng, nhà sử học theo khuynh hướng Maxisme.

■ **CHỮ VĂN CHỮ BÁO**, bút ký của Trần Chiến. NXB Văn Học, 2007. 195 trang. Giá ghi 25.000VNĐ.

Gồm 24 bài tạp ghi, bút ký văn học với nhiều cảm nhận về cuộc sống xã hội Việt Nam hiện nay.

■ **MÙA XUÂN ĐEN** - Truyện, Ký, Tản Mạn và **CHỤP MŨ** - Tạp Ký, của HẢI TRIỀU. NXB Việt Nam, 2009 ấn hành. Bản Đặc biệt không ghi giá.

Hai cuốn sách mới nhất của Hải Triều (Lê Khắc Anh Hào), *Mùa Xuân Đen* là những chuỗi hồi ức về những người thân trong gia đình và bằng hữu trong một giai đoạn lịch sử bi thương của dân tộc. *Chụp Mũ*, là tạp ghi những sự kiện có liên quan đến tác giả trong thời gian gần đây.

■ **HỒN CHIẾN MÃ**, thơ của TRẦN KHANH. Tác giả xuất bản. 2007. Tập thơ gồm 54 bài thơ, viết theo nhiều thể loại phong phú, giọng thơ trầm mặc, cảm hoài về lịch sử, thân phận kẻ sĩ với mệnh nước. *Hồn chiến mã xin một lần sống mãi/Nhớ chăng anh sông núi vẫn còn đây.*

■ **VÒNG HOA TIẾC THƯƠNG**. Ca khúc DVD của nhóm SƯỜI ẤM, nhạc sỹ TRÚC GIANG, gồm 14 ca khúc. Tác giả gửi tặng Khởi Hành.

■ **TOTAL SAO PAULO**, A Guide To The Unexpected. NXB Unhinged Jaw Press. Copyright © 2009 by THUYEN-QUYEN NGUYEN.

Sách hướng dẫn du lịch (bằng Anh ngữ) đầy đủ về São Paulo, trung tâm kinh tế và công nghiệp quan trọng của Brasil. Giá 27 mk. Nếu bạn muốn đi du lịch Brazil (Ba Tây), bạn nên có cuốn sách này.

Khởi Hành

TỦ SÁCH VĂN HỌC ■ XUẤT BẢN
VÀ PHÁT HÀNH ■ 714-891-2805
PO BOX 670 MIDWAY CITY CA 92655

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN THẾ GIỚI:

1. ĐÓN QUI-XÓT..... ĐỖ KHÁNH HOAN
dịch Don Quijote của Cervantes,
910 tr., giá 30 mk
2. SHAKESPEARE, cuộc đời, tác phẩm,
với nhiều hình ảnh, Đ.K.HOAN, 25 mk
3. VĂN HỌC BRAZIL, trên 300 tr, 20mk
4. HOA TRONG VƯỜN, nhiều truyện của
Shakespeare, Đỗ Khánh Hoan,.... 20 mk
5. TIẾNG SÓNG, Mishim Yukio.... 14 mk
6. ILIAD của Homer, ĐỖ KHÁNH HOAN
500 tr., 25 mk

Mua các sách trên có thể liên lạc thẳng
với tác giả tại địa chỉ: ĐỖ NHƯ HẰNG,
nhà xuất bản BA VÌ, 92 Cunnungham Dr,
Maple, ONT. L6A 2C2 Canada. Bạn đọc ở
Mỹ cần gửi thêm bưu phí 15 mỹ kim/cuốn.

VĂN SỬ HỌC VIỆT NAM:

- TỔ NHƯ & ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH
của TRẦN NGỌC NINH
430 tr. khổ lớn, 30 mk
- TUYẾT XÚA của TRẦN NGỌC NINH
250 tr, 25 mk
- VŨ HOÀNG CHƯƠNG, LỊCH SỬ THƠ
của VIÊN LINH 200 tr, 15 mk
- TRIẾT LÝ LÝ ĐÔNG A của PHẠM KHẮC
HÀM, 400 trang, giá 20 mk
- VIỆT SỬ SIÊU LINH của LƯU VĂN VINH
200 tr, 12 mk
- ĐỒ GỐM CỔ một nền văn hóa thuần Việt
4 màu khổ lớn, của BÙI NGỌC TUẤN
200 tr., giá 38 mk
- MẤY NẸO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT
và CHỮ NGHĨA của HUỖNH HỮU ỦY
280 trang giá 15 mk

TRUYỆN

- MÃ LỘ tân truyện của VIÊN LINH
200 tr, 12 mk
- HỒ CHIẾU BUỒN tiểu thuyết THẾ DŨNG
326 tr, giá 15 mk
- CHUYỆN TÌNH DỖ DANG, THẾ DŨNG
176 tr., 10 mk

Ngoài ra trên Nguyệt san Khởi Hành
còn có mục tìm kiếm mua bán sách báo
cũ miễn phí:

THƯ QUÁN AN TIÊM

sẽ giúp bạn mua những cuốn sách
không có tại tiệm sách hay sách xuất
bản từ trước 1975, hay giúp người khác
có cuốn sách cũ mà bạn không cần
đến nữa. Một website Khởi Hành tuy
chưa hoàn tất song đã xuất hiện, xin
vào Internet, bấm <khoihanh.com..

GIỮA TÒA SOẠN và BẠN ĐỌC

Xin lưu ý, 1: Các chữ viết tắt **1cl** là **1st class** (gửi hạng nhất); **bra** là **bulk rate** (gửi hạng ba, đúng ra là gửi từng bó.) [Mua Khởi Hành gửi bưu điện hạng nhất (trong nước Mỹ) là khi quý bạn trả 61.50 mk một năm. Hạng ba là khi trả 44.50 mk một năm. Sự khác biệt là báo gửi hạng nhất bỏ trong phong bì dán tem, như một lá thư, đi mất khoảng 3-5 ngày; và báo sẽ quay về tòa báo nếu có sai lạc; báo gửi hạng ba để trần, đóng kim, đi mất khoảng 7-21 ngày, và không được trả về tòa báo nếu người nhận đổi địa chỉ.]

Xin lưu ý, 2: Vui lòng gia hạn trước một số. Gia hạn sau, nếu lỡ chậm, tên đã bị xóa, báo sẽ chậm trễ vì phải vô số lại, đánh máy label lại. Xin đa tạ.

MUA BÁO DÀI HẠN

Tính đến hết ngày 15.1.2010, Khởi Hành đã nhận được ngân phiếu đặt mua dài hạn, gia hạn, hay mua nguyên bộ, của quý độc giả, thân hữu xa gần có tên dưới đây:

Bắt đầu đánh ngày 9 thang 12.09:

-- LS ANH THƯ TRẦN Watertown NY 1 năm 1cl -- TRẦN THANH HƯƠNG Paris 1 năm international 1cl -- TRẦN THÚY PHƯƠNG BS LỘC BÙI Westminster 1 năm 1cl -- CHÂU TRẦN Sunrise FL 1 năm bra -- HAI VAN VO Peoria IL 1 năm bra -- HOÀNG MINH OKC OK 2 năm 1cl (sách tặng: Vũ Hoàng Chương Lịch sử Thơ của Viên Linh) -- HOÀNG BÓN Columbia MD 2 năm 1cl (sách tặng: LS Dân tộc VN của Phạm Cao Dương) -- - Nữ họa sĩ ANN PHONG Cerritos CA 1 năm bra -- Nhà thơ ĐẶNG KIM CÓN San Jose 1 năm 1cl -- TRI N LAM Rahway NJ 1 năm bra -- JANET NGUYEN Humble TX 1 năm bra -- ANH NGUYEN đổi địa chỉ -- PHÙNG MỸ THẠCH Greenville South Carolina 1 năm 1cl -- NGUYỄN HOÀNG QUÂN Los Angeles 2 năm bra -- Miss ĐẶNG HÒA BÌNH Annadale VA 1 năm 1cl -- KIÊM LANG 1 năm bra -- VÕ ĐÌNH TẤN El Momte 1 năm bra -- HOA VĂN Dorchester MA 1 năm bra -- PHẠM TU& THIÊN Arlington TX 1 năm bra --...

Nếu thấy có sai sót trong chi tiết in trên đây, (thời hạn, địa chỉ, nhất là thời hạn) hay có thể là sai sót vì thư không nhận được, hay thất lạc sao đó,

(không thấy tên trong phần trả lời), vui lòng cho chúng tôi biết ngay để sửa lại kịp thời. Trân trọng cảm ơn.

CẢM TẠ

Hàng năm mỗi dịp Giáng sinh bốn báo chủ bút đều trở về Virginia thăm gia đình, nên vắng mặt tại Tòa báo; thư từ, lời nhắn trong điện thoại, emails, thiệp chúc mừng đều không kịp trả lời đúng hạn. Xin được cảm tạ quý thân hữu, quý bạn đọc nơi đây, và kính chúc quý vị quý bạn trong năm mới được mọi điều tốt đẹp, nhất là quý bạn Nhà thơ LÊ HỮU MINH TOÁN, TRẦN THIÊN HIỆP và Gia đình, Cô HÒA BÌNH ĐẶNG, Họa sĩ ANN PHONG, Nhà văn NGUYỄN ĐỨC AN M.D., các nhà thơ KHÁNH MINH, THẢO CA NGUYỄN XUÂN PHẢN, PHẠM CÂY TRÂM, KIỀU MỘNG HÀ và Gia đình, nhạc sĩ TRÚC GIANG và Nhóm Sưởi Ấm, ĐỨC-KIM THƯ QUỲNH CHI YÊN CHI, Quý vị THÍCH TỬ LỰC Chùa Phổ Từ Hayward CA,

Trước thềm năm mới Canh Dân 2010, trân trọng chúc quý vị quý bạn một năm an khang, may mắn. ■ VIÊN LINH.

MỘT VÀI TRAO ĐỔI

■ "Bước sang năm mới, kính chúc anh và ban biên tập mạnh tiến trong công việc bảo tồn và phát huy Văn hóa Việt Nam, không những ở Hải ngoại mà cho toàn Việt Nam nữa. Mười bốn năm bài vở sung thiêm, ít quảng cáo mà vẫn tồn tại là một phép lạ. Việc đúng, phải làm, anh cứ tiếp tục; chúng tôi là độc giả sẽ ủng hộ anh hết mình, mua báo Khởi Hành và sản phẩm của Khởi Hành.

HOÀNG QUÂN
Los Angeles

■ "Tôi nhờ anh kiểm giúp bài thơ của Thầy Vũ Hoàng Chương có tên là "Quê nàng xa lắm (?)," Tôi cần để phổ nhạc, nhớ không hết, đại khái như sau:

Chưa gặp bao giờ ta đã mê
Này đêm trăng thiếu rượu xa về
Có ai ngăn bước cầm tay nhủ
Xá muội tình sâu chớ lỗi thề...
VHC
NGUYỄN ĐỨC AN
Florida

¿Bạn đọc nào biết mách giùm bác sĩ Nguyễn Đức An?

■ "Mấy năm trước do mấy ông bạn mượn đọc, nên tôi mất 5, 6 số KH, nhưng đã nhờ cháu tôi ở Cali tìm mua lại đủ. Hiện tôi có đủ báo KH từ số 1 đến 158, và đã đóng thành tập, được 15 tập. Mấy ông bạn ca ngợi KH có giá trị về văn hóa, văn học, tôi khuyến khích họ mua để giúp tờ báo trường tồn mà giữ vững di sản nền Văn học Dân tộc trước 75, mấy ông chẳng mua [chỉ mượn tôi đọc]. Khi tôi chết mới hết mua Khởi Hành.

PHẠM CÂY TRÂM
Arlington, TX., 12.1.10.



Audrey Pharmacy

9741 Bolsa Ave Suite 116, Westminster CA 92683

Tel: (714) 531-1983 • Fax: (714) 531-1989

- Nhà thuốc tây do Tiến sĩ dược khoa tốt nghiệp tại Hoa Kỳ đảm trách.
- Nhận Medicare, Medical, CalOptima, MSI, và tất cả các loại Bảo hiểm
- Bán thuốc Over The Counter với giá discount.

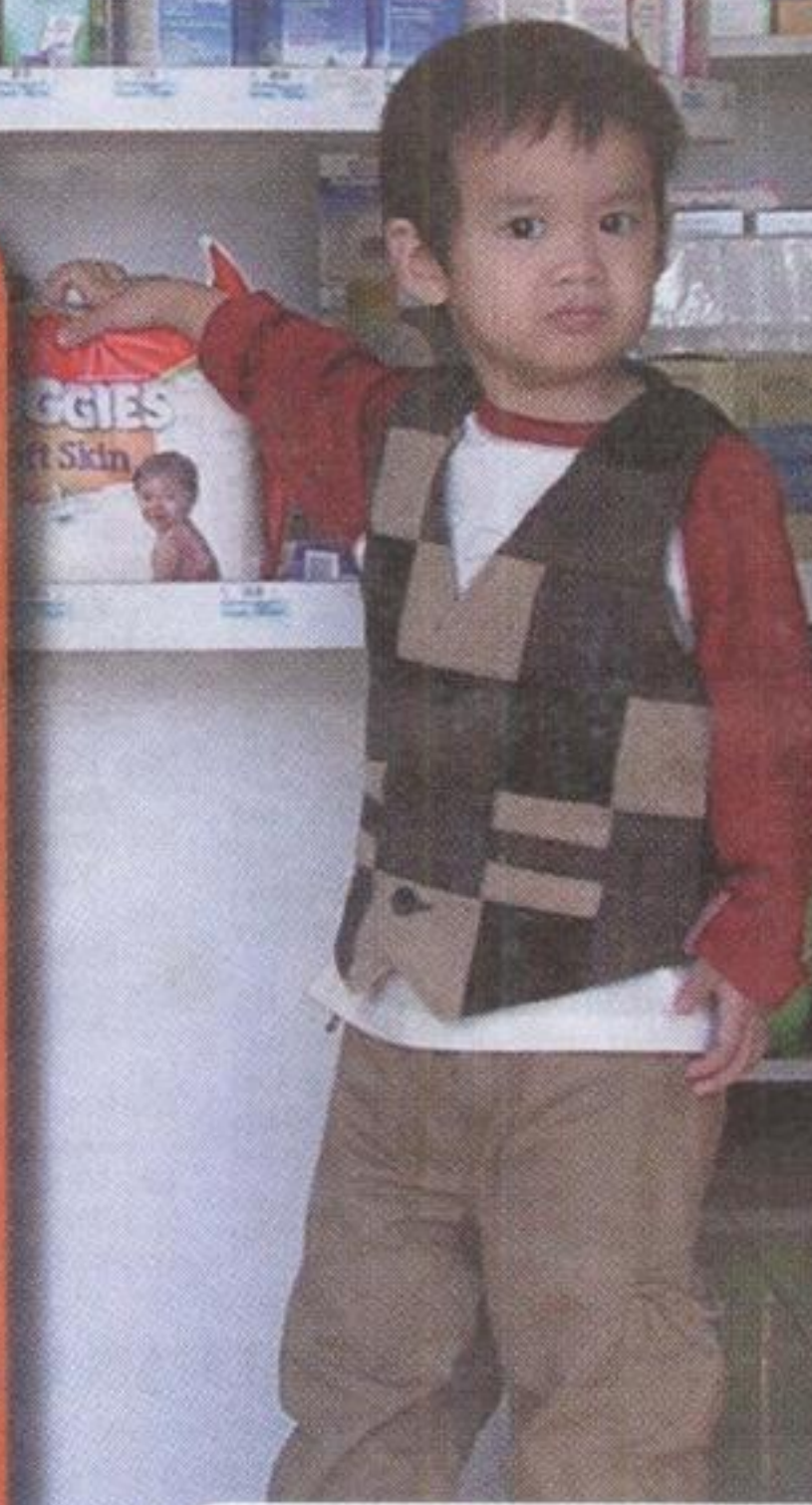
Bán các loại sữa dinh dưỡng:

Ensure và EZ-Care cho người lớn,
Glucerna cho người tiểu đường,
Nepro cho người thận suy, Pediasure
cho trẻ em,...

Cung cấp và hướng dẫn sử dụng các loại
máy đo huyết áp, máy thở, máy đo đường,
và các dụng cụ y khoa,...

Có dịch vụ chích ngừa cảm cúm hàng năm

**Cung
Chúc
Tân
Xuân**



Giờ mở cửa

Thứ Hai-Thứ Sáu: 9:30AM-6:00PM

Thứ Bảy: 9:30AM-4:00PM

Chủ nhật nghỉ

Địa điểm đẹp, tiệm thuốc mới, và bãi đậu xe
rộng rãi an toàn ngay trong khu Catinat Plaza
Luôn phục vụ quý khách với phương châm
ân cần, vui vẻ, và tận tâm

Dược sĩ Audrey Vũ trân trọng kính mời

THƯ QUÁN AN TIÊM

sưu tập trao đổi sách báo cũ ■ rao vặt

mua bán sách cũ qua bưu điện ■ An Tiêm phụ trách

The true university of these days is a collection of books.

Một đại học đích thực những ngày này là một sưu tập sách.

THOMAS CARLYLE (1795-1881) Sử gia Scotland

A room without books is like a body without a soul.

Một căn phòng không có sách tựa như một thể xác thiếu linh hồn.

CICERO (106-43 B.C.) Triết gia, sử gia La mã

Thư quán An Tiêm sinh hoạt ra sao?

Nhằm mở rộng sinh hoạt giữa những người yêu sách, sưu tập sách hiếm và những người muốn mua hay bán, hoặc trao đổi sách cũ, chúng tôi mở mục Thư quán An Tiêm. Qua mục này, bằng thư từ gửi qua bưu điện, chúng tôi mời quý bạn cùng tham dự. Có sách cũ dư dùng, hay cần một cuốn sách mà bạn tin là không có bán ngoài tiệm, bạn có thể nhờ người phụ trách (Ông An Tiêm) loan báo vào mục Rao Vặt của Thư Quán. Miễn liên lạc bằng điện thoại vì An Tiêm không làm việc tại toà soạn Khởi Hành.

SÁCH ĐÃ GỬI ĐI:

-- **Bí mật cuộc đời Mao Trạch Đông**, BS Lý Phục Huy.

-- **Từ điển nhân danh địa danh & tác phẩm văn học nghệ thuật Trung quốc**, BS Hoàng Xuân Chính soạn, ấn bản lần đầu.

SÁCH MỚI ĐANG CÓ:

(Khi quý bạn đọc muốn mua cuốn sách nào dưới đây, xin ghi rõ nhan đề và giá cuốn sách trên thư gửi mua. Người mua không phải trả thêm bưu phí. Ngân phiếu hay money order để Khởi Hành.)

Gần đây có một bạn đọc hào hiệp đã tặng bốn báo chủ bút một số sách cũ rất giá trị, trong đó có những cuốn trùng với Thư Viện Khởi Hành. Xin chân thành cảm ơn người bạn quý, không muốn nêu tên. Sau đây là những cuốn dư sẽ được bán ra cho bạn nào cần (chúng tôi chỉ bán ra những

cuốn bìa mỏng của KH, mà giữ lại những cuốn bìa da mạ chữ vàng người bạn quý mới tặng.)

-- **Giặc lái Ó Đen**, 500 tr., khổ lớn, Lý Tống, 15 mk.

-- **Văn học đời Lý** của Ngô Tất Tố, sạch và đẹp, 15 mk.

-- **Từ điển Anh Việt** Nguyễn văn Khôn, in lần thứ tư, Sài Gòn, 1967. Giá 30 mk.

-- **Tam Quốc Chí** trọn bộ, Từ Mỹ và Viên Đình lược thuật, Zielleks, 1977, 25 mk.

-- **Xứ trầm hương** của Quách Tấn, Lá Bối xb 1970, (ấn bản chính đầu tiên) còn tốt, các hình ảnh nguyên thủy, 40 mk

-- **Cuộc đời thơ ấu của vua hể sạt lò**, Vũ Hạnh dịch, bản in năm 1974, giá 7 mk.

-- **Đường xưa mây trắng** của Nhất Hạnh, do Lá Bối in lần đầu ở San Jose, trọn bộ 3 tập, như mới, giá 45 mk.

-- **Làm thế nào để giết một tổng thống**, (tập 2) Cao Thế Dung và Lương Khải Minh, giá 10 mk.

-- **Hồi ký một đời người** của Phạm Ngọc Lũy, (tập I), 15 mk.

-- **Đã hơn 30 năm rồi!** của Huỳnh Văn Lang, 300 trang, giá 15 mk.

-- **Vụ án trung tá North** của Thái Dũng, 10 mk.

-- **Những người đàn bà ở lại** của Nguyễn Ngọc Ngạn, 360 tr, bản in 1986, 15 mk.

-- **Những môn võ bí truyền trên thế giới**, Lạc Hà và Phạm Xuân Thảo viết theo John Gilbert, ĐNÁ, Paris xb, 1986, giá 20 mk.

-- **Einstein, đời sống và tư tưởng**, Ng Hiến Lê, 10 mk.

-- **Từ từ tự xử lý**, Trần Thư, 1996, (vụ án xét lại tại miền Bắc) 15 mk.

-- **Giặc Cờ Đỏ, I và II**, Nguyễn Vũ, 25 mk

-- **Bia mộ đen**, Erich Maria Remarque, 600 trang, Tâm nguyên dịch, 20 mk.

-- **Nguyễn Sơn, lương quốc tướng quân**, bì cứng, mới, 25 mk.

-- **Ngày qua bóng tối**, Ng T Hoàng, 15 mk.

-- **Hận Vàng Ấn Độ**, Z.28, 600 tr, 25 mk.

-- **Banco, giang hồ tung cánh**, của Henri Charriere (Papillon) 554 trang, 20 mk.

-- **Về R của Kim Nhật**, bản in khá cũ, 600 trang, 35 mk.

-- **Tam quốc tam tuyệt** Đông Tùng, 15 mk.

-- **Phong thủy bí quyết để thành công**, Ng Phúc Vinh Tung, 15 mk.

-- **Bí quyết giữ gìn sức khỏe, phương pháp dinh dưỡng thiên nhiên**, Hoàng Toại, 15 mk.

-- **Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết**, Nguyễn V Trung, Tự Do xb tại Sài Gòn (do Xuân Thu in lại), hơn 200 trang, giá 25 mk.

-- **Ngựa Hồng**, tiểu thuyết của Lê Hằng, 518 trang, giá 20 mk.

-- **Sóc Nâu**, tiểu thuyết của Lê Hằng, 404 trang, viết từ 1974, giá 20 mk.

-- **Tự điển Từ vi dấu số và Thần số học**, Lê Quang Tiêm, 420 trang, 20 mk.

-- **Cuộc cách mạng bị phản bội**, Leon Trotsky, Hoàng Hoa Khôi dịch, Paris, 340 trang, 20 mk.

-- **Màn nhung đã khép**, tiểu thuyết trong bối cảnh hậu trường sân khấu, Hồ Trường An, 324 trang, giá 20 mk.

-- **Chuyện tình kể trước lúc rạng đông**, Dương Thu Hương, Hồng Lĩnh xb, 270 trang, giá 15 mk.

-- **Những thiên đường mù**, Dương Thu Hương, Phụ nữ xb, 284 trang, giá 15 mk.

-- **Các vĩ nhân tình lẻ**, 250 trang, Đa nguyên xb, giá 15 mk.

-- **Bên kia bờ ảo vọng**, Dương Thu Hương, Đa nguyên xb, 340 trang, giá 15 mk.

-- **Thất sơn màu nhiệm**, Dật Sĩ và Nguyễn văn Hẫu, trên 300 trang, 20 mk..

-- **Từ vi trọn đời, Nữ mạng**, giáo sư Hiến Linh, vận mạng và tử vi trọn đời 12 con giáp, giá 15 mk.

-- **Từ vi dấu số và thần số học**, Lê Quang Tiêm, trên 400 tr, giá 20 mk.

-- **Thơ từng ôm và mặt trời từng hạt**, thơ Nhất Hạnh, 20 mk.

-- **Tắm mắt ngọn sông đào**, nhiều tác giả, 12 mk.

-- **Thông đưa tiếng kẻ**, Túy Hồng, 10 mk.

-- **Lm Nguyễn văn Lý**, Ngô thị Hiến sưu tập, 654 trang, 15 mk.

-- **Tuyết Kha** của Quỳnh Dao, 9 mk.

■ **Ngân phiếu mua sách cũ để tên Khởi Hành và gửi về:**

P O BOX 670

MIDWAY CITY CA 92655

LƯU Ý: Vui lòng liên lạc bằng thư.

Xin miễn điện thoại khi mua sách.

Giá cuốn sách bán ra đã kèm luôn bưu phí gửi đi.

Kính gửi Bạn đọc,

Kỳ này Sách cũ An Tiêm liệt kê còn thiếu sót nhiều, cũng như còn một số bạn gửi ngân phiếu mua sách cũ nhưng chúng tôi đã không cập nhật kịp. Do dọn toà soạn, sách vở bị chất đống, chúng tôi còn đang sắp xếp lại, hiện nay không thể tiến hành. Nhưng sau Số Xuân, được nghỉ tháng February, tháng March mới ra báo, chúng tôi xin hoàn tất việc gửi sách đi trước đó. Xin đa tạ.

PHIẾU MUA DÀI HẠN KHỞI HÀNH

(hay GIA HẠN) gửi ngày /.. /....

Để được tặng một cuốn sách giá trị, vui lòng đặt mua một lúc tối thiểu 2 năm. ■ Giá 1 năm là 44.50 mk (**61 mk 50 nếu gửi hạng nhất**) ■ Giá 2 năm là 84.00 mk (**118 mk nếu gửi hạng nhất**). Để có sách tặng, vui lòng kèm thêm 8 mk bưu phí.

Tôi tên:.....Đ/th:

Địa chỉ:.....

Tôi muốn (mua) / (gia hạn) ■ **MỘT năm 12 số, từ sốđến số.....**
hoặc ■ **HAI năm 24 số, từ sốđến số**

Kèm ngân phiếu:

--\$44.50 cho một năm hay \$84 cho hai năm (\$92 mk nếu yêu cầu gửi sách tặng). Hoặc:

--\$61.50 cho một năm hay \$118 cho hai năm (\$126 mk nếu yêu cầu gửi sách tặng) nếu gửi cước phí bưu điện hạng nhất.

Ngoài Hoa Kỳ báo gửi bưu phí máy bay:

■ Canada: \$65.50 một năm, cả báo và bưu phí. ■ Âu châu: \$85 một năm

■ Á, Úc: \$90 một năm.

Ngân phiếu để Khởi Hành và gửi về

Khởi Hành P. O. BOX 670, MIDWAY CITY, CA. 92655

Điện thoại: (714) 891-2805



KỶ THỨ MƯỜI BẢY PHẦN THỨ HAI

Nghề nghiệp?
Hà ngẫm nghĩ:
-Tôi không có nghề nghiệp gì.
-Khai nội trợ vậy?
-Nội trợ? Vâng cũng được.
-Trước đây, bà cư ngụ ở đâu?
Hà lại ngẫm nghĩ:
-Saigon.
-Đường nào?
-Đường Mát-Xi.
-Bà có chồng không? Chồng bà làm nghề gì.
-Trước kia thì có. Chúng tôi bỏ nhau đã bấy năm.
Viên Cảnh Sát nhìn lên, ngạc nhiên:
-Bây giờ bà có chồng khác? Tôi thấy bà có thai?
-À, có cần khai rõ ra không ông?
-Bà nên khai hết, không nên giấu diếm làm gì cả.
-Thật ra tôi không có chồng.
-Ít nhất thì bà cũng liên lạc với một người đàn ông nào đó?
-Vâng.

*fr p 327- 347 CHGC-

Người Cảnh Sát cười.
-Chẳng hạn với anh tài xế chiếc traction NBA-7. . . Nguyễn văn Sáu.
Hà chợt nhớ lời tiết lộ của Hương, nàng gật đầu:
-Vâng, anh Sáu. Có, có liên lạc.
-Tôi tưởng liên lạc mật thiết chứ? Nếu không hẳn đâu có dính dáng gì đến thằng Bedos. Có phải hẳn nỗi ghen vì thấy bà ở nhà Bedos rồi giết thằng Râu Xanh ấy không?
Hà làm bộ ngờ ngác:
-Vâng. Vâng.
Nghĩ sao, nàng thêm:
-Tôi không nhớ rõ ông ạ. Lúc ấy tôi ngủ say.
-Trong giường Bedos?
-Vâng.
Viên Cảnh Sát cười, cầm cúi ghi vào cuốn sổ. Hà nói rất vắn tắt mà anh ta ghi cái gì thật dài. Nàng thắc mắc hỏi lại:
-Ông ghi gì nhiều thế?
Anh ta ngẩng lên:
-Ghi những gì bà khai. Cái này rất quan trọng cho bà. Bà ngủ trong giường, như thế là bà không biết gì về vụ án mạng cả. Tội lỗi anh chàng Sáu gây ra hết. Tôi làm cảm tình với bà

lắm.

Châm một điều thuốc lá Ruby anh ta làm điệu bộ quan trọng:

-Nếu quả như lời khai, bà sẽ không tù tội gì. Bất quá bà bị tạm giam, một thời gian. Bây giờ tôi dẫn bà xuống phòng tạm giam. Sáng mai ông trưởng ty sẽ nói chuyện với bà.

Hà gật đầu, theo người cảnh sát viên băng ngang khu sân rộng. Anh ta tới một căn phòng nhỏ, cánh cửa là một liếp tôn, nói:

-Tôi để bà ở phòng riêng.

-Cảm ơn ông.

Hà bước vào gian phòng nhỏ hẹp, nhìn quanh quẩn. May thấy một ngọn đèn nhỏ vừa được bật lên. Phòng trơn trụi không ghế không bàn, không giường. Nền xi măng.

Người cảnh sát bắn khoăn:

-Bà đợi tôi một tí.

Anh ta tới khu ga-ra mang tới một chiếc ghế băng, cười nói:

-Bà ngủ tạm đây vậy.

Hà lại gật đầu:

-Cảm ơn ông.

Anh ta loay hoay móc cái chìa khóa, miễn cưỡng nói:

-Tôi phải khóa cửa, bà cảm phiền.

-Không sao. Tôi hiểu.

Một tiếng cách. Tiếng chân rời rạc đi xa. Trong khi băng qua sân, người cảnh sát quay tit xâu chìa khóa. Trong phòng tối, Hà nghe tiếng leng keng khác khoải báo hiệu một quãng đời mới vừa khởi sự với nàng.

CHƯƠNG CHÍN

Qua bờ gỗ của khung cửa sổ chưa đóng, bốn bóng đen nhấp nhô ngó vào văn phòng còn đèn của ngôi biệt thự. Viên phó ty quay đi quay lại, nụ cười khô hài, khiêu khích, ông ta ghé sát vào tai Sáu, nói:

-Đó, thấy chưa mày. Tao bảo đảm hay hơn "Nỗi lòng người trinh nữ" nhiều. Hấp dẫn, mê ly, rùng rợn, mà lại xem khỏi mất tiền! Đ. má, thế mà mày không biết hưởng.

Lần sau cùng khi thấy Đạo đi vào phòng ngủ, ông ta hoa tay:

-Chết cha, cái này thiệt hại bạc triệu!

Quay lại Sáu, ông ta phải cúi xuống để nhìn vào mặt anh ta. "Đ. má, tài xế xe lô mà đòi ve con đàn bà đó."

Nhưng ông ta bỗng làm bộ thương hại:

-Dù sao, là đàn ông, tao thông cảm với mày. Tao cũng thương mày lắm. Tao không để thằng cha đó ngủ với nữ hoàng Ba Tư của mày đâu. Tao bắt con mẹ đi liền bây giờ.

Sáu ngẩng lên, khuôn mặt bớt tối tăm. Viên phó ty cười:

-Mày chịu chứ? Tao cho tụi nó vô bắt con mẹ đi liền bây giờ. Cho thằng cha Đạo đem con bỏ chợ một bữa chơi!

Cả bọn rục rịch đứng lên. Sáu chợt nói:

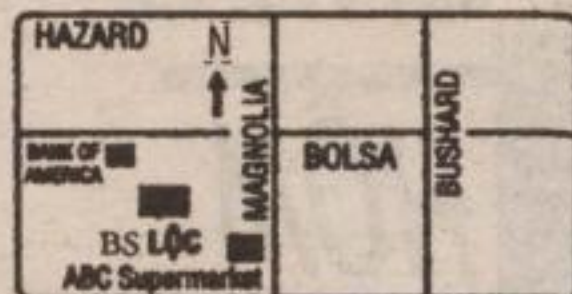
BÁC SĨ BÙI ĐẮC LỘC, M.D.

DIPLOMATE IN AMERICAN BOARD
OF INTERNAL MEDICINE

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

8900 BOLSA AVE., SUITE B, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 897-2623



■ Member of American College of Physician ■ Tốt nghiệp Hậu Đại Học Nội Thương San Francisco ■ Nguyên B.S. Phó Trưởng Khoa Chấn Thương Chính Hình Bệnh Viện Bình Dân Sài Gòn ■ Cựu Nội Trú các Bệnh Viện Sài Gòn ■ Nguyên Bác Sĩ Điều Trị tại Kaiser, South San Francisco và West Covina Medical Clinic ■ Bác Sĩ điều trị tại các bệnh viện Fountain Valley, Orange Coast Memorial. ■ Hội viên hầu hết các hãng Bảo Hiểm -PPO và HMO Plans ■ Cộng tác với các Tổ hợp Family Choice Health Network, trong chương trình Cal-Optima, Noble AMA Select, Affiliated Doctors of Orange County (ADOC) ■ Khám và chích ngừa trẻ em nhập học, khám định kỳ trẻ em lành mạnh theo chương trình CHDP.

NHẬN MEDICARE MEDICAL, BẢO HIỂM

ƯU TIÊN CHO KHÁCH HÀNG CÓ HẸN TRƯỚC
TRỰC TIẾP SẴN SÓC BỆNH NHÂN
KHI NÀM BỆNH VIỆN

GIỜ LÀM VIỆC

THỨ HAI - THỨ BA - THỨ NĂM - THỨ SÁU:

Từ 9:30 AM - 5:00 PM

THỨ TƯ: 9:30 AM - 1:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 2:00 PM

PHIẾU MUA DÀI HẠN (hay GIA HẠN) Khởi Hành*

Giá 1 năm 44.50 mk (bưu phí bulk rate); **61.50 mk** (bưu phí hạng nhất)

Giá 2 năm 84 mk (bưu phí bulk rate); **118 mk** (bưu phí hạng nhất)

Trả liền hai năm có sách tặng, vui lòng kèm thêm 8 mk để gửi sách.

Tôi tên:.....Đ/th:.....

Địa chỉ:.....

Tôi muốn (mua) / (gia hạn) ■ **MỘT năm 12 số, từ sốđến số.....**
hoặc ■ **HAI năm 24 số, từ sốđến số.....**

Kèm chi phiếu **\$44.50 mk** cho một năm,*

\$84.00 mỹ kim cho hai năm*

báo gửi 1ST CLASS: \$61.50 cho 1 năm*

(thêm 8mk nếu muốn sách tặng)

\$118.00 cho 2 năm*

.....ngày..... 2010

Ngoài Hoa Kỳ báo gửi máy bay. International First Class

- Canada: 65 mk 50 cho 1 năm, cả báo và bưu phí.
- Âu châu: 85 mk một năm, cả báo và bưu phí.
- Á, Úc: 90 mk một năm, cả báo và bưu phí.

Phiếu mua báo và chi phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:

Khởi Hành P. O. BOX 670, MIDWAY CITY, CA. 92655

Điện thoại: (714) 891-2805

HÓA THÂN

*Tim tôi thấy óc tôi khô / Đây trăm tội nặng ngồi đo lường trời
(Viên Linh, Hóa Thân, 1964)*

Tập thơ đầu tay của VIÊN LINH do nxb Văn Nghệ in 46 năm trước, 1964; ấn bản do edition LMN in bên Đức năm 1994, hiện bán qua bưu điện, 25 mk kể cả bưu phí. Có chữ ký của tác giả. Liên lạc Khởi Hành.

-Thôi ông phó ty.

Ông ta trợn trừng:

-Hả? Cái gì?

-Thôi ông.

Ông ta kinh ngạc:

-Sao lại thôi. Bộ mày muốn cho thằng đàn ông kia ngủ với người yêu của mày hả?

Ông ta cười mỉa mai:

-Đồ ngu xuẩn! Cao thượng quá mà!

Trong một vài giây, ông ta nổi giận:

-Thì ra mày khôn nạn quá! Tao tưởng mày mở mắt ra chứ.

Mày lại vẫn còn ái tình lý tưởng, cao thượng hảo huyên. Mày còn xúi tao buông tha cho tụi nó hả.

Viên phó ty ngoắc hai thuộc viên:

-Dô, tụi bây.

Cả bọn lao xạo bước đi. Sáu bị đẩy đi trước. Anh ta suýt ngã bổ chửng vì hai tay bị còng chặt, mất thăng bằng.

Sáu nhìn nhớ nhìn ánh đèn mờ từ trong ngôi biệt thự hắt ra qua kẽ cửa. Anh ta biết là không còn cách gì để cản trở được họ nữa. Viên phó ty đập vào cửa ầm ầm.

Đúng lúc đó Đạo vừa khép cửa phòng ngủ lại. Ông ta ngạc nhiên, nghĩ mình nghe lầm. Song tiếng đập cửa vẫn tiếp tục.

Ông nhìn Sương. Nàng vẫn nằm thẳng cẳng trên giường. Bấy giờ rượu đang ngấm trong máu nàng.

Ông khép cửa phòng ngủ lại, bước ra. Vuốt lại mái tóc, ông ra mở cửa.

Nhìn thấy viên phó ty, Đạo ngạc nhiên:

-Kìa ông phó.

Viên phó ty cúi đầu, lạnh lùng:

-Chào ông.

-Có việc gì đó ông?

Một trong hai người Cảnh Sát đi vòng lại phía sau ngôi biệt thự. Ông Đạo tò mò nhìn theo anh ta.

Viên phó ty chỉ vào phòng khách:

-Chúng tôi có thể ngồi được chứ?

Người chủ đồn điền khó chịu:

-Vâng. Nhưng ông có thể cho biết chuyện gì?

Bước vào trong nhà, viên phó ty tự tiện ngồi xuống ghế, Sáu và viên Cảnh Sát còn lại đứng lơ ngơ giữa phòng. Ông Đạo bức bối lắm.

Viên phó ty nói:

-Chúng tôi làm phiền ông trong lúc khuya khoắt thế này mong ông thông cảm.

Đạo nghĩ thầm: thông cảm con mẹ gì. Nghĩ thế nhưng ông hỏi:

-Chuyện gì thế ông?

-Về một người có dính líu đến vụ Bedos.

Người đàn ông tỏ ý ngạc nhiên:

-Vụ Bedos?

Ông cũng đã nghe vụ án mạng đó. Chỉ Sáu, ông ta hỏi:

-Còn anh này vì sao bị bắt.

-À, để tôi giới thiệu với ông nhé. Đây là Nguyễn Văn Sáu, Sáu chạy xe lô, còn có biệt danh đứng bên là Sáu Dao Búa, tuổi trẻ tài cao, thủ phạm giết Bedos!

Ông ta khoái chí vì câu nói văn hoa

của mình, cười khà khà để lộ một chiếc răng vàng. Ông bỗng ngưng cười để nhìn Đạo. Đạo tiến lại phía Sáu vỗ vai anh ta:

-Hay lắm. Anh giết thằng mũi lõ đó là phải.

Viên phó ty gật gù:

-Phải chứ sao, chỉ có cái sát nhân thì bị bắt hà!

Đạo nói tiếp:

-Tôi ở vùng này cả chục năm rồi, ông phó. Cho nên tôi biết thằng Bedos lắm. Nó hăm bức có hàng chục đàn bà con gái rồi chứ không phải ít. Tôi không biết anh Sáu này ra làm sao, tôi cũng chưa từng biết anh, nhưng tôi cảm kích lắm.

Ông lại vỗ vai Sáu lần nữa. Lần này Sáu ngược nhìn ông mỉm cười. Anh ta không thấy cay cú Đạo nữa. Viên phó ty vất chân lên nhau, thò tay vào túi tìm thuốc lá. Đạo bảo:

-Để mời ông hút thuốc này.

-Ông mang hộp thuốc Craven "A" hộp tròn, loại để bàn 50 điếu, từ trên nóc tủ chè xuống. Viên phó ty nhón một điếu, xoe xoe điếu thuốc như tiếc rẻ không muốn châm lửa. Đạo cầm hộp thuốc trước mặt Sáu, đưa mời anh ta. Bấy giờ ông lại nhìn thấy đôi tay bị còng của người thanh niên.

Ông bật lửa châm thuốc cho viên phó ty và Sáu. Anh chàng cảnh sát viên đi kèm Sáu cũng được mời hút nhưng sau khi liếc nhìn thượng cấp đành phải từ chối. Trông mặt viên phó ty khó dăm dăm.

Đạo quay lại nói với ông ta:

-Cho họ ngồi được không ông phó?

Ông ta gật đi:

-Thôi tụi tôi phải đi ngay.

Rồi ông ta cười gượng:

-Còn một người nữa chúng tôi được lệnh bắt. Người mà tôi vừa nói với ông có dính líu vào vụ Bedos. Người đó đang ở trong nhà này.

Đạo kinh ngạc hỏi:

-Ông nói sao? Đang ở trong nhà này?

-Thưa phải.

-Ông có thể nói rõ hơn không?

Viên phó ty tự đắc:

-Vâng, đó là nhiệm vụ của tôi. Người đó hiện đang ở trong phòng ngủ của ông.

Đạo hiểu ngay. Ông cười cái vẻ hoài nghi, miệng cười nhưng khóe mắt không cười:

-Tại sao ông nói chắc chắn là người đó hiện đang trong phòng ngủ của tôi. Có lẽ ông đã rình mò ở đây lâu rồi.

-Vâng, ông nói đúng. Rình chứ không mò. Có đến nửa giờ rồi.

Người đàn ông giận phừng phừng:

-Thế nghĩa là chúng tôi làm gì với nhau, nói gì với nhau ông đều thấy hết đều nghe hết?

Viên phó ty nhún vai không trả lời. Sáu nói xéo vào:

-Ông ta còn bắt buộc tôi phải xem nữa. Tôi thật tình đau khổ phải làm như vậy!

Bằng một cái nhìn thông minh. Đạo

hiểu ngay tại sao. Ban nãy ông cũng đã đặt câu hỏi về sự có mặt của anh ta bên cạnh người vợ cũ của mình ở nhà Bedos.

Bây giờ nhìn nét mặt đau đớn của người thanh niên, ông hiểu tất cả. Tự nhiên mà hiểu không cần giải thích.

Ông quay sang nhìn viên phó ty cảnh sát với điệu bộ thách thức của một kẻ vừa bị xâm phạm nặng nề. Lặng lẽ ông châm một điếu thuốc lá gài lên miệng. Tuy từ tốn nhưng gay gắt ông hỏi:

-Thế bây giờ ông phó muốn gì?

Viên phó ty phân trần:

-Ông biết cho, cá nhân tôi không muốn gì cả.

-Thế rồi sao, thưa ông phó?

-Vâng, cá nhân tôi thì không có gì để phải làm phiền ông hay bà Sương cả, nhưng luật pháp lại bắt buộc tôi phải bắt bà!

Đạo hỏi lại:

-Bắt?

Viên phó ty ngạc nhiên, xác nhận:

-Vâng, bắt.

-Bắt hay mời về ty, ông có thể nói rõ hơn không?

Viên phó ty nóng máu:

-Thưa ông tôi ít mời ai và tôi bắt.

Đạo chìa tay ra:

-Ông làm ơn cho tôi coi trát tòa.

Vừa nói Đạo vừa bấm chuông làm như gọi gia nhân.

Viên phó ty chưng hửng:

-Tôi không có trát tòa.

-Vậy mà ông đòi bắt người ta, ông phó?

Để không khí khỏi căng thẳng hơn nữa, Đạo dịu giọng:

-Bởi thế tôi hỏi ông là bắt hay chỉ mời về ty để hỏi những điều liên quan đến vụ án mạng. Hai điều đó khác nhau xa. Hình như bà vợ cũ của tôi cũng không hề bị bắt quả tang?

Viên phó ty ngượng ngập gật đầu:

-Không chúng tôi chỉ biết bà Sương có mặt ở đó trong đêm án mạng xảy ra theo lời khai của người bếp. Người này đã mang cháo gà lên cho chủ và bà Sương.

Đạo cười:

-Các ông làm việc thế sao được. Để tôi gọi điện thoại cho ông tỉnh trưởng.

Viên phó ty có vẻ áy náy, ông ta hút Caraven "A" như hút Bastos đỏ, ngồi không yên trên ghế.

Đạo nhắc máy điện thoại quay mấy số. Ông nghe chuông reo, bỏ điếu thuốc đang hút ra khỏi môi:

-Allo, cho tôi nói chuyện với ông Tỉnh. Nói tôi là Đạo ở đồn điền Vũ Hà.

Đạo lại gài điếu thuốc lên môi trong khi chờ máy. Ở đầu giây có tiếng trả lời, Đạo nhận ra tiếng vị tỉnh trưởng mừng rỡ nói:

-Allo anh H?

-Vâng tôi đây, anh Đạo hả. Có việc gì? Lên chơi với tụi này?

-Thôi cảm ơn anh. Tôi đang bị người của anh hỏi thăm sức khỏe.

Tiếng nói ở đầu giây ngạc nhiên:

-Sao cái gì thế toa?

-Ông phó ty cảnh sát đang ở nhà tôi.

-Giờ này?

-Vâng, hiện ông còn ngồi đây. Ông đòi bắt một người đàn bà nói là dính líu đến vụ án mạng Bedos, hiện ở trong nhà tôi, trong khi không có trát tòa mà cũng chưa biết vụ đó có thực không.

-Ồ! Nó lắm! Nó lắm! Ông trưởng ty mới điện thoại cho tôi, báo cáo là bắt được rồi mà!

-Anh nói sao?

-Bắt được con mụ đó rồi. Đã giữ lại ty để mai điều tra, thế mà cái thằng này nó định làm trò gì đây. Anh cho tôi nói với nó.

Đạo gọi viên phó ty cảnh sát:

-Ông tỉnh trưởng muốn nói với ông.

Ông ta chồm lên cầm lấy ống nghe. Đạo không nghe rõ vị tỉnh nói gì, chỉ thấy viên phó ty gật đầu dạ lia lịa. Ông thấy tội nghiệp gã công bộc.

Ông ta dạ lớn lần chót rồi trao máy lại cho Đạo.

Đạo cầm lấy máy:

-Allo tôi nghe.

Tiếng vị tỉnh trưởng:

-Anh cảm phiền, tôi bảo nó rồi. Nó không biết ông xếp nó đã bắt được người đàn bà đó. Chắc nó đang sửa soạn ra về?

-Vâng. Cảm ơn anh lắm.

-Tôi phải xin lỗi anh mới đúng. Nó lắm. Lên đây chơi với tụi này. Canh phe lớn lắm. Có con mòng to tổ bố.

Đạo cười:

-Thôi cảm ơn anh. Để khi khác.

-Vâng hả. Thôi nhé.

-Vâng cảm ơn anh.

Đợi cho người bạn quan quyền gác máy xong. Đạo mới từ tốn quay lại. Ông ngậm lại điếu thuốc lên môi, không nói gì cả. Viên phó ty lơ ngơ hỏi lại:

-Bắt được người đàn bà đó rồi, phải không ông?

Đạo gật:

-Ông ngạc nhiên? Ông tỉnh vừa nói mà? Ông trưởng ty bắt được mới rồi, bắt được tức thì đây. Hiện mụ đó đang bị tạm giữ để mai điều tra.

Viên phó ty vẫn không hiểu:

-Lạ quá, không lẽ tôi lắm.

Sáu đã loáng thoáng hiểu rõ câu chuyện. Như thế là viên trưởng ty đã bắt lầm chứ không phải viên phó ty lắm. Anh ta thắc mắc không hiểu người đàn bà bị bắt oan là ai. Nhưng rất nhanh anh ta gạt bỏ sự thắc mắc để lợi dụng sự lơ ngơ của viên phó:

-Chắc ông phó lắm thật đấy. Có phải ông đang đi tìm bà Sương không?

-Chứ còn ai nữa.

Sáu làm bộ ngạc nhiên:

-Bà này không phải là Sương!

-Trời đất! Sao cái thằng này bảo phải?

Ông ta sừng sộ nắm áo người cảnh sát viên cặp kè bên cạnh Sáu:

-Chính mày theo ông Khương lên khách sạn Lệ Mai cứu bà Sương hôm trước phải không?

BÁC SĨ
NGUYỄN HOÀNG HẢI
 Y KHOA TỔNG QUÁT
 AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

ĐIỆN THOẠI: (408) 251-6127

210 N. JACKSON AVE., SUITE 20
 SAN JOSE, CA. 95116

-Dạ phải.

Đạo xen vào:

-Cái gì ông phó. Tại sao lại có ông Khương vào đây? Bà Sương làm sao lại phải cứu?

Viên phó ty kể lại cho Đạo nghe vụ Khương chạy tới ty yêu cầu cứu bà Sương. Ông ta khai bà ta bị Sáu hiếp dâm ở trong khách sạn Lệ Mai.

Sáu hùng hổ cãi:

-Tôi không hiếp ai hết. Ông Khương nói láo. Chứng cứ là lúc anh cảnh sát này vào phòng thì chúng tôi đang nói chuyện với nhau. Nếu hiếp bà ta, tôi đã ở tù một gông từ lâu rồi chứ đời nào còn được thả ra.

Trong lúc Đạo gật gù Sáu vội vã nói tiếp:

-Theo tôi biết, ông Khương ghét tôi lắm. Ông ta tìm đủ cách để xúi cảnh sát bắt tôi. Ông còn cho thủ hạ hành hung đuổi tôi ra khỏi Ban Mê Thuật nữa.

Đạo cười mỉa mai:

-Thì ra thế đấy, không biết ông phó có hay chuyện đó không?

Viên phó ty giận run người. Ông ta vẫn nắm ngực áo viên thuộc hạ đang sợ xệt xanh mặt:

-Sao mày! Té ra mày ăn tiền của thằng cha Khương?

-Oan tôi mà ông phó!

Ông ta hét:

-Thế còn bà ở trong nhà kia? Có phải bà Sương không? Có phải cái người ở trong phòng anh Sáu này không?

Y càng run:

-Dạ thưa ông phó, tôi cũng không nhớ rõ?

-A đ. má mày!

Viên phó ty tát tai người cảnh sát túi bụi hét:

-Mày hại tao? Mày hại tao mà!

Đạo can:

-Thôi ông phó bớt giận.

Ông ta buông tay, lảng nhãng:

-Vâng xin lỗi ông. Tôi lầm vì bọn chó chết này! Súyt nữa thì tôi bắt oan người vô tội. Mong ông tha thứ cho.

Không đợi Đạo nói, ông ta điếm mặt



PHỞ TÀU BAY L.T.T.#1

CHÍNH GỐC PHỞ TÀU BAY LÝ THÁI TỔ

Duy nhất tại hải ngoại: PHỞ TÀU BAY LÝ THÁI TỔ chính

Phục vụ khách sành ăn phở

PHỞ KHÔNG HỒI



BÁNH CUỐN
 TRÁNG TAY

Tel: (714) 531-6634

Địa Điểm:

3610 W. FIRST ST. # C
 SANTA ANA, CA 92703

Ngày Giờ Mở Cửa:

Thứ Ba tới thứ Bảy:

8:00 AM - 8:00 PM

Chủ nhật:

8:00 AM - 4:00 PM

Nghỉ ngày Thứ Hai.

viên cảnh sát:

-Mai mày chết! Mày sẽ lên mà trình với ông trưởng ty. Tội lỗi mày chịu hết!

Người cảnh sát đỏ hoe mắt. Anh ta khóc vì uất ức, vì sợ hãi, vì bị sỉ nhục.

Viên phó ty hăm hè:

-Hèn quá mày! Mày làm mày chịu chớ sao lại khóc.

Bất ngờ ông ta quay sang Sáu:

-Còn anh, sao ban nãy anh không nói gì cả.

Sáu cười nhạt, biết rằng viên phó ty đã bị gạt, nói:

-Tôi có được nói gì đâu! Tôi không thích xi-nê-ma cô-xong, ông lại cứ nắm cổ tôi kéo lên bắt coi. Tôi có thấy mặt bà ta là ai đâu.

Viên phó ty thấy nhột, quay lại chào Đạo:

-Thôi xin phép ông. Một lần nữa chúng tôi xin lỗi ông. Chẳng qua vì chúng tôi quá sốt sắng với phận sự.

Đạo chỉ cười khi đưa chân họ qua cổng đồn điền. Sáu ngừng lại ngang cổng, chào ông lần nữa. Ông lặng lẽ gạt đầu vờ vai anh ta, ra ý hiểu rõ lòng dạ anh. Nhờ anh mà Sáu không bị bắt.

Sáu thấy cõi mở trong lòng. Trong cuộc đời có lẽ chưa bao giờ anh cảm được một việc đẹp như vậy. Tuy thế lúc bị đẩy lên cái xe Jeep hai màu xanh trắng Sáu bỗng chôn ngó lại phía sau. Ánh đèn trong ngôi biệt thự vừa chợt tắt. Từ xa, qua khung cửa sổ, anh ta thấy một màu đỏ mờ mờ bật lên. Chắc Đạo vừa để lại đèn ngủ.

Viên phó ty để một thuộc hạ ngồi ở băng ghế sau xe canh giữ Sáu, còn ông ngồi bên cạnh người cảnh sát lái xe. Chiếc Jeep trở về Ban Mê Thuột vào lúc trời đã tối mịt.

Đọc được viên phó ty luôn mồm chửi rủa. Ông ta chửi Sáu, chửi hai thuộc viên và hăm he hài tội họ trước ông trưởng ty.

Xe chạy gần tới Ban Mê Thuột, ông vẫn giận dữ. Ông nói nữa:

-Hai thằng, thằng nào cũng tính hại tao hết. Tao đối đãi với tụi bây như thế nào mà tụi bây định hại tao hử?

-Thưa xếp. . . Người cảnh sát ngồi phía sau buột miệng. Viên phó ty hét lớn:

-Tổ nội mày chứ lại xếp! Mày vẫn xúi tao qua mặt ông trưởng đây mà.

-Thưa ông phó, em lỡ lời.

-Hừ, lỡ lời. Thế nào mày cũng mưu đồ hại tao chớ không phải chuyện chơi. Quả nhiên mày muốn tao qua mặt ông trưởng ty mà. Trong khi ông bắt được con mẹ đó rồi, mày lại chỉ trở tao bắt một người khác. Té ra mày định chơi tao đây.

Viên cảnh sát khổ sở biện bạch:

-Em đâu dám. Không hiểu sao chứ em tin con mẹ hiện đang ở trong đồn điền đúng là con mẹ Sáu.

Viên phó ty cười gằn:

-À, mày nhớ nhá. Vậy thì mày bảo ông trưởng ty làm phải không?

Anh ta hoảng kinh:

-Em van xếp!



TRẦN VĂN SƠN

BỐN MÙA

Nắng ôm lửa hạ về cổ xứ
Thu chết đông tro khóm trúc gãy
Đập nát cành hoa xuân báo tử
Cổ mộ còn in những dấu giày
Đánh Cờ

Bày ván cờ ta đánh với ta
Pháo đầu mã đội dậy phong ba
Qua sông hõn chiến đôi xe cản
Thắng-bại-hơn-thua cũng một nhà
Ngọn Nến

Mù mịt trùng dương sóng bủa vây
Quê nhà bóng núi khuất bờ mây
Khói hun mái rá thời gian giục
Ngọn nến nhân sinh thấp dọi ngày
Nhật Nguyệt

Nhật nguyệt chứa đầy bầu rượu
Bầu không nhật nguyệt còn không.

HUỲNH LIỄU NGAN

CUỐI NĂM MỘT MÌNH NÀM ĐỌC THƯ NHÀ

cuối năm rồi đó thưa em
vàng phai chút mộng rã mềm dậm khơi
từ đây thôi nhé một đời
nhìn mây trôi để nhớ người tình xa
cuối năm nhận được thư nhà
anh như thấy cõi phôi pha hiện về
cũng đành trăng nước lẽ thê
thương em hôm sớm ừ ề phận mình
trời ơi viễn xứ điều linh
hắt hiu triệu đám lục bình trôi sông
cuối năm mưa đổ lung trông
mùa xuân đất khách cực lòng lắm em
còn ai giàn trải nỗi niềm
cho anh với chút sầu đêm dọa đây.

VÕ THIÊM

ĐÊM CUỐI NĂM

Đêm cuối năm bên này trời rất lạnh
Giờ giao thừa ta đợi một mình ta
Đón Xuân sang gặm nhấm nhớ thương nhà
Trong men rượu có chút buồn phảng phất

Đêm cuối năm ở bên này trái đất
Nhớ quê hương lòng chợt thoáng niềm đau
Đất nước ta đầy bóng dáng quân Tàu
Niềm u uẩn như kéo dài năm tháng

Đã bao đêm ta mong ngày tươi sáng
Trở về quê thăm dấu vết tiền nhân
Ái Nam Quan treo đầu giặc bao lần
Ra hải đảo để tìm di tích cũ

Nhưng tất cả nay mây mù che phủ
Quê hương xưa sao cứ mãi xa xôi
Từ đảo xa đến thành thị núi đồi

Dấu chân giặc như trái dãi khắp nẻo

Đêm cuối năm nghe nổi lòng lạnh lẽo
Ôm cô đơn ta tự hỏi lòng ta
Cố quên đi nỗi khổ của quê nhà
Và phó mặc theo dòng đời êm ả?

Đêm cuối năm nơi quê người xứ lạ
Chợt vọng về bài Việt sử xa xưa
Lũy tre xanh chen lẫn với bóng dừa
Và ta hiểu cõi đi về đã định.
San Diego, Giao thừa Xuân Mậu Tý

TRẦN THIÊN HIỆP

TÔI VỀ ĂN TẾT VỚI LÀNG

Trống nêu, đốt pháo sân đình
Gái trai lễ phục cung nghinh kiệu Thần
Trống chiêng dồn dập múa lân
Bài chòi, leo cột, quây quần bầu cua
Trẻ em nô nức vui đùa
Các cụ nghiêm túc tranh đua cờ người
Mừng Xuân vang vang tiếng cười
Gái quê áo mới môi tươi má hồng
Xa nhà tôi những hoài mong
Về làng ăn Tết thấy lòng hân hoan
Xóm, thôn tin tưởng thành hoàng
Nét quê truyền thống vẹn toàn đón Xuân.
Phong Điền, Ngày đầu xuân

NGỌC BỘI

MỪNG THẮNG LONG NGHÌN TUỔI

Em đã khóc giữa một trời hạnh phúc
Khát mong đời hoa pháo nổ rộn say
Đêm trừ tịch rước xuân mừng đất tổ
Tay trong tay bái tạ phút xum vầy.
Em mừng anh mừng Thắng Long nghìn tuổi
Ôm tang thương cường nhược tháng ngày qua.
Giữ nếp quý bảo lưu truyền thống đẹp
Người tha hương trở lại nước non nhà.
Với niềm mong rỗng vàng ơn Thái Tổ
Đầy kinh thành triều Lý đánh xâm lăng
Bao phé hưng đầu biển bấy thắng trăm
Phá Tống bình Chiêm huy hoàng sử sách.
...
Ngày trở lại ôi! Nỗi niềm khôn tả
Con về đây bái vọng mẹ xa khơi
Tạ ơn mẹ hy sinh và cao cả
Truyền chữ tâm con chấp chững vào đời.

Hà Nội mới Ngũ hồ nơi phố cũ
Hồn My Châu Giếng Ngọc Cổ Loa xưa
Thành Hoàng Diệu năm cửa Ô bất khuất
Người Đồng Đa vang dội giữ cơ đồ.
Quốc Tử Giám thăng hoa nền đại học
Gác Khuê Văn quốc sĩ luyện binh thư
Tôi trở lại Thắng Long ghi nghìn tuổi
Kính đô này sẽ mãi nhớ Hoa Lư.*

Oregon [trích vài đoạn một bài thơ dài]

* Năm 1010 Lý Thái Tổ rời đô từ Hoa Lư ra Đại
La, thấy rồng lên, nên đổi tên là Thăng Long.

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Ave., suite #108 Westminster, CA 92683
(trong khu GBC International Bank)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 379-5072 ■ Fax: (714) 379-5074

"Chúc Mừng Năm Mới"

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- Các loại dược phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products)
- Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products)
- Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products)

BÁN và CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories)
- Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
- Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor)
- Các loại máy trị bệnh suyễn



**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, v.v...**

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 6:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 3:00PM

-Thôi khỏi nói nữa mày, tao biết mày muốn gì rồi, chắc thằng cha Khương nó cho mày nhiều tiền lắm. Từ hai hôm nay mày đâu có làm việc cho chính phủ! Mày làm việc cho nó không mà!

Viên cảnh sát ghen ngào không thể nói gì được nữa. Hai giò nước mắt trào ra trên khuôn mặt đen xạm.

Sáu kêu y, nói:

-Đừng khóc mất công. Nó nhất định hại anh mà.

Y nhìn anh ta ra ý hỏi. Sáu nói nhỏ:

-Anh nghe tôi đi. Chuyện tôi bàn với anh lúc chiều tối đó.

Vừa nói Sáu vừa lui cúi móc túi lấy ra tám ngàn phiếu năm chục ngàn mà Bedos đã viết cho Sương trong lúc gã bày đặt ra cuộc chạy đua với nàng tại đồn điền Mathieu. Anh ta chia tám ngàn phiếu cho viên cảnh sát.

-Anh cầm lấy đi. Năm chục ngàn. Với điều kiện anh mở còng cho tôi chạy.

-Nó giết tôi. Không anh cắt đi ngay. Tôi không dám làm đâu.

-Đằng nào nó cũng hại anh. Nó đang tìm cách đổ tội cho anh mà.

-Không, anh đừng làm thế.

Sáu cười nhạt, thương hại:

-Anh phải mở mắt ra mới được. Đằng nào anh cũng mất việc rồi. Anh là lính trơn, nó là phó ty, anh địch lại nó sao nổi. Không những mất việc mà còn bị truy tố ra tòa nữa.

Viên cảnh sát lo âu, ngó xuống tám ngàn phiếu mà Sáu vừa dúi vào tay anh ta, nửa muốn nhận, nửa muốn từ chối tới cùng.

Sáu thúc:

-Nếu anh mở còng, tôi sẽ có cách trốn về Saigon. Tôi hứa sẽ mang anh theo. Saigon có cả triệu người, không ai tìm ra anh đâu.

Người cảnh sát liếc lên bằng ghế trên. Viên phó ty vẫn ngồi im. Bên cạnh ông người thuộc viên vẫn chăm chú lái xe. Chiếc Jeep để đèn lớn chạy vù vù.

Sáu cố gắng thuyết phục người cảnh sát viên bất mãn:

-Tôi hứa giúp anh công việc một khi về Saigon. Đừng có sợ tôi còn cái xe traction đầu dưới gốc cây gần đồn điền Vũ Hà, mình sẽ lấy cái xe đó đi, ăn chắc.

Thấy anh ta còn hơi trù trừ, Sáu cố gắng lần chót:

-Chắc anh có vợ rồi?

-Chưa.

Sáu càng thúc:

-Thế thì còn sợ mẹ gì nữa. Một thân một mình chẳng liên lụy đến ai, lại còn giàu sang là khác. Tôi bảo đảm với anh mà. Nếu anh chưa bằng lòng ở hộp xe còn vài chục ngàn, tôi hứa sẽ chia cho anh một nửa. Chúng ta sẽ sắp cánh cùng làm lại cuộc đời.

Sáu đưa tám ngàn phiếu lần nữa vào tay người cảnh sát viên. Y lại gạt ra:

-Anh đừng buộc tôi làm vậy, nguy hiểm lắm.

Thình lình viên phó ty quay ngoắt

lại. Ông ta soi chiếc đèn bấm chiếu thẳng vào hai người.

-Dừng lại!

Chiếc Jeep đậu lại lề đường. Bị phanh gấp, bốn bánh cao su gần trên mặt nhựa. Viên phó ty nhảy xuống, đứng cách xe ba bốn thước hét:

-Tội bay xuống mau.

Sáu giấu vội tám ngàn phiếu vào túi. Viên phó ty nhìn thấy gọi:

-Đưa tao, mày.

-Thưa ông phó, cái này. . .

-Tao bảo đưa là đưa. Đ. má!

Sáu ngần ngừ. Anh ta thoáng có một ý nghĩ liều lĩnh:

-Thưa ông phó, cái này của tôi. Tất cả gia sản tôi còn có năm chục ngàn. Ông phó thông cảm cho.

-Sao, mày muốn thông cảm sao?

-Xin ông phó đừng hắt tội anh này.

Vừa nói, Sáu vừa chỉ viên cảnh sát canh giữ anh ta!

Ông ta ngạc nhiên:

-Giữa mày và nó có chuyện gì?

-Thưa không, đâu có chuyện gì. Tôi thấy tình cảnh anh ta tội nghiệp. Việc đã trót lỡ rồi, mà đã ngừng lại kịp, cũng không đến nỗi nào. Ông phó nên tha cho anh ta.

-Rồi sao?

Chính viên cảnh sát cũng ngạc nhiên không hiểu sao Sáu lại tốt với mình như vậy, Sáu nhìn anh ta nói:

-Về phần anh, anh cũng nên dễ dãi với tôi. Có khai gì, anh nên thông cảm cho tôi. Được nhẹ tội phần nào tôi cảm ơn anh ngàn ấy. Bù lại chắc ông phó ty cũng không nỡ hại anh.

Viên phó ty hất hàm, nhìn tám ngàn phiếu:

-Rồi sao nói coi.

Sáu tới gần ông ta, tới thật gần:

-Tối nay tôi bị bắt, đâu còn kịp lãnh số tiền này nữa. Nhờ ông phó giữ dùm, khi nào ra tù, tôi sẽ lại xin ông phó.

Viên phó ty hăm hè, nhưng không lớn tiếng:

-Hối lộ tao sao mày? Đâu được mày!

-Dạ không, tôi đâu dám thế. Chỉ nhờ

CÁC TIỆM SÁCH CÓ BÁN KHỞI HÀNH:

NHÀ SÁCH NAM Á, 44 avenue
d'IVRY, 75013, PARIS PHÁP
REX BARBER, 6757 WILSON
BLVD #2 (trong khu EDEN, VA
THIỆN NGÃ, 2929A MILAM ST,
HOUSTON, TEXAS
TRƯỜNG GIANG, 8200 WIDLCREST
DR #5 HOUSTON, TEXAS
BỐN PHƯƠNG Trung tâm băng
nhạc và các loại báo
5366 UNIVERSITY AVE,
SAN DIEGO

Tại Quận Cam, Khởi Hành có bán
tại nhà sách TỰ LỰC, ZIP POST,
TÚ QUỲNH, TỈNH NHỎ,
PHƯỚC HẠNH

ông phó giữ dùm. Vào tù bọn nó thế nào cũng lục soát lấy mất. Có khi cai tù nó thủ tiêu tôi mà lấy nữa. Tốt hơn tôi xin gửi ông phó, khi ra chỉ dám xin lại ông năm mươi ngàn cũng là quý rồi.

Ông ta cầm lấy tám ngàn phiếu:

-Đưa tao coi. Đồ không tiền bảo chứng sao mày?

-Có tiền mà, ông phó. Của Tây mà!

Ông ta chỉ làm bộ hỏi thế trong khi cắt nhanh tám ngàn phiếu vào túi; ông vừa đọc thấy hai chữ "Au porteur" (người cầm) trên chỗ người lãnh. Ông phát tay:

-Được rồi, lên xe đi!

Sáu nháy người cảnh sát khi chìa hai tay bị còng ra. Người cảnh sát hí hửng hỏi:

-Ông không thưa tôi nữa?

-Đã bảo xong rồi. Ông cầm năm chục ngàn rồi, thưa con mẹ gì được nữa.

Viên cảnh sát nhanh nhẹn mở còng cho Sáu. Cả bọn lên xe. Chiếc Jeep tiếp tục chạy.

[còn tiếp]

TIẾP TỤC TẶNG SÁCH KHI BẠN MUA DÀI HẠN KHỞI HÀNH

Khởi Hành là nguyệt san biên khảo, sáng tác, dịch thuật duy nhất hiện nay tại hải ngoại tồn tại được là nhờ ở bạn đọc mua báo, nhất là mua dài hạn. Mua dài hạn nguyệt san Khởi Hành là quý bạn một mặt mỗi tháng có một giai phẩm giá trị, mặt khác giúp duy trì một diễn đàn văn hoá truyền thống, bài vở nguyên thủy (không đăng nơi nào khác), hình ảnh tài liệu quý hiếm do sưu tầm nghiên cứu công phu và viết bởi các tác giả tên tuổi, uy tín. Bìa để giá 5 mk, nhưng mua dài hạn chỉ còn >3 mk, báo gửi bưu điện, hàng ba 44.50 mk, hàng nhất 61.50 mk một năm. Nếu đặt mua một lúc hai năm, chỉ có 84 mk hoặc 118 mk và được tặng sách (xin gửi thêm 8 mk cho bưu phí gửi sách tới bạn.) Xin chọn một trong những cuốn sau đây:

CHIẾU NIỆM VĂN CHƯƠNG hay MÃ LỘ của VIÊN LINH / LỊCH SỬ DÂN TỘC V.N. của PHẠM CAO DƯƠNG / MEKONG DÒNG SÔNG NGHÈN MẠCH sách hay Audio book của NGÔ THẾ VINH / VIỆT SỬ SIÊU LINH hay CÔNG THIÊN QUÉT MÂY hay MỎ GƯƠM DƯỚI ĐÁY THỜI GIAN của LƯU VĂN VINH / HỘ CHIẾU BUỒN hay CHUYỆN TÌNH DANG DỖ của THẾ DŨNG / MẤY NỀ ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT & CHỦ NGHĨA HUỲNH HỮU ỦY / TUYẾT XƯA của TRẦN NGỌC NINH / KHÓI SÓNG TRÊN SÔNG của NGUYỄN VĂN SÂM / TỰ TRUYỆN của ĐẶNG PHÙNG QUÂN / BẮT KHUẤT kịch bản dã sử Việt Nam của SONG THUẬN / THỔ: một trong các cuốn của TRẦN HỒNG CHÂU, CUNG TRẮM TƯỢNG, CAO TIÊU / TRONG DÒNG CẢM THỨC VĂN HỌC MIỀN NAM biên khảo của TRẦN VĂN NAM

Đặt mua Khởi Hành hai năm một lúc nếu bạn không muốn sách tặng, bạn cũng có thể lấy hai số báo cũ tặng, (chỉ trong khoảng từ số 2 tới số 146, tức là 12 năm đầu, mà thôi. Chưa tặng từ số 147 trở đi. Đã hết các số 1, 35.)

Khởi Hành

NGUYỆT SAN VĂN HÓA VĂN HỌC LỊCH SỬ
AN ARTS AND LETTERS MONTHLY REVIEW

VIÊN LINH

PUBLISHER, EDITOR-IN-CHIEF

mailing address:
P.O. BOX 670
MIDWAY CITY
CA 92655



ĐIỆN THOẠI: (714) 891-2805
email: phamcongh@yahoo.com

Thư ký Tòa Soạn: NGUYỄN TÀ CÚC

Biên tập, tranh vẽ, minh họa, hình ảnh, kỹ thuật: THÁI TUẤN ■ DUY THANH ■ NGỌC DŨNG ■ CHOÊ ■ LÊ TÀI ĐIỀN ■ VÕ ĐÌNH ■ ĐÌNH CƯỜNG ■ TÂM HỮU ■ NGUYỄN THỊ HỢP ■ NGUYỄN ĐỒNG ■ HUỲNH HỮU UY ■ TRẦN VĂN NAM ■ THẾ DŨNG ■ BUI NGỌC TUẤN ■ NGUYỄN NGHIỆP HOA ■ ANH THÀNH ■ BÀ TRẦN THÚC VŨ ■ NGỌC CHÂM ■ VƯƠNG NGUYỄN ■ PHAN ĐIỀN ■ TRANG LUÂN ■ AN TIÊM ■ NGUYỄN LƯƠNG VY ■ KHÁNH MINH ■ Trình bày: THẦY CỎ CA HÁT ■ Trị sự: NGUYỄN NAM

ESTABLISHED: 5.1969, SAIGON, VIETNAM
REPUBLICED: 1996, LITTLE SAIGON, CA., U.S.A.

Toà soạn: 9311 KRAMER AVE, LITTLE SAIGON, CALIFORNIA ■ Điện thoại: (714) 891-2805 ■ (Thư từ vui lòng gửi qua Hộp thư Bưu điện ở trên. Không bảo đảm nếu gửi về các địa chỉ khác.)

Giá Rates: 1 số, single copy: \$5.00 ■ Dài hạn: 1 year subscription: \$44.50 (bulk mail) or \$61.50 (1st class) Báo cũ Back Issue: \$5.50 a copy. Bộ Collection: first twelve years (11.1996-11.2008, 146 issues): \$415.00 plus \$45.00 mailing (inside U.S.A.).

Giá các số cũ: 5.50 mk một số.

Tại toà soạn chỉ bán mười số trở lên: 5.00 mk/số.
(số 1, số 35 chỉ có bản copy dạng pdf)

SUBSCRIPTION RATES

U.S. RATES: Single copy: \$5.00

\$44.50/1year, bulk rate ■ \$61.50/1 year, 1st class rate ■ Back Issue: \$415.00 for the first twelve years (146 issues), plus \$45 mailing fee (in U.S.A. only).

FOREIGN RATES: By Airmail only

For a 1-year subscription: ■ CANADA: \$65.50 ■ EUROPE: \$85.00 ■ ASIA, AUSTRALIA, AFRICA: \$90.00. ■ Back Issue: \$415 for the first twelve years, plus \$45 mailing fee. Single copy: \$8.00, by airmail.

Chi phiếu, bài vở, thư từ gửi về:

Mail, check, money order should be addressed to

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA 92655

MUỐN TÌM TÊN TÁC GIẢ, BÀI VỞ ĐÃ ĐĂNG TRÊN KHỞI HÀNH 10 NĂM ĐẦU, XEM BẢN TỔNG MỤC LỤC MƯỜI NĂM 1996-2006 (16 TRANG) IN KÈM TRONG SỐ 144, THÁNG 10. 2008.
[Với 3 mk, bạn sẽ nhận được bản Tổng Mục Lục gửi qua bưu điện.]

Tạp chí Văn học Nghệ thuật *Khởi Hành* xuất bản số đầu tiên tại Sài Gòn vào tháng 5.1969, là một tuần báo, ra đến số 156 thì đình bản. *Khởi Hành* tục bản tại California, Hoa Kỳ, vào tháng 11.1996, trở thành tờ Nguyệt san Văn Hoá Văn Học Lịch Sử, chú trọng trước hết tới việc phục hồi những giá trị khai phá và tạo dựng được của Miền Nam từ 1954 tới 1975, đánh giá lại và bảo tồn di sản Văn Học ấy, khôi phục và bảo vệ danh dự, tác phẩm cho các nhà văn trong tù ngục, trong các trại tập trung; chiêu niệm những án mệnh thống khổ của những người cầm bút từng phản kháng cường lực ngoại xâm cộng sản, giữa những nông trường khổ sai hay trên đường lưu vong siêu tán, những người, những tác phẩm mà một nửa Đất Nước đã tạo thành, đã nuôi dưỡng, đã mang vóc dáng và tâm thức Việt Nam truyền thống. ■ Trước sau từ lúc xuất hiện ở trong nước 1969-1973, cho tới nay tại hải ngoại, tạp chí *Khởi Hành* vẫn chỉ do tác giả Viên Linh chủ biên. Vào nghề báo từ năm 1955, ông còn là nhà văn duy nhất được trao Giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc, Việt Nam Cộng Hòa, hai lần, 1972 và 1974, cho hai trong số hai mươi tác phẩm đã xuất bản của ông từ trước 1975: *Con Đường Ngựa Chạy* (kịch), và *Gió Thấp* (tân truyện, giải nhất). ■ *Khởi Hành* thực hiện hầu như mỗi số một chủ đề. Trong mười ba năm đầu, qua 158 số báo, (hiện đang ở năm thứ XIV), khoảng hơn 100 chủ đề đã thực hiện, từ văn chương tới nghệ thuật, từ sử cận đại tới các vấn đề nhân văn, thời thế, những bí mật chính trị, chiến tranh Việt Nam. ■ *Khởi Hành* trực diện và lên tiếng trước những bất công, kỳ thị trong lãnh vực văn hoá, xuất bản, trong giới cầm bút làm báo hay viết văn. ■ Một *Giải Văn Chương Khởi Hành* cũng đã được thành lập, trị giá 3000 mk, trao hai năm một lần, cho tác giả nổi bật trong năm, trong hay ngoài nước. Năm 2005, nhà văn Nguyễn Thụy Long ở Sài Gòn được giải. Năm 2007, nhà thơ Hữu Loan ở Thanh Hóa được giải. Giải năm 2009 sẽ được trao cho nhà văn Văn Quang. ■ *Khởi Hành* được gửi tới tay bạn đọc, đa số là bạn đọc dài hạn, chủ yếu bằng đường bưu điện. Mỗi số báo chỉ có vài trang quảng cáo, còn lại là bài vở nguyên thủy, không trùng lặp với bất cứ tờ báo nào. ■ Mỗi số báo *Khởi Hành* là một giai phẩm được thực hiện công phu, nhiều hình ảnh và chú thích cận kề, bởi lòng yêu nghề và để gửi tới những độc giả tri âm yêu tiếng Việt, yêu tổ quốc Việt, yêu sự trong sáng và quý trọng con người. ■ *Khởi Hành* hiện không ở trong bất cứ một tổ chức nào, tồn tại hoàn toàn là do độc giả mua báo. ■

CÒN BÙ BỘ TỪ SỐ 1 ĐẾN SỐ 146 (12 NĂM ĐẦU)
GIÁ 415 MK + \$45 BƯU PHÍ TẠI NỘI ĐỊA HOA KỲ

KHỞI HÀNH TIẾP TỤC TẶNG SÁCH
CHO ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN

YÊU VĂN HỌC ĐỌC KHỞI HÀNH
HỒN QUỐC NGŨ, CHỮ QUÊ TA

Khởi Hành là nguyệt san biên khảo lịch sử văn hoá văn học, sáng tác dịch thuật văn chương duy nhất hiện nay tại hải ngoại tồn tại được là nhờ ở bạn đọc mua báo, nhất là mua dài hạn. ■ Mua dài hạn nguyệt san *Khởi Hành* là quý bạn một mặt mỗi tháng có một giai phẩm giá trị, mặt khác giúp duy trì một diễn đàn văn hoá truyền thống, bài vở nguyên thủy (không đăng nơi nào khác), hình ảnh tài liệu quý hiếm do sưu tầm nghiên cứu công phu bởi các tác giả tên tuổi, uy tín. ■ Bia để giá 5 mk, nhưng mua dài hạn chỉ còn >3 mk, báo gửi bưu điện, hạng ba 44.50 mk, hạng nhất 61.50 mk một năm. ■ Nếu đặt mua một lúc hai năm, chỉ có 84 mk hoặc 118 mk và được tặng sách (xin gửi thêm 8 mk cho bưu phí gửi sách tới bạn.) Có thể chọn một trong những cuốn sách in trong danh sách các sách tặng.

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)

xuất bản và trân trọng giới thiệu tác phẩm

Nghệ thuật tạo hình Việt Nam Hiện Đại

Tác giả: **Huỳnh Hữu Ủy**

Đến 600 trang, nhiều màu sắc, hình ảnh và một trình tự logic của sự phát triển nghệ thuật. Đặc biệt, nên nghệ thuật của miền Nam từ 1945 đến 1975 và sự phát triển của nghệ thuật Huỳnh Hữu Ủy từ 1975 đến nay. Đây là một tác phẩm không thể thiếu cho người nghiên cứu và người yêu nghệ thuật Việt Nam hiện đại.

"Đây là một công trình tâm huyết. Tác giả đã bỏ ra hơn 10 năm để sưu tập và viết, một công trình, một tác phẩm của một người xuất sắc." (Nhà văn Văn) nói

"Nhờ ở phong cách rất tài hoa của ông, Huỳnh Hữu Ủy có thể chuyển tải vẻ đẹp của tác phẩm đến người đọc, khi ông phải đối diện với những biến đổi của lịch sử và văn hóa, văn chương, làm khiếm khuyết. Đó là cách tốt nhất để tái tạo các vẻ đẹp từ nghệ thuật tạo hình qua dòng chảy của thời gian." (Nhà báo Phạm Phú Minh)

Triển lãm chủ đề HỘI NGỘ với tác phẩm của: Ann Phong, Bà Kỳ, Bửu Chí, Cao Bá Minh, Dương Văn Hùng, Đinh Cường, Đỗ Chương, Lê, Hoàng Tường, Hoàng Ngọc Phách, Lê Anh, Lê Thành Đức, Khánh Trường, Lê Bá Đông, Lương Văn Tý, Mai Chông, Nguyễn Đỗ, Nguyễn Khai, Nguyễn Đình Thuận, Nguyễn Đông, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Trung, Nguyễn Văn Nghi, Nguyễn Văn Hùng, Hùng, Hoàng, Hoàng, Trương Thị Thịnh, Vũ Cao Đàm

Giờ mở cửa phòng tranh:
Từ 30 tháng Một
đến 4 tháng Hai, 2010
Thứ Bảy: 2:00 pm – 7:00 pm;
Chủ Nhật: 11:00 am – 7 pm;
ngày thường:
1:00 pm – 6:00 pm

Chương trình ngày thứ Bảy 30 tháng Một, 2010:

Khám nghiệm triển lãm Hội Ngộ: 2:00 pm
Hàng sách: từ 3:00 pm – 5:00 pm
Diễn giả: Viên Linh, Trịnh Dung, Mắc Lâm, và Ann Phong
Tiệc trà/Artists' Reception: 6:00 pm – 7:00 pm
Địa điểm: Hội trường Người Việt, 14771 Moran Street, Westminster
Vào cửa miễn phí.

Liên lạc: **VAALA (714) 893-6145; Website: www.vaala.org**

Khởi Hành

NGUYỆT SAN VĂN HOÁ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

AN ARTS AND LETTERS MONTHLY REVIEW

VIÊN LINH
PUBLISHER, EDITOR-IN-CHIEF

mailing address:

P.O. BOX 670
MIDWAY CITY
CA 92655 USA
Tel: (714) 891-2805
Tel: (714) 235-7137

PRESORTED STANDARD

U.S. POSTAGE PAID
HUNTINGTON BEACH CA
PERMIT NO 2049

This JAN-FEB 2010 magazine
To our subscriber:



VOLUME XIV ■ №159&160 ■ JAN.&FEB. 2010 ■ giá 6 mk

TỰ LỰC

nhà sách của bạn



trân trọng
giới thiệu

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong Tủ Sách Gia Đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, Nghiên cứu Phê bình Văn, Sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật, Thẩm mỹ, Tử vi, Phong thủy, Tập quán, Giáo dục, cùng nhiều thứ khác.

Đầy đủ các băng Video, CD, DVD, cát-xét ca nhạc nổi tiếng mọi loại vừa phát hành đã có bán

14318 BROOKHURST ST
GARDEN GROVE, CA 92843

TEL: 714/531-5290

FAX: 714/531-2280

xin mời ghé trang nhà

website:

www.tuluc.com

email:

buybooks@tuluc.com

- VỚI NHỮNG KỆ SÁCH LỚN VÀ ĐẦY ĐỦ CÁC THỂ LOẠI
- VỚI NHỮNG TỜ BÁO ĐẶC SAN CỦA MỌI NGÀNH NGHỀ
- VỚI NHỮNG BỘ TỪ ĐIỂN LỚN NHỎ THUỘC NHIỀU NGÔN NGỮ, ĐA DIỆN, CỔ CŨNG NHƯ TÂN
- VỚI MỘT RỪNG DVD, CD, VIDEO CHỌN LỌC

Chúc
Mừng
Năm
mới

Cùng sự tiếp đãi ân cần, lịch sự,
Trong một cửa tiệm rộng rãi
khang trang, sáng sủa như một
thư viện ngoại quốc

TỰ LỰC, NHÀ SÁCH CỦA BẠN
dù bạn vừa từ phương xa tới Quận Cam

WWW.tuluc.com / email: buybooks@tuluc.com